

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



LƯU KHÁNH LINH

**MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP
THEO CHUẨN ĐẦU RA CHO SINH VIÊN
KHỐI NGÀNH KINH TẾ**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH GIÁO DỤC HỌC**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



LƯU KHÁNH LINH

**MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO
CHUẨN ĐẦU RA CHO SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ**

NGÀNH GIÁO DỤC HỌC

Người hướng dẫn khoa học

- 1. TS. Phan Long**
- 2. PGS. TS. Võ Văn Lộc**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 2:

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu và kết quả nghiên cứu ghi trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kì một công trình nào khác.

Tác giả luận án

Lưu Khánh Linh

LỜI CẢM ƠN

Trước hết tôi xin trân trọng cảm ơn TS. Phan Long và PGS. TS. Võ Văn Lộc đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ, động viên, đồng hành cùng tôi trong suốt quá trình nghiên cứu luận án.

Tôi cũng xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Thầy Cô là các nhà khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục; Ban giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị phòng ban, lãnh đạo các khoa chuyên môn và giảng viên đang công tác tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Tài chính – Marketing đã tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tôi trong quá trình khảo sát nghiên cứu thực trạng và kiểm nghiệm kết quả nghiên cứu, đồng thời đóng góp những ý kiến quý báu giúp tôi hoàn thiện luận án một cách tốt nhất.

Tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý đồng nghiệp và các em sinh viên thân thương ở các trường đại học đã nhiệt tình hỗ trợ tôi trong quá trình thực hiện luận án.

Cuối cùng, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến gia đình đã tạo điều kiện về tinh thần để tôi tập trung nghiên cứu, hoàn thành luận án.

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2022

Tác giả luận án

Lưu Khánh Linh

TÓM TẮT

Đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra có vai trò và tầm quan trọng trong quá trình đào tạo, nhất là hiện nay giáo dục đại học đang chuyển sang hướng tiếp cận năng lực. Kết quả học tập là thành quả đạt được của sinh viên trong quá trình học tập, nó phản ánh mức độ đáp ứng yêu cầu học tập theo định hướng chuẩn đầu ra. Đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra là quá trình thu thập, xử lý và phân tích thông tin về kết quả học tập để xác định mức độ đạt chuẩn đầu ra. Kết quả đánh giá đảm bảo tính giá trị và độ tin cậy, phản ánh được mức độ kỳ vọng về chuẩn đầu ra, về trình độ năng lực thực tế và sự tiến bộ trong học tập của sinh viên. Đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra phải đảm bảo đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra, đảm bảo tính khách quan công bằng, đảm bảo tính toàn diện, đảm bảo tính hệ thống, đảm bảo tính phát triển của một chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra đảm bảo sự liên kết có định hướng với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra học phần.

Khảo sát thực trạng về đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành kinh tế cho thấy hoạt động này còn nhiều bất cập, chưa đánh giá được mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Xuất phát từ nhiều nguyên nhân, đặc biệt là quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần chưa được thực hiện bài bản, đầy đủ các bước.

Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần được xem là một cấu trúc thể hiện sự liên kết giữa thành tố đánh giá kết quả học tập và thành tố chuẩn đầu ra học phần. Mô hình khái quát quy trình triển khai thực hiện đánh giá kết quả học tập trong mối liên hệ với chuẩn đầu ra học phần nhằm đo lường mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần, đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên khi hoàn thành học phần. Do vậy, chuẩn đầu ra học phần cần được chi tiết hơn nữa thông qua việc xác lập các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra học phần. Các chỉ số này cụ thể hóa đến từng nội dung cốt lõi của bài học.

Quy trình triển khai đánh giá kết quả học tập theo Mô hình mà tác giả luận án đề xuất gồm 5 bước. Qua kiểm nghiệm Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần cho thấy khi thực hiện các bước quy trình nêu trên, giảng viên có thể đánh giá mức độ sinh viên đạt hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra học phần qua kết quả của các chỉ số. Qua kiểm nghiệm và lấy ý kiến của chuyên gia cho thấy Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần hoàn toàn khả thi và hiệu quả khi vận dụng vào thực tiễn đánh giá kết quả học tập trong giảng dạy đại học.

ABSTRACT

Assessment of learning results using course learning outcomes plays an important role in teaching a course, especially as higher education is shifting towards a competency-based approach. Learning results refer to students' achievements during the learning process, reflecting the level of learning requirements that have been met in accordance with the course learning outcomes. Assessment of learning results using course learning outcomes refers to the process in which information about the learning results of a course in the curriculum is collected, processed, and analyzed to determine the extent that the course learning outcomes have been reached. Assessment results ensure validity and reliability, reflecting the expectations of the course learning outcomes as well as students' actual competency levels and academic progress. Assessment of learning results using course learning outcomes must be able to measure the extent to which the course learning outcomes have been met, ensuring the objectivity, fairness, comprehensiveness, systematicity, and development of a curriculum. Assessment of learning results using course learning outcomes must ensure a proper alignment with the lesson objectives.

Surveys on the actual assessment of learning results of students majoring in economics reveal several shortcomings. For many reasons, establishing the connections between elements during the teaching process to implement effective learning result assessment, in other words, assessment of the extent to which students have met the course learning outcomes remains impractical.

The learning result assessment model based on course learning outcomes is considered a structure showing the connections between the elements of learning result assessment and course learning outcomes. This model provides an overview of the process of implementing learning result assessment in relation to course learning outcomes to measure the extent to which students have met the course learning outcomes, evaluating their knowledge, skills, and attitude upon completion of the course. Therefore, course learning outcomes should be further elaborated by

developing indicators for assessing the learning outcomes of particular courses. These indicators are specific to each core lesson content.

The process for implementing learning result assessment based on the model proposed by the author of this dissertation includes 5 steps. Through experimenting with this model for assessing learning results using course learning outcomes, it shows that when implementing the steps mentioned above, teachers can assess the extent to which students have or have not met the course learning outcomes by results from the indicators. Opinions of teachers and education experts have confirmed that this model for assessing learning results using course learning outcomes is highly feasible and appropriate when applied to the actual assessment of learning results in higher education.

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
TÓM TẮT	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	xiii
DANH MỤC CÁC BẢNG	xiv
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ	xvii
DANH MỤC CÁC HÌNH	xviii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	3
3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu	3
4. Phạm vi nghiên cứu	3
5. Giới hạn đề tài	4
6. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
7. Câu hỏi nghiên cứu.....	4
8. Giả thuyết khoa học	5
9. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.....	5
9.1. Phương pháp tiếp cận.....	5
9.1.1. Tiếp cận hệ thống - cấu trúc.....	5
9.1.2. Tiếp cận mục tiêu	5
9.1.3. Tiếp cận thực tiễn.....	5
9.2. Phương pháp nghiên cứu.....	6
9.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết.....	6
9.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn.....	6
9.2.3. Phương pháp thống kê toán học.....	7
9.2.4. Phương pháp kiểm nghiệm kết quả.....	8
10. Những đóng góp mới của đề tài	8

11. Cấu trúc luận án.....	8
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO CHUẨN ĐẦU RA TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	10
1.1. Các nghiên cứu về mối liên hệ giữa đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình.....	10
1.2. Các nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập ở trình độ đại học	16
1.3. Các nghiên cứu về mô hình đánh giá kết quả học tập ở trình độ đại học	20
Kết luận Chương 1	27
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ	28
2.1. Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu	28
2.1.1. Chuẩn đầu ra học phần	28
2.1.2. Kết quả học tập	29
2.1.3. Đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	29
2.1.4. Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	31
2.2. Lý luận về chuẩn đầu ra học phần	31
2.2.1. Cấu trúc của chuẩn đầu ra học phần.....	31
2.2.2. Yêu cầu của chuẩn đầu ra học phần.....	32
2.2.3. Vai trò của chuẩn đầu ra học phần.....	32
2.2.4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra bài học.....	33
2.2.5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với mục tiêu học phần.....	35
2.3. Lý luận về đánh giá kết quả học tập.....	36
2.3.1. Mục đích của đánh giá kết quả học tập	36
2.3.2. Chức năng của đánh giá kết quả học tập.....	37
2.3.3. Yêu cầu của đánh giá kết quả học tập	39
2.3.4. Các bước cơ bản của quá trình đánh giá kết quả học tập.....	41

2.4. Lý luận về đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	43
2.4.1. Tầm quan trọng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	43
2.4.2. Yêu cầu của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	43
2.4.3. Nội dung đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	44
2.4.4. Công cụ và tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	45
2.4.5. Hình thức đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	49
2.4.6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	51
2.4.7. Các bước triển khai đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	58
2.4.8. Quy trình thiết kế bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu	59
ra học phần	
2.5. Lý luận về mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc	
chương trình đào tạo ngành kinh tế.....	63
2.5.1. Cơ sở thiết kế mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học	
phần thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế	64
2.5.2. Các yếu tố cấu trúc Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra	
học phần ngành kinh tế	66
Kết luận Chương 2	70
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO	
CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH	
KINH TẾ	72
3.1. Tổ chức khảo sát	72
3.1.1. Mục đích khảo sát	72
3.1.2. Nội dung khảo sát.....	72
3.1.3. Phương pháp khảo sát.....	76

3.1.4. Công cụ và thang đo kết quả khảo sát.....	76
3.1.5. Phương pháp chọn mẫu và đối tượng khảo sát:.....	77
3.2. Kết quả khảo sát.....	79
3.2.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	79
3.2.2. Thực trạng đáp ứng các yêu cầu của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	81
3.2.3. Thực trạng nội dung đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	82
3.2.4. Thực trạng công cụ đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	84
3.2.5. Thực trạng hình thức đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	85
3.2.6. Thực trạng phương pháp đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	86
3.2.7. Thực trạng quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	88
3.2.8. Thực trạng thiết kế bài kiểm tra, bài thi đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	96
3.3. Phân tích, đánh giá chung về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	98
3.3.1. Phân tích, đánh giá chung.....	98
3.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế.....	101
Kết luận Chương 3.....	102
CHƯƠNG 4: MÔ HÌNH VÀ KIỂM NGHIỆM MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ.....	104
4.1. Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế.....	104

4.1.1. Mối liên hệ các thành tố của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần chương trình đào tạo ngành kinh tế.....	106
4.1.2. Qui trình triển khai Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần ngành kinh tế	108
4.2. Kiểm nghiệm Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc ngành kinh tế	114
4.2.1. Mục tiêu kiểm nghiệm.....	114
4.2.2. Nội dung kiểm nghiệm	114
4.2.3. Thang đo đánh giá kết quả kiểm nghiệm	114
4.2.4. Phạm vi kiểm nghiệm.....	114
4.2.5. Đối tượng tham gia kiểm nghiệm	116
4.2.6. Phương pháp tiến hành kiểm nghiệm.....	116
4.2.7. Tổ chức kiểm nghiệm Mô hình.....	116
4.3. Kết quả lấy ý kiến của chuyên gia về tính khả thi, hiệu quả của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần ngành kinh tế	134
4.3.1. Kết quả lấy ý kiến qua phiếu hỏi	134
4.3.2. Kết quả phỏng vấn sâu chuyên gia.....	137
Kết luận chương 4	141
KẾT LUẬN - KHUYẾN NGHỊ	143
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	147
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	154
PHỤ LỤC	156
Phụ lục 1: Phiếu lấy ý kiến giảng viên về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	157
Phụ lục 2: Phiếu lấy ý kiến cán bộ quản lý về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	166
Phụ lục 3: Phiếu lấy ý kiến sinh viên về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	175

Phụ lục 4: Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric) bài tập cá nhân, học phần Luật thương mại quốc tế.....	179
Phụ lục 5: Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric) bài tập nhóm học phần Luật thương mại quốc tế.....	181
Phụ lục 6: Bộ câu hỏi kiểm tra, thi học phần Luật thương mại quốc tế	184
Phụ lục 7: Kết quả đánh giá học phần Luật thương mại quốc tế.....	198
Phụ lục 8: Thống kê số lượng sinh viên đạt yêu cầu đối với tất cả các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế.....	206
Phụ lục 9: Thống kê các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần có sinh viên chưa đạt yêu cầu.....	209
Phụ lục 10: Phiếu lấy ý kiến chuyên gia về tính khả thi, hiệu quả của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra ngành kinh tế.....	213
Phụ lục 11: Phiếu phỏng vấn chuyên gia về tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế.....	217
Phụ lục 12: Biên bản phỏng vấn sâu chuyên gia về tính khả thi và tính hiệu quả của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	220
Phụ lục 13: Kết quả xử lý SPSS dữ liệu khảo sát cán bộ quản lý về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	228
Phụ lục 14: Kết quả xử lý SPSS dữ liệu khảo sát giảng viên về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	245
Phụ lục 15: Kết quả xử lý SPSS dữ liệu khảo sát sinh viên về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	259
Phụ lục 16: Kết quả xử lý SPSS dữ liệu khảo sát tổng hợp (CBQL-GV-SV) về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	266
Phụ lục 17: Kết quả xử lý SPSS dữ liệu lấy ý kiến chuyên gia về tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần....	280

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
AUN-QA	Asian University Network-Quality Assurance Mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học Đông Nam Á
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐR	Chuẩn đầu ra
CĐRHP	Chuẩn đầu ra học phần
CTDH	Chương trình dạy học
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCHP	Đề cương học phần
ĐTB	Điểm trung bình
ĐLC	Độ lệch chuẩn
GV	Giảng viên
KQHT	Kết quả học tập
TNKQ	Trắc nghiệm khách quan
PI	Performance Indicator – chỉ số đánh giá
SV	Sinh viên
SVTN	Sinh viên tốt nghiệp

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo các khối kiến thức	34
Bảng 2.2. Ma trận mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	35
Bảng 2.3. Ma trận mối liên kết giữa chuẩn đầu bài học với chuẩn đầu ra học phần	35
Bảng 2.4. Ma trận giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần	36
Bảng 2.5. So sánh sự khác nhau giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết	50
Bảng 2.6. So sánh phương pháp trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan...	54
Bảng 2.7. Các hoạt động kiểm tra đánh giá theo cấp độ tư duy	56
Bảng 2.8. Khung ma trận đề thi đánh giá tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.....	60
Bảng 2.9. Khung ma trận đề thi đánh giá tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	60
Bảng 3.1. Thông tin về cơ sở giáo dục tham gia khảo sát.....	77
Bảng 3.2. Cỡ mẫu khảo sát đối với giảng viên, sinh viên.....	77
Bảng 3.3. Đặc tính cơ bản của mẫu giảng viên	78
Bảng 3.4. Đặc tính cơ bản của mẫu sinh viên.....	79
Bảng 3.5. Đặc tính cơ bản của mẫu cán bộ quản lý.....	79
Bảng 3.6. Thực trạng nhận thức tầm quan trọng của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	79
Bảng 3.7. Thực trạng đáp ứng các yêu cầu của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	82
Bảng 3.8. Thực trạng nội dung đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	82
Bảng 3.9. Thực trạng công cụ đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	84
Bảng 3.10. Thực trạng hình thức đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	86

Bảng 3.11. Thực trạng phương pháp đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	87
Bảng 3.12. Thực trạng quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	88
Bảng 3.13. Thực trạng thực hiện Bước 1 của quy trình đánh giá đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	89
Bảng 3.14. Thực trạng thực hiện Bước 2 của quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	90
Bảng 3.15. Thực trạng thực hiện Bước 3 của quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	92
Bảng 3.16. Thực trạng thực hiện Bước 4 của quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần	95
Bảng 3.17. Thực trạng thiết kế bài kiểm tra, bài thi	97
Bảng 4.1. Ma trận mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần	109
Bảng 4.2. Mối liên kết giữa các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra với nội dung cụ thể của bài học	110
Bảng 4.3. Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần.....	112
Bảng 4.4. Thống kê, đánh giá mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần	113
Bảng 4.5. Các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế.....	117
Bảng 4.6. Nội dung chủ đề học tập đáp ứng các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế	120
Bảng 4.7. Nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức đánh giá phù hợp với các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế....	126
Bảng 4.8. Hệ thống bài đánh giá KQHT theo các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế	128

Bảng 4.9. Thống kê chuẩn đầu ra học phần và nội dung học phần chưa đạt yêu cầu	131
Bảng 4.10. Mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần của sinh viên	132

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Nhận định chung về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	98
Biểu đồ 4.1. Số lượng, tỷ lệ sinh viên đạt điểm học phần và đạt chuẩn đầu ra học phần	129
Biểu đồ 4.2. Kết quả các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế.....	130
Biểu đồ 4.3. Thống kê số sinh viên chưa đạt các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế	130
Biểu đồ 4.4. Kết quả lấy ý kiến chuyên gia qua phiếu hỏi về tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình.....	136

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1. Mối liên hệ giữa 3 yếu tố trong quá trình dạy học	10
Hình 1.2. Mối liên hệ đánh giá kết quả học tập với hoạt động dạy – học, chuẩn đầu ra học phần.....	11
Hình 1.3. Nguyên tắc tương thích có định hướng.....	12
Hình 1.4. Quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.....	13
Hình 1.5. Mối liên kết giữa chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo	14
Hình 1.6. Tác động giữa 2 chủ thể thực thi chương trình	15
Hình 1.7. Mô hình giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra.....	15
Hình 1.8. Mô hình đánh giá kết quả học tập tích hợp với đánh giá rà soát chương trình dạy học.....	21
Hình 1.9. Mô hình quá trình đánh giá kết quả học tập qua phản hồi từ các bên liên quan	22
Hình 1.10. Chu trình đánh giá kết quả học tập	23
Hình 1.11. Các yếu tố cấu trúc trong mô hình đánh giá kết quả học tập theo năng lực ..	24
Hình 1.12. Mô hình đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực sinh viên trong đào tạo tín chỉ	25
Hình 2.1. Các cấp độ chuẩn đầu ra.....	33
Hình 2.2. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập.....	52
Hình 2.3. Sự gắn kết giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và học phần, chuẩn đầu ra học phần.....	66
Hình 2.4. Các yếu tố cấu trúc trong Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần.....	67
Hình 4.1. Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế	105
Hình 4.2. Sơ đồ tổ chức kiểm nghiệm.....	117

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

1.1. Từ một thập niên trở lại đây, nền giáo dục và đào tạo Việt Nam được sự quan tâm rất lớn từ xã hội và các cơ quan quản lý nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã chỉ rõ trong Nghị quyết 29-NQ/TW ban hành ngày 04/11/2013 là: “đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là khoa học giáo dục và khoa học quản lý”. Đây là nội dung quan trọng, định hướng việc đổi mới giáo dục, đào tạo. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI cũng chỉ rõ “đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học (sau đây gọi là sinh viên - SV); đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội”. Quán triệt thực hiện nội dung chỉ đạo của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) đã có những đột phá trong khâu quản lý, điều hành, triển khai đổi mới giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học. Theo đó, Thủ tướng chính phủ và Bộ GD&ĐT đã ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành và văn bản hướng dẫn cho cơ sở giáo dục đại học làm hành lang pháp lý cho việc đổi mới giáo dục theo định hướng năng lực, chú trọng giáo dục đáp ứng được chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo.

1.2. Thực tiễn giáo dục đại học hiện nay đang theo xu thế tất yếu đó là chuyển sang mô hình giáo dục theo năng lực mà cụ thể hơn là giáo dục định hướng CĐR. Với định hướng giáo dục CĐR, việc xây dựng nội dung chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá SV đáp ứng các yêu cầu của CĐR được xem là một sự đổi mới nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Đồng thời, với cơ chế tự chủ trong giáo dục đại học, yêu cầu các cơ sở giáo dục không chỉ minh bạch, công khai CĐR chương trình đào tạo cho SV và các bên liên quan biết mà còn phải cung cấp

minh chứng SV tốt nghiệp đạt được những CDR nào của chương trình đào tạo đã tuyên bố với xã hội.

1.3. Trong thực tiễn cơ sở giáo dục triển khai đào tạo nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực ngành kinh tế nói riêng cần đảm bảo hai vấn đề cơ bản đó là đánh giá được chất lượng đào tạo thể hiện qua mức độ SV đạt CDR chương trình đào tạo và tình hình việc làm, thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp ra trường. Thực trạng đang diễn ra là số lượng SV tốt nghiệp ngành kinh tế khá nhiều nhưng không được nhà tuyển dụng đánh giá cao về kiến thức, kỹ năng chuyên môn và khả năng thích ứng nghề nghiệp; SV ra trường không có việc làm hoặc có việc làm không đúng ngành đào tạo. Theo số liệu khảo sát của Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực - Bộ GD&ĐT, báo cáo năm 2020 tổng hợp tình hình việc làm SV tốt nghiệp của 220/236 cơ sở giáo dục đại học cho thấy tỉ lệ SV có việc làm trên tổng số SV tốt nghiệp ra trường chỉ là 68,0%. Trong đó, xét về mối liên quan giữa đào tạo và việc làm, số SV làm việc đúng ngành đào tạo là 95.219 tương đương 56%, số SV có việc làm liên quan đến ngành đào tạo là 44.044 tương đương 25%, số SV có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo là 32.748 tương đương 19%.

1.4. Bên cạnh đó, những năm qua đánh giá kết quả học tập (KQHT) của SV đã được cơ sở giáo dục chú trọng đổi mới, tạo sự chuyên biến toàn diện cả về mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành, bước đầu chuyển sang đánh giá năng lực của SV; song đánh giá SV trong quá trình dạy học vẫn còn nhiều mặt hạn chế, chưa thật sự tạo bước đột phá. Nội dung, tiêu chí, hình thức, phương pháp đánh giá KQHT còn rời rạc; kế hoạch đánh giá, quy trình đánh giá còn sơ sài. Hiện nay các cơ sở giáo dục đã triển khai đánh giá KQHT theo CDR, song việc đánh giá KQHT của SV chưa được thực hiện một cách hệ thống trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá chưa thật sự tin cậy, đảm bảo độ giá trị và nhất là chưa đánh giá được mức độ SV đạt CDR. Hơn nữa, việc đánh giá KQHT chưa theo một mô hình cụ thể, chưa hiệu quả dẫn đến KQHT đạt được của SV chưa thể hiện được mức độ SV đạt CDR.

1.5. Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, khoản 2 Điều 5 “CDR chương

trình đào tạo phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá KQHT và cấp văn bằng cho người học”; khoản 2 Điều 9 “đánh giá KQHT của người học phải dựa trên CDR, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong CDR của mỗi học phần...”; khoản 3 Điều 9 “đánh giá KQHT của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập...”.

Từ các chỉ đạo của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong đó chỉ rõ việc đổi mới đánh giá KQHT; sự chỉ đạo điều hành của Bộ GD&ĐT về việc đổi mới giáo dục bậc đại học, trong đó đẩy mạnh việc xây dựng, phát triển, vận hành chương trình đào tạo theo định hướng đảm bảo CDR; đồng thời xuất phát từ thực tiễn đánh giá SV trong quá trình dạy học các học phần thuộc lĩnh vực ngành kinh tế, tác giả luận án nhận thấy cần phải nghiên cứu sâu hơn về đánh giá KQHT của SV, xây dựng một mô hình đánh giá KQHT với các bước quy trình sao cho khi vận dụng vào thực tiễn có thể đánh giá được mức độ đạt CDR học phần (CDRHP) thuộc chương trình. Đó là lý do tác giả luận án lựa chọn đề tài nghiên cứu “*Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra cho sinh viên khối ngành kinh tế*”. Trong bối cảnh hiện nay, với yêu cầu SV ngành kinh tế cần đáp ứng CDR chương trình đào tạo thì vận dụng kết quả công trình nghiên cứu vào quá trình dạy học của từng học phần mang tính cấp thiết.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, luận án khảo sát phân tích thực trạng và đề xuất mô hình đánh giá KQHT theo CDR cho SV ngành kinh tế.

3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu: Hoạt động đánh giá KQHT của SV trong quá trình dạy học.
- Đối tượng nghiên cứu: Mô hình đánh giá KQHT theo CDR ở cấp độ học phần (sau đây gọi là CDRHP) thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế.

- Về địa bàn nghiên cứu: Khảo sát thực trạng đánh giá KQHT theo CĐRHP thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Kinh tế) và Trường Đại học Tài chính - Marketing (khoa Thương mại, Tài chính-Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh tế-Luật). Tiến hành kiểm nghiệm Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2015 đến năm 2021.

5. Giới hạn đề tài

Đề tài tập trung nghiên cứu trong giới hạn sau:

- Đánh giá KQHT được thực hiện ở cấp độ CĐR học phần, không thực hiện ở cấp độ CĐR bài học, cấp độ CĐR chương trình đào tạo.

- Đánh giá KQHT theo CĐRHP thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế, trình độ đại học.

- Kiểm nghiệm Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP đối với học phần Luật thương mại quốc tế, thuộc chương trình đào tạo chuyên ngành Thương mại quốc tế, ngành Kinh doanh quốc tế trình độ đại học.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận về đánh giá KQHT theo CĐRHP.

- Phân tích và đánh giá thực trạng về đánh giá KQHT theo CĐRHP.

- Đề xuất mô hình và kiểm nghiệm Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

7. Câu hỏi nghiên cứu

Đánh giá KQHT là khâu quan trọng của quá trình dạy học một học phần trong chương trình đào tạo. Để thực hiện nội dung đề tài, tác giả luận án tập trung nghiên cứu nhằm trả lời các câu hỏi sau:

- Hiện nay KQHT của SV có thể hiện được mức độ SV đạt CĐRHP hay không?

- Quy trình các bước đánh giá KQHT hiện nay có giúp ích cho GV trong việc đánh giá mức độ SV đạt CĐRHP không?

- Đối với các ngành lĩnh vực kinh tế, sự cần thiết khi triển khai đánh giá KQHT theo các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐRHP (sau đây là PI) và khái quát các bước quy trình thành một mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP?

8. Giả thuyết khoa học

Hiện nay việc đánh giá KQHT theo CĐR tại các cơ sở giáo dục đại học đã được GV thực hiện tuy nhiên vẫn còn chưa hiệu quả, nên việc GV thực hiện một cách đồng bộ các bước của Mô hình do tác giả đề xuất như xác định các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐR, tổ chức đánh giá KQHT (xác định nội dung, công cụ, hình thức, phương pháp đánh giá), thu thập kết quả đánh giá (điểm số), đánh giá mức độ đạt CĐRHP và lập hồ sơ CĐRHP sẽ giúp GV thuận lợi hơn trong việc đánh giá mức độ đạt CĐRHP của SV.

9. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

9.1. Phương pháp tiếp cận

9.1.1. Tiếp cận hệ thống - cấu trúc

Đánh giá KQHT theo CĐRHP là một hệ thống gồm các thành tố: nội dung đánh giá, tiêu chí đánh giá, phương pháp đánh giá, công cụ đánh giá; mô hình đánh giá KQHT của SV theo CĐRHP là một hệ thống gồm các thành tố: CĐRHP, đánh giá KQHT. Khi xây dựng và triển khai mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP sẽ tác động đồng bộ tất cả các thành tố nêu trên.

9.1.2. Tiếp cận mục tiêu

Mục tiêu dạy học hướng đến đảm bảo SV đạt được trình độ năng lực tối thiểu theo quy định của cơ sở giáo dục đại học. Các năng lực tối thiểu được tuyên bố ở CĐR chương trình đào tạo và tích hợp trong CĐR từng học phần, do vậy đo lường mức độ đạt CĐRHP là mục tiêu tất yếu, chi phối tất cả các thành tố của quá trình dạy học trong đó có đánh giá KQHT của SV. Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp đạt mục tiêu tất yếu này.

9.1.3. Tiếp cận thực tiễn

Các cơ sở giáo dục đại học đã triển khai xây dựng và công bố CĐR chương trình đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT; việc đánh giá CĐR của từng học phần là một tiêu chí để đạt kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ

GD&ĐT hay của các tổ chức quốc tế. Trong thực tiễn, việc đánh giá KQHT đã được GV triển khai trong quá trình dạy học, nhưng nhìn chung quy trình đánh giá chưa thực hiện bài bản, đầy đủ các bước, chưa hiệu quả, dẫn đến KQHT từng học phần và KQHT toàn khóa học của SV chưa là một cơ sở xác đáng để cho biết SV đạt hay không đạt CDR.

9.2. Phương pháp nghiên cứu

9.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Trong phương pháp nghiên cứu lý thuyết, tác giả luận án sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu.

- Mục đích: Thu thập, phân tích, hệ thống, tổng hợp thông tin từ các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, các tài liệu chuyên sâu, bài báo, báo cáo khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu; đối chiếu về mặt lý luận, thực tiễn đánh giá KQHT để tìm ra những vấn đề còn khuyết cần tiếp tục nghiên cứu và xây dựng khung mô hình lý thuyết ban đầu.

- Nội dung thực hiện: Hệ thống hóa cơ sở lý luận từ công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về đánh giá KQHT nói chung và đánh giá KQHT theo CDRHP nói riêng.

- Phương pháp thực hiện: Đọc, phân loại, sắp xếp các tài liệu đã thu thập thành một hệ thống chặt chẽ, theo từng vấn đề khoa học cụ thể về đánh giá KQHT. Phân tích nội dung và đối chiếu, tìm ra các lỗ hổng nghiên cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

9.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

9.2.2.1. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi

- Mục đích: Tìm hiểu, phân tích thực trạng đánh giá KQHT theo CDRHP tại các cơ sở giáo dục đại học; đánh giá tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP.

- Nội dung thực hiện: Thiết kế phiếu hỏi để thăm dò ý kiến của SV, GV, CBQL cấp bộ môn/khoa/phòng ban về thực trạng hoạt động đánh giá KQHT theo CDRHP. Thiết kế phiếu hỏi để lấy ý kiến của chuyên gia về tính khả thi và hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP. Các bước thiết kế phiếu hỏi như sau: Bước 1, xác định các mục tiêu mà phiếu hỏi hướng đến; bước 2, xác định đối tượng và mẫu điều

tra khảo sát; bước 3, xác định phương pháp thu thập thông tin; bước 4, xác định các câu hỏi trong bảng hỏi; bước 5, sắp xếp thứ tự các câu hỏi trong bảng hỏi; bước 6, tham khảo ý kiến chuyên gia; bước 7, chỉnh sửa và hoàn thiện bảng hỏi.

- Phương pháp thực hiện: Phiếu hỏi được phát đồng thời cho các đối tượng điều tra khảo sát. Tác giả luận án trực tiếp phát và thu phiếu hỏi, sau đó rà soát tính hợp lệ của phiếu hỏi, loại bỏ những phiếu hỏi không hợp lệ và tiến hành nhập liệu, thống kê mô tả, phân tích số liệu. Đối với các câu hỏi đóng mang tính định lượng, phân tích mô tả các nhận định bằng phương pháp thống kê toán học. Đối với các câu hỏi mở mang tính định tính, tổng hợp ghi nhận các ý kiến đa số, khách quan.

9.2.2.2. Phương pháp chuyên gia

- Mục đích: Đánh giá tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

- Nội dung thực hiện: Triển khai lấy ý kiến của chuyên gia là các GV có kinh nghiệm, thâm niên giảng dạy đại học ngành kinh tế từ 10 năm trở lên; các GV, CBQL có chuyên môn lĩnh vực giáo dục về các thành tố của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP, các bước triển khai quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP, về tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình.

- Phương pháp thực hiện: Lấy ý kiến của chuyên gia qua phiếu hỏi và qua phỏng vấn sâu để xem xét mối liên hệ giữa các thành tố đánh giá KQHT theo tiếp cận CĐRHP, quy trình đánh giá KQHT từ đó nhận định tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP trong quá trình dạy học nói chung và quá trình đánh giá KQHT nói riêng. Các ý kiến của chuyên gia được ghi chép thành biên bản hoặc thu âm kỹ lưỡng. Thông tin cá nhân chuyên gia được mã hóa. Tất cả các ý kiến của chuyên gia được tổng hợp, các ý kiến trùng nhau hay gần nhau của đa số chuyên gia sẽ là kết luận chung nhận định về tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

9.2.3. Phương pháp thống kê toán học

- Mục đích: thống kê mô tả, phân tích các số liệu định lượng thu thập được qua phiếu hỏi hoặc qua điểm số KQHT của SV.

- Nội dung thực hiện: Sử dụng phần mềm SPSS và MS. Excel tiến hành thống kê số liệu điều tra thực trạng và ý kiến chuyên gia để đưa ra nhận định về thực trạng đánh giá KQHT theo CĐRHP, về tính khả thi và hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

- Phương pháp thực hiện: Tiến hành nhập liệu, mã hóa số liệu, xử lý, thống kê số liệu thu thập từ phương pháp điều tra bảng hỏi. Phân tích các số liệu thống kê để đưa ra các nhận định đánh giá.

9.2.4. Phương pháp kiểm nghiệm kết quả

- Mục đích: Kiểm nghiệm tính đúng đắn của giả thuyết nghiên cứu, tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

- Nội dung thực hiện: Thiết kế và thực hiện theo các giai đoạn kiểm nghiệm các bước quy trình của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

- Phương pháp thực hiện: Lựa chọn một học phần cụ thể thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế để tiến hành kiểm nghiệm.

10. Những đóng góp mới của đề tài

Về ý nghĩa khoa học, luận án đã nghiên cứu cơ sở lý luận về đánh giá KQHT theo CĐRHP và sự liên kết giữa các thành tố của một Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

Về ý nghĩa thực tiễn, luận án đã đánh giá được:

(1) Thực trạng về đánh giá KQHT theo CĐRHP đối với ngành kinh tế như xác định, nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức và quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

(2) Xây dựng được một Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP với đầy đủ các bước quy trình triển khai hoạt động đánh giá KQHT học phần sao cho khi vận dụng Mô hình vào thực tiễn dạy học chương trình đào tạo ngành kinh tế trình độ đại học, GV đánh giá được mức độ đạt CĐR của tất cả học phần thuộc chương trình.

11. Cấu trúc luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận - Khuyến nghị, Tài liệu tham khảo, Danh mục các công trình liên quan đến luận án và Phụ lục, luận án được chia thành 04 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan về đánh giá KQHT theo CĐR trong giáo dục đại học.

Chương 2: Cơ sở lý luận về Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP chương trình đào tạo ngành kinh tế.

Chương 3: Thực trạng đánh giá KQHT theo CĐRHP chương trình đào tạo ngành kinh tế.

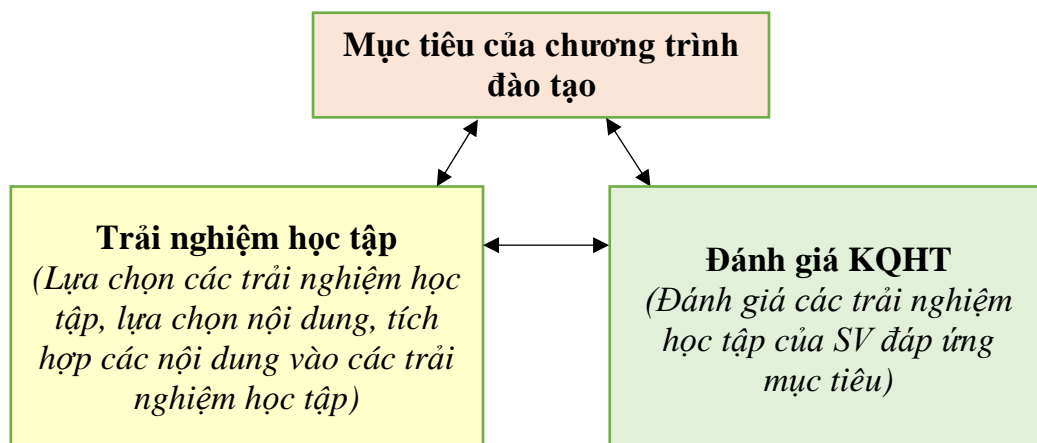
Chương 4: Mô hình và kiểm nghiệm Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP chương trình đào tạo ngành kinh tế.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO CHUẨN ĐẦU RA TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1.1. Các nghiên cứu về mối liên hệ giữa đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình

Theo Tyler, R. W. (1949), đánh giá KQHT của SV là trọng tâm của quá trình dạy học. KQHT cung cấp thông tin cho GV biết về mức độ SV đạt mục tiêu của chương trình đào tạo. Nghiên cứu của ông khẳng định thành tố đánh giá KQHT cần được đặt trong mối liên kết chặt chẽ với 2 thành tố còn lại của quá trình dạy học là mục tiêu của chương trình đào tạo và tổ chức các trải nghiệm học tập. Để chuẩn bị cho quá trình dạy học, với mỗi học phần GV thiết kế các trải nghiệm học tập, lựa chọn nội dung dạy học và tích hợp các nội dung dạy học vào các trải nghiệm học tập dành cho SV. Trong quá trình dạy học, GV đánh giá SV đáp ứng mục tiêu của chương trình đào tạo qua việc SV thực hiện các hoạt động trải nghiệm học tập. Mô hình này cho thấy đánh giá KQHT theo định hướng mục tiêu.



Hình 1.1. Mối liên hệ giữa 3 yếu tố trong quá trình dạy học (Nguồn: Tyler, 1949)

Một nghiên cứu khác của tác giả Wiggins & McTighe (1998), cho rằng CDR được xác định từ việc cụ thể hóa mục tiêu của chương trình đào tạo đã tuyên bố trước đó và đánh giá KQHT được đặt trong mối tương quan có mục đích giữa hoạt động dạy

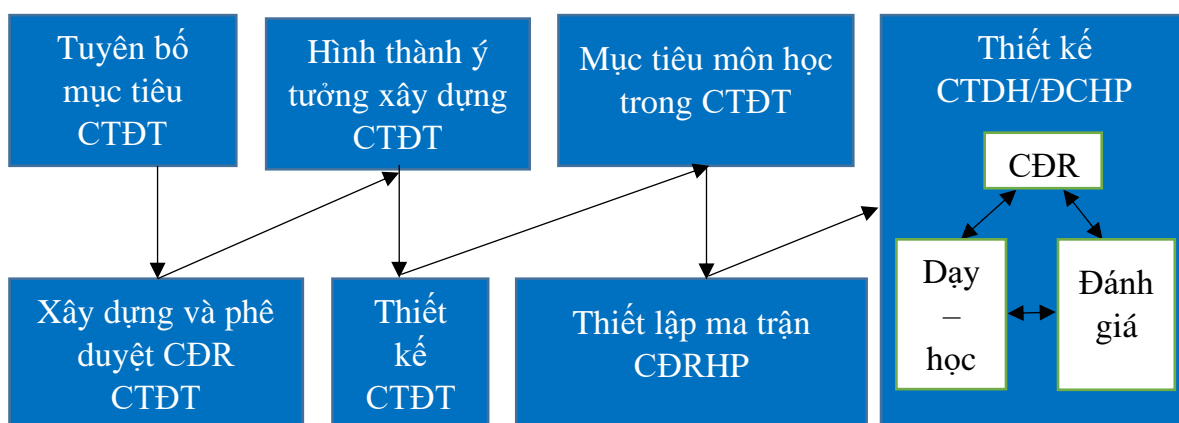
- học và CDR. Mối tương quan này thể hiện rõ thông qua các giai đoạn triển khai xây dựng chương trình đào tạo, chương trình dạy học, đề cương học phần:

(1) Từ mục tiêu chương trình đào tạo đã tuyên bố, CDR chương trình đào tạo được xác định và phê duyệt hay nói cách khác CDR chương trình đào tạo được cụ thể hóa từ mục tiêu của chương trình đào tạo.

(2) Hình thành ý tưởng và triển khai thiết kế chương trình đào tạo. Nội dung chương trình đào tạo bao gồm các khối kiến thức thể hiện qua học phần cụ thể, các hoạt động tổ chức dạy - học và các hình thức đánh giá KQHT học phần. Mỗi học phần có mục tiêu riêng phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo.

(3) Thiết lập ma trận đóng góp của học phần đối với việc đạt CDR chương trình đào tạo.

(4) Thiết kế chương trình dạy học và đề cương học phần; trong mỗi đề cương học phần cần thiết lập rõ mối liên hệ giữa CDRHP với hoạt động dạy – học và đánh giá KQHT của học phần đó.

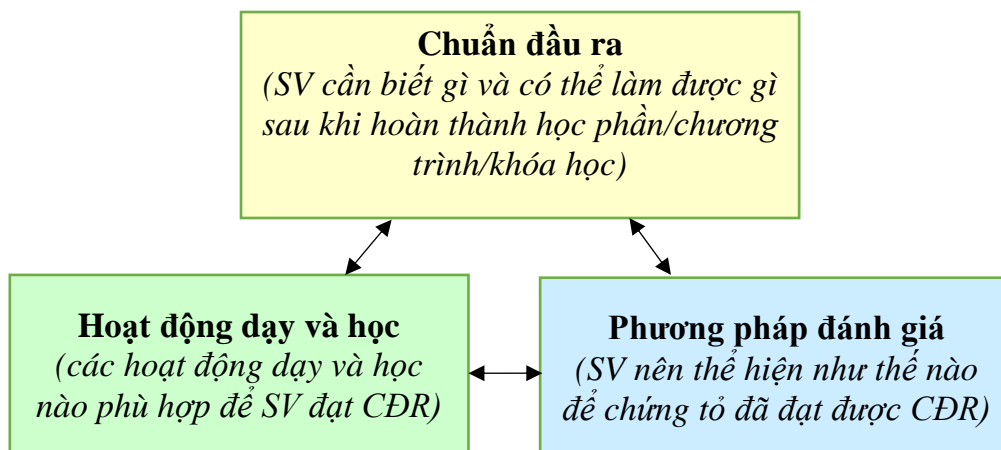


Hình 1.2. Mối liên hệ đánh giá kết quả học tập với hoạt động dạy – học, chuẩn đầu ra học phần (Nguồn: Wiggins & McTighe, 1998)

Hai chủ thể thực thi chương trình đào tạo liên quan đến hoạt động đánh giá KQHT đó là: GV và SV. Đối với GV, hoạt động đánh giá cung cấp các thông tin phản hồi giúp GV nhận biết sự tiến bộ, thành tích hoặc điểm yếu của SV, từ đó GV đổi mới phương pháp dạy học nhằm có giải pháp tác động kịp thời đến SV, giúp SV thay đổi phương pháp học để đạt mục tiêu học tập (Carless D., 2006; Irons A., 2007). Đối với SV, qua hoạt động đánh giá, SV có cơ hội đánh giá lẫn nhau hoặc tự đánh giá KQHT

của chính mình. SV phát huy năng lực tự học, năng lực tư duy phản biện, năng lực đánh giá; nhiệm vụ của GV là cung cấp các tiêu chí đánh giá và hướng dẫn SV tự đánh giá hoặc đánh giá lẫn nhau (Steve F., 2007; Brookhart S. M., 2017).

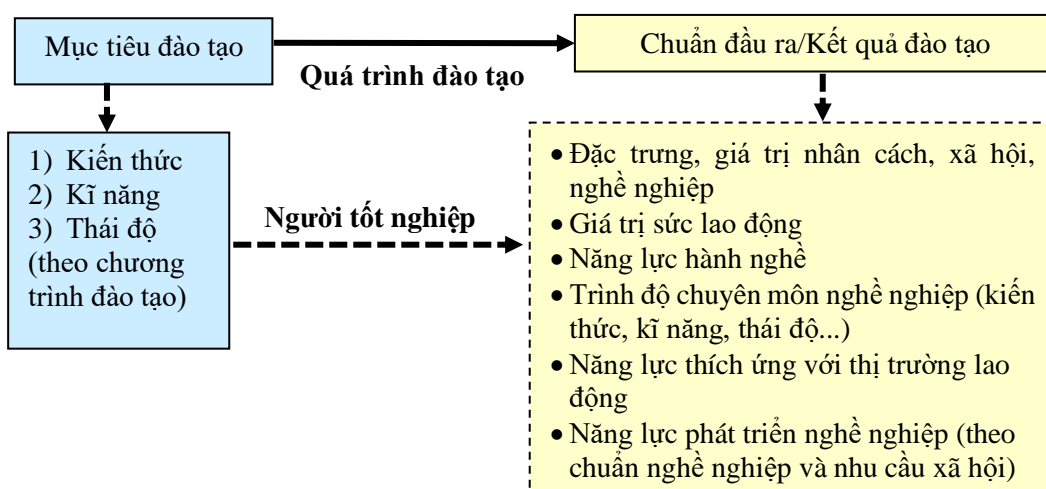
Theo Biggs J. & Tang C. (2009), quá trình dạy học một học phần diễn ra theo nguyên tắc tương thích có định hướng (constructive alignment) xoay quanh 3 thành tố chính đó là: CDRHP mà SV phải đạt được, tổ chức hoạt động dạy - học, đánh giá KQHT. Mối liên hệ giữa 3 thành tố này rất chặt chẽ, nếu đánh giá KQHT làm trọng tâm của việc học tập thì các tiêu chuẩn đánh giá SV như sau: Một là, SV có khả năng tích hợp các kiến thức đã học; hai là, SV có khả năng phát triển và chọn lọc kiến thức mới; ba là, SV có khả năng sử dụng kiến thức một cách có ý nghĩa; bốn là, SV có thái độ tích cực và nhận thức việc học tập; năm là, SV hình thành thói quen tư duy phản biện. Xét dưới góc độ SV, ông cho rằng để đánh giá SV đạt CDRHP, nội dung đánh giá phải là những nội dung cốt lõi trong chương trình dạy học; các hình thức đánh giá được lồng ghép trong quá trình diễn ra các hoạt động dạy - học để SV có thể chứng tỏ việc đạt thành quả học tập; các tiêu chí đánh giá cần xây dựng và công bố cho SV trước khi thực hiện các hoạt động dạy - học. Xét dưới góc độ GV, ông cho rằng CDRHP là cơ sở để GV thiết kế hoạt động dạy - học, là nội dung mà GV cần phải đánh giá. Đối với từng CDRHP, GV sử dụng các hình thức, phương pháp đánh giá khác nhau.



Hình 1.3. Nguyên tắc tương thích có định hướng (Nguồn: Biggs J. & Tang C., 2009).

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cụ thể hóa từ mục tiêu đào tạo của chương trình. CDR tập trung phản ánh những kỳ vọng, yêu cầu về khả năng làm việc, năng lực nghề nghiệp của người tốt nghiệp theo yêu cầu thị trường lao động. SV đạt CDR

chương trình đào tạo là cơ bản đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động về năng lực hành nghề, trình độ chuyên môn, năng lực thích ứng nghề nghiệp (Đức, 2011).



Hình 1.4. Quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra (Nguồn: Đức, 2011)

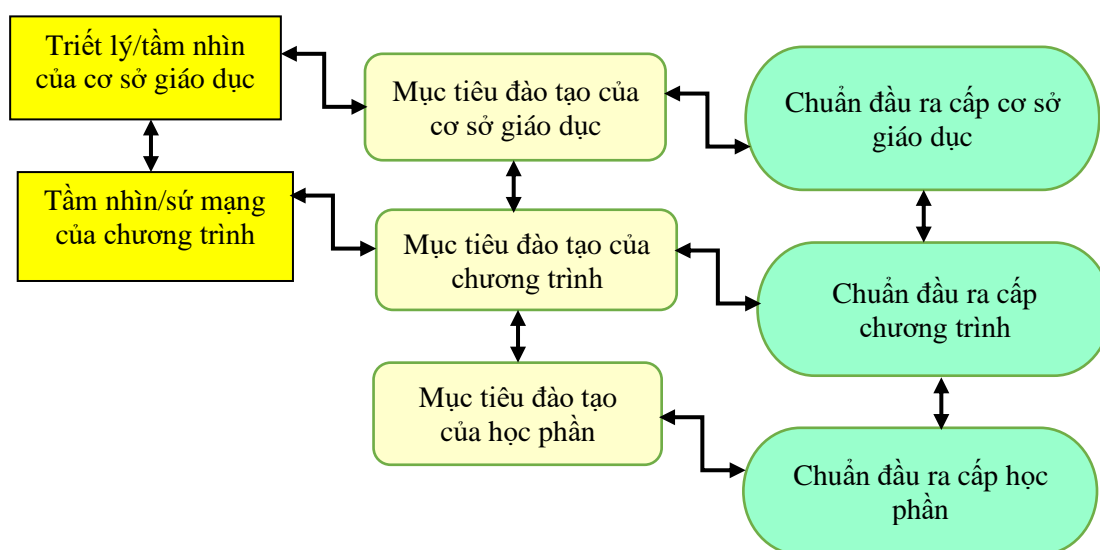
Chuẩn đầu ra/kết quả đào tạo thể hiện năng lực của SV qua kiến thức, kỹ năng, thái độ. Đánh giá năng lực của SV qua mức độ SV đạt CĐR. Có mối quan hệ tương ứng giữa các cấp độ mục tiêu đào tạo và các cấp độ CĐR. Mục tiêu học phần phục vụ mục tiêu chương trình đào tạo, mục tiêu chương trình đào tạo lại phục vụ mục tiêu của trường. Tương tự như vậy, CĐRHP đóng góp đạt CĐR chương trình đào tạo, CĐR chương trình đào tạo lại đóng góp đạt CĐR của trường. Nhìn chung, CĐR tại cấp độ nào được sắp đặt tương ứng với mục tiêu đào tạo ở cấp độ đó. Tuy nhiên, mục tiêu đào tạo và CĐR ở cùng cấp độ có sự khác nhau ít nhất 3 thuộc tính (Lộc & cộng sự, 2015, trang 23), như sau:

Một là, về mức độ tổng quát: Mục tiêu đào tạo có phạm vi rộng hơn (đạt được sau khi kết thúc học tập một vài năm) so với CĐR (đạt được tại thời điểm kết thúc học tập).

Hai là, về CĐR: Mục tiêu đào tạo đề cập đến những kết quả mà cơ sở giáo dục, chương trình hoặc học phần được kì vọng thực hiện, trong khi phát biểu CĐR đề cập đến những gì SV được kì vọng là đạt tới.

Ba là, về các bên liên quan: Liên quan đến mục tiêu đào tạo là những người bên ngoài tiến trình dạy và học gồm phụ huynh, chuyên gia giáo dục, người sử dụng lao

động, cộng đồng còn liên quan đến CDR là những người bên trong tiến trình dạy và học gồm SV, GV.

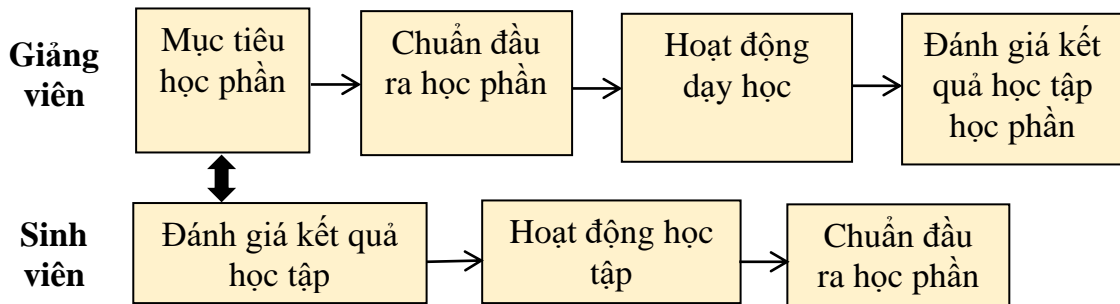


Hình 1.5. Mối liên kết giữa chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo (Nguồn: Lộc & cộng sự, 2015)

Đánh giá CDR ở cấp độ chương trình đào tạo bao gồm một hoặc nhiều tiến trình để xác định, thu thập dữ liệu, để đánh giá việc đạt CDR và mục tiêu đào tạo. Đánh giá CDR ở cấp chương trình đào tạo/học phần thì dựa theo mục tiêu của chương trình đào tạo/học phần đó. **Chương trình đào tạo bao gồm nội dung của nhiều học phần được tích hợp, liên kết các khối kiến thức của chương trình một cách có trình tự, do vậy đánh giá CDR chương trình được tiến hành thông qua đánh giá việc đạt CDR của từng học phần. Đánh giá CDR cấp chương trình không thể hoàn thành nếu không được hỗ trợ hoặc không khớp với các CDRHP.**

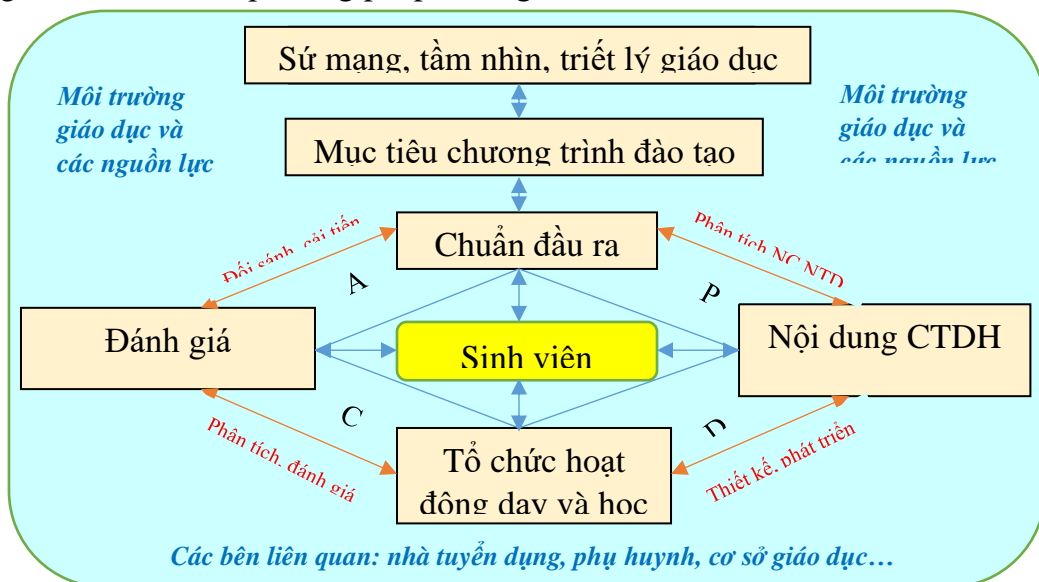
Theo Michael Mc. (2016), nguyên tắc tương thích có định hướng thể hiện sự liên hệ giữa 2 chủ thể thực thi chương trình đào tạo là GV và SV; đòi hỏi mỗi yếu tố trong quá trình dạy học đều hướng đến mục tiêu chung của chương trình đào tạo, có sự nhất quán giữa mục tiêu của GV khi giảng dạy học phần so với mục tiêu của SV khi học tập học phần. Mối liên hệ giữa GV và SV trong quá trình dạy học phản ánh hoạt động dạy học của GV và hoạt động học tập của SV đều hướng về cùng một mục tiêu là đạt CDRHP. Đối với GV, mục tiêu dạy học là giúp SV đạt CDR. CDRHP là cơ sở GV thiết kế nội dung dạy học, tổ chức hoạt động dạy - học và thiết lập các tiêu chí, nội

dung, phương pháp, công cụ đánh giá. Đánh giá KQHT là hoạt động cuối cùng của quá trình dạy học một học phần. Đối với SV, mục tiêu học tập là đạt CDRHP. Khi bắt đầu học phần, SV cần biết những thông tin liên quan đến đánh giá KQHT như: tiêu chí, nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá qua đó chủ động thực hiện các hoạt động học tập cá nhân sao cho đáp ứng mục tiêu đạt CDRHP.



Hình 1.6. Tác động giữa 2 chủ thể thực thi chương trình (Nguồn: Michael Mc., 2016)

Theo Mô hình giáo dục dựa trên CDR của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á, đánh giá SV là một thành tố quan trọng, liên hệ chặt chẽ với CDR các cấp độ (chương trình, học phần, bài học) và phương pháp tiếp cận dạy học. Để đánh giá mức độ SV đạt CDR, nội dung đánh giá phải bám sát các yêu cầu CDR. Kết quả đánh giá là một trong những cơ sở để GV rà soát CDR, cải tiến hoạt động dạy - học, cải tiến nội dung CTDH, cải tiến phương pháp đánh giá SV.



Hình 1.7. Mô hình giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (Nguồn: AUN, 2020)

Tóm lại: Qua các nghiên cứu về mối liên hệ giữa đánh giá với các thành tố khác của quá trình dạy học trình độ đại học đã khẳng định mối liên kết chặt chẽ giữa CĐR, hoạt động dạy – học và đánh giá KQHT của SV trong quá trình dạy học. Các nghiên cứu cũng chỉ rõ mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và CĐR chương trình. Mục tiêu chương trình đào tạo hướng đến kết quả mà cơ sở giáo dục đại học phải đạt được sau quá trình đào tạo, còn CĐR chương trình đào tạo hướng đến kết quả mà SV phải đạt được sau quá trình học tập. Đối với một học phần, mục tiêu dạy học của GV là giúp SV đạt CĐRHP, mục tiêu học tập của SV là đạt CĐRHP. Để đạt mục tiêu dạy học, trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV lựa chọn dạy những nội dung cốt lõi của học phần hình thành CĐR, lựa chọn phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá phù hợp với từng CĐRHP. Hay nói cách khác, CĐR là cơ sở để GV thiết kế quá trình dạy học. Để đạt mục tiêu học tập, SV quan tâm đến nội dung đánh giá liên quan đến nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP. Để việc đánh giá KQHT khách quan, các tiêu chí đánh giá được công bố cho SV biết trước.

1.2. Các nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập ở trình độ đại học

Đánh giá SV có hiệu quả khi hoạt động này diễn ra trong quá trình tổ chức hoạt động dạy - học. Hoạt động đánh giá thúc đẩy động cơ học tập của SV, khẳng định chất lượng giáo dục của nhà trường (Joughin G. & Macdonald R., 2003). Đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực cho phép SV cá nhân hóa việc học tập, tự bổ sung kiến thức, kỹ năng thiếu hụt của bản thân để thực hiện nhiệm vụ học tập GV giao, xác định mục tiêu cần đạt và những tiêu chuẩn đo lường thành quả học tập. Đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực tập trung vào CĐR chương trình đào tạo. Các yêu cầu của CĐR được tích hợp vào nhiệm vụ học tập và nhiệm vụ đánh giá. Đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực, cần quan tâm 5 đặc điểm cơ bản như sau: Một là, đánh giá dựa trên mức độ đáp ứng tiêu chuẩn/tiêu chí; hai là, đánh giá theo năng lực thực tế; ba là, tiêu chuẩn đánh giá năng lực rõ ràng; bốn là, đánh giá một cách linh hoạt; năm là, đánh giá lấy SV là trung tâm (Allen M. J., 2004). Công cụ đánh giá thường sử dụng là bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan, bài trắc nghiệm tự luận (Airasian P. W., 2005). Để đánh giá mức nhận thức cấp độ cao hơn theo thang Bloom, những phương pháp đánh giá thường được vận dụng đó là đánh giá xác thực (authentic assessment), đánh giá hiệu suất thực

hiện (performance assessment). Đánh giá xác thực đòi hỏi SV thực hiện những nhiệm vụ học tập mang tính thực tiễn, qua đó SV bộc lộ khả năng vận dụng kiến thức lí thuyết chuyên môn vào giải quyết tình huống thực tế, bộc lộ quá trình tư duy thực hiện kiến tạo một sản phẩm cụ thể (Jon Mueller, 2005). Đánh giá xác thực đo lường quá trình thực hiện và sản phẩm của quá trình đó, nó đánh giá được cấp độ tư duy kiến thức và quá trình vận dụng kiến thức đó giải quyết các vấn đề thực tiễn (Gulikers J. T. M. & Bastiaens Th. J. & Kirschner P. A., 2006).

Chiến lược đánh giá SV phải được xác định, có sự giao thoa đặc điểm cá nhân SV, mục tiêu đào tạo của cơ sở giáo dục, mục tiêu chương trình, yếu tố bên ngoài, thách thức của tương lai và nhân tố khác (Yorkovich S., 2007). Các hoạt động đánh giá được triển khai tại lớp học xem như một phương tiện hỗ trợ hoạt động dạy - học, hình thành động cơ tích cực ở SV, nâng cao hiệu quả học tập và đánh giá mức nhận thức cấp độ biết, hiểu kiến thức (Steve F., 2007).

Đánh giá KQHT cần được lập kế hoạch trước khi triển khai học phần. Kế hoạch đánh giá SV phải cụ thể và đảm bảo các yêu cầu sau đây: Một là, sự liên kết chặt chẽ giữa hoạt động dạy - học và các mục tiêu học tập; hai là, có hệ thống phản hồi KQHT đến cán bộ phụ trách chương trình, lãnh đạo bộ môn và SV; ba là, tư vấn cho SV đạt mục tiêu học tập, giúp SV phát triển kĩ năng tự đánh giá; bốn là, đánh giá phải kết hợp với mục tiêu đào tạo của cơ sở giáo dục; năm là, phương pháp đánh giá đa dạng và công cụ đánh giá KQHT qua hồ sơ học tập (portfolio/e-portfolio) của SV (Crystal B., 2008). Đánh giá KQHT của SV phải bảo đảm độ tin cậy, khách quan, công bằng. Kết quả đánh giá có độ tin cậy khi áp dụng nhiều hình thức đánh giá để thu thập thông tin dữ liệu đánh giá. Đánh giá KQHT của SV phải được thực hiện thường xuyên theo tiến **trình** với nhiều phương pháp, có sự phản hồi từ SV, doanh nghiệp, sự quan sát của GV (Edstrom K., 2008).

Đánh giá KQHT của SV gồm đánh giá tiến trình/quá trình học tập (formative assessment) và đánh giá kết thúc học phần (summative assessment) nhằm thu thập đầy đủ chứng cứ về KQHT, xác định mức độ SV đạt mục tiêu, đạt CDR chương trình (Suskie L., 2009 & 2010). Đánh giá KQHT của SV qua tiến trình học tập cần chú trọng đánh giá sự tiến bộ của SV trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập tại lớp, còn đánh

giá hiệu suất thực hiện nhằm đánh giá mức nhận thức cấp độ lập luận, vận dụng, sáng tạo kiến thức (Bennett R. E., 2011), hướng đến đánh giá kỹ năng tư duy, kiến tạo sản phẩm và kỹ năng xã hội khác của SV (James H. MacMillan, 2014).

Tại Việt Nam trong một thập niên gần đây, rất nhiều công trình nghiên cứu đánh giá KQHT trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học. Trong giáo dục nghề nghiệp, để đánh giá năng lực thực hành nghề nghiệp cần phân tích rõ về bản chất kỹ năng, cấu trúc kỹ năng và những điều kiện tâm sinh lý tối thiểu để hình thành kỹ năng. Đánh giá kỹ năng theo 5 tiêu chí như sau: Tính đầy đủ của nội dung, cấu trúc kỹ năng; tính hợp lý về logic; mức độ thành thạo; mức độ linh hoạt; hiệu quả của kỹ năng (Hung, 2010). Các tác giả nghiên cứu đánh giá KQHT học phần theo định hướng triển năng lực (Nhân, 2010; Lâm, 2011; Đệ, 2017) đều đề cập đến đặc điểm, nhiệm vụ kiểm tra đánh giá, một số phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT học phần ở bậc đại học (Phương, 2012). Xét về trình độ chuyên môn nghề nghiệp, đánh giá kỹ năng thực hành căn cứ trên chuẩn nghề nghiệp và CĐR quy định cho chương trình (Thanh, 2012).

Đánh giá được thực hiện với đầy đủ các học phần thuộc chương trình đào tạo, đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá bằng cách sử dụng hình thức vấn đáp có tính chất mở (Phúc, 2012). Đánh giá năng lực SV căn cứ trên chuẩn kỹ năng nghề nghiệp và một hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan đánh giá chuẩn kỹ năng cho học phần (Thùy, 2013). Bộ công cụ đánh giá năng lực của SV gồm bảng kiểm quan sát, phiếu hỏi, phiếu đánh giá sản phẩm của SV và câu hỏi/bài tập (Thặng & Minh, 2013).

Để quản lý các hoạt động đánh giá KQHT, các nội dung quản lý gồm: Quản lý việc xây dựng kế hoạch đánh giá KQHT; quản lý việc tổ chức triển khai hoạt động đánh giá KQHT và chỉ đạo thực hiện hoạt động đánh giá KQHT; kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch đánh giá KQHT (Thọ, 2012, 2014).

Theo quan điểm hiện đại, đánh giá vừa là hình thức tổ chức vừa là phương pháp dạy học. Đánh giá KQHT thay đổi trọng tâm từ đánh giá kết thúc học phần sang đánh giá tiến trình học tập. Nâng cao chất lượng dạy - học cần chú trọng đến việc cải tiến đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện (Lan, 2014). Đổi mới đánh giá KQHT theo năng lực thực hiện không chỉ xác định được sự tiến bộ của SV mà còn xác định

những gì SV lĩnh hội được theo tiêu chuẩn/tiêu chí của trình độ năng lực nghề nghiệp do thực tiễn đặt ra (Hải & Hà, 2014).

Xét về mặt xã hội, cần đánh giá kỹ năng giao tiếp của SV. Xét về khía cạnh lao động, đánh giá được năng lực phối hợp, chịu trách nhiệm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý công việc. Xét về khía cạnh giáo dục, đánh giá kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp (Việt, 2012).

Đánh giá KQHT định hướng năng lực cần được thực hiện theo những nguyên tắc, nội dung và phương pháp phù hợp (Phương, 2015). Theo định hướng tiếp cận năng lực, cần xác định rõ từ vị trí, vai trò của đánh giá trong quá trình dạy học, quan niệm về chủ thể, đối tượng, mục tiêu, tiêu chí đánh giá cho đến hình thức, phương pháp, phương tiện và trình độ, kỹ thuật đánh giá (Hoa, 2015).

Đối với ngành có tính đặc thù như ngành sư phạm, đánh giá được thực hiện theo chuẩn kiến thức, kỹ năng phát triển năng lực dạy học của SV ngành sư phạm (Hằng & Thặng, 2012). Đánh giá một học phần mà nó có sự ảnh hưởng rất quan trọng đến nhận thức nghề nghiệp sư phạm như môn Giáo dục học, thì hoạt động đánh giá KQHT được mô hình hóa theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp của SV ngành sư phạm (Liễu, 2015). Đánh giá năng lực dạy học của SV ngành sư phạm dựa trên mục đích đánh giá, xây dựng qui trình đánh giá năng lực dạy học gồm 6 giai đoạn: 1) Xây dựng kế hoạch đánh giá, 2) Thiết kế công cụ đánh giá, 3) Thử nghiệm bộ công cụ đánh giá, 4) Xin ý kiến chuyên gia, (5) Thu thập thông tin, xử lý, (6) Phân tích kết quả viết báo cáo và giải thích nguyên nhân kết quả (Hương & Báo, 2016). Tổ chức cho SV ngành sư phạm tự đánh giá KQHT của chính mình và đánh giá KQHT lẫn nhau trong quá trình học tập môn Giáo dục học theo hướng tiếp cận năng lực, qua đó SV nhận ra được những ưu, nhược điểm trong học tập, đồng thời biết cách bổ sung, điều chỉnh những thiếu sót để nâng cao năng lực học tập, hình thành và phát triển năng lực tự đánh giá khi học tập học phần (Trà, 2015, 2016). Khi thiết kế công cụ đánh giá cần có bảng tiêu chí hướng dẫn đánh giá/tự đánh giá bao gồm các tiêu chí thực hiện và mô tả cụ thể chỉ số hành vi để đánh giá mức độ đạt kỹ năng dạy học của SV ngành sư phạm. Sử dụng rubric đánh giá theo hướng tiếp cận này cho phép thu thập những thông tin cần thiết để xác định kỹ năng và đánh giá chính xác mức độ đạt kỹ năng dạy học của SV tại các cơ sở đào tạo

GV (Sỹ & Mai, 2016). Thí nghiệm là phương pháp dạy học hiệu quả để truyền tải kiến thức và hình thành kỹ năng cho SV ngành sư phạm; Đối với các môn thí nghiệm, qui trình và công cụ đánh giá kỹ năng làm thí nghiệm dựa trên thang đo mức độ phát triển kỹ năng, dựa trên tiêu chí là sự thành thạo của kỹ năng và mức độ giám sát của người hướng dẫn (Loan, 2017).

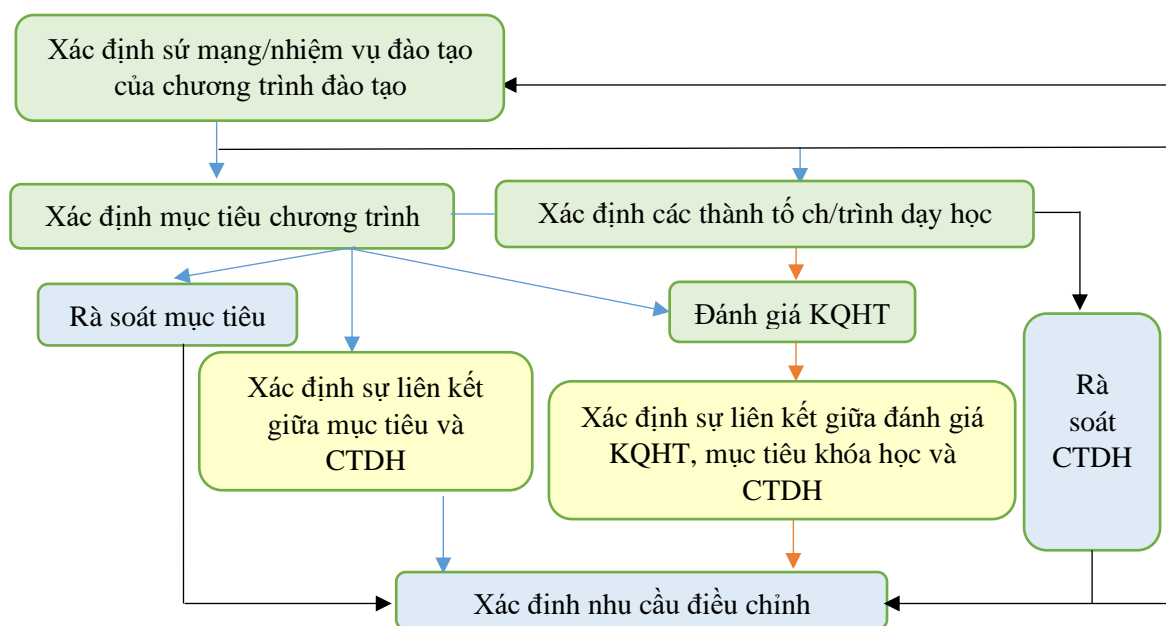
Hoạt động kiểm tra đánh giá hiện nay còn nhiều bất cập, chưa thể đánh giá năng lực của SV sau khi hoàn thành chương trình, khó đo lường chất lượng chương trình. Đánh giá chất lượng SV thông qua KQHT, khi đó mối liên hệ giữa CĐR, phương pháp dạy - học và nội dung kiểm tra đánh giá cần phải thể hiện rõ. Một số giải pháp đổi mới khâu đánh giá là đánh giá trình độ năng lực của SV (Tiến, 2015, 2016); cần đổi mới cách thức xây dựng công cụ đánh giá và triển khai phương pháp đánh giá sao cho đánh giá được năng lực thích ứng của SV (Thái & Lan, 2017); cần xây dựng công cụ đo lường mức độ đạt CĐR chương trình theo quan điểm tiếp cận đảm bảo chất lượng của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (Hung & Phương, 2018).

Tóm lại: Các nghiên cứu về đánh giá KQHT ở trình độ đại học đã cho thấy đánh giá được tiếp cận với định hướng khác nhau. Trước yêu cầu đổi mới khâu đánh giá SV, trong những năm gần đây, đánh giá KQHT chủ yếu được tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực. Các công trình nghiên cứu về xây dựng công cụ đánh giá KQHT, xây dựng tiêu chí đánh giá KQHT, phương pháp đánh giá KQHT, hình thức đánh giá KQHT, quy trình đánh giá sao cho đánh giá được kỹ năng nghề nghiệp của SV. Hiện nay, việc SV đạt CĐR là một quy định bắt buộc đối với cơ sở giáo dục đại học, nhưng từ các công trình trên cho thấy chưa có nghiên cứu nào về quản lý việc đánh giá CĐR cũng như quy trình đánh giá mức độ đạt CĐR của SV.

1.3. Các nghiên cứu về mô hình đánh giá kết quả học tập ở trình độ đại học

Đánh giá CTDH là một cái nhìn toàn diện liên quan đến các thành tố của quá trình dạy học trong đó có đánh giá KQHT (Anderson & cộng sự, 2001). Theo Mô hình đánh giá KQHT tích hợp đánh giá CTDH (Fink, 2003), đánh giá KQHT được tích hợp vào quá trình thiết kế, triển khai CTDH nhằm đảm bảo mục tiêu chương trình và là cơ sở phản hồi khi rà soát CTDH. Mô hình mô tả sự liên kết tổng thể giữa: 1) Sứ mạng/mục tiêu chương trình; 2) Các thành tố của CTDH; 3) Đánh giá KQHT; 4) Xác định nhu

cầu điều chỉnh CTDH. Sứ mạng/mục tiêu chương trình đào tạo là tuyên bố chiến lược tổng thể cho khóa học, sứ mạng/mục tiêu xác định rõ ràng. Các thành tố của CTDH bao gồm bài giảng, bài tập, thực tập và các hoạt động học tập chính khóa, ngoại khóa có liên quan. Đánh giá KQHT làm cơ sở cho việc xếp loại SV. Sự phát triển công nghệ, ngành nghề dẫn đến CTDH và mục tiêu chương trình đào tạo phải thay đổi, vì vậy phải định kỳ xác định sự phù hợp giữa mục tiêu chương trình đào tạo và CTDH. Tiếp đến là xem xét sự phù hợp giữa đánh giá KQHT của SV (nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức đánh giá) với mục tiêu chương trình đào tạo và CTDH. Sử dụng kết quả đánh giá SV là một trong những cơ sở đánh giá CTDH, rà soát mục tiêu chương trình đào tạo. Các mục tiêu, đặc điểm của CTDH được rà soát bởi các chuyên gia trong cùng lĩnh vực. Mục tiêu chương trình đào tạo, CTDH và phương pháp giảng dạy có những tác động khác nhau đến nhu cầu điều chỉnh chương trình. Nếu coi Mô hình trên như một chu trình thì một chương trình đào tạo phải có bước đánh giá KQHT, đánh giá CTDH và rà soát cải tiến liên tục.



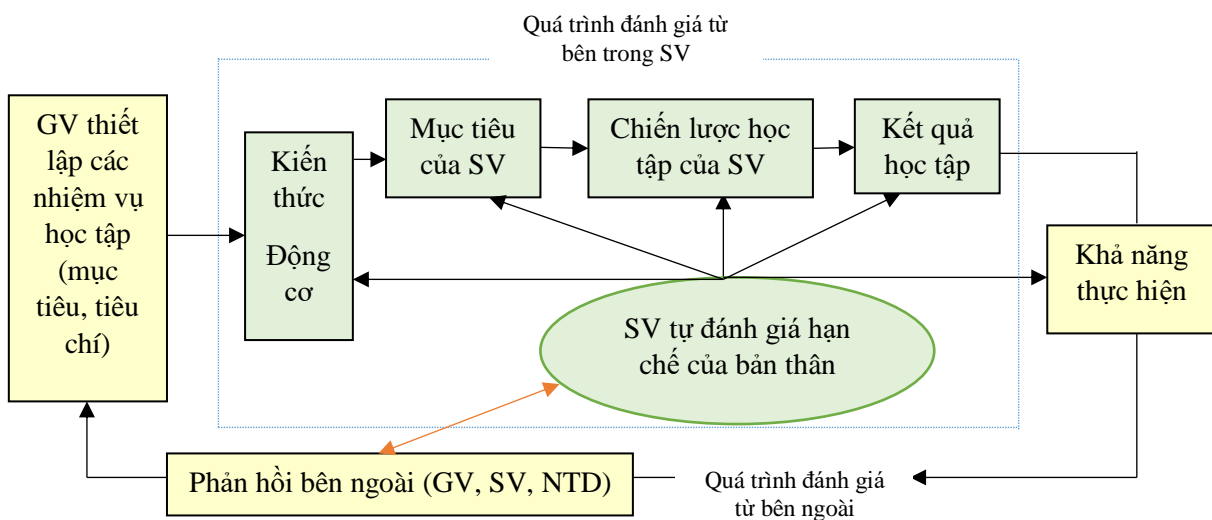
Hình 1.8. Mô hình đánh giá kết quả học tập tích hợp với đánh giá rà soát chương trình dạy học (Nguồn: Fink, 2003)

Theo Mô hình quá trình đánh giá KQHT qua phản hồi từ các bên liên quan (Nicol, 2004), quá trình đánh giá KQHT của SV được nhìn nhận ở 2 góc độ như sau:

- Góc độ thứ nhất là đánh giá từ bản thân SV (quá trình đánh giá qua phản hồi từ bên trong hoặc SV tự đánh giá): Để đạt được KQHT tốt, chính SV phải tự xác định

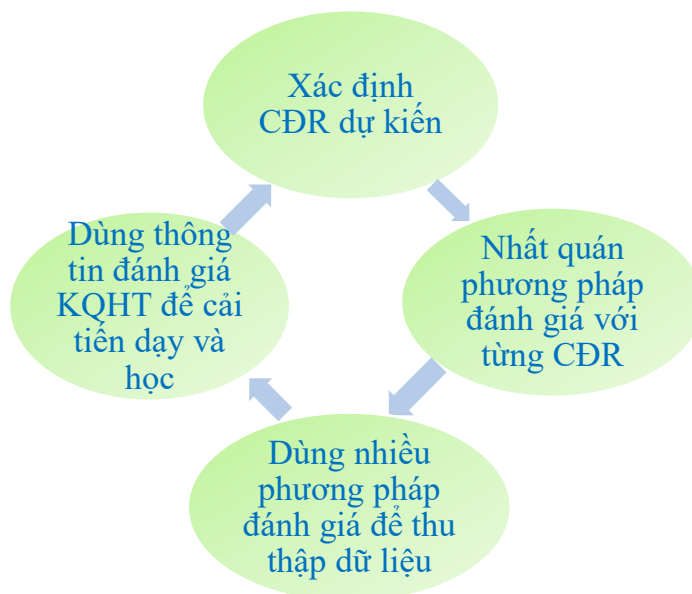
cho mình những kiến thức cần phải lĩnh hội, xác định động cơ học tập, xác định mục tiêu học tập, thiết lập chiến lược học tập (bao gồm kế hoạch, phương pháp, thời gian...), đồng thời SV tự đánh giá hạn chế của bản thân khi thực hiện nhiệm vụ học tập mà GV giao, từ đó tự xác định năng lực/khả năng thực hiện. Quá trình đánh giá KQHT nhìn dưới góc độ này vẫn chưa có đầy đủ cơ sở để xác định trình độ năng lực của SV.

- Góc độ thứ hai là đánh giá từ GV, SV cùng lớp, nhà tuyển dụng (quá trình đánh giá qua phản hồi từ bên ngoài): Để khách quan, quá trình đánh giá KQHT phải được nhìn nhận qua sự phản hồi của các bên liên quan, khi đó căn cứ nhiệm vụ học tập do GV thiết lập cho SV, các bên liên quan đánh giá khả năng SV thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. Từ đó, các bên liên quan có cơ chế phản hồi những hạn chế cần khắc phục để SV đạt mục tiêu học tập.



Hình 1.9. Mô hình quá trình đánh giá kết quả học tập qua phản hồi từ các bên liên quan (Nguồn: Nicol, 2004)

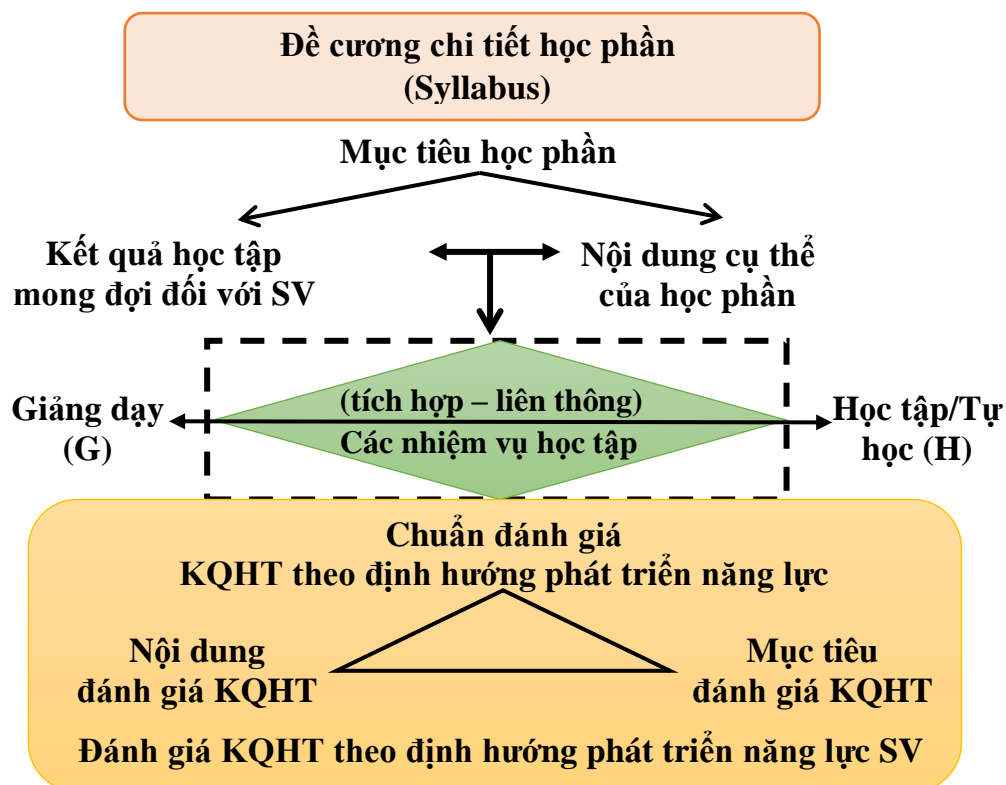
Theo cách tiếp cận CDIO (Conceive-Design-Implement-Operate) (Trinh, 2012), đánh giá là một bộ phận không thể tách rời của quá trình dạy học và nhằm khuyến khích SV học tốt hơn. Chu trình đánh giá KQHT bắt đầu là việc thiết lập các KQHT dự kiến hay nói cách khác là CDR mà SV phải đạt. Đánh giá KQHT bao quát nội dung chuyên ngành, đánh giá kỹ năng chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xây dựng qui trình, khả năng kiến tạo sản phẩm, phương pháp và công cụ đánh giá đa dạng để thu thập đầy đủ chứng cứ SV đạt CDR.



Hình 1.10. Chu trình đánh giá kết quả học tập (Trinh, 2012)

Theo tác giả Trần Khánh Đức (2011), mô hình đánh giá KQHT theo năng lực bao gồm các yếu tố cấu trúc như sau (Hình 1.11):

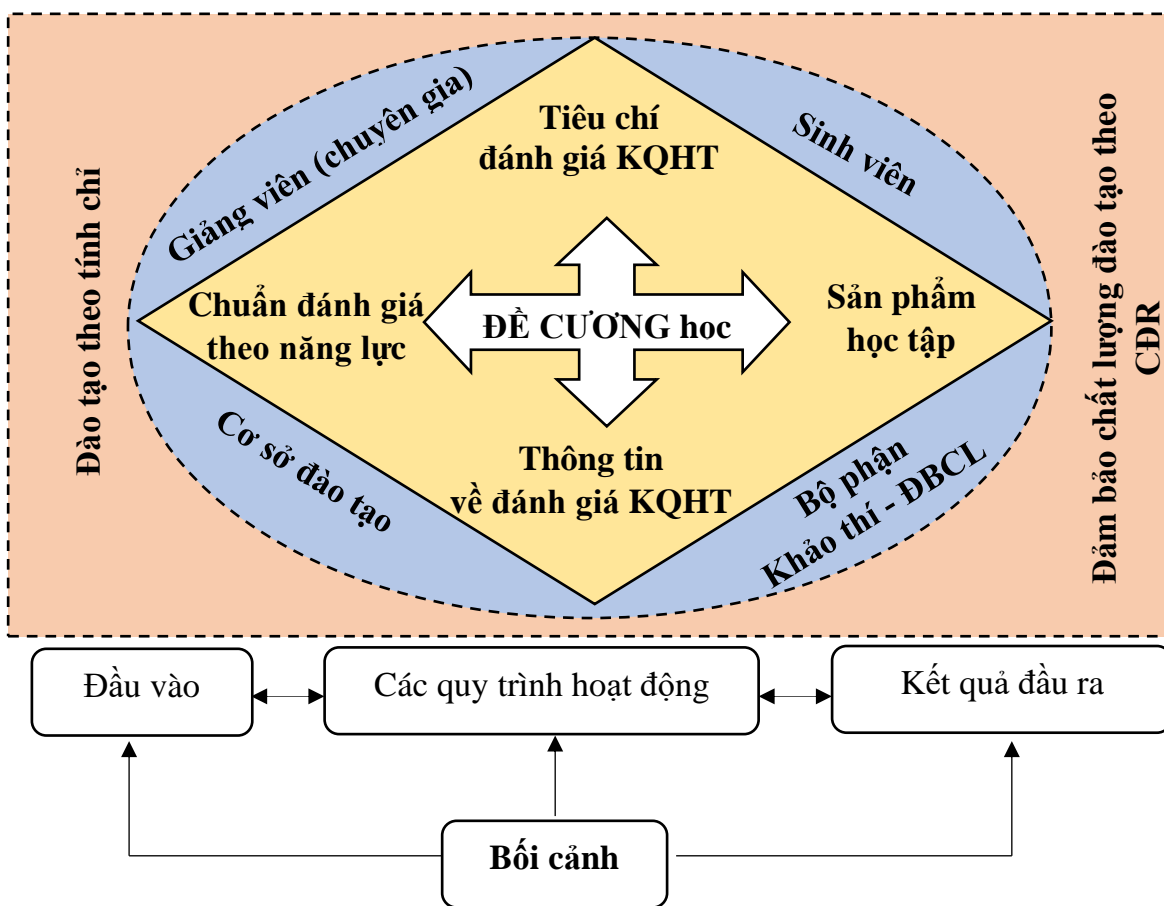
- Yếu tố cấu trúc 1: Đề cương học phần nêu rõ mục tiêu. Từ mục tiêu học phần xác định KQHT mong đợi đối với SV và xác định các nội dung cụ thể của học phần. Nội dung học phần phù hợp với KQHT mong đợi.
- Yếu tố cấu trúc 2: Hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV được tích hợp trong các nhiệm vụ học tập mà GV giao cho SV thực hiện. Các hoạt động giảng dạy và học tập phù hợp và hướng đến đạt mục tiêu học phần.
- Yếu tố cấu trúc 3: Đánh giá KQHT theo hướng phát triển năng lực. Xác định chuẩn đánh giá, mục tiêu đánh giá, nội dung đánh giá.



Hình 1.11. Các yếu tố cấu trúc trong mô hình đánh giá kết quả học tập theo năng lực
(Nguồn: Đức, 2011)

Theo Mô hình đánh giá KQHT học phần theo định hướng phát triển năng lực SV trong đào tạo tín chỉ (Nhân, 2014), cấu trúc Mô hình gồm 4 thành tố: đầu vào (inputs), các quy trình hoạt động (processes), kết quả đầu ra (outcomes) và bối cảnh (context), trong đó thành tố bối cảnh tác động lên 3 thành tố còn lại. Các yếu tố đầu vào là nhân lực (GV, CBQL, SV), tài chính và cơ sở vật chất, quy chế đào tạo. Các quy trình hoạt động giảng dạy và học tập thể hiện đầy đủ 3 giai đoạn (giai đoạn thiết kế, giai đoạn thực thi, giai đoạn tổng kết). Các quy trình bao gồm: Quy trình xây dựng chuẩn đánh giá năng lực, quy trình xây dựng đề cương chi tiết, quy trình xây dựng tiêu chí đánh giá, quy trình đánh giá sản phẩm học tập. Kết quả đầu ra bao gồm: (1) Kết quả ngắn hạn: phản hồi và xác nhận KQHT của SV theo tiến trình học phần, có thể gọi là KQHT trong quá trình, (2) Kết quả trung hạn: đánh giá mức độ đạt KQHT học phần theo định hướng phát triển năng lực SV trong đào tạo tín chỉ, có thể gọi là KQHT tổng kết học phần, (3) Kết quả dài hạn: góp phần đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo đó là phát triển năng lực SV, đảm bảo chất lượng đào tạo theo CDR. Bối cảnh là đào tạo theo tín chỉ và đảm bảo chất lượng đào tạo theo CDR. Tác giả Nguyễn Thành

Nhân cho rằng đánh giá KQHT được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần và được triển khai trong quá trình dạy học.



Hình 1.12. Mô hình đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực sinh viên trong đào tạo tín chỉ (Nguồn: Nhân, 2014)

Tóm lại: Các nghiên cứu về mô hình đánh giá KQHT ở trình độ đại học cho thấy đánh giá KQHT là một yếu tố không thể tách rời của quá trình dạy học; do đó đánh giá KQHT được thiết kế, rà soát trong quá trình thiết kế, rà soát chương trình dạy học. Khi mục tiêu của chương trình đào tạo thay đổi thì chương trình dạy học cập nhật theo, dẫn đến việc xem xét sự phù hợp giữa nội dung đánh giá, công cụ đánh giá, hình thức/phương pháp đánh giá với chương trình dạy học. Ngoài ra, nghiên cứu đã chỉ ra rằng quá trình đánh giá SV không chỉ được thực hiện bởi GV mà còn có các đối tượng khác tham gia như chính bản thân SV, SV cùng lớp, nhà tuyển dụng. Trong bối cảnh đào tạo theo học chế tín chỉ hiện nay, đánh giá KQHT theo định hướng phát triển năng lực SV được triển khai tại các cơ sở giáo dục. Để đảm bảo chất lượng giáo dục, các cơ

sở giáo dục đại học ban hành chuẩn đánh giá năng lực, GV xây dựng các tiêu chí đánh giá dựa trên chuẩn năng lực, SV yêu cầu thể hiện năng lực của mình qua sản phẩm học tập cụ thể và đơn vị chức năng của cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông tin về đánh giá KQHT. Chuẩn đánh giá năng lực, tiêu chí đánh giá, sản phẩm học tập, các thông tin về đánh giá KQHT được thể hiện đầy đủ trong đề cương chi tiết. Để có thể đánh giá KQHT theo hướng phát triển năng lực của SV, cơ sở giáo dục đảm bảo các yếu tố đầu vào phục vụ cho chương trình đào tạo, các yếu tố đầu ra và các quy trình hoạt động như: Quy trình xây dựng chuẩn đánh giá năng lực, quy trình xây dựng đề cương chi tiết, quy trình xây dựng tiêu chí đánh giá, quy trình đánh giá sản phẩm học tập. Đánh giá tiếp cận theo CDR được thực hiện bởi một chu trình gồm 4 bước: xác định CDR dự kiến, nhất quán phương pháp đánh giá với từng CDRHP, dùng nhiều phương pháp đánh giá để thu thập dữ liệu, dùng thông tin đánh giá KQHT để cải tiến dạy học.

Các nghiên cứu về mô hình đánh giá KQHT chủ yếu chỉ ra mối liên hệ giữa đánh giá KQHT của SV với các yếu tố khác trong một bối cảnh đào tạo hoặc một chu trình đánh giá hoặc một định hướng tiếp cận. Các Mô hình đánh giá KQHT hiện nay chưa thể hiện việc đánh giá được mức độ SV đạt CDR.

Kết luận Chương 1

Các nghiên cứu về mối liên hệ giữa đánh giá với các thành tố khác của quá trình dạy học trình độ đại học cho thấy đánh giá KQHT có mối liên kết chặt chẽ với mục tiêu chương trình, CĐR và tổ chức hoạt động dạy – học. Đánh giá KQHT nhằm thu thập chứng cứ xác định SV đạt hay không đạt mục tiêu học tập. Hoạt động đánh giá KQHT có liên quan đến hai chủ thể của quá trình dạy học là GV và SV.

Các nghiên cứu về đánh giá KQHT cho thấy các công trình chủ yếu nghiên cứu về các hình thức đánh giá KQHT như cách thức đánh giá tiến trình học tập/đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết/cuối kỳ; nghiên cứu công cụ đánh giá như phương pháp xây dựng bài trắc nghiệm khách quan; nghiên cứu phương pháp đánh giá và tiêu chí đánh giá; nghiên cứu các yêu cầu đánh giá được tích hợp vào nhiệm vụ học tập.

Các nghiên cứu về mô hình đánh giá cho thấy đánh giá KQHT là một thành tố cấu trúc. Theo Mô hình đánh giá SV qua phản hồi của các bên liên quan thì đánh giá SV được thực hiện qua 2 quá trình, quá trình bên trong do SV tự đánh giá, quá trình bên ngoài do GV, SV cùng lớp và doanh nghiệp đánh giá. Theo Mô hình rà soát đánh giá CTDH, đánh giá KQHT là một thành tố được tích hợp vào quá trình thiết kế, triển khai CTDH. Khi thiết kế, triển khai hoặc rà soát, đánh giá CTDH thì cần xem xét sự phù hợp giữa thành tố đánh giá KQHT (nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức đánh giá) với mục tiêu chương trình và nội dung CTDH. Kết quả đánh giá SV là một trong những cơ sở đánh giá CTDH, rà soát mục tiêu chương trình. Theo Mô hình đánh giá KQHT theo hướng tiếp cận năng lực cho thấy đánh giá KQHT đáp ứng chuẩn đánh giá năng lực, mục tiêu đánh giá. Mô hình về chu trình đánh giá KQHT theo CĐR được bắt đầu từ việc xác định CĐR mà SV cần đạt được.

Trong giai đoạn hiện nay, đánh giá KQHT chuyển sang định hướng năng lực mà cụ thể là đánh giá theo CĐR. Song từ các nguyên cứu trên cho thấy, đánh giá KQHT theo CĐRH chưa có một mô hình riêng biệt để theo đó triển khai tổ chức thực hiện mà phần lớn đánh giá KQHT được lồng ghép vào các mô hình khác như là một thành tố không thể thiếu trong mô hình đó.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ

2.1. Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu

2.1.1. Chuẩn đầu ra học phần

Trong tiếng Anh, khái niệm “intended learning outcomes”, “expected learning outcomes”, “learning outcome” tạm dịch là KQHT dự kiến, KQHT đầu ra. Tại Việt Nam, các khái niệm trên được hiểu với nội hàm là CĐR. CĐR thể hiện những điều SV nên biết, hiểu và có năng lực thực hiện trên cơ sở trình độ văn bằng yêu cầu. CĐR khẳng định những điều mà chúng ta muốn SV có khả năng biết, hiểu, làm khi hoàn thành một khóa đào tạo (Huba, Mary E. & Freed, Jann E., 2000). CĐR là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà SV có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo (Airasian, P. M., 2005). CĐR chương trình đào tạo là nội hàm chất lượng tối thiểu của người tốt nghiệp chương trình, là những chỉ số về phẩm chất, kiến thức, kỹ năng/kỹ xảo, tính cách/hành vi và khả năng/năng lực hay tổng quát hơn là các kỹ năng cứng và kỹ năng mềm của sản phẩm đào tạo/SV có được sau khi kết thúc chương trình đào tạo (Ngọc & Hoan, 2010). CĐR nói chung là năng lực dự kiến/mong đợi SV làm được sau khi hoàn tất một buổi học, một học phần, một khóa học, một chương trình (Trinh & Nghĩa, 2014). Khái niệm CĐR chương trình đào tạo được sử dụng phổ biến trong giáo dục theo nhiều tiếp cận khác nhau: Thứ nhất, CĐR trong mối quan hệ giữa các cơ sở đào tạo, với các nhà tuyển dụng và xã hội; thứ hai, CĐR trong mối quan hệ với chương trình đào tạo (Huong, 2018). Đối với cách tiếp cận thứ hai, CĐR và nội dung chương trình đào tạo có tính độc lập tương đối nhưng có mối quan hệ chặt chẽ, tác động, chi phối lẫn nhau, cùng hướng đến mục tiêu đào tạo của chương trình.

Tại Việt Nam, Bộ GD&ĐT chính thức sử dụng thuật ngữ “chuẩn đầu ra” trong Công văn số 2196/BGDĐT-GHĐH năm 2010 về hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo. Theo đó, CĐR là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề, công việc mà SV có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo (Bộ GD&ĐT, 2010).

Căn cứ văn bản quy định của Nhà nước và khái niệm của nhiều tác giả với nhiều tiếp cận khác nhau, trong khuôn khổ nghiên cứu này tác giả luận án khái niệm *CĐRHP* là các yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà SV đạt được khi kết thúc quá trình học tập học phần.

2.1.2. Kết quả học tập

Kết quả học tập được hiểu theo 2 nghĩa: Một là, mức độ SV đạt được so với các mục tiêu học tập đã xác định theo tiêu chí đặt ra. Hai là, mức độ SV đạt được so với những SV cùng học khác theo tiêu chuẩn đặt ra (Lãm, 2003); là bằng chứng sự thành công của SV về kiến thức, kỹ năng, thái độ được đặt ra trong mục tiêu đào tạo (Joao D., 2006).

Kết quả học tập theo nghĩa rộng là tổng thể các biểu hiện phản ánh sự thay đổi trên phương diện nhận thức, năng lực hành động, thái độ biểu cảm xã hội cũng như tương tác xã hội mà SV có được thông qua hoạt động học tập tự giác, tích cực, chủ động diễn ra một cách bình thường trong cuộc sống, trong các hoạt động và các mối quan hệ xã hội của mỗi người. Kết quả học tập theo nghĩa hẹp là thành quả thực tế của cá nhân SV phản ánh mức độ đáp ứng yêu cầu học tập theo định hướng mục tiêu, của nội dung học tập trong môn học cũng như trong chương trình đào tạo quy định, chúng được đánh giá trên cơ sở đo lường và kiểm tra theo các tiêu chí khác nhau (Nhân, 2014).

Trên cơ sở thực tiễn giáo dục đại học và kế thừa các nhà khoa học, tác giả luận án khái niệm *KQHT* là thành quả đạt được của SV trong quá trình học tập, nó phản ánh mức độ đáp ứng yêu cầu học tập theo định hướng *CĐRHP* và *CĐR* chương trình đào tạo.

2.1.3. Đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Đánh giá là quá trình đưa ra những kết luận về việc học tập của SV, xác định mức độ SV đạt mục tiêu đào tạo (Palom C. A & Banta T. W., 1999). Quá trình này trở nên tối ưu khi kết quả đánh giá dùng để cải tiến việc học tập của SV (Freed & Huba, 2000). Việc đánh giá được tiến hành ở những cấp độ khác nhau, trên những đối tượng khác nhau, với những mục đích khác nhau (Hương, 2011). Đánh giá luôn song song với kiểm tra, kiểm tra là công cụ, phương tiện đo lường kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV hay nói cách khác kiểm tra là phương tiện của đánh giá, còn đánh giá là mục đích của kiểm tra. Mục đích đánh giá quyết định nội dung và hình thức của kiểm tra (Điều, 2012). Đánh giá trong giáo dục đại học là quá trình tiến hành có hệ thống để xác định mức độ đạt được của SV theo mục tiêu đào tạo, qua đó có thể đưa ra các nhận định, phán đoán về KQHT của SV và chất lượng sản phẩm đào tạo của cơ sở giáo dục nói chung đồng thời góp phần cải tiến giảng dạy và học tập tốt hơn (Nhân, 2014).

Đánh giá KQHT là quá trình thu thập, phân tích và giải thích thông tin một cách có hệ thống nhằm xác định mức độ đạt đến các mục tiêu đào tạo về phía SV. Đánh giá có thể thực hiện bằng phương pháp định lượng qua kỹ thuật đo lường hay định tính qua phỏng vấn, quan sát (Lãm, 2003).

Đánh giá KQHT là một kế hoạch tổng thể bao gồm 4 giai đoạn chủ yếu: Một là, thu thập thông tin về hiện trạng của KQHT; hai là, xử lý, phân tích về hiện trạng, khả năng, nguyên nhân KQHT; ba là, hình thành những nhận định, phán đoán, nhận xét về KQHT so với mục tiêu học tập và CDR đã xác định; bốn là, ra quyết định cải thiện thực trạng, điều chỉnh, nâng cao KQHT cho giai đoạn tiếp theo (Hương, 2012).

Từ điển Giáo dục học định nghĩa “đánh giá KQHT là xác định mức độ nắm bắt được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của SV so với yêu cầu của chương trình đề ra. Nội dung đánh giá là những KQHT hằng ngày, cũng như những kết quả phản ánh trong các kỳ kiểm tra định kỳ, kiểm tra tổng kết về mặt kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của từng môn học. Yêu cầu đánh giá là chú trọng xem xét mức độ thông hiểu và bền vững của kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo so với chuẩn của chương trình” (Hiền, 2013, trang 72).

Trong nghiên cứu này, tác giả luận án khái niệm *đánh giá KQHT theo CDRHP là quá trình thu thập, xử lý và phân tích thông tin một cách có hệ thống để xác định, đo lường mức độ đạt CDRHP.*

2.1.4. Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Theo Từ điển Giáo dục học, “mô hình là sự thể hiện một ý tưởng cần đạt được bằng cách mô phỏng, bắt chước một đối tượng có thật hoặc bằng cách dựa vào một tập hợp những đặc trưng cần chiếm lĩnh nhằm tiếp cận một trạng thái hoàn hảo. Mô hình là sự đơn giản hóa hoặc sự thu nhỏ một đối tượng thực tiễn về không gian và thời gian để hiểu tốt hơn” (Hiền, 2013, trang 257). Mô hình là đối tượng được tạo ra tương ứng với đối tượng khác qua một số mặt nhất định, phản ánh quan niệm về cấu trúc, thuộc tính, chức năng, cơ chế vận hành của sự vật hiện tượng hay quá trình nào đó trong hiện thực. Mô hình không chỉ phản ánh tính chất đúng đắn về mặt lý thuyết mà còn phải thể hiện được lợi ích về mặt thực tế của nó khi áp dụng trong thực tiễn. Để có thể đáp ứng các yêu cầu này, tùy loại mô hình nhất định sẽ phải thể hiện những tính chất đặc thù và nổi trội của nó. Một số tính chất của mô hình như sau: Tính đẳng cấu giữa mô hình và đối tượng hiện thực, tính mô phỏng tương đối của mô hình, tính lý tưởng và khả thi của mô hình, tính dự báo của mô hình, tính định hướng của mô hình (Nhân, 2014).

Quá trình dạy học là một hiện thực thuộc lĩnh vực giáo dục. Đánh giá KQHT của SV là một đối tượng, một thành tố không thể thiếu trong quá trình dạy học. Đánh giá KQHT của SV theo CDRHP là một hướng tiếp cận phù hợp với xu thế và phù hợp với mô hình đào tạo dựa trên CDR. Hoạt động đánh giá KQHT được lồng ghép vào trong quá trình dạy học, phân tích có hệ thống KQHT của SV nhằm đưa ra nhận định về mức độ SV đáp ứng CDRHP.

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, tác giả luận án xác định khái niệm *Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP là một cấu trúc thể hiện sự liên kết giữa thành tố đánh giá KQHT và thành tố CDRHP. Mô hình khái quát quy trình triển khai thực hiện đánh giá KQHT trong mối liên hệ với CDRHP nhằm đo lường mức độ SV đạt CDR khi hoàn thành học phần.*

2.2. Lý luận về chuẩn đầu ra học phần

2.2.1. Cấu trúc của chuẩn đầu ra học phần

Khung trình độ quốc gia Việt Nam quy định cấu trúc CDR chương trình đào tạo trình độ đại học gồm (1) Kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; (2) kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; (3) mức độ tự chủ

và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cụ thể (Bộ GD-ĐT, 2016). Cấu trúc CĐRHP được thiết lập trên cơ sở vận dụng cấu trúc CĐR chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

(1) Kiến thức: Kiến thức lý thuyết chuyên môn sâu rộng, kiến thức thực tế vững chắc trong phạm vi học phần.

(2) Kỹ năng: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề chuyên môn và tình huống thực tế trong phạm vi học phần.

(3) Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về học phần và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

2.2.2. Yêu cầu của chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra học phần phải cụ thể rõ ràng; phải đo lường và đánh giá được; có thể thực hiện và đạt được qua các bằng chứng; khả thi và phù hợp thực tiễn; CĐR phải phù hợp trong khuôn khổ thời lượng quy định và nội dung của học phần.

Để có thể đo lường đánh giá, CĐRHP phân loại cấp độ nhận thức (thang Bloom) mô tả mức độ đạt được CĐRHP trên 3 miền học tập, đó là: miền nhận thức (cognitive domain), miền tâm vận động (psychomotor domain), miền xúc cảm (affective domain). Mỗi miền học tập được chia thành 5-6 mức độ, sắp xếp theo thứ tự từ đơn giản đến phức tạp, đưa ra yêu cầu SV phải đạt được khi hoàn thành học phần.

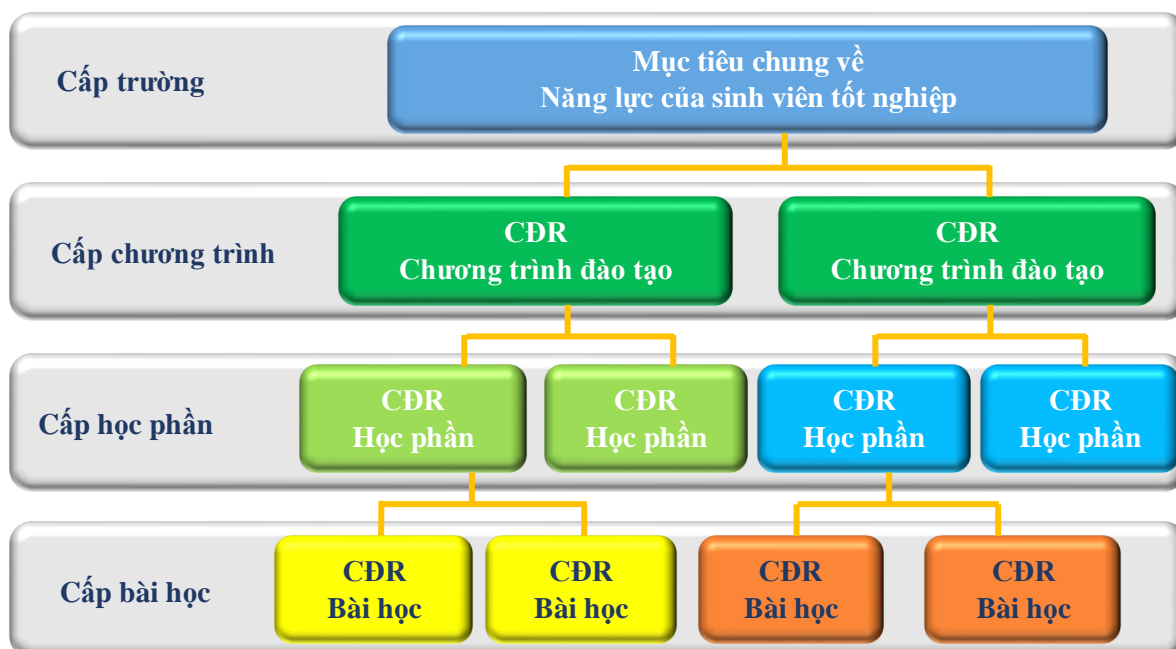
2.2.3. Vai trò của chuẩn đầu ra học phần

Thứ nhất, CĐRHP có vai trò thiết lập kế hoạch đào tạo và lộ trình dạy - học nhằm phát triển kiến thức, kỹ năng cần thiết cho SV, đánh giá thành quả đạt được của SV trong quá trình học tập. Kế hoạch đào tạo bắt đầu từ những học phần thuộc khối kiến thức nền tảng đến khối kiến thức chuyên sâu nghề nghiệp. Thứ hai, CĐRHP định hướng cho hoạt động dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Đối với GV, CĐRHP là kiến thức, kỹ năng, thái độ mà cơ sở giáo dục cần trang bị cho SV, nó làm kim chỉ nam để GV thiết kế nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá KQHT phù hợp. Đối với SV, CĐRHP là các kiến thức, kỹ năng, thái độ mà SV cần đảm bảo lĩnh hội được ngay thời điểm hoàn thành học phần, nó làm kim chỉ nam định hướng kế hoạch học tập, phương pháp học tập, thái độ học tập để SV đạt các yêu cầu

tối thiểu của CDRHP, qua đó đạt CDR chương trình đào tạo. Thứ ba, CDRHP định hướng nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính, nguồn lực khác phục vụ cho học phần và chương trình đào tạo.

2.2.4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra bài học

Chuẩn đầu ra có nhiều cấp độ, được phân nhiệm cho từng học phần và bài học cụ thể trong chương trình đào tạo. Mô hình đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á, CDR có 4 cấp độ như sau: CDR cấp trường, CDR cấp chương trình đào tạo, CDR cấp học phần, CDR cấp bài học. Bốn cấp độ CDR có liên quan một cách có hệ thống. CDR cấp trường thể hiện mục tiêu đào tạo của trường về năng lực SV sau vài năm tốt nghiệp. CDR cấp chương trình đào tạo mô tả trình độ năng lực tối thiểu của SV ngay khi tốt nghiệp chương trình, cụ thể hóa mục tiêu đào tạo thành kiến thức, kỹ năng, thái độ (mức tự chủ và trách nhiệm). CDR cấp học phần thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ phải đạt được khi hoàn thành học phần. CDR cấp bài học thể hiện yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ phải đạt được sau khi hoàn thành bài học. Đến cấp độ bài học thì CDR đã được chi tiết hóa hoàn toàn.



Hình 2.1. Các cấp độ chuẩn đầu ra (Nguồn: AUN-QA)

Xác định mối liên hệ các cấp độ CDR qua việc thiết lập các ma trận liên kết CDR. Ma trận CDR chương trình đào tạo với các học phần thể hiện sự phân bổ CDR chương trình đào tạo vào các học phần liên quan nhằm chỉ rõ những CDR do từng học phần đảm trách.

Quy ước ký hiệu:

- Nội dung CDR chương trình đào tạo ký hiệu là PLO (programme learning outcome).
- Nội dung CDRHP ký hiệu là CLO (course learning outcome).
- Nội dung CDR bài học ký hiệu là LLO (lesson learning outcome).

Từ mục tiêu của chương trình, xác định các CDR chương trình đào tạo theo các khối kiến thức như sau (Bảng 2.1):

Bảng 2.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

Mã số của CDR chương trình đào tạo	Nội dung của CDR chương trình đào tạo
<i>Chuẩn đầu ra về kiến thức</i>	
Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO 1
PLO 2...
Kiến thức cơ sở khối ngành	
PLO 3
PLO 4...
Kiến thức ngành	
PLO 5
PLO 6...
<i>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</i>	
PLO 7
PLO 8...
<i>Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp</i>	
PLO 9
PLO 10...

Từ CDR chương trình đào tạo (PLO) cụ thể hóa thành các CDRHP (CLO) và xác định mối liên hệ giữa CDR chương trình đào tạo với các học phần trong chương trình, cụ thể như sau (Bảng 2.2):

Bảng 2.2. Ma trận mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần A (CLO)	Đáp ứng CDR chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CLO 1	x		x				x		x	
CLO 2	x									x
CLO 3									x	
CLO 4					x					
CLO 5			x							x
CLO 6 ...	x				x		x			
Học phần A	x		x		x		x		x	x

Xác định mối liên hệ giữa CDR bài học (LLO) với các CDRHP (CLO) và mối liên hệ giữa CDRHP với các bài học, cụ thể như sau (Bảng 2.3):

Bảng 2.3. Ma trận mối liên kết giữa chuẩn đầu bài học với chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra bài học LLO	Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO)					
	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
LLO 1	x			x		
LLO 2...			x			
Bài học B	x		x	x		

2.2.5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với mục tiêu học phần

Mục tiêu học phần tập trung vào nội dung mà GV mong muốn và ở thời điểm xa hơn quá trình học tập, còn CDRHP tập trung vào những vấn đề cụ thể mà SV sẽ biết hoặc có khả năng làm được ở thời điểm khi kết thúc việc học tập (G. Rogers, 2020). Vì vậy, mục tiêu có tính chất định hướng xa hơn quá trình học tập nên mang tính chất tổng quát hơn và không nhất thiết phải đo lường đánh giá được, trong khi CDR cần phải đo lường và đánh giá được nhằm kiểm chứng hoạt động học tập đã được hoàn

thành như thế nào. CDRHP có thể được đo lường thông qua một số các CDR quan trọng của các học phần đó hoặc đo lường các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CDR (Performance Indicator, gọi tắt là PI).

Khi xây dựng chương trình đào tạo, thiết lập mục tiêu chương trình trước khi xây dựng CDR. Các CDR chương trình đào tạo sẽ hỗ trợ đạt được các mục tiêu chương trình (Việt & Hà, 2021, trang 44). Tương tự vậy khi xây dựng học phần cần thiết lập mục tiêu trước và sau đó xây dựng các CDRHP. Các CDRHP sẽ hỗ trợ để đạt được mục tiêu học phần và có thể kiểm chứng điều này thông qua các ma trận quan hệ giữa mục tiêu học phần với CDRHP. Nếu các CDRHP góp phần hỗ trợ để đạt được tất cả các mục tiêu thì xem như mục tiêu của học phần là khả thi.

Bảng 2.4. Ma trận giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra học phần	Nội dung của chuẩn đầu ra học phần	Mục tiêu		
		1	2	3
CLO 1	x	x	
CLO 2			x
CLO 3	x	x	x
CLO 4	x		
CLO 5		x	
CLO 6	x		

2.3. Lý luận về đánh giá kết quả học tập

2.3.1. Mục đích của đánh giá kết quả học tập

Đánh giá KQHT là một quá trình giúp SV xác định kiến thức và kỹ năng hiện có, đặt ra kế hoạch trong tương lai, giúp cho SV biết được mình đang ở mức độ nào trong việc đạt được mục tiêu học tập. Việc đánh giá xác định và thể hiện những bằng chứng về kỹ năng và kiến thức của SV đã đạt được, đánh giá cũng được sử dụng để hỗ trợ trong việc cải thiện quá trình dạy học (Oanh, 2014, trang 16). Đánh giá có các mục đích chính như:

- Xác định mức độ mà SV cần phải đạt được.
- Xác định nhu cầu học tập của SV.
- Hỗ trợ và quản lý quá trình dạy và học.

- Xác nhận hoặc cấp chứng chỉ cho thành quả học tập của SV.
- Xác định điểm mạnh và điểm yếu của chương trình hoặc của quá trình học tập.

Một công cụ đánh giá hay một hoạt động đánh giá cụ thể có thể sử dụng với nhiều mục đích, tuy nhiên không phải một hoạt động đánh giá hay công cụ đánh giá nào cũng phải hướng đến tất cả các mục đích trên.

2.3.2. Chức năng của đánh giá kết quả học tập

2.3.2.1. Chức năng định hướng

Với chức năng định hướng (Oanh, 2014, trang 17), kết quả đánh giá có thể đo lường và dự báo trước khả năng của SV có thể đạt được trong quá trình học tập, đồng thời xác định những điểm mạnh và điểm yếu của SV, giúp cho GV thu thập được các thông tin về SV như kiến thức, kỹ năng, hứng thú của SV với học phần, xem xét sự khác biệt giữa các SV.

Trong quá trình dạy học, để đảm bảo chức năng định hướng và thực hiện kiểm tra đánh giá KQHT một cách hiệu quả, GV lập kế hoạch, chuẩn bị nội dung giảng dạy, nội dung và công cụ đánh giá và các yếu tố khác. Đồng thời GV có thể chọn cách dạy phù hợp với khả năng của SV; giúp SV có thể lựa chọn lộ trình học tập, phương pháp, tài liệu, các hình thức học tập phù hợp. Việc đánh giá theo chức năng định hướng cũng làm cơ sở cho việc lựa chọn bồi dưỡng kiến thức, hay xếp nhóm để có những tác động có hiệu quả đối với SV.

2.3.2.2. Chức năng xác nhận

Đánh giá thực hiện chức năng xác nhận (Oanh, 2014, trang 18) là nhằm xác định mức độ mà SV đạt được các mục tiêu học tập, đồng thời làm căn cứ cho những quyết định phù hợp. Chức năng này có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt, đặc biệt là về mặt xã hội. Chức năng xác nhận bộc lộ tính hiệu quả của quá trình đào tạo.

Đánh giá với chức năng xác nhận cung cấp những số liệu để thừa nhận hay bác bỏ sự hoàn thành hay chưa hoàn thành khoá học, chương trình học hoặc học phần để đi đến quyết định là cấp chứng chỉ, cấp bằng hoặc cho lên lớp v.v ... Nó đòi hỏi phải thiết lập một ngưỡng trình độ tối thiểu và xác định vị trí kết quả của SV với ngưỡng này, từ đó đòi hỏi SV phải đạt được mức độ tối thiểu các mục tiêu đã xác định. Do vậy, một ngưỡng trình độ tối thiểu đưa ra là quan trọng. Đánh giá với chức năng xác nhận

cũng có thể nhằm xếp loại SV theo mục đích nào đó, nhằm phân biệt trình độ khác nhau giữa SV này với SV khác để xếp hạng hay tuyển chọn. Công cụ để đánh giá theo chức năng xác nhận là các bài kiểm tra, thi xác định trình độ. Việc đánh giá thường được tiến hành sau một giai đoạn học tập. Đánh giá này mang tính tổng hợp. Do vậy, việc chọn nội dung đánh giá phải đặc trưng cho kiến thức của cả một quá trình học tập nhất định, việc đánh giá cần lập kế hoạch cẩn thận và tiến hành theo một quy trình hợp lí. Kết quả đánh giá cũng có thể được đối chiếu với những kết quả đánh giá đầu tiên. Sự so sánh này không chỉ là để quan sát quá trình tiến triển và xu hướng chung của thành tích mà còn để chứng minh cho quá trình đào tạo có hiệu quả hoặc chưa có hiệu quả, còn thiếu sót.

2.3.2.3. Chức năng hỗ trợ

Đánh giá thực hiện chức năng hỗ trợ (Oanh, 2014, trang 19) là chẩn đoán, điều chỉnh để hỗ trợ việc học tập, giúp cho quá trình dạy học có hiệu quả. Quá trình dạy học thường diễn ra trong một thời gian khá dài và SV thường khó bảo toàn tất cả kiến thức đã thu được, xuất hiện tình trạng thiếu kiến thức và tình trạng này ngày một tăng do khối lượng kiến thức tăng lên. Như vậy, vấn đề không chỉ là đưa ra một tiến trình học tập cho SV mà phải xem xét đến các giai đoạn của tiến trình này để các giai đoạn đó được kết nối với nhau nhờ sự đánh giá. Chúng được thực hiện theo một tuyến hành trình (các mục tiêu, các tình huống học tập, các đánh giá bộ phận). Đánh giá thực hiện chức năng hỗ trợ đòi hỏi phải có cách xử lí thông tin để vừa có tính chất thu tóm đối với các thời điểm khác nhau của quá trình học tập (kiểm điểm lại quá trình học tập trước đây của mình), vừa có tính chất thúc đẩy, củng cố, mở rộng, nâng cao chất lượng vốn kiến thức. Đánh giá hỗ trợ cho học tập, đòi hỏi GV và SV cùng tham gia tổ chức để đảm bảo cho sự thành công của quá trình dạy học. Với chức năng hỗ trợ, đánh giá sẽ đặt SV trước trình độ học lực của họ, đồng thời tạo điều kiện giúp đỡ họ cải thiện, nâng cao về số lượng và chất lượng tri thức. Thông qua đánh giá, sẽ xác định được thiếu sót của từng SV và giúp đỡ họ khắc phục. Các bài kiểm tra với mục đích này có tính chất chẩn đoán, tổng số điểm của bài kiểm tra là quan trọng thứ yếu. Điều cơ bản là phải theo dõi những thiếu sót trong bài làm đó để tìm ra những khó khăn và giúp cho SV vượt qua. Các phương pháp đánh giá được sử dụng để thực hiện chức năng hỗ

trợ thường bao gồm việc quan sát thái độ học tập hàng ngày của SV, đặt câu hỏi cho SV trả lời, giao các bài tập về nhà, theo dõi việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập, thông tin phản hồi của GV cho SV. Những đánh giá này thường được sử dụng rất linh hoạt trong những tình huống cụ thể, cung cấp cho SV những tín hiệu ngược về sự học tập của họ, từ đó giúp họ điều chỉnh cách học cho phù hợp.

2.3.3. Yêu cầu của đánh giá kết quả học tập

2.3.3.1. Đánh giá phải đảm bảo tính khách quan

Đánh giá phản ánh được chính xác KQHT của SV trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đặt ra, đánh giá khách quan đòi hỏi tránh bị ảnh hưởng bởi những yếu tố chủ quan làm sai lệch tính chính xác của đánh giá. Đánh giá khách quan không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của người đánh giá. Đánh giá khách quan cũng là yêu cầu của xã hội đối với chất lượng giáo dục, nó tạo ra các yếu tố tâm lý tích cực cho người được đánh giá (Oanh, 2014, trang 25).

Để đánh giá khách quan cần ngăn ngừa được các yếu tố dẫn đến đánh giá không chính xác như:

- Những yếu tố chủ quan từ phía những người tham gia vào quá trình đánh giá, tính chủ quan của người đánh giá thể hiện ở trạng thái tâm lý, ở năng lực, phẩm chất nhân cách, kinh nghiệm, định kiến.
- Những yếu tố từ phía người được đánh giá như tâm trạng, sức khỏe, phẩm chất, tính trung thực.
- Công cụ đánh giá phải đảm bảo được các yêu cầu để đánh giá được chính xác, thể hiện ở thiết kế các câu hỏi kiểm tra đánh giá, các thang đo.
- Môi trường diễn ra quá trình kiểm tra đánh giá cũng có ảnh hưởng đến tính khách quan của đánh giá.

Tổ chức kiểm tra đánh giá cần được thực hiện theo quy trình hợp lý và tuân thủ các quy định của kiểm tra đánh giá sẽ nâng cao tính khách quan trong đánh giá KQHT của SV. Cần xác định rõ ràng các tiêu chí đánh giá, hình thành cho SV kỹ năng tự kiểm tra đánh giá, ngăn ngừa thái độ đối phó trong kiểm tra, thi.

2.3.3.2. Đánh giá đảm bảo công bằng

Đánh giá đảm bảo công bằng là phải tạo điều kiện cho tất cả SV có cơ hội như nhau để thể hiện KQHT và kết quả đánh giá phải thể hiện đúng KQHT của họ (Oanh, 2014, trang 26). Để thực hiện yêu cầu này cần lưu ý:

- Không có sự phân biệt và thiên vị khi đánh giá, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan khi đánh giá.
- Cần tránh những ảnh hưởng từ các yếu tố như chủng tộc, giới tính, nguồn gốc, dân tộc, địa vị kinh tế – xã hội, môi trường sống. Những yếu tố này cần tránh không chỉ trong quá trình đánh giá của GV mà ngay cả trong nội dung của các bài kiểm tra đánh giá.
- Cần cho tất cả SV được biết về phạm vi sẽ đánh giá nhằm giúp SV định hướng trong quá trình học tập, ôn tập, tuy nhiên đó không phải là những nội dung cụ thể.
- Giúp cho SV có kỹ năng để làm bài kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra đánh giá. Chẳng hạn như: biết cách xem xét cẩn thận những chỉ dẫn khi làm bài, hoặc biết cách lựa chọn những phần nào làm trước, phần nào làm sau, điều này có thể gây thiệt thòi đối với những SV chưa có kỹ năng làm bài.
- Tiêu chí đánh giá cũng như kết quả đánh giá phải được công bố công khai và kịp thời cho SV.

2.3.3.3. Đánh giá phải đảm bảo tính toàn diện

Đánh giá phải bao quát được các mặt, các khía cạnh cần đánh giá theo yêu cầu, mục đích của giáo dục. Đánh giá toàn diện đòi hỏi phải đánh giá được đầy đủ các mục tiêu đã xác định, cho phép xem xét đối tượng đánh giá một cách đầy đủ, khách quan, chính xác, tránh sự phiến diện. Để đánh giá toàn diện cần có sự lựa chọn và kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu học tập đã xác định, phù hợp với đặc điểm của học phần và các điều kiện cụ thể (Oanh, 2014, trang 27).

2.3.3.4. Đánh giá đảm bảo tính thường xuyên có hệ thống

Đánh giá cần được tiến hành liên tục đều đặn, theo kế hoạch nhất định. Đánh giá thường xuyên, có hệ thống sẽ thu được thông tin đầy đủ, rõ ràng, tạo cơ sở để đánh giá một cách toàn diện. Đánh giá thường xuyên và có hệ thống sẽ định kỳ cung cấp cho CBQL giáo dục, cho GV đầy đủ những thông tin để điều chỉnh kịp thời các hoạt động

học tập của SV. Số lần kiểm tra đánh giá phải đảm bảo đủ theo quy định để có cơ sở đánh giá chính xác (Oanh, 2014, trang 27).

2.3.3.5. Đánh giá đảm bảo tính hiệu quả

Đánh giá phải phù hợp với công sức và thời gian tiến hành kiểm tra đánh giá. Thông thường, đánh giá với chi phí ít nhưng đảm bảo giá trị và tin cậy sẽ hiệu quả. Để nâng cao hiệu quả đánh giá, cần có sự phù hợp về thời gian thực hiện quá trình đánh giá, bao gồm thời gian chuẩn bị, thời gian tổ chức thực hiện, thời gian chấm điểm, công bố kết quả. Thời gian cho mỗi khâu này là khác nhau đối với mỗi phương pháp sử dụng để đánh giá (Oanh, 2014, trang 27).

2.3.3.6. Đánh giá đảm bảo tính phát triển

Đánh giá phải tạo ra động lực để thúc đẩy đối tượng được đánh giá vươn lên, có tác dụng thúc đẩy các mặt tốt, hạn chế mặt tiêu cực. KQHT của mỗi SV trong quá trình học tập thể hiện trình độ nhận thức riêng của mỗi SV. Kết này thể hiện ở điểm số của các bài kiểm tra chính thức, đó là căn cứ để đưa ra kết luận về KQHT của SV. Tuy nhiên, trong suốt quá trình học tập, những kết quả đánh giá không chính thức chỉ phản ánh một thời điểm của hoạt động nhận thức, thông qua đó GV liên tục thu thông tin để giúp SV điều chỉnh hoạt động học tập, tiếp tục nỗ lực phấn đấu vươn lên không ngừng để đạt được mục tiêu học tập. Do vậy, đòi hỏi đánh giá không chính thức phải linh hoạt, mềm dẻo, có tác dụng khích lệ, động viên, tạo động lực cho sự học tập của SV. Tính mềm dẻo không có nghĩa là bỏ qua chuẩn về chất lượng mà nó là sự điều chỉnh linh hoạt ở từng thời điểm học tập, đảm bảo cho chất lượng và hiệu quả chung của cả quá trình. Trong quá trình đánh KQHT, tất cả các yêu cầu trên có mối quan hệ với nhau, chúng cần phải được thực hiện đồng thời nhằm thực hiện tốt các chức năng của đánh giá (Oanh, 2014, trang 28).

2.3.4. Các bước cơ bản của quá trình đánh giá kết quả học tập

Tùy thuộc vào mục đích đánh giá, đối tượng đánh giá, cấp độ và phạm vi đánh giá mà mỗi loại hình đánh giá sẽ được tiến hành theo các bước cụ thể. Tuy nhiên, đánh giá kết quả trong nhà trường thường bao gồm các bước như sau (Oanh, 2014, trang 29):

Bước 1: Xác định mục đích đánh giá

Xác định mục đích đánh giá là khâu đầu tiên của một tiến trình đánh giá, đòi hỏi phải xác định được đánh giá KQHT nhằm mục đích gì? Quyết định nào sẽ được đưa ra sau khi đánh giá? Như vậy, xác định mục đích đánh giá sẽ hướng dẫn các bước tiếp theo của tiến trình đánh giá.

Bước 2: Xác định nội dung và các phương pháp đánh giá

Nội dung đánh giá căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung và phương pháp đánh giá phải phù hợp với hình thức đánh giá, là đánh giá thường xuyên hay đánh giá định kì, đánh giá tổng kết, cũng như phù hợp với đặc điểm của học phần.

Bước 3: Xây dựng hoặc lựa chọn công cụ đánh giá

Công cụ đánh giá có vai trò quan trọng trong việc đánh giá chính xác KQHT của SV, xây dựng các bảng ma trận đề kiểm tra sẽ giúp đưa ra được một cấu trúc hợp lý để xác định đầy đủ, toàn diện và cân đối phạm vi kiến thức, kỹ năng cần đánh giá. Nếu chưa có sẵn các công cụ đánh giá thì cần phải triển khai xây dựng, việc xây dựng các công cụ đánh giá, cần tuân thủ quy trình nhất định để đảm bảo được chất lượng của công cụ đánh giá. Đánh giá sẽ có giá trị nếu các công cụ thể hiện các tiêu chuẩn và tiêu chí đều rõ ràng, tức là có thể đánh giá được đúng những gì cần đánh giá. Việc thông báo rõ các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá cho những người đánh giá và những đối tượng được đánh giá sẽ đưa đến tính thống nhất, giảm bớt những căng thẳng có thể xảy ra trong quá trình đánh giá.

Bước 4: Thu thập và xử lý thông tin đánh giá

Trên cơ sở mục đích đánh giá và mục tiêu học phần, cần xác định những loại thông tin để tiến hành thu thập. Ở giai đoạn này vận dụng các công cụ và kỹ thuật để thu thập thông tin phù hợp với mục đích đánh giá. Những thông tin đã thu thập được xử lý cần đối chiếu với các tiêu chuẩn đã xác định. Việc đối chiếu các thông tin với tiêu chuẩn là cơ sở cho việc đưa đến kết luận. Giai đoạn này cần chú trọng đảm bảo tính khách quan và chính xác.

Bước 5: Kết luận và đưa ra những quyết định

Là công đoạn cuối cùng của quá trình đánh giá, sau khi phân tích về định tính và định lượng. Trên cơ sở đối chiếu các thông tin với tiêu chuẩn, cần hình thành kết luận chính xác, để đi đến những quyết định phù hợp. Những quyết định này phải có tác

dụng xác nhận hay điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động học tập.

2.4. Lý luận về đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

2.4.1. Tầm quan trọng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Thứ nhất, CDRHP giúp cho GV có cơ sở triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp. Đánh giá KQHT theo CDRHP giúp GV đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV có hay không đạt các CDRHP; đồng thời giúp GV tự điều chỉnh và hoàn thiện hoạt động dạy học, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ dạy học đề ra để đảm bảo phần lớn SV trong lớp học phần đều đạt CDR.

Thứ hai, CDRHP có đóng góp rất lớn trong việc hình thành CDR chương trình đào tạo, do vậy đánh giá KQHT theo CDRHP trước tiên là nhằm xác định mức độ SV đạt CDRHP và sau đó là đánh giá mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo.

Thứ ba, tiến trình học tập bao gồm nhiều giai đoạn, được kết nối nhờ sự đánh giá, được thực hiện theo một tuyến hành trình. Đánh giá KQHT theo CDRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Qua đó SV tự điều chỉnh, tổ chức hoạt động học tập một cách khoa học, tạo động lực thúc đẩy quá trình học tập sao cho đạt hoặc vượt mức yêu cầu của CDRHP.

Thứ tư, đánh giá KQHT theo CDRHP qua đó đánh giá được mức độ SV đạt CDR chương trình đào tạo, giúp cán bộ quản lý của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của nhà trường, qua đó chỉ đạo nâng cao hiệu quả đào tạo, đổi mới nội dung, hình thức tổ chức hoạt động dạy - học, nâng cao vai trò tự chủ của nhà trường đối với hoạt động đào tạo và trách nhiệm của nhà trường đối với xã hội.

2.4.2. Yêu cầu của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CDRHP: Đánh giá phải đo lường, xác định được mức độ đạt các yêu cầu CDR. Đối với CDR ở cấp độ nhận thức thấp, đánh giá KQHT diễn ra trong lớp học với các bài kiểm tra đơn giản. Đối với CDR cấp độ nhận thức cao

hơn, đánh giá KQHT qua các đề thi, đề tài, dự án, bài tập tình huống cá nhân, bài tập thảo luận nhóm.

Đảm bảo tính khách quan: Đánh giá phải khách quan và chính xác tới mức tối đa, tạo cho SV bộc lộ khả năng và trình độ của mình. Tính khách quan thể hiện sự tương ứng giữa KQHT với mức độ lĩnh hội kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV. Tính khách quan của đánh giá KQHT theo CĐRHP thể hiện ở những điểm sau: 1) Nội dung kiểm tra đánh giá cần bám sát CĐRHP. 2) Tổ chức kiểm tra đánh giá nghiêm túc như: bảo mật đề thi, coi thi nghiêm túc. 3) Tổ chức chấm bài theo thang điểm, tiêu chí, đáp án rõ ràng, không thiên vị.

Đảm bảo tính toàn diện: Đánh giá cả về mặt số lượng lẫn chất lượng, cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà CĐR yêu cầu. Một bài kiểm tra, một lần đánh giá có thể nhằm vào mục đích trọng tâm nào đó, nhưng toàn bộ hệ thống bài kiểm tra đánh giá phải đạt yêu cầu đánh giá toàn diện, tổng thể CĐRHP.

Đảm bảo tính hệ thống: Đánh giá phải tiến hành đều đặn, thường xuyên, có kế hoạch, có hệ thống trong quá trình dạy học học phần. Tính hệ thống của đánh giá được thống nhất hữu cơ với quá trình dạy học và được thể hiện qua việc sắp xếp hệ thống trình tự các bài học. Như vậy, tính hệ thống của quá trình dạy học quy định tính hệ thống của đánh giá KQHT. Để đảm bảo tính hệ thống trong đánh giá KQHT cần kết hợp kiểm tra đánh giá thường xuyên với kiểm tra đánh giá định kỳ và kiểm tra đánh giá tổng kết cuối kì/cuối môn học.

Đảm bảo tính phát triển: Đánh giá cần phù hợp với hoạt động dạy - học và nội dung dạy học của học phần. Khi cải tiến phương pháp dạy học, đổi mới nội dung dạy học thì phương pháp đánh giá KQHT cũng phải được đổi mới, cải tiến.

2.4.3. Nội dung đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP. Hay nói cách khác, xác định nội dung đánh giá sao cho đánh giá được các CĐRHP. Nội dung đánh giá phù hợp với phương pháp đánh giá, bám sát thang đo nhận thức.

Nội dung đánh giá theo CĐRHP về kiến thức, kỹ năng được thể hiện trong các bài kiểm tra, bài thi nhằm đánh giá mức độ đạt CĐRHP cụ thể theo các cấp độ sau:

- Lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức

- Vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.
- Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.
- Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.
- Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.

Song song đó, nội dung đánh giá KQHT theo CDRHP về mặt thái độ cần được triển khai. Thái độ học tập tích cực của SV thường được đánh giá qua các mặt sau:

- Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.
- Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.
- Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.

Đánh giá mức độ đạt CDR về thái độ rất phức tạp và khó khăn hơn so với đánh giá mức độ đạt CDR về kiến thức, kỹ năng nhưng trong dạy học không thể bỏ qua việc đánh giá CDR này. Việc đánh giá CDR về thái độ thường được diễn ra không chính thức và lồng ghép vào quá trình đánh giá CDR về kiến thức và kỹ năng.

2.4.4. Công cụ và tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Công cụ đánh giá KQHT theo CDRHP là các bài kiểm tra, thi với các dạng câu hỏi như sau:

2.4.4.1. Bài kiểm tra, thi dạng câu hỏi trắc nghiệm tự luận

Câu hỏi dạng tự luận khi được soạn một cách cẩn thận có thể tạo điều kiện để SV bộc lộ khả năng suy luận, sắp xếp dữ kiện, khả năng phê phán, đưa ra những ý tưởng mới. Tuy nhiên, GV cần chuẩn bị trước cho SV thể hiện và SV cũng biết rằng mục đích chính của bài kiểm tra cũng là để chứng minh được những năng lực đã nêu. Bài kiểm tra với dạng câu tự luận thường dễ chuẩn bị và mất ít thời gian hơn so với các loại câu trắc nghiệm khách quan. Tuy nhiên, để có được câu tự luận hay vẫn đòi hỏi thời gian chuẩn bị cẩn thận. Một bài kiểm tra viết với dạng bài tự luận thường có số lượng ít câu hỏi. Do đó, khó cung cấp một mẫu tổng thể về lượng kiến thức cần đánh giá, tức là khó đại diện đầy đủ cho nội dung. Khi làm bài kiểm tra viết tự luận, SV thường tập trung vào các chủ đề, thể loại, các mối quan hệ và cách tổng hợp, sắp xếp thông tin. Việc chấm điểm bài tự luận thường khó khăn và tốn nhiều thời gian, đặc biệt là muốn đưa ra những kết luận thật chính xác và có hiệu quả về khả năng của SV, đồng

thời cũng khó xác định các tiêu chí đánh giá hơn trắc nghiệm khách quan. Chấm điểm bài tự luận thường dựa trên sự ước lượng, nên bài kiểm tra khó đánh giá được một cách tuyệt đối là đúng hay sai, việc đánh giá chủ yếu phản ánh mức độ giá trị của bài. Quá trình chấm điểm có rất nhiều yếu tố làm thiên lệch điểm số, chính vì vậy mà điểm số có độ tin cậy không cao.

Bài kiểm tra dạng tự luận thường có ít câu hỏi và câu hỏi ngắn nhưng yêu cầu SV phải trả lời dài và SV có tương đối nhiều thời gian để trả lời một câu hỏi. Trong dạng kiểm tra tự luận lại phân chia ra làm hai loại:

- Bài luận dài (tiểu luận, bài tập lớn đánh giá sản phẩm thực hiện của SV)
- Bài luận ngắn/hạn chế (loại cung cấp thông tin).

2.4.4.2. Bài kiểm tra, thi dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Một bài trắc nghiệm khách quan thường bao gồm nhiều hỏi, mỗi câu thường được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản, hay một từ, một cụm từ, nên có nhiều câu hỏi trong một bài trắc nghiệm.

Loại câu hỏi đúng – sai: Thường bao gồm một câu phát biểu để phán đoán và đi đến quyết định là đúng hay sai. Ưu điểm của loại câu này là dễ soạn đối với GV và được tiến hành nhanh chóng đối với SV. Loại câu đúng – sai thích hợp để trắc nghiệm kiến thức về các sự kiện. Nhược điểm của loại câu này là độ tin cậy cũng như khả năng phân biệt SV giỏi và SV kém thấp.

Loại câu hỏi nhiều lựa chọn: Còn gọi là câu đa phương án, loại câu này bao gồm hai phần là phần câu dẫn và phần lựa chọn. Ưu điểm của loại câu này là độ tin cậy cao, vì số phương án lựa chọn tăng nên yếu tố may rủi do đoán mò giảm. Loại câu này có thể đảm bảo độ giá trị, bởi vì với nhiều câu trả lời cho sẵn có thể đo được các khả năng như: nhớ, hiểu, vận dụng, đánh giá, tổng hợp v.v... Tuy nhiên, hạn chế của loại câu trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn là khó soạn câu hỏi.

Loại câu hỏi trả lời ngắn: Câu trả lời ngắn được trình bày dưới hình thức một câu hỏi và được trả lời bằng một, hay một cụm từ. Loại câu này có hiệu quả để xác định mức độ nhớ lại các sự kiện, tạo cơ hội để trả lời các vấn đề đặt ra nên phát huy được tính sáng tạo của SV. SV khó có điều kiện để đoán mò bởi vì phải nhớ lại hoặc nghĩ ra câu trả lời nên điểm số có độ tin cậy cao hơn các bài tự luận. Loại câu này dễ soạn hơn

câu nhiều lựa chọn, thời gian để trả lời mỗi câu ngắn nên có thể lấy được nhiều dữ kiện khác nhau. Tuy nhiên, so với các câu trắc nghiệm khách quan khác thì loại câu này chấm điểm mất nhiều thời gian hơn. Loại câu này khó có thể xây dựng để có một câu trả lời duy nhất đúng bởi vì có thể có nhiều câu trả lời có giá trị gần như nhau, do đó cũng gây nên khó khăn khi chấm bài.

Loại câu hỏi điền vào chỗ trống: Được trình bày dưới hình thức một câu phát biểu chưa đầy đủ. Nếu như cho trước một số phương án lựa chọn để điền vào chỗ trống thì nó cũng gần giống như câu nhiều lựa chọn. Câu điền vào chỗ trống cũng là một dạng của câu trả lời ngắn. Đối với những câu điền vào chỗ trống, nếu có nhiều khoảng trống trong câu thì dễ làm cho người trả lời bị rối.

Loại câu ghép đôi: Thường bao gồm hai dãy thông tin gọi là các câu dẫn và các câu đáp. Hai dãy thông tin này có số câu không bằng nhau, một dãy là danh mục gồm các tên hay thuật ngữ và một dãy là danh mục gồm các định nghĩa, đặc điểm v.v ... Ưu điểm của loại câu này là dễ viết và dễ dùng, yếu tố đoán mò giảm đi nhiều. Tuy nhiên, nhược điểm của loại câu này là, nếu soạn những câu để đo mức độ kiến thức cao đòi hỏi phải mất nhiều công phu. Nếu có nhiều phần tử trong mỗi cột, sẽ phải mất nhiều thời gian để đọc và lựa chọn tìm câu ghép đôi. Đây cũng là một loại câu trắc nghiệm khách quan khá thông dụng trong đánh giá KQHT.

Các câu trắc nghiệm khi thiết kế vào bài trắc nghiệm phải đại diện được cho nội dung cần đánh giá, sắp xếp câu trắc nghiệm theo từng chủ đề và từ dễ đến khó.

2.4.4.3. Bài kiểm tra, thi dạng câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Bài kiểm tra, thi có dạng câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhằm đánh giá đầy đủ các cấp độ tư duy theo mục tiêu đánh giá của GV đặt ra. Bài kiểm tra dạng này tổng hòa các ưu điểm, hạn chế của câu hỏi trắc nghiệm tự luận và câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

2.4.4.4. Tiêu chí đánh giá

Để đánh giá có kết quả khách quan, đảm bảo mục tiêu đánh giá, việc đặt ra các tiêu chí đánh giá cần thiết. Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric) là công cụ hỗ trợ hữu hiệu khi thực hiện đánh giá KQHT theo CĐRHP, tập hợp các tiêu chí đánh giá và thang

điểm đánh giá. Phiếu tiêu chí đánh giá được thiết kế theo 1 trong 3 loại sau đây (Hào & cộng sự, 2021, trang 3):

(1) Dạng bảng kiểm: Liệt kê một loạt các tiêu chí đánh giá và điểm phân bố cho các tiêu chí đánh giá đó.

(2) Dạng phân tích (analytic rubric): Liệt kê các tiêu chí cho điểm đánh giá, các mức điểm cho mỗi thang đánh giá và đưa ra mô tả ngắn gọn về các con số cho điểm. Xác định có bao nhiêu mức thực hiện thích hợp để đánh giá, yếu tố quyết định sự lựa chọn các cấp độ mức thực hiện là mục đích đánh giá. Tiêu đề cho các mức độ khác nhau có thể phụ thuộc vào mục đích và bối cảnh để đánh giá. Viết mô tả cho mỗi ô của ma trận nhằm cung cấp thông tin ngắn gọn để hướng dẫn việc chấm điểm.

(3) Dạng tổng hợp (holistic rubric): Liệt kê các mức đạt khác nhau của SV, kèm theo đó là một bản mô tả đầy đủ những yếu tố định nghĩa cấp độ.

Để đánh giá KQHT bao hàm đầy đủ các nội dung CDRHP cần đánh giá thì Phiếu tiêu chí đánh giá phải được thiết kế, rà soát kỹ lưỡng. Các câu hỏi đặt ra trong quá trình thiết kế nội dung Phiếu là (Hào & cộng sự, 2021, trang 4): CDRHP cần được đánh giá là gì? Tầm quan trọng của mỗi CDRHP? SV đã biết về các CDRHP cần đánh giá chưa? SV cần làm gì để đạt được các CDRHP? Ai có thể cùng tham gia thiết kế rubric? Rubric được dùng để đánh giá cá nhân hay nhóm SV? Làm thế nào để lưu trữ và chia sẻ thông tin đánh giá qua rubric?

Các bước thiết kế Phiếu tiêu chí đánh giá (Hào & cộng sự, 2021, trang 5):

Bước 1: Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá và trọng số của mỗi tiêu chí trong kết quả đánh giá chung.

Bước 2: Chỉ ra sự tương thích của mỗi tiêu chí đối với CDR của hoạt động cần đánh giá.

Bước 3: Xác định các mức đánh giá theo thang đo (phổ biến 3 đến 5 mức):

- Khá - Giỏi (7-10), Trung bình (5-6), Yếu (<5).
- Giỏi (9 - 10), Khá (7-8), Trung bình (5-6), Yếu (<5).
- Xuất sắc (9-10), Khá - Giỏi (7-8), Trung bình (5-6), Yếu (3-4), Kém (0-2).

Bước 4: Viết mô tả đối với mỗi mức đánh giá theo thang đo cho mỗi tiêu chí.

Bước 5: Các mô tả cần rõ ràng, súc tích và bám sát các CDR cần được đánh giá.

Các tiêu chí trong Phiếu tiêu chí đánh giá cần mô tả chi tiết, đảm bảo tính quan sát và đo lường. Điều này sẽ giúp cho quá trình cho điểm được minh bạch, khách quan, công bằng; điểm số đảm bảo độ tin cậy nhất định.

2.4.5. Hình thức đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Căn cứ mục đích đánh giá, có 3 hình thức đánh giá:

(1) Đánh giá chẩn đoán/đánh giá ban đầu: Thực hiện ở đầu học phần, giúp GV nắm tình hình chung của SV về kiến thức, kỹ năng mà SV đã từng học ở các học phần trước để điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học hoặc tổ chức lớp học phù hợp (chia nhóm theo trình độ thích hợp).

(2) Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên: Thực hiện nhiều lần trong quá trình dạy học học phần, cung cấp kịp thời thông tin phản hồi để GV điều chỉnh phương pháp dạy, SV điều chỉnh phương pháp học. Ghi nhận kết quả từng điểm thành phần để tiếp tục thực hiện cải tiến nội dung chương trình, đổi mới phương pháp dạy - học một cách hiệu quả.

(3) Đánh giá tổng kết/cuối kỳ: Thực hiện khi kết thúc môn học, cung cấp thông tin định lượng và đo lường được mức độ SV đạt CDRHP. Đánh giá tổng kết gắn với việc tính điểm học phần cho SV, có mối liên hệ chặt chẽ với CDRHP.

Căn cứ mục đích sử dụng kết quả đánh giá, có 2 hình thức đánh giá:

(1) Đánh giá theo mốc chuẩn: Được sử dụng để xác định mức độ thực hiện của một SV nào đó so với các SV khác trong một nhóm đánh giá được lấy làm chuẩn.

(2) Đánh giá theo tiêu chí: Được sử dụng để xác định mức độ thực hiện của một SV nào đó so với các tiêu chí xác định trước. Các yêu cầu CDRHP có thể được xem là các tiêu chí đã xác định.

Căn cứ phương pháp và công cụ đánh giá KQHT, có 2 hình thức đánh giá:

(1) Đánh giá định tính: Là phương thức thu thập thông tin KQHT bằng cách ghi nhận hoặc nhận xét dựa theo các tiêu chí đã định. Công cụ để thu thập thông tin định tính là quan sát, phỏng vấn, tự đánh giá SV. Đánh giá định tính giúp GV xem xét, quan sát được quá trình học tập của SV.

(2) Đánh giá định lượng: Là phương thức thu thập thông tin KQHT bằng điểm số. Công cụ để thu thập các thông tin định lượng là bài kiểm tra, bài thi, bài tập tình huống do SV thực hiện.

Tại Việt Nam, thực hiện theo quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT quy định, đánh giá KQHT của SV qua hình thức đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.

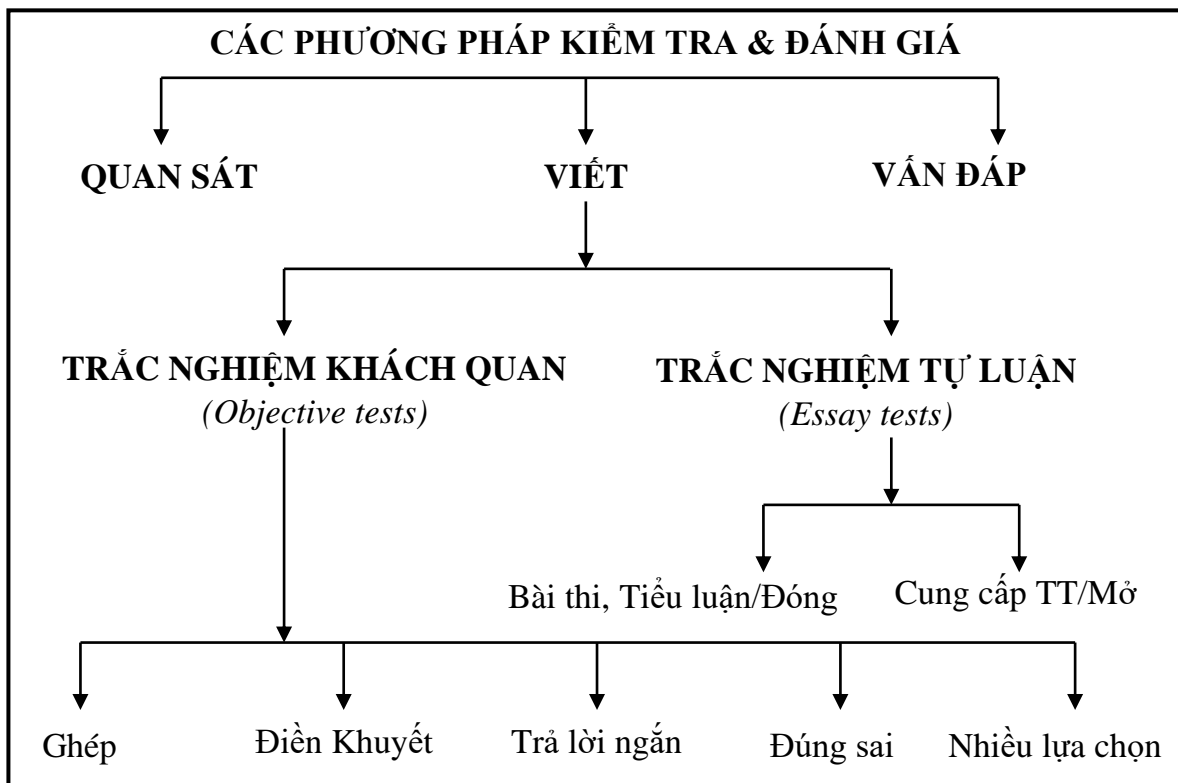
Bảng 2.5. So sánh sự khác nhau giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết

Đánh giá quá trình/thường xuyên	Đánh giá tổng kết/cuối kỳ
Về lý do đánh giá	
<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy sự tiến bộ trong học tập nhằm hỗ trợ SV đạt được CDRHP. - Hỗ trợ sự phát triển tiếp theo của SV. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận lại những KQHT của SV và khả năng nắm vững các chuẩn kiến thức kỹ năng. - Đánh giá hoặc đo lường được KQHT tại một thời điểm nhằm mục đích báo cáo; trách nhiệm giải trình.
Về trọng tâm đánh giá	
<ul style="list-style-type: none"> - Những mục tiêu thành quả học tập cụ thể được GV lựa chọn nhằm giúp SV đạt các CDRHP. 	<ul style="list-style-type: none"> Những tiêu chuẩn thành tích để phục vụ cho mục đích giải trình của nhà trường, GV và HS.
Về thời gian đánh giá	
<ul style="list-style-type: none"> Tiến hành trong quá trình học tập học phần. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiến hành sau khi học xong và kết thúc học phần.
Về người sử dụng kết quả đánh giá	
<ul style="list-style-type: none"> GV và SV. 	<ul style="list-style-type: none"> CBQL xây dựng chính sách, Ban soạn thảo xây dựng chương trình đào tạo, SV, GV, phụ huynh, nhà tuyển dụng...
Về mục đích sử dụng kết quả đánh giá	
<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho SV những kiến thức vững chắc nhằm cải thiện KQHT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định/chứng nhận trình độ năng lực của SV. - Xếp loại SV theo thành tích đạt được.

Đánh giá quá trình/thường xuyên	Đánh giá tổng kết/cuối kỳ
- Hỗ trợ GV chẩn đoán, đáp ứng nhu cầu của SV trong việc đạt CĐRHP.	- Đưa ra các quyết định học vụ, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp.
Về vai trò của GV	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho SV biết về những CĐRHP và CĐR bài học. - Xây dựng các phương pháp đánh giá KQHT. - Điều chỉnh bài giảng/giáo trình dựa theo kết quả. - Cung cấp các phản hồi chi tiết cho SV. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành đánh giá một cách hệ thống nhằm đảm bảo tính chính xác của KQHT. - Sử dụng KQHT để phân tích mức độ SV đạt CĐRHP.
Về vai trò của SV	
<ul style="list-style-type: none"> - Tự đánh giá, phát huy khả năng của bản thân trong quá trình đánh giá. - Xác định các mục tiêu cần đạt. - Thực hiện để đạt được kết quả tốt hơn trong hoạt động đánh giá trên lớp học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đạt được các chuẩn. - Thực hiện các bài kiểm tra. - Cố gắng đạt được các điểm số cao nhất có thể, tránh trượt.

2.4.6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Các phương pháp đánh giá KQHT theo CĐRHP về cơ bản được vận dụng từ các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT nói chung và được thể hiện ở như sau:



Hình 2.2. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập

2.4.6.1. Phương pháp quan sát

Đánh giá bằng quan sát là phương pháp tri giác có mục đích, mục tiêu và có kế hoạch cụ thể cho một bài học, một học phần, chương trình học hay một khóa học trong những hoàn cảnh cụ thể nhằm thu thập những số liệu, sự kiện cụ thể đặc trưng cho quá trình diễn biến của sự kiện, hiện tượng đó; để thu nhận các thông tin phản hồi về các đặc điểm, tính chất, trạng thái... của các đối tượng cần đánh giá. Phương pháp này rất hữu ích trong kiểm tra đánh giá năng lực hành động (hành vi, thao tác...) và cảm xúc (nét mặt, trạng thái tâm lý...) của đối tượng cần đánh giá. Trong quá trình dạy học, phương pháp quan sát có thể được cụ thể hóa thành các cách thức đánh giá như sau:

(1) Đánh giá qua sự chuyên cần: Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của SV, cũng như những đóng góp của SV trong lớp học cũng phản ánh thái độ học tập đối với học phần.

(2) Đánh giá qua làm việc nhóm: Áp dụng khi triển khai hoạt động dạy - học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của SV. Phiếu tiêu chí đánh giá được phổ biến cho SV.

(3) Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo nhóm: SV được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, tình huống hoặc bài tập liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp SV có được kiến thức chuyên ngành, phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm. Để đánh giá thành tích của SV về các kỹ năng này, các học phần đều được xây dựng các tiêu chí đánh giá tương ứng hoặc tiêu chí đánh giá phù hợp với các CDR chương trình đào tạo; các tiêu chí đánh giá này được công bố trước cho SV.

2.4.6.2. Phương pháp vấn đáp

Phương pháp vấn đáp là phương pháp người dạy dùng nghệ thuật sư phạm khéo léo đặt hệ thống câu hỏi để SV trả lời hoặc đàm thoại nhằm gợi mở cho người học sáng tỏ những vấn đề mới cần nghiên cứu; tự khai phá những tri thức mới bằng sự tái hiện những tài liệu đã học hoặc từ những kinh nghiệm, trải nghiệm đã tích lũy được trong cuộc sống, nhằm giúp người học củng cố, mở rộng, đào sâu, tổng kết, hệ thống hoá những tri thức đã tiếp thu được và nhằm mục đích kiểm tra, đánh giá các năng lực tư duy, ngôn ngữ, giao tiếp... và giúp người học tự kiểm tra, tự đánh giá việc lĩnh hội tri thức

2.4.6.3. Phương pháp kiểm tra viết

Phương pháp kiểm tra viết bao gồm hai loại cơ bản là trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan. Tùy theo kiểu loại trắc nghiệm viết, chúng có giá trị khác nhau. Kiểm tra viết được sử dụng sau khi học xong một phần, một chương hoặc nhiều chương, trong một học kỳ hay là năm học hoặc hoàn thành một đơn vị học tập. Kiểm tra viết có tác dụng cùng một lúc có thể kiểm tra và giám sát toàn bộ các thành viên trong lớp. Có thể kiểm tra từ một vấn đề nhỏ đến một vấn đề lớn có tính chất tổng hợp. Giúp người học phát triển năng lực lập luận, diễn đạt bằng ngôn ngữ viết. Phương pháp trắc nghiệm tự luận hay trắc nghiệm khách quan đều có ưu và nhược điểm riêng. Tùy thuộc vào cách ra đề thi và nội hàm của bài kiểm tra mà người dạy căn cứ để tiến triển khai phương pháp kiểm tra cho phù hợp. Phương pháp kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan không phụ thuộc vào tâm lý của người chấm bài do vậy kết quả học tập của người học được phản ánh khách quan cụ thể đúng với năng lực của mỗi thành viên trong lớp.

Trong quá trình dạy học, phương pháp kiểm tra viết có thể được cụ thể hóa thành các cách thức đánh giá như sau:

(1) Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận: SV được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay yêu cầu nêu quan điểm cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu CDR về kiến thức của học phần. Thang điểm và đáp án được định sẵn. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

Hình thức khác của trắc nghiệm tự luận là đánh giá việc thực hiện, yêu cầu SV phải kiến tạo ra một sản phẩm chứ không chỉ viết hay chọn câu trả lời đúng. Sản phẩm là các bài làm hoàn chỉnh, được SV thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách hiệu quả. Các tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm là rất đa dạng. Đánh giá được thực hiện qua bài tập lớn, tiểu luận. SV được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi các cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể đã được công bố trước cho SV.

(2) Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan: SV được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên các câu trả lời được thiết kế và in sẵn trong bài kiểm tra.

Bảng 2.6. So sánh phương pháp trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan

Phương pháp trắc nghiệm tự luận	Phương pháp trắc nghiệm khách quan
GV chấm bài kiểm tra mất nhiều thời gian, khó khách quan và chính xác	GV chấm bài kiểm tra nhanh, chính xác và khách quan
Bài tự luận thường có số câu hỏi ít nên khó đại diện đầy đủ cho nội dung cần đánh giá.	Trắc nghiệm khách quan có nhiều câu hỏi bao phủ nội dung học tập
Người chấm bài kiểm tra không sử dụng các phương tiện hiện đại trong chấm bài và phân tích kết quả kiểm tra. Cách chấm bài duy nhất là GV đọc bài làm của SV và phản biện	Có thể sử dụng các phương tiện hiện đại trong chấm bài và phân tích kết quả kiểm tra bài

Phương pháp trắc nghiệm tự luận	Phương pháp trắc nghiệm khách quan
Nội dung bài thi khó bao quát toàn bộ chương trình, chỉ tập trung vào một số ít phần chính.	Nội dung bài thi bao quát toàn bộ chương trình, tập trung vào tất cả nội hàm.
Mất nhiều thời gian để tiến hành kiểm tra trên diện rộng	Có thể tiến hành kiểm tra đánh giá trên diện rộng trong một khoảng thời gian ngắn.
Không có khả năng đo lường tri thức về sự kiện hoặc kỹ năng hành động một cách hữu hiệu	Có khả năng đo lường tri thức về sự kiện hoặc kỹ năng một cách hữu hiệu
Biên soạn câu hỏi nhanh và tốn ít thời gian	Biên soạn câu hỏi khó, tốn nhiều thời gian, thậm chí sử dụng các phần mềm để trộn đề
Các tiêu chí đánh giá thường không thống nhất do vậy điểm số bị ảnh hưởng nhiều từ yếu tố chủ quan của người chấm	Các tiêu chí đánh giá luôn được thống nhất do vậy điểm số không bị ảnh hưởng từ yếu tố chủ quan của người chấm vì sử dụng phương tiện hiện đại
Bài kiểm tra chỉ có một số rất hạn chế câu hỏi ở một số phần, số chương nhất định nên chỉ có thể kiểm tra được một phần nhỏ kiến thức và kỹ năng của người học, dễ gây ra tình trạng học tủ, dạy tủ	Bài kiểm tra có rất nhiều câu hỏi nên có thể kiểm tra được một cách hệ thống và toàn diện kiến thức và kỹ năng của người học, tránh được tình trạng học tủ, dạy tủ.
Câu trả lời có thể được điểm khác nhau khi có nhiều giám khảo khác nhau chấm.	Sử dụng phương tiện hiện đại để tham gia quá trình chấm bài kiểm tra nên điểm số thống nhất
Người học khó có thể tự đánh giá chính xác bài kiểm tra của mình.	Tạo điều kiện để người học tự đánh giá kết quả học tập của mình một cách chính xác.

Phương pháp trắc nghiệm tự luận	Phương pháp trắc nghiệm khách quan
Các câu trả lời thường dài, tốn thời gian trình bày, diễn đạt bằng văn viết.	Các câu trả lời ngắn, không tốn thời gian trình bày, ...
Có thể đánh giá được khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ và quá trình tư duy của SV để đi đến câu trả lời thể hiện ở bài làm của người học.	Không hoặc rất khó đánh giá được khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ và quá trình tư duy của người học để đi đến câu trả lời.
Góp phần rèn luyện cho người học khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến của mình...	Không góp phần rèn luyện cho SV khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến của mình. Người học khi làm bài chỉ có thể chọn câu trả lời đúng có sẵn.
Sự phân phối điểm trải trên một phổ hẹp nên khó có thể phân biệt được rõ ràng trình độ của người học.	Sự phân phối điểm trải trên một phổ rất rộng nên có thể phân biệt được rõ ràng các trình độ của SV
Người học có điều kiện bộc lộ khả năng sáng tạo của mình một cách không hạn chế, do đó có điều kiện để đánh giá đầy đủ khả năng sáng tạo của người học	Chỉ giới hạn sự suy nghĩ của người học trong một phạm vi xác định, do đó hạn chế việc đánh giá khả năng sáng tạo của người học.

Các hoạt động kiểm tra để đánh giá mức độ đạt CĐRHP thông qua các cấp độ tư duy của SV, cụ thể như sau:

Bảng 2.7. Các hoạt động kiểm tra đánh giá theo cấp độ tư duy

Cấp độ nhận thức (Từ khóa)	Các hoạt động kiểm tra để đánh giá mức độ nhận thức của SV
Cấp độ 1: Nhớ (Nhắc lại, nhận diện, xác định)	Bài thi trắc nghiệm khách quan, gồm các loại câu hỏi điền từ vào chỗ trống, ghép đôi, dán nhãn, lựa chọn phương án đúng, trong đó yêu cầu SV: <ul style="list-style-type: none"> Nhắc lại hoặc nhận diện được các thuật ngữ, khái niệm.
Cấp độ 2: Hiểu	Các hoạt động như thi, giải quyết vấn đề, thảo luận trên lớp, trong đó yêu cầu SV:

Cấp độ nhận thức (Từ khóa)	Các hoạt động kiểm tra để đánh giá mức độ nhận thức của SV
(Giải thích, minh họa, phân loại, suy luận, so sánh)	<ul style="list-style-type: none"> • So sánh và đối chiếu hai hay nhiều lý thuyết, sự kiện hoặc quá trình. • Phân loại các trường hợp, thành tố hoặc sự kiện sử dụng các tiêu chí đã được thiết lập trước. • Viết lại văn bản hoặc bài phát biểu theo một cách khác. • Tìm hoặc xác định được các ví dụ hay minh họa cho một khái niệm hoặc một nguyên lý nào đó.
Cấp độ 3: Vận dụng (Áp dụng, thực hiện)	<p>Các hoạt động như giải quyết vấn đề, bài viết, làm mẫu, mô phỏng, trong đó yêu cầu SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng các quy trình để giải quyết hoặc hoàn thành những nhiệm vụ quen thuộc hoặc không quen thuộc. • Quyết định những quy trình nào là phù hợp nhất để giải quyết nhiệm vụ đặt ra.
Cấp độ 4: Phân tích (Phân tích, phân biệt, tổ chức)	<p>Các hoạt động như nghiên cứu trường hợp, bài viết, dự án, tranh luận, bản đồ tư duy, trong đó yêu cầu SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt hoặc lựa chọn được những cấu phần liên quan và không liên quan. • Quyết định được cách thức các cấu phần đó liên hệ với nhau như thế nào. • Xác định những giá trị hoặc những ý định ngầm ẩn trong tài liệu được trình bày.
Cấp độ 5: Tổng hợp (Tổng hợp, Phân tích)	<p>Các hoạt động như nghiên cứu trường hợp, bài viết, dự án, tranh luận, bản đồ tư duy, trong đó yêu cầu SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tổng hợp các thông tin, dữ liệu, dữ kiện phân tích đánh giá vấn đề.

Cấp độ nhận thức (Từ khóa)	Các hoạt động kiểm tra để đánh giá mức độ nhận thức của SV
Cấp độ 6: Đánh giá (Đánh giá, cho ý kiến bình luận)	Các hoạt động như viết nhật ký, giải quyết vấn đề, bình luận, bình duyệt sản phẩm, hoặc nghiên cứu trong đó yêu cầu SV: <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra, theo dõi, đánh giá, hoặc bình luận các bài đọc, các phần trình bày, hoặc sản phẩm theo tiêu chí hoặc tiêu chuẩn đã thiết lập.

2.4.7. Các bước triển khai đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Trên cơ sở chương trình đào tạo đã được thiết kế, cần xác định CDRHP. Chính các CDRHP mới ảnh hưởng lớn đến phương pháp học tập của SV. Theo quan niệm truyền thống, đánh giá KQHT của SV là khâu tách biệt với hoạt động dạy - học. Theo cách tiếp cận hiện đại, đánh giá KQHT của SV là một bộ phận không thể tách rời của quá trình dạy học. Theo CDIO, quy trình đánh giá KQHT theo CDRHP trải qua 4 bước như sau (Nhạ & Dũng, 2011, trang 56):

Bước 1: Xác định CDR của từng học phần trong chương trình đào tạo. Các yêu cầu của CDR khác nhau sẽ đòi hỏi phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá khác nhau.

Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP. Mỗi CDR có cách đánh giá khác nhau để đánh giá chính xác KQHT của SV.

Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV. Yêu cầu đặt ra là cần sử dụng nhiều cách khác nhau để đánh giá KQHT của SV. Theo cách truyền thống, đánh giá SV thường dưới dạng thi viết và diễn ra vào cuối kỳ. Ngược lại, theo cách tiếp cận hiện đại, đánh giá KQHT của SV sử dụng nhiều cách khác nhau và diễn ra trong suốt quá trình học: trước khi học, trong quá trình học, cuối kỳ học để có một cái nhìn toàn diện nhất về những thay đổi trong kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực của SV. Việc đánh giá SV phải dựa trên các tiêu chí rõ ràng.

Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy - học. Đánh giá truyền thống thường không chú trọng bước này và trên thực tế nhiều khi việc đánh giá SV chỉ dừng lại ở bước 3.

2.4.8. Quy trình thiết kế bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Quy trình thiết kế bài đánh giá KQHT của người học theo CĐRHP được thực hiện như sau:

Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CĐRHP

Tất cả đề thi/bài thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP đều căn cứ vào mục đích và yêu cầu của kiểm tra đánh giá theo tiếp cận CĐR; căn cứ vào CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần; căn cứ vào thực tế mong đợi khi nghiên cứu và học tập của SV; để rồi từ đó chúng ta tạo dựng nên mục đích và yêu cầu đề thi/bài thi kiểm tra đánh giá theo tiếp cận CĐR cho phù hợp.

Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP

Bất kỳ học phần nào đều có nhiều hình thức đánh giá cho học phần đó; cho nên tùy thuộc vào điều kiện, khả năng và độ tin cậy của kết quả đánh giá mà chúng ta tiến hành chọn hình thức đánh giá cho học phần sao cho phù hợp.

Đề thi kiểm tra đánh giá bằng cách viết có những hình thức sau:

- 1) Đề thi kiểm tra đánh giá bằng tự luận;
- 2) Đề thi kiểm tra trắc nghiệm khách quan;
- 3) Đề thi kiểm tra đánh giá kết hợp với cả hai hình thức trên.

Mỗi hình thức đều có ưu điểm và nhược điểm nên cần kết hợp một cách hợp lý các hình thức sao cho phù hợp với nội dung thi kiểm tra đánh giá và đặc trưng của học phần để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện cho kiểm tra đánh giá KQHT theo CĐRHP được chính xác hơn. Nếu đề thi kiểm tra kết hợp với hai hình thức trên thì nên có nhiều phiên bản đề thi khác nhau.

Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá

Nguyên tắc: Lập một bảng có hai chiều, một chiều nội dung hay CĐRHP cần đánh giá; một chiều là các cấp độ nhận thức của SV theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng gồm có vận dụng ở các cấp độ thấp và các cấp độ cao hơn. Trong

mỗi ô là CĐR của học phần cần đánh giá, tỷ lệ phần trăm số điểm, số lượng câu hỏi và tổng số điểm của các câu hỏi.

Số điểm đánh giá/tỷ lệ phần trăm số điểm đánh giá theo từng chủ đề của nội dung học phần là tổng hợp số điểm đánh giá/tỷ lệ phần trăm số điểm đánh giá các CĐR ở từng cấp độ tư duy nhận thức thuộc chủ đề.

Số lượng câu hỏi phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi CĐR cần đánh giá. Lượng thời gian làm bài kiểm tra đánh giá và trọng số điểm được quy định cho từng mảng kiến thức, từng cấp độ nhận thức khác nhau. Đối với đề kiểm tra dạng trắc nghiệm tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan, dùng khung ma trận đề thi kiểm tra đánh giá sau:

Bảng 2.8. Khung ma trận đề thi đánh giá tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan

Nội dung học phần	Các mức độ tư duy nhận thức					
	Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Phân tích	Tổng hợp	Đánh giá
Chủ đề 1: ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...
Số câu:	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu
Số điểm:	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm
Tỷ lệ % số điểm:	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
Chủ đề 2: ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...
Số câu:	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu
Số điểm:	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm
Tỷ lệ % số điểm:	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %

Đối với đề kiểm tra dạng trắc nghiệm tự luận kết hợp trắc nghiệm khách quan, dùng khung ma trận đề thi kiểm tra đánh giá sau:

Bảng 2.9. Khung ma trận đề thi đánh giá tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan

Nội dung học phần	Các mức độ tư duy nhận thức					
	Nhớ		Hiểu		Vận dụng ...	
	Tự luận	TNKQ	Tự luận	TNKQ	Tự luận	TNKQ
Chủ đề 1: ...	CĐR...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...

Nội dung học phần	Các mức độ tư duy nhận thức					
	Nhớ		Hiểu		Vận dụng	
	Tự luận	TNKQ	Tự luận	TNKQ	Tự luận	TNKQ
Số câu:	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu
Số điểm:	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm
Tỷ lệ % số điểm:	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
Chủ đề 2: ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR ...	CĐR n
Số câu:	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu
Số điểm:	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm
Tỷ lệ % số điểm:	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %

Các bước cơ bản (09 bước) thiết lập ma trận đề kiểm tra:

- Bước cơ bản 1: Liệt kê tên các chủ đề (nội dung, chương...) cần kiểm tra;
- Bước cơ bản 2: Viết các CĐRHP cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy;
- Bước cơ bản 3: Quyết định phân phối tỉ lệ % tổng điểm của mỗi chủ đề (nội dung, chương, ...);
- Bước cơ bản 4: Quyết định tổng số điểm của bài kiểm tra;
- Bước cơ bản 5: Tính số điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với tỉ lệ %;
- Bước cơ bản 6: Tính tỉ lệ %, số điểm và quyết định số câu cho mỗi CĐRHP tương ứng;
- Bước cơ bản 7: Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột;
- Bước cơ bản 8: Tính tỉ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột;
- Bước cơ bản 9: Đánh giá lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận

Việc biên soạn câu hỏi theo ma trận cần đảm bảo nguyên tắc: loại câu hỏi, số câu hỏi và nội dung câu hỏi do ma trận đề quy định, mỗi câu hỏi TNKQ chỉ kiểm tra một CĐR hoặc một vấn đề, một khái niệm. Để các câu hỏi biên soạn đạt chất lượng tốt, cần biên soạn câu hỏi thỏa mãn các yêu cầu sau: (ở đây trình bày hai loại câu hỏi thường dùng nhiều trong các đề kiểm tra)

CĐRHP Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;
- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách, giáo trình;
- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi SV;
- Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với những SV không nắm vững kiến thức;
- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của SV;

- Đáp án đúng của câu hỏi phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;

- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;
- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác;
- Không đưa ra phương án “Tất cả đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.

CDRHP Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu hỏi yêu cầu SV phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;
- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;
- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;

- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của SV;
- Yêu cầu SV phải hiểu nhiều hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin;
- Ngôn ngữ sử dụng trong câu hỏi phải truyền tải được những yêu cầu của cán bộ ra đề đến SV;

- Câu hỏi nên gợi ý về: Độ dài của bài luận; thời gian để viết bài luận; các tiêu chí cần đạt.

- Nếu câu hỏi yêu cầu SV nêu quan điểm và chứng minh cho quan điểm của mình, câu hỏi cần nêu rõ: bài làm của SV sẽ được đánh giá dựa trên những lập luận logic mà SV đó đưa ra để chứng minh và bảo vệ quan điểm của mình chứ không chỉ đơn thuần là nêu quan điểm đó.

Bước 5. Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi

Việc xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm đối với bài kiểm tra cần đảm bảo các yêu cầu:

Nội dung: khoa học và chính xác.

Cách trình bày: cụ thể phải chi tiết nhưng ngắn gọn và dễ hiểu, phù hợp với ma trận đề kiểm tra.

Cần hướng tới xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric) trong đó mô tả các mức độ đạt được để SV có thể tự đánh giá được bài làm của mình.

Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra

Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra cần xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra, gồm các bước sau:

- Đối chiếu từng câu hỏi với hướng dẫn chấm và thang điểm, phát hiện những sai sót hoặc thiếu chính xác của đề và đáp án. Sửa các từ ngữ, nội dung nếu thấy cần thiết để đảm bảo tính khoa học và chính xác.

- Đối chiếu từng câu hỏi với ma trận đề, xem xét câu hỏi có phù hợp với CDR cần đánh giá không? Có phù hợp các cấp độ nhận thức cần đánh giá không? Số điểm có thích hợp không? Thời gian kiến có phù hợp không? (GV tự làm bài kiểm tra, thời gian làm bài của GV bằng khoảng 70% thời gian dự kiến cho SV làm bài là phù hợp).

- Thử đề kiểm tra để tiếp tục điều chỉnh đề cho phù hợp với mục tiêu, CDR và đối tượng SV.

- Hoàn thiện đề, hướng dẫn chấm và thang điểm.

2.5. Lý luận về mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế

2.5.1. Cơ sở thiết kế mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế

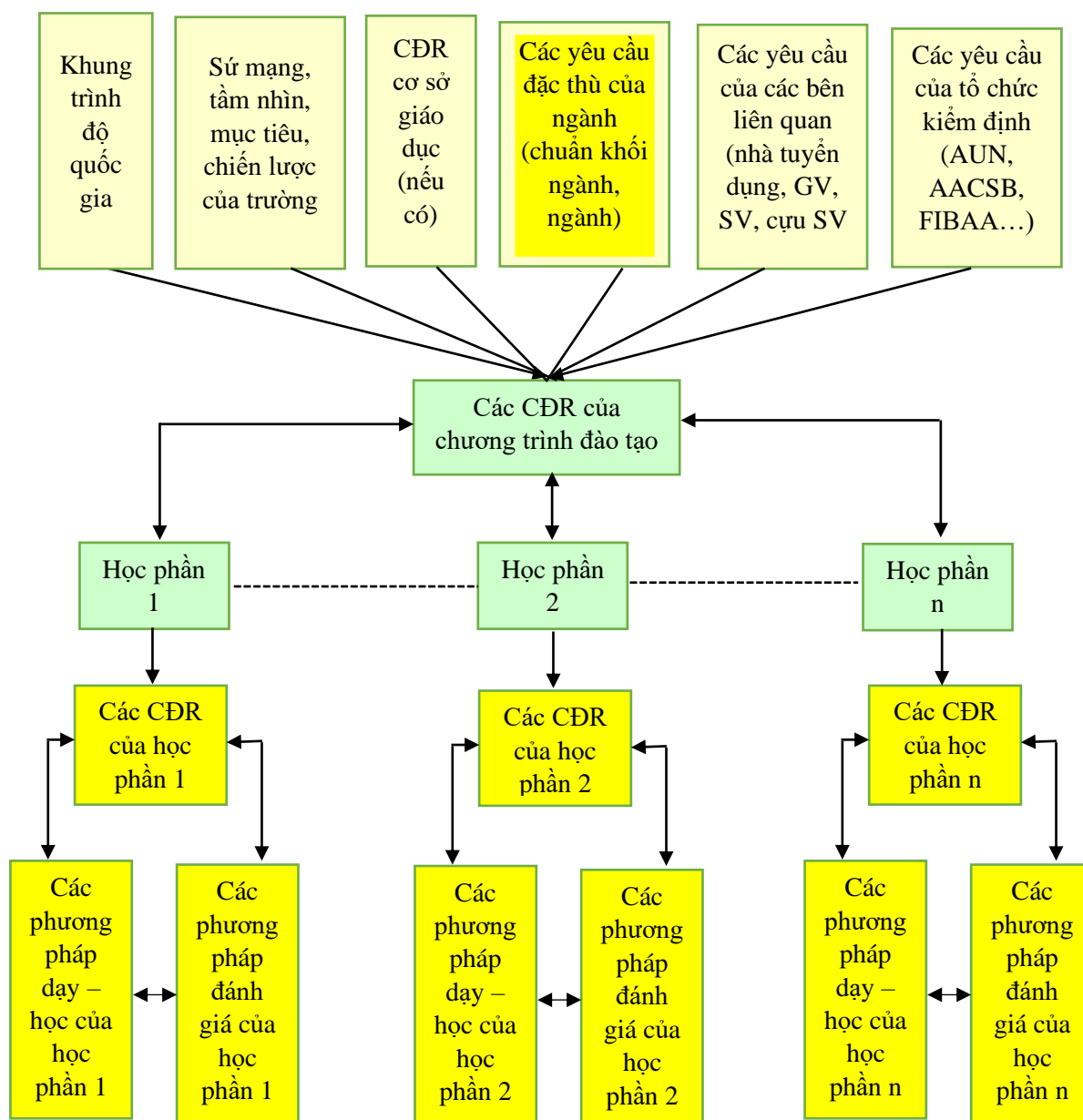
Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, khái niệm “khối ngành” là từ ngữ gọi chung cho các ngành theo từng lĩnh vực. Như vậy, khối ngành kinh tế bao gồm các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản trị, tài chính. Theo Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học giai đoạn 2020-2025, đến Quý 3 năm 2023 Bộ GD&ĐT thẩm định và ban hành chuẩn cho các ngành và khối ngành trong từng lĩnh vực.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn xã hội và thị trường lao động. CĐR chứa đựng những kiến thức, kỹ năng, thái độ quan trọng nhất của chương trình đào tạo, cần thiết cho công việc, cuộc sống của SV sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo. Vì vậy, CĐR chương trình đào tạo được xây dựng từ yêu cầu của các bên liên quan và có thể đạt được thông qua các học phần và CĐR của học phần. Các CĐR chương trình đào tạo cũng phải đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, các mục tiêu chiến lược của trường. Khi xây dựng các CĐR chương trình đào tạo, trường cần chú ý đến đặc thù của ngành hay các chuẩn khối ngành/ngành, các yêu cầu trong khung trình độ quốc gia đối với bậc đại học, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dự kiến sẽ đạt được. CĐR chương trình đào tạo phân nhiệm cho các học phần. Mỗi học phần có các CĐR và phương pháp dạy – học, phương pháp đánh giá phù hợp lẫn nhau và phù hợp với CĐR của học phần đó.

Vận dụng khái niệm theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, “CĐR chương trình đào tạo ngành kinh tế là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo ngành kinh tế, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp”.

Thực tế hiện nay Bộ GD&ĐT chưa ban hành chuẩn chương trình đào tạo của một ngành (hoặc một nhóm ngành, một lĩnh vực – gọi chung là khối ngành) ở trình độ đại học trong đó bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá KQHT, các điều kiện thực hiện chương trình để đảm bảo chất lượng. Do vậy, để đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT trong việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học trong cả nước chủ động xây dựng, công bố CĐR chương trình đào tạo theo hướng dẫn tại Công văn 2169/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP ngành kinh tế được xây dựng trên cơ sở sự gắn kết giữa CĐR chương trình đào tạo với các học phần và với các CĐRHP.



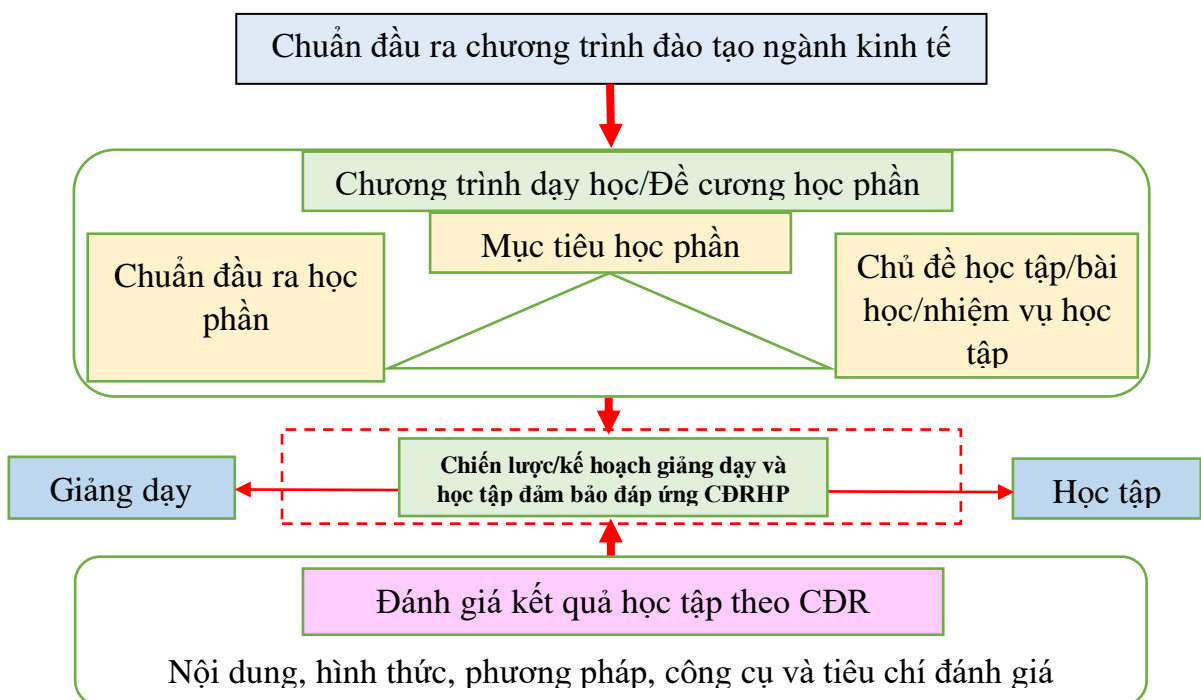
Hình 2.3. Sự gắn kết giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và học phần, chuẩn đầu ra học phần

2.5.2. Các yếu tố cấu trúc Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần ngành kinh tế

Hoạt động đánh giá KQHT theo CĐRHP được lồng ghép và gắn bó mật thiết với quá trình dạy học trên cơ sở phân tích có hệ thống những thông tin về KQHT của SV thu được bằng nhiều phương pháp, hình thức và công cụ khác nhau nhằm đưa ra nhận định về mức độ đáp ứng mục tiêu học tập của SV theo CĐR. Cách đánh giá này có tác

dụng xác nhận, điều chỉnh và tạo động lực thúc đẩy sự phát triển năng lực của SV trong hoạt động học tập theo các chủ đề; tập trung đánh giá khả năng lĩnh hội và vận dụng kiến thức, kỹ năng thông qua các nhiệm vụ học tập khác nhau. Đánh giá KQHT được coi là một công cụ dạy học được tích hợp vào quá trình dạy học, gắn kết chặt chẽ với hoạt động giảng dạy và học tập.

Trên cơ sở cụ thể hóa Mô hình đánh KQHT theo năng lực (Đức, 2011) trình bày ở chương 1, tác giả luận án khái quát mối liên hệ giữa các yếu tố cấu trúc trong Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP như sau (Hình 2.4):



Hình 2.4. Các yếu tố cấu trúc trong Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành kinh tế được cụ thể hóa ở mục tiêu học phần và CDRHP. Hoạt động dạy – học cần tuân theo một chiến lược/kế hoạch đảm bảo đáp ứng được CDRHP, hay nói cách khác GV cần xây dựng một kế hoạch giảng dạy phù hợp, xác định các phương pháp giảng dạy cần phải áp dụng cho mỗi lần lên lớp, xác định các nội dung cốt lõi cần truyền đạt để SV đạt các yêu cầu CDRHP. GV cũng xác định mục tiêu đánh giá, tiêu chí đánh giá, phương pháp/hình thức đánh giá, công cụ đánh giá, nội dung đánh giá phù hợp nội dung cốt lõi học phần để đạt CDR.

Đề cương học phần: Là kịch bản cụ thể hóa quá trình dạy học của GV, là kế hoạch các hoạt động giúp SV đạt được mục tiêu học tập. CTDH thể hiện CDRHP, thời gian học phần, nội dung chủ đề học tập, nhiệm vụ học tập tương ứng với công việc của SV, các sản phẩm học tập, tiêu chí đánh giá KQHT, công bố và sử dụng KQHT.

Chủ đề học tập/bài học: Là hình thức thể hiện khác của nội dung môn học. Trong đó có sự chọn lọc và liên kết các khối kiến thức, kỹ năng thành một cấu trúc tương đối hoàn chỉnh mang tính khoa học và thực tiễn, thuận lợi cho việc giảng dạy-học tập và đánh giá KQHT. Sự liên kết các khối kiến thức, kỹ năng để hình thành trình độ năng lực tối thiểu của SV được thể hiện rõ trong ma trận CDR chương trình đào tạo với từng môn học trong chương trình, ma trận CDR từng môn học, ma trận chủ đề học tập của môn học.

Nhiệm vụ học tập: Là đơn vị cấu thành đặc biệt của môn học, được thiết kế trên cơ sở tích hợp đánh giá KQHT vào chủ đề học tập dưới dạng các công việc mà SV phải thực hiện và hoàn thành trong hoặc sau quá trình học tập. Nhiệm vụ học tập được xem là những việc làm cụ thể của SV phải thực hiện dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của GV để đạt được CDR. Việc lựa chọn, sử dụng phương pháp/hình thức đánh giá KQHT có thể kết hợp đánh giá qua các hình thức tổ chức dạy học như: Đánh giá khi học lý thuyết trên lớp, đánh giá sự nghiên cứu tự học của SV, đánh giá qua thảo luận làm việc nhóm, đánh giá thực hành kỹ năng qua hoạt động trải nghiệm, mô phỏng trên lớp, đánh giá qua thực địa...

Chiến lược/kế hoạch giảng dạy và học tập đảm bảo đáp ứng CDRHP: Trong quá trình dạy học nhằm giúp SV ngoài việc đạt các trình độ tối thiểu về kiến thức, kỹ năng chuyên môn còn tăng cường các kỹ năng cá nhân, kỹ năng xã hội khác. GV cần có chiến lược giảng dạy và học tập phù hợp, kết hợp đa dạng phương pháp dạy học. Phương pháp dạy học được định hướng bởi triết lý giáo dục của trường và mục tiêu đào tạo của chương trình, nội dung giảng dạy của GV và nhiệm vụ học tập của SV được định hướng bởi CDRHP.

- Chiến lược dạy - học trực tiếp: thông tin được chuyển tải đến với SV một cách trực tiếp, GV trình bày và SV lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng

trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho SV những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

- Chiến lược dạy - học gián tiếp: SV được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi GV. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến SV, lấy SV làm trung tâm, trong đó GV không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với SV mà thay vào đó, SV được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Một số phương pháp giảng dạy theo chiến lược này là:

- Chiến lược dạy - học qua học trải nghiệm: SV tiếp nhận được kiến thức, kỹ năng thông qua làm và trải nghiệm thực tế.

- Chiến lược dạy - học tương tác: GV kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề/câu hỏi gợi mở và yêu cầu SV thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. GV với vai trò hướng dẫn SV từng bước giải quyết vấn đề để đạt được mục tiêu dạy học. SV có thể học từ bạn hay từ GV để phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

- Chiến lược dạy - học qua tự học của SV (học tập độc lập): Tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của SV được thực hiện bởi các cá nhân SV với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của GV. Đây là một quá trình giúp SV tự định hướng việc học theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà GV gợi ý, hướng dẫn ở lớp. Phương pháp dạy - học theo chiến lược này chủ yếu là: Bài tập (work assignment), SV được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do GV đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao này, SV học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu.

Kết luận Chương 2

Kết quả học tập là thành quả đạt được của SV trong quá trình học tập, nó phản ánh mức độ đáp ứng yêu cầu học tập theo định hướng CĐRHP và CĐR chương trình đào tạo. Đánh giá KQHT theo CĐRHP là quá trình thu thập, xử lý và phân tích thông tin về KQHT của học phần thuộc chương trình đào tạo để xác định mức độ đạt CĐRHP đó. Do vậy, nội dung đánh giá tập trung vào các nội dung cốt lõi của học phần hình thành CĐR; Hình thức đánh giá đảm bảo thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và phương pháp đánh giá đa dạng phụ thuộc vào GV thiết kế sao cho đánh giá được CĐRHP, chủ yếu là đánh giá qua quan sát, đánh giá qua vấn đáp, đánh giá qua kiểm tra viết; Công cụ đánh giá thể hiện rõ tiêu chí đánh giá, các tiêu chí này phù hợp với CĐRHP. Kết quả đánh giá đảm bảo tính giá trị và độ tin cậy, phản ánh được mức độ kỳ vọng về CĐRHP, trình độ năng lực thực tế và sự tiến bộ trong học tập của SV.

Đánh giá KQHT nói chung có chức năng định hướng hoạt động dạy của GV và hoạt động học tập của GV, xác nhận thành quả đạt được của SV và mức độ đạt mục tiêu học tập khi kết thúc quá trình học tập, hỗ trợ việc học tập giúp cho quá trình dạy học có hiệu quả.

Nguyên tắc của đánh giá KQHT nói chung và yêu cầu của đánh giá KQHT theo CĐRHP nói riêng phải đảm bảo đo lường được mức độ đạt CĐRHP, đảm bảo tính khách quan công bằng, đảm bảo tính toàn diện, đảm bảo tính thường xuyên có hệ thống, đảm bảo tính hiệu quả và đảm bảo tính phát triển của một chương trình đào tạo.

Nguyên lý đánh giá KQHT theo CĐR phải đảm bảo sự “tương thích có định hướng” nghĩa là kiểm tra đánh giá và tổ chức dạy học đều thể hiện sự tương thích và luôn hướng đến đạt CĐR.

Các bước đánh giá KQHT nói chung bao gồm: Bước 1, xác định mục tiêu đánh giá. Bước 2, xác định nội dung và các phương pháp đánh giá. Bước 3, xác định hoặc lựa chọn công cụ đánh giá. Bước 4, thu thập và xử lý thông tin đánh giá. Bước 5, kết luận và đưa ra các quyết định.

So với quy trình đánh giá KQHT nói chung, hiện nay quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP được thực hiện theo 4 bước: Bước 1, xác định CĐR. Bước 2, xác định

cách thức đánh giá KQHT theo CĐR. Bước 3, triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá. Bước 4, đổi mới phương pháp dạy học.

Các yếu tố cấu trúc Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP gồm có CĐR, chiến lược/kế hoạch giảng dạy và học tập đảm bảo đáp ứng CĐR và đánh giá KQHT (nội dung, phương pháp, công cụ/tiêu chí, hình thức đánh giá).

Đánh giá KQHT theo CĐRHP có vai trò và tầm quan trọng trong quá trình dạy học học phần, nhất là hiện nay giáo dục đại học đang chuyển sang hướng tiếp cận năng lực. Chỉ xét 2 thành tố đánh giá KQHT và CĐR thì Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP là một cấu trúc thể hiện sự liên kết giữa thành tố đánh giá KQHT theo tiếp cận CĐR. Mô hình khái quát quy trình triển khai thực hiện đánh giá KQHT trong mối liên hệ với CĐRHP nhằm đo lường mức độ SV đạt CĐRHP, đánh giá kiến thức, kỹ năng của SV khi hoàn thành học phần.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ

3.1. Tổ chức khảo sát

3.1.1. Mục đích khảo sát

Trên cơ sở khảo sát hoạt động đánh giá KQHT học phần của SV tại các trường đại học có đào tạo khối ngành kinh tế bao gồm các lĩnh vực ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, thương mại; qua đó làm rõ các nội dung liên quan đến việc thiết lập kế hoạch đánh giá KQHT học phần theo CĐR, quy trình và cách thức triển khai đánh giá KQHT theo CĐR trong quá trình dạy học trình độ đại học.

3.1.2. Nội dung khảo sát

Nội dung 1: Nhận thức tầm quan trọng của đánh giá KQHT theo CĐRHP.

(1) CĐRHP định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp.

(2) Đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CĐRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo.

(3) Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

(4) Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp cán bộ quản lý của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của nhà trường.

Nội dung 2: Việc đáp ứng các yêu cầu của đánh giá KQHT theo CĐRHP.

(1) Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CĐRHP.

(2) Đảm bảo tính khách quan.

(3) Đảm bảo tính toàn diện.

(4) Đảm bảo tính hệ thống.

(5) Đảm bảo tính phát triển.

Nội dung 3: Nội dung đánh giá KQHT theo CDRHP.

(1) Nội dung đánh giá tập trung nội dung cốt lõi hình thành CDRHP.

(2) Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức.

(3) Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.

(4) Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.

(5) Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.

(6) Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.

(7) Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.

(8) Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.

Nội dung 4: Công cụ và tiêu chí đánh giá KQHT theo CDRHP (bài kiểm tra, thi).

(1) Câu hỏi trắc nghiệm tự luận.

(2) Câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

(3) Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan.

(4) Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV.

(5) Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV.

(6) Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric).

Nội dung 5: Hình thức đánh giá KQHT theo CDRHP.

(1) Đánh giá chẩn đoán/đánh giá ban đầu.

(2) Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên.

(3) Đánh giá tổng kết/cuối kỳ.

(4) Đánh giá theo mốc chuẩn.

(5) Đánh giá theo tiêu chí.

(6) Đánh giá định tính.

(7) Đánh giá định lượng.

Nội dung 6: Phương pháp đánh giá KQHT theo CDRHP.

(1) Đánh giá qua sự chuyên cần.

- (2) Đánh giá qua làm việc nhóm.
- (3) Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo.
- (4) Phương pháp kiểm tra vấn đáp.
- (5) Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận.
- (6) Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan.
- (7) Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan.

(8) Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận.

Nội dung 7: Quy trình chung đánh giá KQHT theo CDRHP.

(1) Bước 1: Xác định CDR của từng học phần.

- CDRHP được trình bày trong đề cương học phần.
- CDRHP có sự liên kết với CDR chương trình đào tạo.
- CDRHP được chuyển hóa tương ứng thành các PI CDR cụ thể (gọi là performance indicator – PI).

- PI CDRHP tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP theo mức nhận thức thang Bloom.

(2) Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP.

- Xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CDRHP.
- Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá phù hợp với từng CDRHP.
- Xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá.
- Xác định hình thức đánh giá phù hợp với từng CDRHP.
- Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CDRHP.
- Lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP và phương pháp dạy học.

(3) Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV.

- Công bố CDRHP và các PI CDR cho SV (nếu có).
- Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá.

- Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV.

- Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần.

Triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra.

- Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần.

- Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT.

- Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...).

(4) Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học.

- Thống kê KQHT của tất cả SV trong lớp học phần theo từng PI CĐRHP.

- Thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phần chưa đạt PI CĐRHP.

- Đối sánh giữa chỉ số đánh giá và CĐRHP để xác định mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp học phần.

- Xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CĐRHP mà SV chưa đáp ứng được.

- Xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp 100% SV trong lớp học phần đạt CĐR.

- Lưu hồ sơ minh chứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học.

Nội dung 8: Quy trình thiết kế bài kiểm tra đánh giá KQHT theo CĐRHP

- Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CĐRHP.

- Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP.

- Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá.

- Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận.

- Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi.

- Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra.

Nội dung 9: Các nhận định chung về đánh giá KQHT theo CĐRHP

- (1) Về quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP.
- (2) Về nội dung đánh giá KQHT theo CĐRHP.
- (3) Về công cụ đánh giá KQHT theo CĐRHP.
- (4) Về hình thức đánh giá KQHT theo CĐRHP
- (5) Về phương pháp đánh giá KQHT theo CĐRHP, v.v.

3.1.3. Phương pháp khảo sát

Khảo sát thực trạng thực hiện theo phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi và phương pháp thống kê toán học. Phát phiếu hỏi đến GV, CBQL và SV. Các dữ liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học trên ứng dụng SPSS và MS. Excel.

Các bước được thực hiện như sau:

Bước 1: Thăm dò ý kiến của GV, CBQL, SV qua phiếu hỏi. Phân tích độ tin cậy phiếu hỏi và điều chỉnh nội dung của phiếu hỏi.

Bước 2: Khảo sát chính thức bằng phiếu hỏi.

Bước 3: Xử lý, phân loại số lượng phiếu thu về. Chọn số lượng phiếu nhập liệu đảm bảo độ tin cậy 95% của kết quả.

Bước 4: Xử lý dữ liệu qua thống kê mô tả kết quả khảo sát thực trạng.

3.1.4. Công cụ và thang đo kết quả khảo sát

3.1.4.1. Công cụ khảo sát

Công cụ khảo sát gồm có 3 phiếu hỏi sau đây:

- Phiếu lấy ý kiến GV về thực trạng đánh giá KQHT theo CĐRHP (Phụ lục 1).
- Phiếu lấy ý kiến CBQL về thực trạng đánh giá KQHT theo CĐRHP (Phụ lục 2).
- Phiếu lấy ý kiến SV về thực trạng đánh giá KQHT theo CĐRHP (Phụ lục 3).

3.1.4.2. Thang đo kết quả khảo sát

Thang đo tần suất, thang đo tỉ lệ phần trăm và thang đo Likert 5 mức độ từ “hoàn toàn không đồng ý” (mức 1) đến “hoàn toàn đồng ý” (mức 5). Các số liệu được thống

kê theo giá trị khoảng cách được tính bằng công thức $(\text{Max} - \text{Min})/n = (5-1)/5 = 0,8$. Ý nghĩa các mức giá trị theo khoảng cách thống kê như sau:

1,00 – 1,80: Hoàn toàn không đồng ý

1,81 – 2,60: Không đồng ý

2,61 – 3,40: Đồng ý một phần

3,41 – 4,20: Đồng ý

4,21 – 5,00: Hoàn toàn đồng ý

3.1.5. Phương pháp chọn mẫu và đối tượng khảo sát:

3.1.5.1. Phương pháp chọn mẫu

Phương pháp chọn mẫu khảo sát được tính theo công thức: $n = N/[1+N(e)^2]$.

Trong đó:

n: là thành viên mẫu cần xác định để điều tra nghiên cứu

N: là tổng số mẫu

e: mức độ sai số cho phép (nếu chọn sai số là 5% thì độ tin cậy là 95%)

Thông tin về các cơ sở giáo dục đại học được tác giả khảo sát lấy ý kiến các đối tượng GV, SV, CBQL như sau:

Bảng 3.1. Thông tin về cơ sở giáo dục tham gia khảo sát

TT	Trường khảo sát	Số lượng GV	Qui mô SV
1	Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Kinh tế)	90	5.000
2	Trường Đại học Tài chính - Marketing (Các khoa đào tạo ngành kinh tế)	290	13.000
	Tổng	380	18.000

Nếu độ tin cậy của mẫu là 95%, áp dụng công thức tính cỡ mẫu nêu trên thì số lượng cỡ mẫu đối với từng đối tượng khảo sát như sau:

Bảng 3.2. Cỡ mẫu khảo sát đối với giảng viên, sinh viên

TT	Trường khảo sát	GV		SV	
		Số lượng	Ti lệ %	Số lượng	Ti lệ %
1	Trường Đại học Cần Thơ	74	32,4	385	49,8

TT	Trường khảo sát	GV		SV	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2	Trường Đại học Tài chính – Marketing	154	67,5	388	50,2
	Tổng	228	100,0%	773	100%

3.1.5.2. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát là GV: Phát phiếu hỏi trực tiếp và qua google.doc cho GV của các trường. Số phiếu phát ra là 380, số phiếu thu về 310, số phiếu hợp lệ 280, số phiếu hợp lệ được chọn ngẫu nhiên để nhập liệu, thống kê mô tả, đáp ứng yêu cầu (đảm bảo độ tin cậy 95%) là 228 phiếu, cụ thể như sau:

Bảng 3.3. Đặc tính cơ bản của mẫu giảng viên

Đặc tính mẫu GV N = 228		Trường Đại học Cần Thơ (khoa kinh tế)		Trường Đại học Tài chính - Marketing		Tổng cộng
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Giới tính	Nam	45	37%	75	63%	120
	Nữ	29	27%	79	73%	108
Học vị	Thạc sĩ	27	19%	115	81%	142
	Tiến sĩ	47	55%	39	45%	86
Thâm niên	Dưới 5 năm			8	100%	8
	Từ 5 - 10 năm	16	29%	40	71%	56
	Từ 10 trở lên	58	35%	106	65%	164
Vị trí công tác	GV	62	31%	138	69%	200
	GV kiêm nhiệm quản lý chuyên môn	11	41%	16	59%	27
	GV kiêm nhiệm quản lý hành chính	1	100%			1
	Tổng	74	32%	154	68%	228

Đối tượng khảo sát là SV: Phát phiếu hỏi trực tiếp và qua google.doc cho SV của các trường. Số phiếu phát ra là 2000, số phiếu thu về 1400, số phiếu hợp lệ 950, số phiếu hợp lệ được chọn ngẫu nhiên để nhập liệu, thống kê mô tả, đáp ứng yêu cầu (đảm bảo độ tin cậy 95%) là 773 phiếu, cụ thể như sau:

Bảng 3.4. Đặc tính cơ bản của mẫu sinh viên

Đặc tính mẫu SV, N = 773	Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Tổng cộng
SV năm 2	132	129	261
SV năm 3	156	165	321
SV năm 4	97	94	191
Tổng	385	388	773

Đối tượng khảo sát là CBQL: Phát phiếu hỏi trực tiếp cho 30 CBQL cấp bộ môn, khoa, đơn vị chức năng khảo thí.

Bảng 3.5. Đặc tính cơ bản của mẫu cán bộ quản lý

Đặc tính mẫu CBQL, N = 30	Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Tổng cộng
Quản lý cấp bộ môn	5	13	18
Quản lý cấp khoa	1	8	9
Quản lý đơn vị chức năng khảo thí	1	2	3
Tổng	7	23	30

3.2. Kết quả khảo sát

3.2.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Bảng 3.6. Thực trạng nhận thức tầm quan trọng của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	CĐRHP định hướng cho GV	3.7519	.98653	3.7412	.99278	3.8333	.94989	.000

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
	triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp							
2	Đánh giá KQHT theo CDRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CDRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo	3.5310	.76462	3.4825	.78793	3.9000	.40258	.000
3	Đánh giá KQHT theo CDRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CDR về kiến thức, kĩ năng, thái độ	3.5194	.73913	3.5000	.71176	3.6667	.92227	.000

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
4	Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp cán bộ quản lý của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của nhà trường	4.0504	.43372	4.0439	.44801	4.1000	.30513	.000
	Tổng ĐTB	3.7131		3.6919		3.8750		

Theo kết quả khảo sát GV và CBQL (Bảng 3.6) cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0.05 có ý nghĩa thống kê. Nhìn chung, tầm quan trọng của việc đánh giá KQHT theo CĐRHP trong quá trình dạy học được GV và CBQL nhận thức rất rõ (ĐTB=3.7131). Theo đó GV và CBQL nhận định rằng: CĐRHP có tầm quan trọng là định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp (ĐTB=3.7519); đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CĐRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo (ĐTB=3.5310); đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ (ĐTB=3.5194); đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp CBQL của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của nhà trường (ĐTB=4.0504).

3.2.2. Thực trạng đáp ứng các yêu cầu của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Bảng 3.7. Thực trạng đáp ứng các yêu cầu của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CĐRHP	2.5194	.72853	2.5088	.69922	2.6000	.93218	.000
2	Đảm bảo tính khách quan	2.2016	.43896	2.1842	.43149	2.3333	.47946	.000
3	Đảm bảo tính toàn diện	2.6783	.68417	2.6623	.69293	2.8000	.61026	.000
4	Đảm bảo tính hệ thống	2.4651	.89570	2.4561	.91141	2.5333	.77608	.000
5	Đảm bảo tính phát triển	2.4109	.72329	2.3772	.70104	2.6667	.84418	.000
	Tổng ĐTB	2.4550		2.4377		2.5866		

Theo kết quả khảo sát GV và CBQL (Bảng 3.7) cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Kết quả chung cho thấy việc triển khai đánh giá KQHT hiện nay chưa đảm bảo yêu cầu đánh giá KQHT theo CĐRHP (ĐTB=2.4550). Theo đó, GV và CBQL cho rằng: Đánh giá KQHT hiện nay chưa đánh giá mức độ đạt CĐRHP (ĐTB=2.5194), chưa đảm bảo tính khách quan (ĐTB=2.2016), chưa đảm bảo đánh giá toàn diện về kiến thức, kĩ năng, thái độ mà CĐRHP yêu cầu (ĐTB=2.6783), chưa thể hiện tính hệ thống (ĐTB=2.4651), chưa đảm bảo tính phát triển (ĐTB=2.4109).

3.2.3. Thực trạng nội dung đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Bảng 3.8. Thực trạng nội dung đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Tổng		GV		CBQL		SV		Sig.
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Nội dung đánh giá tập trung nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP								

TT	Tổng		GV		CBQL		SV		Sig.
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
	2.7420	.01703	2.1930	.41719	2.5000	.57235	2.3454	.71147	.000
2	Nội dung đánh giá việc lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết liên quan đến CĐRHP								
	3.6256	.88322	3.6140	.89057	3.7333	.73968	3.6248	.88687	.000
3	Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.								
	3.8952	.72854	3.8947	.70077	4.0667	.04826	3.8887	.72200	.000
4	Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.								
	2.8894	.67074	2.9035	.66332	2.7000	.46609	2.8926	.67916	.000
5	Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.								
	3.0378	.58586	3.0044	.58240	3.5333	.62881	3.0285	.57740	.000
6	Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.								
	3.7953	.74899	3.7851	.72849	3.8000	.03057	3.7982	.74329	.000
7	Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.								
	3.7818	.74384	3.7588	.76179	4.1000	.54772	3.7762	.74309	.000
8	Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.								
	3.7546	.75486	3.7500	.77616	3.8333	.59209	3.7529	.75478	.000
	Tổng ĐTB								
	3.4402		3.3629		3.5333		3.3884		

Theo kết quả khảo sát GV, CBQL và SV (Bảng 3.8) cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Nhìn chung kết quả cho thấy nội dung đánh giá cơ bản đáp ứng yêu cầu cho việc đánh giá KQHT (ĐTB=3.4402).

Khi xét riêng từng chỉ số khảo sát thực trạng về nội dung đánh giá KQHT theo CĐRHP cho thấy: Nội dung đánh giá khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết liên quan đến CĐRHP (ĐTB=3.9176). Nội dung đánh giá được khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp (ĐTB=3.8952). Nội

dung đánh giá cũng tập trung vào đánh giá tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần (ĐTB=3.7953), đánh giá sự phối hợp với các SV khác trong lớp (ĐTB=3.7818), đánh giá tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV (ĐTB=3.7546).

Tuy nhiên, nội dung đánh giá chưa tập trung vào các nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP (ĐTB=2.7420) và chưa đánh giá được sự vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các tình huống thực tiễn nghề nghiệp (ĐTB<3.0378). Nhận định chung của hầu hết GV và CBQL là hiện nay phần lớn các học phần trong chương trình có nội dung bài thi, bài kiểm tra chưa thể đánh giá rõ ràng mức độ SV đạt được CĐRHP.

3.2.4. Thực trạng công cụ đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Bảng 3.9. Thực trạng công cụ đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Tổng		GV		CBQL		SV		Sig.
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Bài kiểm tra, thi dạng câu hỏi trắc nghiệm tự luận								
	3.7847	.87256	3.7939	.87880	3.7333	.73968	3.7840	.87637	.000
2	Bài kiểm tra, thi dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan								
	3.6809	.71191	3.6711	.70968	3.7667	.00630	3.6805	.69981	.000
3	Bài kiểm tra, thi dạng câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan								
	3.7837	.82130	3.8070	.79511	3.5000	.04221	3.7878	.81851	.000
4	Bài kiểm tra, thi dạng sản phẩm thực hiện: Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV								
	3.7284	.86122	3.7412	.84408	3.6000	.00344	3.7296	.86114	.000
5	Bài kiểm tra, thi dạng sản phẩm thực hiện: Đề tài, tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV								
	3.8138	.75700	3.7982	.75885	4.1000	.60743	3.8072	.76032	.000
6	Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric) đi kèm các bài kiểm tra, thi								
	3.2066	.43737	3.1623	.17616	3.3000	.53498	3.2160	.55380	.000

TT	Tổng		GV		CBQL		SV		Sig.
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
	Tổng ĐTB								
	3.6663		3.6622		3.6666		3.6675		

Theo kết quả khảo sát GV, CBQL và SV (Bảng 3.9) cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Nhìn chung, các công cụ đánh giá KQHT hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu (ĐTB=3.6663). Công cụ đánh giá là các bài kiểm tra, bài thi chủ yếu có dạng câu hỏi trắc nghiệm tự luận (ĐTB=3.7847), dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan (ĐTB=3.6809) và câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan (ĐTB=3.7837).

Công cụ đánh giá cũng bao gồm các bài tập lớn về vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp giao cho cá nhân hoặc nhóm SV thực hiện (ĐTB=3.7284). Bài kiểm tra, bài thi là các đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV cũng được triển khai (ĐTB=3.8138).

Song hiện nay việc kiểm tra đánh giá còn chưa công khai tiêu chí cụ thể, đặc biệt đối với các dạng bài kiểm tra, thi là các sản phẩm thực hiện như bài tập lớn, bài tập nhóm, bài tập cá nhân..., kết quả khảo sát cho thấy là Phiếu tiêu chí đánh giá chưa được sử dụng thường xuyên (ĐTB=3.2066).

Theo nhận định chung của GV và CBQL, công cụ đánh giá chủ yếu là các bài kiểm tra, bài thi, các đề tài và bài tập giao cho SV hoặc nhóm SV. Tiêu chí kiểm tra đánh giá chưa được GV công khai cho SV. Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric) chưa được thực hiện một cách phổ biến đối với tất cả học phần vì nhiều lý do khách quan trong đó có thể kể đến là nhà trường chưa có quy định đối với GV trong việc phải xây dựng và sử dụng Phiếu tiêu chí đánh giá cho tất cả bài kiểm tra đánh giá.

3.2.5. Thực trạng hình thức đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Bảng 3.10. Thực trạng hình thức đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Tổng		GV		CBQL		SV		Sig.
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Đánh giá chẩn đoán/đánh giá ban đầu								
	2.6305	.56449	2.6316	.57500	2.8333	.37905	2.6223	.56644	.000
2	Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên								
	3.9020	.88081	3.9342	.87050	3.9000	.71197	3.8926	.89043	.000
3	Đánh giá tổng kết/cuối kỳ								
	3.7856	.63370	3.7588	.66945	3.9667	.18257	3.7865	.63346	.000
4	Đánh giá theo mốc chuẩn								
	2.9185	.30074	2.9167	.30716	2.9667	.18257	2.9172	.30262	.000
5	Đánh giá theo tiêu chí								
	2.9457	.51290	2.9298	.52630	2.9667	.18257	2.9495	.51786	.000
6	Đánh giá định tính								
	3.0310	.62396	3.0088	.62960	2.9667	.18257	3.0401	.63343	.000
7	Đánh giá định lượng								
	3.1387	.75245	3.7018	.93799	3.0667	.36515	2.9754	.60923	.000
	Tổng ĐTB								
	3.1931		3.2688		3.2381		3.1691		

Theo kết quả khảo sát GV, CBQL và SV (Bảng 3.10), cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Đánh giá KQHT được thực hiện qua các hình thức đánh giá quá trình (ĐTB=3.9020) và đánh giá cuối kỳ (ĐTB=3.7856). Các hình thức khác như đánh giá chẩn đoán/đánh giá ban đầu, đánh giá theo mốc chuẩn, đánh giá theo tiêu chí, đánh giá định tính, đánh giá định lượng ít được GV sử dụng.

3.2.6. Thực trạng phương pháp đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Bảng 3.11. Thực trạng phương pháp đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Tổng		GV		CBQL		SV		Sig.
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Đánh giá qua sự chuyên cần								
	3.9728	.80124	3.9781	.80988	4.1000	.60743	3.9664	.80568	.000
2	Đánh giá qua làm việc nhóm								
	3.9146	.85587	3.9342	.86542	3.7000	.74971	3.9172	.85678	.000
3	Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo								
	3.9767	.79893	4.0044	.79922	3.7000	.74971	3.9793	.79967	.000
4	Phương pháp kiểm tra vấn đáp								
	2.5829	.52755	2.5921	.52709	2.6667	.47946	2.5770	.52977	.000
5	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận								
	3.8012	.65079	3.7851	.63824	4.0667	.58329	3.7956	.65549	.000
6	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan								
	3.9360	.66666	3.9211	.67875	4.0667	.44978	3.9353	.67021	.000
7	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan								
	4.0291	.77405	4.0658	.77407	4.0667	.63968	4.0168	.77925	.000
8	Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận								
	3.9214	.68595	3.9211	.69795	3.9000	.54772	3.9224	.68793	.000
	Tổng ĐTB								
	3.7668		3.7752		3.7834		3.7638		

Theo kết quả khảo sát GV, CBQL và SV (Bảng 3.11), cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Nhìn chung, kiểm tra đánh giá qua phương pháp quan sát và phương pháp kiểm tra viết được sử dụng nhiều nhất. Cụ thể là đánh giá sự chuyên cần của SV (ĐTB=3.9728), phương pháp đánh giá qua làm việc nhóm (ĐTB=3.9146), phương pháp kiểm tra đánh giá qua thuyết trình, báo cáo (ĐTB=3.9767), phương pháp đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận (ĐTB=3.8012), phương pháp đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan

(ĐTB=3.9360), phương pháp đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan (ĐTB=4.0291), đánh giá qua sản phẩm thực hiện như bài tập lớn, tiểu luận, đề tài... (ĐTB=3.9214). Song phương pháp kiểm tra vấn đáp ít được sử dụng (ĐTB=2.5829) trong quá trình đánh giá KQHT của SV.

3.2.7. Thực trạng quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Bảng 3.12. Thực trạng quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Bước 1: Xác định CĐR của từng học phần	3.9031	.70732	3.8816	.70805	4.0667	.69149	.000
2	Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP	2.8992	.71499	2.9123	.72174	2.8000	.66436	.000
3	Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV	3.5426	.83696	3.5219	.86256	3.7000	.59596	.000
4	Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học.	2.6395	.62215	2.6404	.62442	2.6333	.61495	.000
	Tổng ĐTB	3.2461		3.2391		3.3000		

Theo kết quả khảo sát GV, CBQL (Bảng 3.12), cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Nhìn chung, trong 4 bước của quy trình đánh giá KQHT theo CDRHP, GV thường thực hiện đầy đủ Bước 1, xác định CDR của từng học phần (ĐTB=3.9031) và Bước 3, triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV (ĐTB=3.5426). Còn Bước 2, xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP (ĐTB=2.8992) và Bước 4, sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học (ĐTB=2.6395) chưa được GV thực hiện một cách nhất quán và hiệu quả.

Bảng 3.13. Thực trạng thực hiện Bước 1 của quy trình đánh giá đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	CDRHP được trình bày trong đề cương học phần	3.8023	.60129	3.7895	.60064	3.9000	.60743	.000
2	CDRHP có sự liên kết với CDR chương trình đào tạo	3.4845	.77519	3.4561	.79248	3.7000	.59596	.000
3	CDRHP được chuyển hóa thành các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CDR tương ứng (PI)	3.0426	.76533	3.0833	.76087	2.7333	.73968	.000
4	PI tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP theo	2.8643	.59260	2.8377	.58991	3.0667	.58329	.000

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
	mức nhận thức thang Bloom							
	Tổng ĐTB	3.2984		3.2917		3.3500		

Theo kết quả khảo sát GV, CBQL (Bảng 3.13), cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Trong bước xác định CĐRHP, việc thực hiện xác định và công bố CDR trong đề cương học phần được thực hiện đầy đủ (ĐTB=3.8023), có xác định sự liên kết giữa CĐRHP với CDR chương trình đào tạo (ĐTB=3.4845). Tuy nhiên, việc chuyển hóa CĐRHP tương ứng thành các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CDR cụ thể chưa được thực hiện một cách đầy đủ (ĐTB=3.0426), đồng thời các chỉ số này chưa tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP (ĐTB=2.8643).

Bảng 3.14. Thực trạng thực hiện Bước 2 của quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CĐRHP	2.8643	.66675	2.8465	.66248	3.0000	.69481	.000
2	Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	2.7636	.62558	2.7895	.61513	2.5667	.67891	.000
3	Xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá	2.8798	.70373	2.8947	.69445	2.7667	.77385	.000
4	Xác định hình thức đánh giá phù	2.7636	.72899	2.7500	.71716	2.8667	.81931	.000

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
	hợp với từng CĐRHP							
5	Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	3.0543	.83045	3.0658	.84482	2.9667	.71840	.000
6	Lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP và phương pháp dạy học	3.2984	.87778	3.2939	.87880	3.3333	.88409	.000
	Tổng ĐTB	2.9373		2.9401		2.9167		

Theo kết quả khảo sát GV, CBQL (Bảng 3.14), cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Nhìn chung, trong bước xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP, phần lớn GV chưa xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CĐRHP (ĐTB=2.8643), chưa xác định công cụ đánh giá nào phù hợp với từng CĐRHP (ĐTB=2.7636), chưa xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá (ĐTB=2.8798), chưa xác định rõ hình thức đánh giá phù hợp với từng CĐRHP (ĐTB=2.8798), chưa xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CĐRHP (ĐTB=3.0543), chưa lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP và phương pháp dạy học (ĐTB=3.2984).

Bảng 3.15. Thực trạng thực hiện Bước 3 của quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Công bố CDRHP và các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CDR cho SV (nếu có)	3.6744	.77573	3.6623	.81017	3.7667	.43018	.000
2	Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá	3.0620	.76144	3.0833	.76087	2.9000	.75886	.000
3	Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV	2.8101	.71584	2.8421	.72803	2.5667	.56832	.000
4	Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi	2.8450	.72691	2.8465	.72594	2.8333	.74664	.000

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
	đánh giá KQHT học phần							
5	Triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra	3.3457	.49801	3.4342	.49674	3.5333	.50742	.000
6	Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần	3.6628	.57056	3.6711	.57987	3.6000	.49827	.000
7	Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT	3.5736	.49551	3.5658	.49674	3.6333	.49013	.000
8	Sử dụng KQHT học phần của SV	4.1667	.73763	4.1667	.73210	4.1667	.79148	.000

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
	đề xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)							
	Tổng ĐTB	3.3925		3.4090		3.3750		

Theo kết quả khảo sát GV, CBQL (Bảng 3.15), cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Trong bước 3 này, phần lớn GV có công bố CĐRHP cho SV biết (ĐTB=3.6744). GV chưa phổ biến kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, tiêu chí đánh giá (ĐTB=3.0620), chưa công khai tiêu chí đánh giá hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV (ĐTB=2.8101), chưa có hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần phù hợp với CĐR đã công bố (ĐTB=2.8450), nên việc triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra chưa được nhất quán (ĐTB=3.4457). Điểm số KQHT của SV được GV thu thập đầy đủ, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần (ĐTB=3.6628). Việc công bố điểm cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần được thực hiện kịp thời, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và sớm được phản hồi KQHT (ĐTB=3.5736). Kết quả đạt được của SV thể hiện qua KQHT học phần được nhà trường làm căn cứ xếp hạng SV, ra các quyết định học vụ cho SV (ĐTB=4.1667).

Bảng 3.16. Thực trạng thực hiện Bước 4 của quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Thống kê KQHT của SV trong lớp học phần theo từng chỉ số đánh giá kết quả thực hiện	2.8760	.80859	2.9167	.80586	2.5667	.77385	.000
2	Thống kê số lượng, tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phần chưa đạt chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CDR	2.9612	.74753	2.9649	.73825	2.9333	.82768	.000
3	Đối sánh giữa chỉ số đánh giá kết quả thực hiện và CDRHP để xác định mức độ đạt CDRHP của từng SV trong lớp học phần	3.2326	.75384	3.1974	.76290	2.6333	.49013	.000
4	Xác định nội dung cốt lõi liên quan CDRHP mà	3.3798	.66828	3.3728	.67462	3.0667	.78492	.000

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
	SV chưa đáp ứng được							
5	Xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp 100% SV trong lớp học phần đạt CĐR	3.2597	.71013	3.2719	.71220	3.1667	.69893	.000
6	Lưu hồ sơ minh chứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học	3.0271	.76604	3.0439	.76706	2.9000	.75886	.000
	Tổng ĐTB	3.1227		3.1279		2.8778		

Theo kết quả khảo sát GV, CBQL (Bảng 3.16), cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Trong bước 4 này, phần lớn GV chưa thống kê KQHT của tất cả SV trong lớp học phần theo từng chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐRHP (ĐTB=2.8760), chưa thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV, chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐRHP (ĐTB=2.9612), chưa đối sánh xác định mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp học phần (ĐTB=3.2326), chưa xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CĐRHP mà SV chưa đáp ứng hoặc lĩnh hội được (ĐTB=3.3798), chưa xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp tất cả SV lớp học phần đạt CĐR (ĐTB=3.2597), chưa lưu hồ sơ chứng cứ làm cơ sở cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học sau này (ĐTB=3.0271).

3.2.8. Thực trạng thiết kế bài kiểm tra, bài thi đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

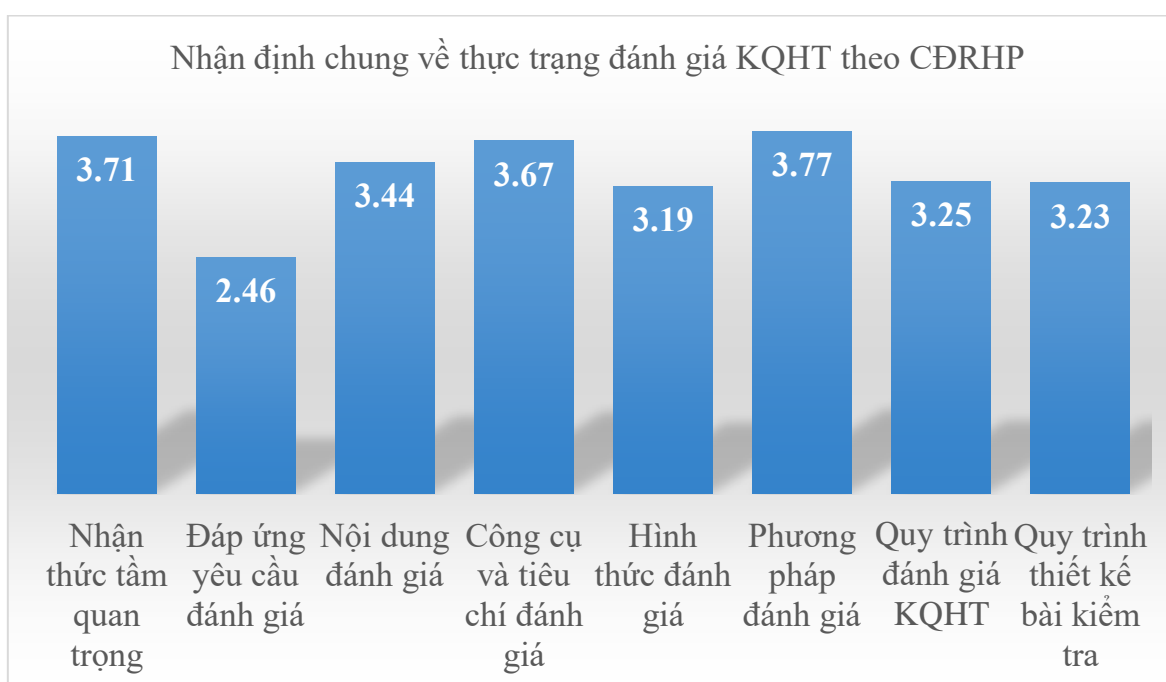
Bảng 3.17. Thực trạng thiết kế bài kiểm tra, bài thi

TT	Nội dung	Tổng		GV		CBQL		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
	Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CĐRHP	3.6202	.48629	3.6228	.48575	3.6000	.49827	.000
	Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP	3.7016	.51446	3.7105	.51794	3.6333	.49013	.000
	Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá	2.9341	.76875	2.9211	.75261	3.0333	.88992	.000
	Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận	3.2132	.64608	3.2061	.64798	3.2667	.63968	.000
	Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi	3.0465	.72058	3.0877	.70943	2.7333	.73968	.000
	Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra	2.8721	.58109	2.8684	.57116	2.9000	.66176	.000
	Tổng ĐTB	3.2313		3.2361		3.1944	3.2313	

Theo kết quả khảo sát GV, CBQL (Bảng 3.17), cho thấy các chỉ số đều có giá trị Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê. Phần lớn GV chưa thực hiện bài bản các bước thiết kế một bài kiểm tra, bài thi theo hướng đánh giá CĐRHP. Trong quá trình thiết kế bài kiểm tra, bài thi, GV thực hiện xác định mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CĐRHP (bước 1, ĐTB=3.6202) và xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP (bước 2, ĐTB=3.7016). Việc thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá chưa được GV thực hiện (bước 3, ĐTB=2.9341); chưa biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận (bước 4, ĐTB=3.2132); chưa xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi (bước 5, ĐTB=3.0465); chưa xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra (bước 6, ĐTB=2.8721).

3.3. Phân tích, đánh giá chung về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

3.3.1. Phân tích, đánh giá chung



Biểu đồ 3.1. Nhận định chung về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Trên cơ sở kết quả khảo sát nghiên cứu thực trạng có ý nghĩa về mặt kiểm định thống kê (Biểu đồ 3.1) và tổng hợp một số ý kiến nhận định chung của các đối tượng khảo sát, tác giả luận án phân tích, đánh giá thực trạng như sau:

Hầu hết GV và CBQL nhận thức rất rõ về tầm quan trọng của việc đánh giá KQHT theo CDRHP trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay, trong đó quan trọng nhất của đánh giá SV là nhằm cung cấp thông tin về mức độ đạt CDR của SV và qua đó nhà trường đánh giá một cách chính xác chất lượng đào tạo của nhà trường so với CDR chương trình đào tạo đã công bố.

Song việc đánh giá KQHT theo CDRHP hiện nay chưa đáp ứng các yêu cầu đặt ra, chưa thể đánh giá được mức độ SV đạt hoặc không đạt CDRHP, chưa đảm bảo tính khách quan công bằng, chưa đảm bảo tính toàn diện, chưa đảm bảo tính hệ thống, chưa đảm bảo việc cải tiến phương pháp đánh giá trong quá trình phát triển chương trình đào tạo. Điều này xuất phát từ công cụ đánh giá chưa nêu rõ tiêu chí đánh giá, nội dung đánh giá chưa đảm bảo tính bao phủ hết kiến thức hình thành CDRHP, các bài kiểm tra và bài thi chưa được tổng hợp, hệ thống theo tiến trình dạy học, KQHT của SV chưa được thống kê, phân tích sau khi đánh giá.

Xét về tổng thể, nội dung đánh giá tương đối đảm bảo đánh giá về thái độ và đánh giá kiến thức, kỹ năng ở cấp độ tư duy thấp. Về thái độ, đánh giá qua tính chuyên cần, sự nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần, sự phối hợp tốt với các SV khác trong lớp, tinh thần trách nhiệm trong học tập. Về kiến thức và kỹ năng, đánh giá qua sự phù hợp giữa nội dung đánh giá với các cấp độ tư duy nhận thức; kết quả cho thấy: nội dung đánh giá chủ yếu đánh giá về khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức và vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết các tình huống nghề nghiệp. Nội dung đánh giá chưa đánh giá được năng lực SV ở cấp độ tư duy cao. Đồng thời, xét về sự phù hợp giữa nội dung đánh giá với nội dung hình thành CDRHP cho thấy: nội dung đánh giá chưa tương thích và chưa tập trung vào nội dung cốt lõi của học phần liên quan đến CDR.

Công cụ đánh giá chủ yếu là các bài kiểm tra, bài thi trắc nghiệm tự luận dạng câu hỏi hoặc sản phẩm thực hiện như bài tập cá nhân và các bài tập nhóm, tuy nhiên đối với các bài tập cá nhân, bài tập nhóm thì chưa có tiêu chí đánh giá rõ ràng để thông tin cho SV.

Hình thức đánh giá hiện nay chưa đảm bảo tính đa dạng, có nhiều hình thức chưa được sử dụng rõ ràng trong quá trình đánh giá. Hình thức đánh giá chủ yếu được thực

hiện theo quy định của nhà trường gồm đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc học phần/đánh giá cuối kỳ (đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ).

Phương pháp đánh giá chủ yếu chỉ tập trung vào việc kiểm tra mức độ lĩnh hội kiến thức của SV tại lớp, giao bài tập nhóm và thuyết trình nhóm, giao bài thi cá nhân. Đánh giá quá trình thường được thực hiện qua phương pháp kiểm tra viết và qua phương pháp đánh giá bài tập lớn, tiểu luận, đề tài cho cá nhân SV hoặc nhóm SV; đánh giá kết thúc học phần thường được thực hiện qua phương pháp kiểm tra viết với các dạng câu hỏi trắc nghiệm tự luận, trắc nghiệm khách quan hoặc kết hợp.

Quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP chưa được thực hiện bài bản, đầy đủ các bước. Đối với từng bước quy trình, chưa thực hiện đầy đủ các công việc để có thể triển khai đánh giá KQHT của học phần một cách hữu hiệu nhất. Cụ thể là:

- Chưa chuyển hóa CĐRHP tương ứng thành các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐR tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP.
- Chưa xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CĐRHP để thiết kế nội dung đánh giá.
- Chưa xây dựng tiêu chí đánh giá hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá cho các bài kiểm tra, bài thi, các sản phẩm thực hiện như bài tập lớn cá nhân/nhóm.
- Chưa xác định hình thức đánh giá phù hợp với từng CĐRHP.
- Chưa xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CĐRHP.
- Chưa lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP và phương pháp dạy học nên chưa phổ biến kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV (hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá...).
- Chưa có hệ thống một chuỗi các bài kiểm tra, bài thi phù hợp với CĐR đã công bố.
- Chưa tổng hợp điểm số, phân tích KQHT và đánh giá mức độ SV đạt CĐRHP: chưa thống kê KQHT tất cả SV trong lớp học phần theo chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐRHP, chưa thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phần chưa đạt chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐRHP, chưa xác định mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp học phần, chưa xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CĐRHP mà

SV chưa đáp ứng hoặc chưa lĩnh hội được, chưa xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học; chưa lưu hồ sơ chứng cứ làm cơ sở đổi mới việc dạy học.

Quy trình các bước thiết kế một bài kiểm tra, bài thi theo hướng đánh giá CĐRHP chưa thực hiện bài bản cụ thể là chưa thiết lập ma trận đề thi, kiểm tra và bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá; chưa biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận; chưa xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi; chưa rà soát lại việc biên soạn đề kiểm tra, thi có phù hợp (thời gian, nội dung...)

Tổng hợp ý kiến nhận định chung của đối tượng khảo sát nghiên cứu thực trạng, có 85% ý kiến cho rằng: Hoạt động đánh giá KQHT hiện nay chưa đảm bảo đánh giá được mức độ đạt CĐRHP, dẫn đến KQHT của SV chưa phản ánh mức độ SV đáp ứng CĐRHP và kết quả tích lũy toàn khóa học của SV chưa lượng hóa được mức độ đạt CĐR chương trình đào tạo.

3.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Tổng hợp ý kiến nhận định chung của đối tượng khảo sát nghiên cứu thực trạng, có 81% ý kiến cho rằng có 03 nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế trong việc đánh giá KQHT theo CĐRHP như sau:

Một là, GV đặt trọng tâm cho việc giảng dạy mà chưa tập trung cho việc đánh giá SV mặc dù nhận thức rõ vai trò của đánh giá trong quá trình dạy học.

Hai là, quy trình triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP còn mang tính khái quát cao. Các nội dung công việc cụ thể cho từng bước quy trình chưa được hướng dẫn rõ và quy định cho GV thực hiện một cách bài bản, có hệ thống và nhất quán để có thể đánh giá mức độ SV đạt CĐRHP.

Ba là, công tác quản lý hoạt động đánh giá KQHT chưa chặt chẽ, chưa chú trọng đánh giá KQHT theo CĐRHP, chưa quan tâm đến việc sử dụng kết quả đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và chất lượng SV nói riêng của trường.

Kết luận Chương 3

Đánh giá KQHT theo CĐRHP thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế có tầm quan trọng trong quá trình dạy học, tuy nhiên tình hình đánh giá KQHT theo CĐRHP còn chưa quy củ. Đánh giá SV chưa đáp ứng các yêu cầu của đánh giá KQHT theo CĐRHP; Chưa đảm bảo tính khách quan, tính toàn diện, tính hệ thống, tính phát triển.

Nội dung đánh giá chưa bao quát toàn diện, chưa bám sát nội dung cốt lõi của học phần mà SV cần lĩnh hội để đáp ứng CĐR.

Công cụ đánh giá thông thường là các bài kiểm tra, bài thi tập trung dạng câu hỏi tự luận, câu hỏi tự luận kết hợp câu hỏi trắc nghiệm hoặc các nhiệm vụ học tập, đề tài giao cho cá nhân, nhóm SV thực hiện; song các nhiệm vụ học tập, các đề tài giao cho SV chưa được GV công bố tiêu chí, thang điểm, nội dung đánh giá (phiếu tiêu chí đánh giá/rubric) v.v. và dẫn đến kết quả đánh giá chưa thật sự khách quan, công bằng.

Hình thức đánh giá KQHT học phần thường sử dụng là đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ theo quy định của nhà trường.

Phương pháp đánh giá thường được sử dụng nhiều nhất trong quá trình dạy học là phương pháp quan sát, phương pháp kiểm tra viết. Theo đó phương pháp quan sát được sử dụng để đánh giá sự chuyên cần, kỹ năng mềm (làm việc nhóm, khả năng thuyết trình...); phương pháp kiểm tra viết thường được thể hiện qua các bài thi, kiểm tra dạng câu hỏi trắc nghiệm tự luận, trắc nghiệm khách quan hoặc kết hợp cả hai, qua các sản phẩm thực hiện của SV như bài tập lớn, tiểu luận...

Quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP chưa được thực hiện bài bản, đầy đủ các bước. Đối với từng bước quy trình, chưa thực hiện đầy đủ các công việc để có thể triển khai đánh giá KQHT của học phần một cách hữu hiệu nhất. Cụ thể là: Chưa chuyển hóa tương ứng thành các PI CĐR cụ thể hơn theo cấp độ tư duy nhận thức, tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP; nội dung đánh giá chưa phù hợp với nội dung cốt lõi hình thành CĐR; chưa xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá cho các bài kiểm tra; chưa xác định hình thức, phương pháp đánh giá phù hợp với từng CĐRHP; chưa lập kế hoạch và phổ biến kế hoạch đánh giá KQHT cho SV (hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá...); chưa có hệ thống một chuỗi các bài kiểm tra,

bài thi phù hợp với CĐR đã công bố; chưa tổng hợp điểm số, phân tích KQHT và đánh giá mức độ đạt SV đạt CĐRHP.

Hoạt động đánh giá KQHT hiện nay chưa đảm bảo đánh giá được mức độ đạt CĐRHP, dẫn đến KQHT của SV chưa phản ánh mức độ SV đáp ứng CĐRHP.

CHƯƠNG 4

MÔ HÌNH VÀ KIỂM NGHIỆM MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ

4.1. Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế

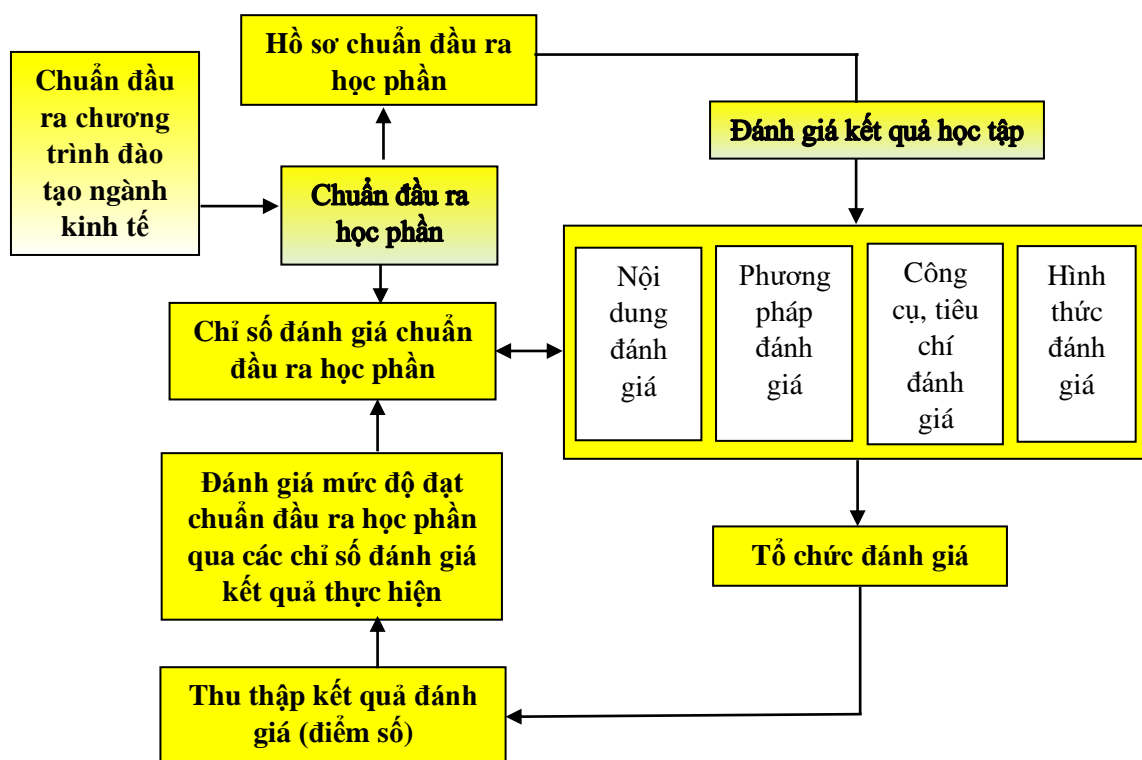
Các chương trình đào tạo thuộc khối ngành kinh tế tập trung cung cấp các kiến thức, kỹ năng nhằm hình thành các năng lực cốt lõi, các năng lực chuyên biệt mà SV cần phải có để phục vụ cho nhu cầu nghề nghiệp thuộc lĩnh vực ngành kinh tế.

Chương trình đào tạo nói chung và chương trình đào tạo ngành kinh tế nói riêng được xây dựng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Khối lượng chương trình đào tạo trình độ đại học là 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh. Cấu trúc nội dung chương trình đào tạo gồm:

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm: kiến thức về lý luận chính trị, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, tin học, công nghệ.
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, bao gồm: kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ ngành.
3. Thực hành nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp.

Bản mô tả chương trình đào tạo thể hiện đầy đủ về mục tiêu đào tạo, CDR theo quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, cách thức đánh giá, nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy từng năm, hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo như: tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và phương pháp đào tạo, mô tả tóm tắt nội dung các học phần trong chương trình, sự phân nhiệm CDR chương trình đào tạo cho học phần, ma trận CDR, đội ngũ GV, cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Căn cứ cơ sở thiết kế mô hình, các yếu tố cấu trúc mô hình được trình bày ở Chương 2 và kết quả phân tích đánh giá thực trạng ở Chương 3, dưới góc độ xét riêng môi liên hệ giữa đánh giá KQHT với CĐRHP, tác giả luận án đề xuất Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế như sau:



Hình 4.1. Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần chương trình đào tạo ngành kinh tế

Vận dụng Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm đánh giá mức độ đạt CĐR của SV khi hoàn thành học phần thông qua các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐR (PI). Các PI được đánh giá qua điểm số.

Đánh giá mức độ đạt CĐR của SV hay đánh giá mức độ SV đạt CĐR là quá trình sử dụng các phương tiện đánh giá nhằm thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu để đánh giá, đo lường mức độ đạt được các CĐR của SV. Đánh giá mức độ đạt CĐR sử dụng các phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu và CĐR cần đo lường, đánh giá.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành kinh tế được xem là một sản phẩm quan trọng của cơ sở giáo dục đại học. Khi cơ sở giáo dục tuyên bố các CĐR này đồng nghĩa với việc SV sẽ đạt được kiến thức, kỹ năng và thái độ vào thời điểm hoàn tất chương trình. Tuy nhiên trên thực tế SV có thể hoàn thành các CĐR ở mức rất tốt, tốt hoặc chỉ

trung bình hoặc thậm chí chưa đạt một vài CDR ở thời điểm hoàn thành chương trình đào tạo. Trong thực tế triển khai chương trình đào tạo ngành, các CDR này được tích hợp vào CDRHP hay nói cách khác các CDRHP góp phần đạt các CDR chương trình đào tạo ngành kinh tế. Vì vậy việc đánh giá mức độ đạt CDR chương trình đào tạo ngành kinh tế thì trước tiên cần đánh giá mức độ đạt CDRHP.

Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CDR (PI) là những tuyên bố có thể đo lường được nhằm chỉ ra các yêu cầu cụ thể mà SV cần thực hiện để chứng minh việc đạt các CDR. Nói cách khác, sau khi tuyên bố CDR, để biết được SV có đạt được CDR hay không thì cần phải đánh giá mức độ SV đạt các PI. Các PI có thể đo lường thông qua một số nội dung cốt lõi (Việt, 2021, trang 79).

Đối với cấp chương trình đào tạo, PI có thể được đo lường qua một số các CDRHP cốt lõi từ một số học phần cốt lõi. Đối với cấp học phần, PI có thể đo lường được qua các CDR bài học hoặc nội dung cốt lõi của học phần, nội dung chính của bài học. Các PI của một học phần có thể xem như là các nội hàm chính, quan trọng của CDRHP.

Trong thực tế nhiều CDRHP được tuyên bố khá rộng nhằm đảm bảo tính liên kết nhiều nội hàm của một vấn đề lớn. Do đó việc xây dựng các PI sẽ giúp GV xác định được cụ thể khi nào thì xem như SV có thể đạt CDRHP. Như vậy để đạt CDRHP thì SV phải đạt được các PI của học phần. Trong trường hợp này, mức độ SV đạt CDRHP được xác định bằng cách kết hợp các PI, chẳng hạn như có thể lấy trung bình mức độ đạt PI của học phần đó.

4.1.1. Môi liên hệ các thành tố của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần chương trình đào tạo ngành kinh tế

Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế bao gồm các thành tố của đánh giá KQHT theo hướng tiếp cận CDR, cụ thể là: CDR chương trình đào tạo ngành kinh tế, CDRHP và hoạt động đánh giá KQHT học phần bao gồm các thành tố như xác định nội dung, phương pháp, công cụ/tiêu chí, hình thức đánh giá).

(1) CDRHP tương thích với CDR chương trình đào tạo ngành kinh tế. CDRHP được phân biệt ở 2 góc độ: Thứ nhất là CDRHP công bố cho SV trước khi bắt đầu học

phần, CDR này ghi trong đề cương học phần, quy định các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ tối thiểu của học phần mà SV phải đạt được khi hoàn thành học phần, CDR này là cơ sở để GV thống nhất chiến lược dạy học, cách thức đánh giá SV; thứ hai là CDRHP đạt được, thể hiện mức độ SV đạt được sau quá trình phân tích, đánh giá, nhận định của GV về KQHT của SV. CDR đạt được thể hiện những kiến thức, kỹ năng, thái độ mà SV lĩnh hội được sau quá trình SV học tập học phần. So sánh giữa CDR công bố và CDR đạt được qua các PI, sẽ đo lường và đánh giá được mức độ SV đạt CDRHP.

(2) Các CDRHP được chuyển hóa thành các PI. Các PI được thiết lập chi tiết đến mức độ đánh giá được khả năng lĩnh hội kiến thức, kỹ năng ở cấp độ bài học của học phần. Vì vậy nó là cơ sở đối sánh để đánh giá mức độ SV đạt CDRHP.

(3) Các thành tố của hoạt động đánh giá KQHT theo CDR bao gồm nội dung đánh giá, phương pháp đánh giá công cụ đánh giá, hình thức và phương pháp đánh giá. Các thành tố này được xác định, xây dựng và thiết kế dựa trên nguyên lý phù hợp và tương thích với CDRHP (nguyên lý tương thích có định hướng).

- Nội dung đánh giá tương thích với các yêu cầu của CDRHP. Nội dung đánh giá tương thích với nội dung cốt lõi mà GV giảng dạy sâu cho SV hiểu, vận dụng. Nội dung đánh giá mang tính toàn diện và bao quát các yêu cầu CDRHP.

- Phương pháp đánh giá phụ thuộc vào nội dung đánh giá tương ứng với CDRHP. Vận dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau để đánh giá một cách khách quan công bằng. Đánh giá toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV khi tham gia học phần.

- Công cụ đánh giá là các bài kiểm tra, bài thi, bài tập nhóm, bài tập cá nhân, hồ sơ học tập của SV. Quá trình diễn ra hoạt động đánh giá, ngoài công cụ đánh giá nêu trên, xây dựng các công cụ hỗ trợ để việc đánh giá được minh bạch, rõ ràng, cụ thể, nhanh chóng. Các bài thi, bài kiểm tra... nhất thiết ghi rõ nội dung của CDR hoặc ghi rõ các PI cần đánh giá.

- Hình thức đánh giá thực hiện theo quy chế, quy định về đào tạo trình độ đại học. Đánh giá được triển khai theo hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ.

Kết thúc mỗi bài kiểm tra hoặc mỗi đợt đánh giá, GV cung cấp kịp thời kết quả điểm số cho SV biết để triển khai các chiến lược học tập phù hợp.

- Tiêu chí đánh giá mức độ đạt CĐRHP có nhiều cách thức xác định. Trong mô hình này, tiêu chí đánh giá được hiểu theo nghĩa mang tính định lượng. Theo đó KQHT đạt từ mức điểm 5 trở lên là đảm bảo tiêu chí để xác định mức độ SV đạt CĐRHP.

- Kết quả tổng kết học phần (điểm học phần) được tổng hợp từ đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ và thi kết thúc học phần. Kết quả tổng kết học phần công bố cho SV và có thời gian phản hồi. Kết quả đánh giá được diễn giải theo kết quả của từng PI.

Các thành tố của đánh giá KQHT có sự liên kết chặt chẽ, tương hỗ, tập trung vào CĐRHP và các PI. PI giúp định hình rõ ràng hơn nữa về nội dung dạy - học, phương pháp dạy - học, nội dung đánh giá và phương pháp đánh giá.

Mục đích chính của Mô hình đánh KQHT theo CĐRHP là đánh giá mức độ SV đạt CĐR dựa trên việc phân tích KQHT của SV theo từng PI, đối sánh các PI với CĐRHP, từ đó xác định CĐR nào đạt hoặc chưa đạt, tương ứng với kết quả đạt các PI. Thông qua kết quả đạt được của các PI sẽ giúp GV có thể đánh giá mức độ đạt CĐRHP và đồng thời SV nhìn nhận chính mình đã lĩnh hội và tiếp thu được tri thức ở mức độ nào so với CĐRHP đã tuyên bố.

Hồ sơ CĐRHP là một minh chứng chính yếu cho quá trình đánh giá mức độ đạt CĐR của SV khi GV giảng dạy học phần. Do đó, lưu trữ hồ sơ CĐRHP được coi như lưu lại hồ sơ giảng dạy của GV. Phân tích thông tin từ hồ sơ CĐRHP có thể giúp GV xem xét lại toàn bộ việc đánh giá KQHT theo CĐRHP và có cải tiến thích hợp cho các lần dạy học sau.

4.1.2. Quy trình triển khai Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần ngành kinh tế

Với cấu trúc Mô hình như trên, để có thể triển đánh giá được mức độ đáp ứng CĐR một cách hiệu quả, tác giả luận án đề xuất Quy trình triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP ngành kinh tế gồm 5 bước. Mỗi bước có các công việc thực hiện cụ thể, sao cho khi thực hiện đồng bộ các bước, GV đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP. Các bước triển khai cụ thể như sau:

4.1.2.1. Xác định chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần

Xây dựng các PI giúp cụ thể hóa CDR mang tính quan sát, đo lường tốt hơn so với CDR được phát biểu chung chung. Việc xác định các PI của học phần làm cơ sở cho việc và xây dựng kế hoạch đánh giá mức độ đạt CDRHP một cách hiệu quả. Các PI được phát triển dựa trên các CDRHP, do đó các bước xác định PI (Đinh Thành Việt, 2021, trang 81), cụ thể như sau:

Bước 1: Xác định CDRHP cùng với việc nêu cụ thể các yêu cầu mong đợi về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà SV đạt được sau khi hoàn thành học phần.

Bước 2: Từ CDRHP nêu một số các PI có thể đo lường được. Mỗi PI được tạo thành từ ít nhất 2 yếu tố chính gồm động từ hành động và nội dung (tham chiếu trong bài học). Các PI phải chỉ ra được hoạt động cụ thể mà SV cần thực hiện để đạt được các CDRHP và sử dụng các động từ hành động có thể quan sát, đo lường, phân tích và đánh giá được như *thể hiện, sử dụng, giải thích, phân biệt, xác định*.

PI được cụ thể, chi tiết hóa và thiết lập chúng trên cơ sở đảm bảo các mức thang đo nhận thức. Tùy vào mức độ quan trọng của từng PI mà GV có thể đặt trọng số khác nhau các từng chỉ số này. PI thể hiện sự kết nối với từng nội dung học phần cụ thể.

Bảng 4.1. Ma trận mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần A	Đáp ứng CDR chương trình đào tạo										Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CDR học phần A (PI)
	PLO										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
CLO 1	x		x				x		x		Các PI của CLO 1: PI-1, PI-2...
CLO 2	x									x	Các PI của CLO 2: PI-3, PI-4...
CLO 3									x		Các PI của CLO 3: PI-5, PI-6...
CLO 4					x						Các PI của CLO 4: PI-7, PI-8...
CLO 5			x							x	Các PI của CLO 5: PI-9, PI-10...
CLO 6 ...	x				x		x				Các PI của CLO 6: PI-11, PI-12
Học phần A	x		x		x		x		x	x	Các PI của CLO học phần A: Từ PI-1 đến PI-11 ...

Xác định mối liên hệ giữa các PI với các CĐRHP và nội dung của bài học trong học phần, cụ thể như sau (Bảng 4.2):

Bảng 4.2. Mối liên kết giữa các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra với nội dung cụ thể của bài học

PI của CĐRHP	Các PI con của CĐRHP	Nội dung cụ thể của bài học thuộc học phần	Đáp ứng CĐR học phần (CLO)					
			1	2	3	4	5	6
PI-1	PI-1.1	Nội dung 1	x					
	PI-1.2	Nội dung ...	x					
PI-2	PI-2.1	Nội dung ...	x					
	PI-2.2	Nội dung ...	x					
...	...	Nội dung n					

4.1.2.2. Tổ chức đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Hoạt động đánh giá KQHT theo CĐRHP được tổ chức triển khai một cách hiệu quả khi GV lập kế hoạch chi tiết cụ thể về đánh giá KQHT của SV trong quá trình xây dựng CTDH hoặc ĐChọc phần. Kế hoạch đánh giá KQHT theo CĐRHP phải xác định các nội dung chính yếu sau đây: nội dung đánh giá phù hợp với nội dung cốt lõi học phần đạt CĐR, phương pháp đánh giá phù hợp với hoạt động dạy học, công cụ đánh giá phù hợp với CĐRHP, hình thức đánh giá.

- Xác định nội dung đánh giá KQHT theo CĐRHP: Tùy thuộc vào yêu cầu CĐRHP đã được chuyển hóa thành các PI mà GV lựa chọn các nội dung cốt lõi để đánh giá, sao cho đo lường được mức độ SV đạt CĐRHP. Nội dung đánh giá mức độ lĩnh hội kiến thức, kỹ năng đồng thời đánh giá thái độ của SV. Nội dung thể hiện tính bao quát toàn diện các nội dung mà CĐRHP yêu cầu. Khi CĐRHP được chuyển hóa thành các PI thì nội dung đánh giá tập trung vào các nội hàm mà PI đó quy định.

- Xác định phương pháp đánh giá KQHT theo CĐRHP: Theo nội dung dạy học bám sát nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP, trong quá trình dạy học xác định các phương pháp đánh giá phù hợp với CĐRHP.

- Xác định công cụ, tiêu chí đánh giá KQHT theo CĐRHP: Công cụ đánh giá bao gồm các bài kiểm tra quá trình (bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra...)

trong đó kèm theo tiêu chí đánh giá cụ thể rõ ràng và các bài thi kết thúc học phần. Một bài kiểm tra, bài thi có thể đánh giá một hoặc nhiều chỉ số CDR thể hiện qua số câu hỏi hoặc nội hàm câu hỏi. Bài kiểm tra, bài thi được xây dựng bài bản theo các bước, đảm bảo được nội dung cần đánh giá, tiêu chí đánh giá. Các bài kiểm tra, bài thi được sắp xếp thành một hệ thống đảm bảo về nội dung đánh giá, tiêu chí đánh giá và có tiến độ thực hiện đánh giá rõ ràng. Tiêu chí và thang điểm đánh giá thể hiện rõ trong Phiếu tiêu chí đánh giá được công bố cho SV để có thể tự đánh giá hoặc đánh giá lẫn nhau về KQHT.

- Xác định hình thức đánh giá KQHT theo CDRHP: Xác định hình thức đánh giá đối với PI sao cho phù hợp trong suốt quá trình dạy học. Thông thường, hình thức đánh giá được sử dụng trong quá trình dạy học là đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình chiếm tỷ trọng từ 50-70 % và đánh giá cuối kỳ chiếm tỷ trọng từ 30-50% trong đánh giá kết quả học phần. Đánh giá quá trình được triển khai thường xuyên (đánh giá thường xuyên) và giữa kỳ của quá trình học tập (đánh giá giữa kỳ). Trọng số của mỗi lần đánh giá thường xuyên và đánh giá giữa kỳ được quy định sao cho đảm bảo tính cân đối trong tổng thể tỷ trọng điểm đánh giá quá trình.

Sau khi lập kế hoạch đánh giá xong, trước khi thực hiện đánh giá KQHT theo CDRHP, GV thông tin cho SV biết các yêu cầu của CDRHP, các chỉ số đánh giá, hệ thống các bài kiểm tra trong quá trình dạy học học phần. Trên cơ sở hệ thống các bài kiểm tra đã thiết lập sẵn trong kế hoạch đánh giá, GV tổ chức triển khai đánh giá KQHT của SV.

4.1.2.3. Thu thập kết quả đánh giá (điểm số)

Kết quả đánh giá thể hiện qua điểm số, được thu thập đầy đủ, chính xác cho từng PI CDRHP, cho từng bài kiểm tra/bài thi.

Kết quả học tập thể hiện qua kết quả đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ (đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc học phần). Điểm số tổng kết học phần được tổng hợp đầy đủ chính xác theo quy định của nhà trường. Cơ sở giáo dục quản lý KQHT của SV trên hệ thống quản lý đào tạo theo quy định bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần.

Bảng 4.3. Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần

TT	Các PI	PI-1	PI-2	...	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm tổng kết học phần
	Trọng số (nếu có)			
	Các bài kiểm tra/thi	Số 1	Số 2	...			
1	SV 1						
2	SV 2						
...	...						
n	SV thứ n						

Công bố KQHT học phần và điểm phức khảo (nếu có) trên hệ thống quản lý đào tạo, hệ thống quản lý học tập hoặc trang học tập của cá nhân SV. Ngoài việc công bố điểm số, GV cần công bố các PI CĐRHP mà SV đạt/chưa đạt được.

Xếp hạng và phân loại SV để thực hiện các quy trình và thủ tục liên quan đến công tác xét học vụ, xét điều kiện tiên quyết khi đăng ký học phần tiếp theo, xét điều kiện tốt nghiệp chương trình.

4.1.2.4. Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần

Qui ước mức điểm để các PI CĐRHP đạt yêu cầu là từ mức điểm 5 trở lên.

Áp dụng Quy chế đào tạo đại học ban hành tại Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021, điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân (điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần) với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân, đạt từ mức điểm 4 trở lên.

Tiến hành thống kê, phân tích, đối sánh kết quả đạt được so với tiêu chí đạt CĐRHP để xác định các PI CĐRHP nào chưa đạt, liên quan đến nội dung nào của học phần.

Việc đánh giá mức độ đạt CĐRHP được GV tiến hành đối sánh trên tổng thể lớp học phần và đối với từng cá nhân SV.

Bảng 4.4. Thống kê, đánh giá mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần

TT	PI CDR	PI-1	PI-2	...	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần
	Trọng số (nếu có)			
	Các bài kiểm tra/thi	Số 1	Số 2	...			
1	SV 1						
2	SV 2						
...	...						
n	SV thứ n						
Tổng SV đạt yêu cầu							
Tổng số SV chưa đạt yêu cầu							
Tỉ lệ % SV đạt yêu cầu							
Tỉ lệ % SV chưa đạt yêu cầu							

Mức độ SV đạt CDRHP được xem xét, phân tích qua:

- Điểm học phần
- Kết quả các chỉ số và nội dung học phần mà từng SV lĩnh hội được
- Điểm học phần và kết quả đạt được của các PI CDRHP.

Theo tính chất quan trọng của các PI, khi đánh giá mức độ SV đạt CDRHP, GV cần quan tâm đến mức trọng số của từng chỉ số để có nhận định phù hợp (nếu cần thiết).

4.1.2.5. Lập hồ sơ chuẩn đầu ra học phần

Sau khi kết thúc học phần, GV lập hồ sơ CDRHP bao gồm:

- (1) Chương trình học phần/ĐC học phần.
- (2) Kế hoạch đánh giá KQHT.
- (3) Hệ thống bài kiểm tra, bài thi kèm theo đáp án, rubric.
- (4) Bảng điểm thành phần (đánh giá thường xuyên, giữa kỳ).
- (5) Bảng điểm quá trình.
- (6) Bảng điểm thi kết thúc học phần.
- (7) Bảng điểm học phần.
- (8) Bảng thống kê và báo cáo đánh giá mức độ SV đạt CDRHP.

4.2. Kiểm nghiệm Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc ngành kinh tế

4.2.1. Mục tiêu kiểm nghiệm

Kiểm nghiệm tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP và xác định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học mà luận án đề xuất đó là nếu GV thực hiện một cách đồng bộ các bước của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP như xác định các PI CĐR, tổ chức đánh giá KQHT, thu thập kết quả đánh giá, đánh giá mức độ đạt CĐRHP và lập hồ sơ CĐRHP thì sẽ giúp GV đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP.

4.2.2. Nội dung kiểm nghiệm

Kiểm nghiệm quy trình triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP mà Mô hình đề xuất bao gồm:

Bước 1: Xác định các PI

Bước 2: Tổ chức đánh giá KQHT theo CĐRHP.

Bước 3: Thu thập kết quả đánh giá (điểm số).

Bước 4: Đánh giá mức độ đạt CĐRHP.

Bước 5: Lập hồ sơ CĐRHP.

4.2.3. Thang đo đánh giá kết quả kiểm nghiệm

Thang đo đánh giá kết quả kiểm nghiệm là tính khả thi, hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

Tính khả thi đo bằng việc triển khai các bước quy trình và các công việc cụ thể của quy trình trong thực tiễn một cách hệ thống, đồng bộ.

Tính hiệu quả đo bằng việc đánh giá được mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp. Các CĐRHP liên quan đến từng nội dung bài học cụ thể.

4.2.4. Phạm vi kiểm nghiệm

Địa bàn kiểm nghiệm: Trường Đại học Tài chính - Marketing, khoa Thương mại.

Thời gian kiểm nghiệm: học kỳ 1 năm học 2020-2021.

Học phần kiểm nghiệm: Luật thương mại quốc tế, thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Thương mại quốc tế, ngành Kinh doanh quốc tế. Luật

thương mại quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức ngành, có khối lượng học tập là 3 tín chỉ, 45 tiết lý thuyết, bao gồm 5 chương:

- Chương 1: Tổng quan về Luật thương mại quốc tế
- Chương 2: Pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực chủ yếu của thương mại quốc tế
- Chương 3: Pháp luật về mua bán hàng hóa quốc tế
- Chương 4: Pháp luật về vận tải hàng hóa quốc tế
- Chương 5: Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế

Về nội dung đánh giá: bao gồm các nội dung học phần Luật thương mại quốc tế.

Chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế, cụ thể như sau:

Về kiến thức: ký hiệu K

- K1: Nắm vững các chính sách điều chỉnh các quan hệ thương mại có sự tham gia của nhà nước và các thực thể công; các qui chế pháp lý điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

- K2: Giải thích được các vấn đề pháp lý không thường gặp nảy sinh trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

Về kỹ năng: ký hiệu S

- S1: Hướng dẫn người khác nhận thức được các nguyên tắc và quy chế pháp lý điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

- S2: Phân biện các vấn đề pháp lý cụ thể thường gặp phát sinh trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế một cách chính xác.

- S3: Xử lý được các tình huống pháp lý không thường gặp phát sinh trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế một cách sáng tạo.

Thái độ (Mức tự chủ và trách nhiệm): Ký hiệu A

- A1: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập cá nhân/nhóm.

- A2: Có năng lực hướng dẫn người khác nhận thức các nguyên tắc và quy chế pháp lý điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế.

- A3: Tự chủ và sáng tạo, có quan điểm, chính kiến rõ ràng trong việc giải thích, xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và tranh chấp trong thương mại quốc tế.

4.2.5. Đối tượng tham gia kiểm nghiệm

Đối tượng tham gia kiểm nghiệm gồm có:

- SV lớp học phần Luật thương mại quốc tế, số lượng 50.

- GV cơ hữu của Trường Đại học Tài chính – Marketing, chịu trách nhiệm giảng dạy môn Luật thương mại quốc tế, có kinh nghiệm, thâm niên công tác trên 10 năm, có phương pháp sư phạm tốt, có uy tín khoa học, có tinh thần hợp tác với tác giả nghiên cứu luận án.

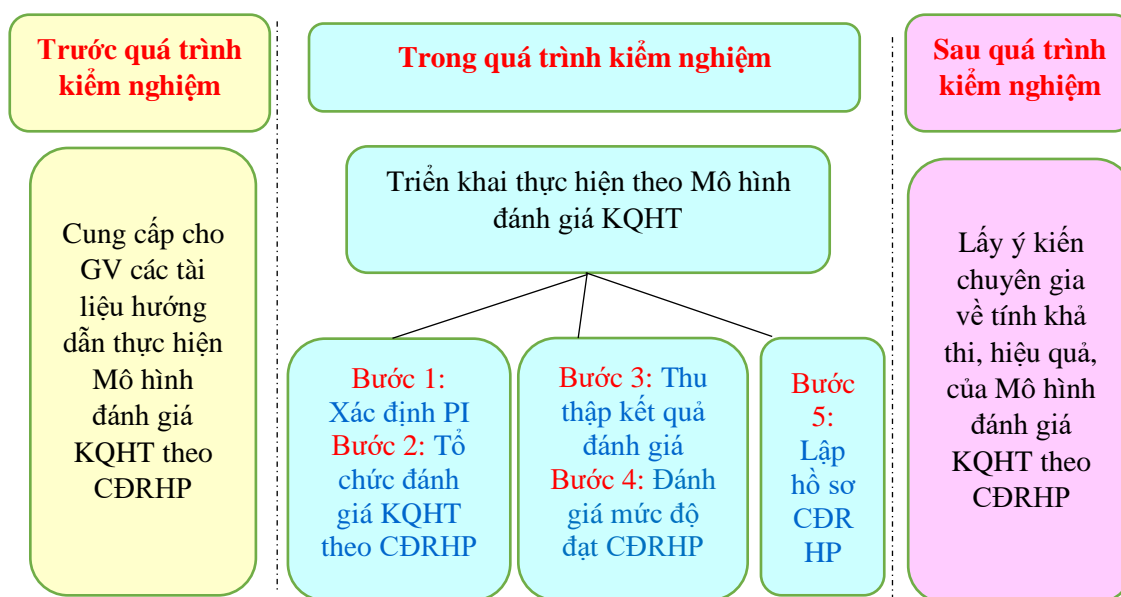
4.2.6. Phương pháp tiến hành kiểm nghiệm

- GV thực hiện đánh giá KQHT học phần Luật thương mại quốc tế theo quy trình của Mô hình đề xuất.

- Lấy ý kiến chuyên gia qua phỏng vấn sâu về khả thi, hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP. Các chuyên gia là các GV có thâm niên kinh nghiệm giảng dạy từ 10 năm trở lên trong lĩnh vực ngành kinh tế và các GV, CBQL có hiểu biết sâu về lĩnh vực giáo dục và đánh giá KQHT.

4.2.7. Tổ chức kiểm nghiệm Mô hình

4.2.7.1. Sơ đồ tổ chức kiểm nghiệm



Hình 4.2. Sơ đồ tổ chức kiểm nghiệm

4.2.7.2. Tổ chức triển khai các giai đoạn kiểm nghiệm

- Giai đoạn 1: Trước quá trình triển khai kiểm nghiệm Mô hình

Cung cấp cho GV các tài liệu hướng dẫn thực hiện Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP (Quy trình đánh giá KQHT học phần, CĐRHP, cách thiết kế công cụ đánh giá, xác định nội dung đánh giá).

- Giai đoạn 2: Quá trình triển khai kiểm nghiệm Mô hình

Bước 1: Xác định các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra của học phần Luật thương mại quốc tế

Căn cứ CĐRHP, vận dụng các mức thang đo tư duy nhận thức của Bloom để chuyển hóa các CĐRHP thành các PI của học phần Luật thương mại quốc tế như sau:

Bảng 4.5. Các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế

Các chỉ số CĐR	Nội dung các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế (PI)	CĐRHP tương ứng
Chỉ số PI-1	PI ở mức tư duy nhận thức: <i>Nhớ các khái niệm, nguyên tắc, quy định trong lĩnh vực Thương mại quốc tế</i>	K1, A1

Các chỉ số CDR	Nội dung các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế (PI)	CDRHP tương ứng
Chỉ số PI-1.1	Trình bày được các khái niệm và phạm trù sau đây: - Thương mại, thương mại quốc tế, luật thương mại quốc tế. - Các chủ thể của Luật thương mại quốc tế: cá nhân, pháp nhân, quốc gia. - Các nguồn của Luật thương mại quốc tế: Luật quốc gia, điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế. - Các nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại quốc tế và thiết chế điều chỉnh hoạt động thương mại quốc tế.	K1, A1
Chỉ số PI-1.2	Trình bày được các quy định, các nguyên tắc và quy phạm của Luật thương mại quốc tế điều chỉnh các lĩnh vực chủ yếu của thương mại quốc tế: thương mại hàng hóa; thương mại dịch vụ; thương mại quyền sở hữu trí tuệ.	K1, A1
Chỉ số PI-1.3	Trình bày được các khía cạnh pháp lý của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế giữa các thương nhân; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên.	K1, A1
Chỉ số PI-1.4	Trình bày được các khía cạnh pháp lý của hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế theo các phương thức vận tải quốc tế trong thương mại quốc tế.	K1, A1
Chỉ số PI-1.5	Trình bày được các khía cạnh pháp lý, ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng các hình thức giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế (thương lượng, hòa giải, trọng tài, tòa án và tại WTO).	K1, A1
Chỉ số PI-2	PI ở mức tư duy nhận thức: <i>Hiểu các nguyên tắc và quy định của Luật thương mại quốc tế để nhận diện, giải thích các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực thương mại quốc tế</i>	K2, A1

Các chỉ số CDR	Nội dung các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế (PI)	CDRHP tương ứng
Chỉ số PI-2.1	Nhận diện, giải thích được các vấn đề thông thường nảy sinh trong thực tiễn thương mại quốc tế dưới góc độ Luật thương mại quốc tế.	K2, A1
Chỉ số PI-2.2	Nhận diện, giải thích được các vấn đề thông thường nảy sinh từ các lĩnh vực chủ yếu của thương mại quốc tế dưới góc độ của Luật thương mại quốc tế: thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại của quyền sở hữu trí tuệ.	K2, A1
Chỉ số PI-2.3	Nhận diện, giải thích được các vấn đề thông thường nảy sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế dưới góc độ Luật thương mại quốc tế.	K2, A1
Chỉ số PI-3	PI ở mức tư duy nhận thức: <i>Vận dụng kiến thức về luật thương mại quốc tế để giải quyết các vấn đề thực tiễn của thương mại quốc tế</i>	S1, A2, A3
Chỉ số PI-3.1	Vận dụng bộ qui tắc giải thích những điều kiện Incoterms trong mua bán quốc tế để hạn chế đến mức thấp nhất những tranh chấp và thiệt hại có thể xảy ra trong quá trình xác lập và tổ chức thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.	S1, A2, A3
Chỉ số PI-3.2	Vận dụng kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn ký kết và thực hiện các hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế dưới góc độ người thuê vận tải.	S2, A3
Chỉ số PI-4	PI ở mức tư duy nhận thức: <i>Phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế</i>	S3, A3
Chỉ số PI-4.1	Phân tích, đánh giá được các ưu điểm, nhược điểm của các phương thức vận tải hàng hóa quốc tế.	S3, A3
Chỉ số PI-4.2	Phân tích các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại quốc tế, từ đó lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp	S3, A3

Các chỉ số CDR	Nội dung các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế (PI)	CDRHP tương ứng
	tối ưu, phù hợp với từng hoàn cảnh và vị thế cụ thể của các bên tranh chấp.	

Bước 2: Tổ chức đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế

Xác định các nội dung chủ đề học tập/bài học đáp ứng các PI của học phần Luật thương mại quốc tế.

Bảng 4.6. Nội dung chủ đề học tập đáp ứng các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế

Nội dung chủ đề học tập/bài học	Các chỉ số PI
<i>Chương 1: Tổng quan về Luật thương mại quốc tế</i>	
1.1. Khái niệm về thương mại quốc tế và Luật thương mại quốc tế	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-1: <i>Chỉ số PI-1.1:</i> Trình bày các khái niệm sau: 1) Các chủ thể của Luật thương mại quốc tế: cá nhân, pháp nhân, quốc gia. 2) Các nguồn của Luật thương mại quốc tế: Luật quốc gia, điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế. 3) Các nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại quốc tế 4) Các thiết chế điều chỉnh hoạt động thương mại quốc tế.
1.1.1. Khái niệm thương mại	
1.1.2. Khái niệm về thương mại quốc tế	
1.1.3. Khái niệm về Luật thương mại quốc tế	
1.2. Chủ thể của Luật thương mại quốc tế	
1.2.1. Cá nhân	
1.2.2. Pháp nhân	
1.2.3. Quốc gia	
1.3. Nguồn Luật thương mại quốc tế	
1.3.1. Luật Quốc gia	
1.3.2. Điều ước quốc tế	
1.3.3. Tập quán thương mại quốc tế	
1.4. Một số nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại quốc tế	

Nội dung chủ đề học tập/bài học	Các chỉ số PI
<p>1.4.1. Thực hiện chế độ thương mại không phân biệt đối xử mở cửa thị trường, đảm bảo minh bạch và tự do cạnh tranh công bằng</p> <p>1.4.2. Mở cửa thị trường, đảm bảo minh bạch và tự do cạnh tranh công bằng</p>	<p>Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-2:</p> <p><i>Chỉ số PI-2.1:</i> Nhận diện, giải thích được các vấn đề thông thường nảy sinh trong thực tiễn thương mại quốc tế dưới góc độ Luật thương mại quốc tế.</p>
<p>1.5. Các thiết chế cơ bản điều chỉnh thương mại quốc tế</p> <p>1.5.1. Khái niệm và phân loại các thiết chế điều chỉnh thương mại quốc tế</p> <p>1.5.2. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)</p>	
<i>Chương 2: Pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực chủ yếu của thương mại quốc tế</i>	
<p>2.1. Các quy định cơ bản của luật thương mại quốc tế về thương mại hàng hóa.</p> <p>2.1.1. Khái niệm hàng hóa và thương mại hàng hóa quốc tế</p> <p>2.1.2. Thuế quan</p> <p>2.1.3. Các hàng rào phi thuế quan</p> <p>2.1.4. Các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn sản phẩm</p> <p>2.1.5. Các quy định về chống phá giá, trợ cấp, tự vệ</p>	<p>Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-1:</p> <p><i>Chỉ số PI-1.2:</i> Trình bày, giải thích các quy định, các nguyên tắc và quy phạm của Luật thương mại quốc tế điều chỉnh các lĩnh vực chủ yếu của thương mại quốc tế:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Về thương mại hàng hóa 2) Về thương mại dịch vụ 3) Về thương mại quyền sở hữu trí tuệ.
<p>2.2. Các chính sách về thương mại dịch vụ.</p> <p>2.2.1. Khái niệm dịch vụ và thương mại dịch vụ</p> <p>2.2.2. Các nguyên tắc cơ bản về thương mại dịch vụ Các quy định đặc biệt</p>	<p>Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-2:</p>
<p>2.3. Các quy định cơ bản của luật thương mại quốc tế liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>2.3.1. Khái niệm về quyền sở hữu trí tuệ</p>	<p><i>Chỉ số PI-2.2:</i> Nhận diện, giải thích được các vấn đề thông thường nảy sinh từ các lĩnh</p>

Nội dung chủ đề học tập/bài học	Các chỉ số PI
2.3.2. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ 2.3.3. Một số quy định cụ thể về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ Phương thức bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ	vực chủ yếu của thương mại quốc tế dưới góc độ của Luật thương mại quốc tế: thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
2.4. Các quy định cơ bản của luật Thương mại quốc tế về đầu tư nước ngoài 2.4.1. Khái niệm và phân loại về đầu tư nước ngoài 2.4.2. Đầu tư công cộng nước ngoài Đầu tư tư nhân nước ngoài	vực chủ yếu của thương mại quốc tế dưới góc độ của Luật thương mại quốc tế: thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
<i>Chương 3: Pháp luật về mua bán hàng hóa quốc tế</i>	
3.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. 3.1.1. Khái niệm chung về hợp đồng 3.1.2. Khái niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa 3.1.3. Khái niệm và đặc điểm của về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế 3.1.4. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế 3.1.5. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-1: <i>Chỉ số PI-1.3:</i> Trình bày, giải thích được các khía cạnh pháp lý của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế giữa các thương nhân; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên.
3.2. Điều kiện giao hàng theo Incoterms trong mua bán hàng hóa quốc tế. 3.2.1. Những vấn đề chung về Incoterms 3.2.2. Sự ra đời và cấu trúc tổng thể của Incoterms 2010 3.2.3. Cấu tạo của các điều kiện Incoterms 2010 3.2.4. Incoterms 2020 và những điểm mới so với Incoterms 2010	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-2: <i>Chỉ số PI-2.3:</i> Nhận diện, giải thích được các vấn đề thông thường nảy sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế dưới góc độ Luật TMQT.

Nội dung chủ đề học tập/bài học	Các chỉ số PI
<p>3.3. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Công ước Viên (1980)</p> <p>3.3.1. Phạm vi áp dụng và không áp dụng Công ước Viên</p> <p>3.3.2. Hình thức hợp đồng</p> <p>3.3.3. Thủ tục và trình tự ký kết hợp đồng</p> <p>3.3.4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên hợp đồng</p> <p>3.3.5. Rủi ro và miễn trách nhiệm trong thực hiện hợp đồng</p>	<p>Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-3:</p> <p><i>Chỉ số PI-3.1:</i> Vận dụng bộ qui tắc giải thích những điều kiện Incoterms trong mua bán quốc tế để hạn chế đến mức thấp nhất những tranh chấp và thiệt hại có thể xảy ra trong quá trình xác lập và tổ chức thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.</p>
<p>3.4. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Luật thương mại Việt Nam</p> <p>3.4.1. Một số quy định về hàng hóa theo Luật Thương mại Việt Nam (2005)</p> <p>3.4.2. Khái niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế</p> <p>3.4.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa</p> <p>3.4.4. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa</p>	
<i>Chương 4: Pháp luật về vận tải hàng hóa quốc tế</i>	
<p>4.1. Khái niệm về hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế</p> <p>4.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế</p> <p>4.1.2. Phân loại hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế</p>	<p>Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-1:</p> <p><i>Chỉ số PI-1.4:</i> Trình bày, giải thích được các khía cạnh pháp lý của hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế theo các phương</p>
<p>4.2. Hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển</p>	

Nội dung chủ đề học tập/bài học	Các chỉ số PI
<p>4.2.1. Vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển</p> <p>4.2.2. Cơ sở pháp lý của vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển</p> <p>4.2.3. Hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển</p> <p>4.2.4. Nội dung của hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển</p> <p>4.2.5. Vận đơn đường biển (Bill of Lading – B/L)</p> <p>4.2.6. Trách nhiệm của người gửi hàng đối với vận đơn và chứng từ vận tải</p> <p>4.2.7. Trách nhiệm của người vận tải</p> <p>4.2.8. Thông báo tổn thất và khiếu nại người vận tải</p>	<p>thức vận tải quốc tế trong Thương mại quốc tế</p> <p>Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-3:</p> <p><i>Chỉ số PI-3.2:</i> Vận dụng kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn ký kết và thực hiện các hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế dưới góc độ người thuê vận tải.</p>
<p>4.3. Hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế đường hàng không</p> <p>4.3.1. Khái niệm, đặc điểm của vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không</p> <p>4.3.2. Cơ sở pháp lý của vận tải hàng hóa quốc tế hàng không</p> <p>4.3.3. Hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không</p> <p>4.3.4. Trách nhiệm của các bên trong hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không</p> <p>4.3.5. Khiếu nại người vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không</p>	<p>Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-4:</p> <p><i>Chỉ số PI-4.1:</i> Phân tích, đánh giá được các ưu điểm, nhược điểm của các phương thức vận tải hàng hóa quốc tế.</p>
<p>4.4. Hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường bộ</p> <p>4.4.1. Vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường bộ</p>	

Nội dung chủ đề học tập/bài học	Các chỉ số PI
<p>4.4.2. Cơ sở pháp lý của vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường bộ</p> <p>4.4.3. Hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường bộ</p> <p>4.4.4. Cước phí vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường bộ</p> <p>4.4.5. Trách nhiệm của người vận tải</p> <p>4.4.5. Khiếu nại người vận tải theo quy định của Công ước CMR</p>	
<p>4.5. Hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường sắt</p> <p>4.5.1. Vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường sắt</p> <p>4.5.2. Cơ sở pháp lý của vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường sắt</p> <p>4.5.3. Hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường sắt</p>	
<p>4.6. Hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế đa phương thức</p> <p>4.6.1. Vận tải hàng hóa quốc tế đa phương thức</p> <p>4.6.2. Cơ sở pháp lý của vận tải hàng hóa quốc tế đa phương thức</p> <p>4.6.3. Chứng từ vận tải hàng hóa quốc tế đa phương thức</p> <p>4.6.4. Người kinh doanh vận tải hàng hóa quốc tế đa phương thức</p>	
<i>Chương 5: Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế</i>	
<p>5.1. Tranh chấp trong thương mại quốc tế</p>	

Nội dung chủ đề học tập/bài học	Các chỉ số PI
5.1.1. Khái niệm về tranh chấp trong Thương mại quốc tế	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-1: <i>Chỉ số PI-1.5:</i> Trình bày, giải thích được các khía cạnh pháp lý, ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng hình thức giải quyết tranh chấp trong TMQT (thương lượng, hòa giải, trọng tài, tòa án và tại WTO).
5.1.2. Đặc điểm của tranh chấp trong Thương mại quốc tế	
5.2. Hình thức giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra PI-4: <i>Chỉ số PI-4.2:</i> Phân tích các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại quốc tế, từ đó lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp tối ưu, phù hợp với từng hoàn cảnh và vị thế cụ thể của các bên tranh chấp.
5.2.1. Khiếu nại (Thương lượng)	
5.2.2. Hòa giải	
5.2.3. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài thương mại	
5.2.4. Giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế bằng tòa án	
5.3. Giải quyết tranh chấp tại WTO	
5.3.1. Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO	
5.3.2. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp của WTO	
5.3.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp tại WTO	
5.4. Công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	

Xác định nội dung đánh giá, công cụ đánh giá, phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá phù hợp với từng PI.

Bảng 4.7. Nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức đánh giá phù hợp với các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế

Các chỉ số đánh giá PI	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Hình thức đánh giá
<i>Chương 1: Tổng quan về Luật thương mại quốc tế</i>				
Chỉ số PI-1.1	Chương 1	Kiểm tra viết tại lớp	Bài kiểm tra	Đánh giá quá trình

Các chỉ số đánh giá PI	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Hình thức đánh giá
Chỉ số PI-2.1	Chương 1	Giao bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình	Phiếu tiêu chí đánh giá (Phụ lục 5)	Đánh giá quá trình
<i>Chương 2: Pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực chủ yếu của thương mại quốc tế</i>				
Chỉ số PI-1.2	Chương 2	Kiểm tra viết tại lớp	Bài kiểm tra	Đánh giá quá trình
Chỉ số PI-2.2	Chương 2	Giao bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình	Phiếu tiêu chí đánh giá	Đánh giá quá trình
<i>Chương 3: Pháp luật về mua bán hàng hóa quốc tế</i>				
Chỉ số PI-1.3	Chương 3	Kiểm tra viết	Bài thi cuối kỳ	Đánh giá cuối kỳ
Chỉ số PI-2.3	Chương 3	Giao bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình	Phiếu tiêu chí đánh giá	Đánh giá quá trình
Chỉ số PI-3.1	Chương 3	Bài tập cá nhân	Phiếu tiêu chí đánh giá (Phụ lục 4)	Đánh giá giữa kỳ
<i>Chương 4: Pháp luật về vận tải hàng hóa quốc tế</i>				
Chỉ số PI-1.4	Chương 4	Kiểm tra viết	Bài thi cuối kỳ	Đánh giá cuối kỳ
Chỉ số PI-3.2	Chương 4	Giao bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình	Phiếu tiêu chí đánh giá	Đánh giá quá trình
Chỉ số PI-4.1	Chương 4	Kiểm tra viết	Bài thi cuối kỳ	Đánh giá cuối kỳ
<i>Chương 5: Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế</i>				

Các chỉ số đánh giá PI	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Hình thức đánh giá
Chỉ số PI-1.5	Chương 5	Kiểm tra viết tại lớp	Bài kiểm tra	Đánh giá quá trình
Chỉ số PI-4.2	Chương 5	Kiểm tra viết	Bài thi cuối kỳ	Đánh giá cuối kỳ

Xác định hệ thống bài đánh giá KQHT theo các PI học phần Luật thương mại quốc tế, cụ thể như sau:

Bảng 4.8. Hệ thống bài đánh giá kết quả học tập theo các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế

Số bài đánh giá	Công cụ và nội dung đánh giá	Chỉ số đánh giá PI	Tương ứng CDRHP
Bài đánh giá số 1	- Bài kiểm tra tại lớp. - Liên quan đến nội dung Chương 1.	PI-1.1	K1, A1
Bài đánh giá số 2	- Bài kiểm tra tại lớp. - Liên quan đến nội dung Chương 2.	PI-1.2	K1, A1
Bài đánh giá số 3	- Bài kiểm tra tại lớp. - Liên quan đến nội dung Chương 5.	PI-1.5	K1, A1
Bài đánh giá số 4	- Bài tập thảo luận nhóm tại lớp - Liên quan đến nội dung Chương 1.	PI-2.1	K2, A2
Bài đánh giá số 5	- Bài tập thảo luận nhóm tại lớp - Liên quan đến nội dung Chương 2.	PI-2.2	K2, A2
Bài đánh giá số 6	- Bài tập thảo luận nhóm tại lớp - Liên quan đến nội dung Chương 3.	PI-2.3	K2, A2
Bài đánh giá số 7	- Bài tập thảo luận nhóm tại lớp - Liên quan đến nội dung Chương 4.	PI-3.2	S2, A3
Bài đánh giá số 8	- Bài tập cá nhân - Liên quan đến nội dung Chương 3.	PI-3.1	S1, A2, A3

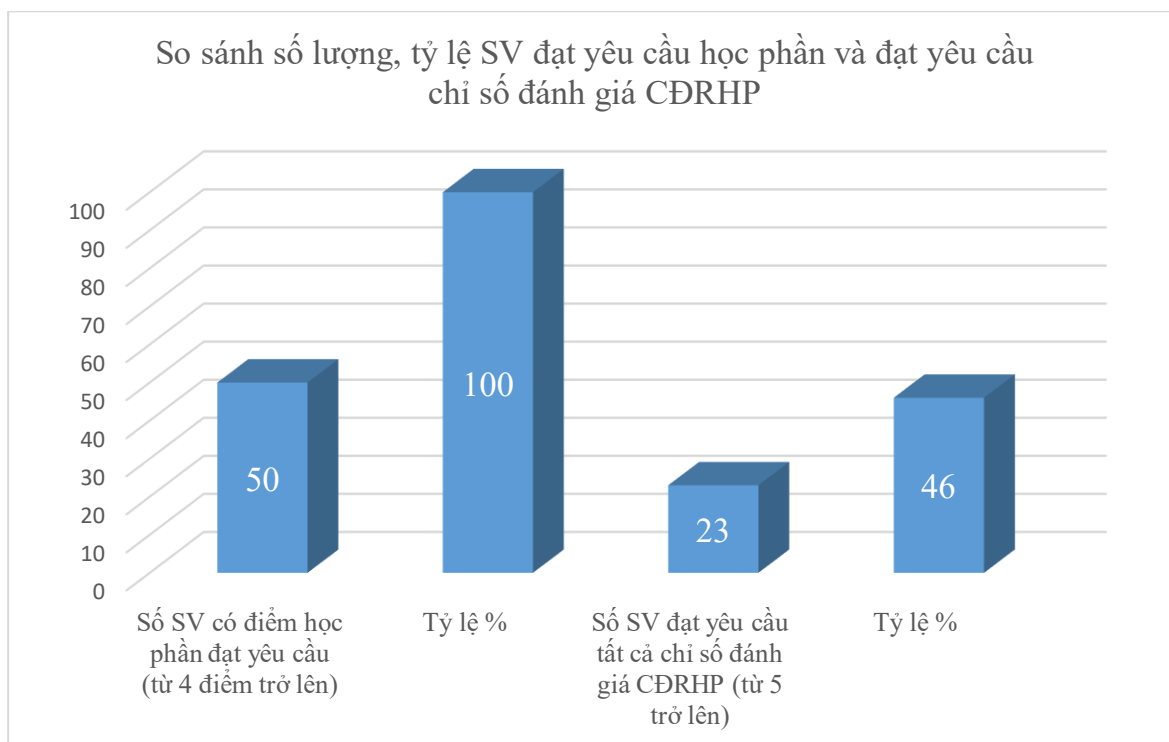
Số bài đánh giá	Công cụ và nội dung đánh giá	Chỉ số đánh giá PI	Tương ứng CDRHP
Bài đánh giá số 9	Bài thi kết thúc học phần liên quan đến nội dung Chương 3, 4, 5.	PI-1.3, PI-1.4 PI-4.1, PI-4.2	K1, S2, A1, A3

Bước 3: Thu thập kết quả đánh giá học phần Luật thương mại quốc tế

Qua bài đánh giá quá trình, bài đánh giá giữa kỳ, bài đánh giá cuối kỳ, đánh giá tổng kết học phần, tiến hành thống kê kết quả đánh giá của 50 SV lớp học phần Luật thương mại quốc tế theo từng PI CDRHP. Đối với bài thi cuối kỳ, kết quả đánh giá các chỉ số CDR qua từng câu hỏi riêng đã được quy đổi theo thang điểm 10 (Phụ lục 7).

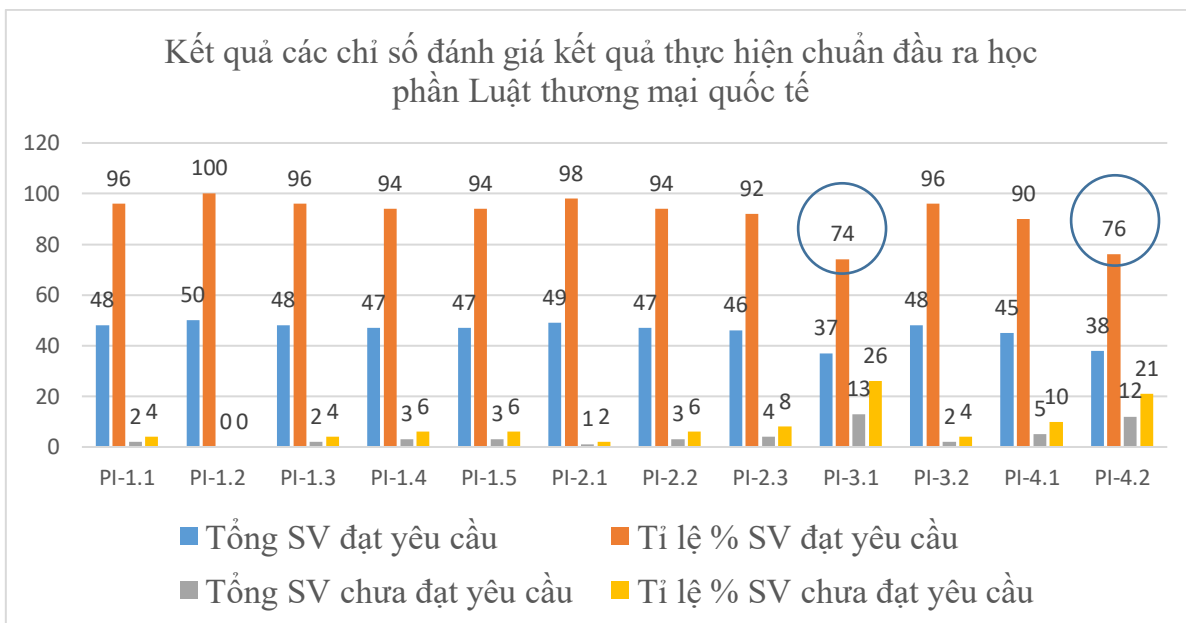
Bước 4: Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần

(1) Xét trên tổng thể 50 SV của lớp học phần: theo Phụ lục 8, 50 SV (tỷ lệ 100%) có điểm học phần đạt yêu cầu, song có 23/50 SV (tỷ lệ 46%) đạt yêu cầu tất cả các PI → tương ứng có 23/50 SV đạt CDRHP và 27/50 SV chưa đạt yêu cầu. So sánh tỷ lệ đạt điểm học phần và tỷ lệ đạt CDRHP xem Biểu đồ 4.1.

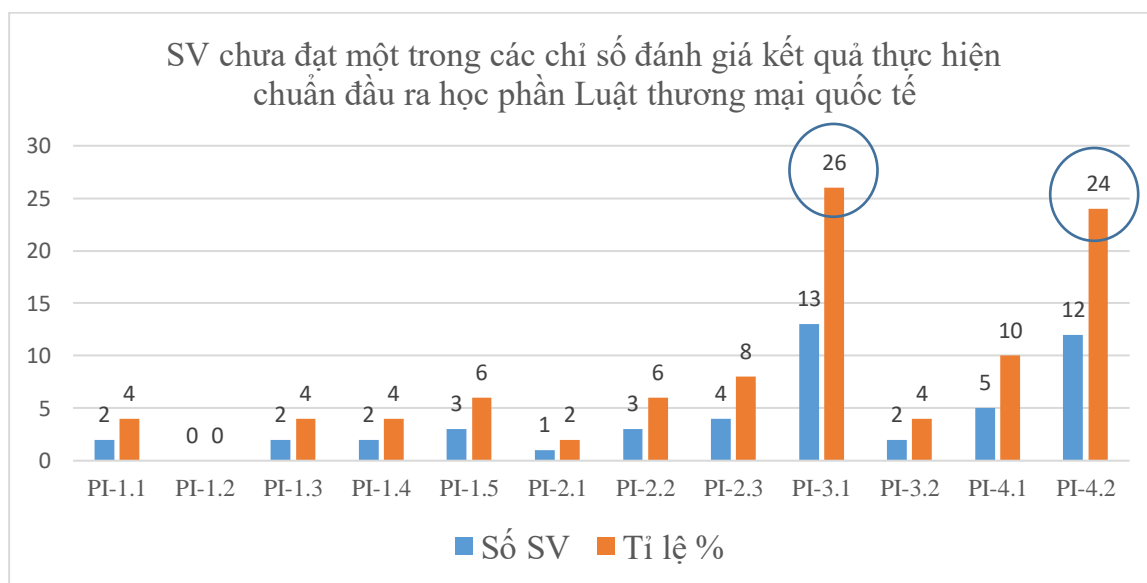


Biểu đồ 4.1. Số lượng, tỷ lệ sinh viên đạt điểm học phần và đạt chuẩn đầu học phần

(2) Xét theo PI: Theo Biểu đồ 4.2 và Biểu đồ 4.3 cho thấy PI-1.2 có 100% SV đạt yêu cầu.



Biểu đồ 4.2. Kết quả các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế



Biểu đồ 4.3. Thống kê số sinh viên chưa đạt các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế

Xét cụ thể từng PI, theo Biểu đồ 4.3 cho thấy có 27/50 SV (tỉ lệ 54%) chưa đạt yêu cầu đối với ít nhất một PI. Phân tích riêng từng PI, kết quả cho thấy:

- PI-1.1: có 2/50 SV, tỉ lệ 4% chưa đạt yêu cầu.
- PI-1.3: có 2/50 SV, tỉ lệ 4% chưa đạt yêu cầu.

- PI-1.4: có 2/50 SV, tỉ lệ 4% chưa đạt yêu cầu.
- PI-1.5: có 3/50 SV, tỉ lệ 6% chưa đạt yêu cầu.
- PI-2.1: có 1/50 SV, tỉ lệ 2% chưa đạt yêu cầu.
- PI-2.2: có 3/50 SV, tỉ lệ 6% chưa đạt yêu cầu.
- PI-2.3: có 4/50 SV, tỉ lệ 8% chưa đạt yêu cầu.
- PI-3.1: có 13/50 SV, tỉ lệ 26% chưa đạt yêu cầu.
- PI-3.2: có 2/50 SV, tỉ lệ 4% chưa đạt yêu cầu.
- PI-4.1: có 5/50 SV, tỉ lệ 10% chưa đạt yêu cầu.
- PI-4.2: có 12/50 SV, tỉ lệ 24% chưa đạt yêu cầu.

(3) Xét về nội dung học phần: Theo Bảng 4.9 cho thấy SV chưa đạt yêu cầu ở các nội dung

Bảng 4.9. Thống kê chuẩn đầu ra học phần và nội dung học phần chưa đạt yêu cầu

TT	Các chỉ số đánh giá PI	Chuẩn đầu ra học phần tương ứng	Nội dung bài học tương ứng	Số sinh viên chưa đạt các chỉ số đánh giá	Tỉ lệ SV chưa đạt các chỉ số đánh giá
1	PI-1.1	K1, A1	Chương 1	2	4%
2	PI-1.3	K1, A1	Chương 3	2	4%
3	PI-1.4	K1, A1	Chương 4	2	4%
4	PI-1.5	K1, A1	Chương 5	3	6%
5	PI-2.1	K2, A1	Chương 1	1	2%
6	PI-2.2	K2, A1	Chương 2	3	6%
7	PI-2.3	K2, A1	Chương 3	4	4%
8	PI-3.1	S1, A2, A3	Chương 3	13	26%
9	PI-3.2	S2, A3	Chương 4	2	4%
10	PI-4.1	S3, A3	Chương 4	5	10%
11	PI-4.2	S3, A3	Chương 5	12	24%

Ngoài những SV đạt yêu cầu CDR qua việc đạt 100% các PI thì đối với những SV đạt điểm học phần nhưng chưa đạt CDRHP, tiến hành phân tích mức độ đạt CDRHP của từng SV này, kết quả như sau:

Bảng 4.10. Mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần của sinh viên

TT	SV nhóm lớp kiểm nghiệm	Điểm học phần	Các PI chưa đạt yêu cầu	CDRHP tương ứng chưa đạt yêu cầu	Nội dung bài học tương ứng mà SV chưa lĩnh hội
1	SV14	5,0	PI-3.1, PI- 4.2	S1, S3, A2, A3	Chương 3, 5
2	SV46	5,0	PI-3.1, PI-4.2	S1, S3, A2, Aa3	Chương 3, 5
3	SV48	5,0	PI-1.5, PI-2.1, PI-3.1, PI-4.2	K1, K2, S1, S3, A1, A2, A3	Chương 1, 3, 5
4	SV49	5,0	PI-2.2, PI-2.3, PI-3.1, PI-3.2, PI-4.1, PI-4.2	K2, S1, S2, S3, A1, A2, A3	Chương 2, 3, 4, 5
5	SV6	5,4	PI-1.3, PI-3.1, PI-4.2	K1, S1, S3, A1, A2, A3	Chương 3, 5
6	SV22	5,4	PI-2.2, PI-3.1, PI-4.1, PI-4.2	K2, S1, S3, A1 A2, A3	Chương 2, 3, 4, 5
7	SV23	5,4	PI-2.3, PI-4.2	K2, S3, A1, A3	Chương 3, 5
8	SV19	5,6	PI-3.1	S1, A2, A3	Chương 3
9	SV50	5,6	PI-1.5, PI-3.1	K1, S1, A1, A2, A3	Chương 3, 5
10	SV15	5,8	PI-3.2, PI-1.4	K1, S2, A1, A3	Chương 4
11	SV32	5,8	PI-4.2	S3, A3	Chương 5
12	SV42	5,8	PI-4.2	S3, A3	Chương 5
13	SV3	6,0	PI-3.1	S1, A2, A3	Chương 3
14	SV10	6,0	PI-3.1	S1, A2, A3	Chương 3
15	SV20	6,0	PI-1.4	K1, A1	Chương 4
16	SV21	6,0	PI-2.3	K2, A1	Chương 3
17	SV35	6,0	PI-3.1, PI-4.2	S1, S3, A2, A3	Chương 3, 5
18	SV41	6,0	PI-2.2	K2, A1	Chương 2
19	SV11	6,4	PI-4.1	S3, A3	Chương 4

20	SV24	6,4	PI-4.1	S3, A3	Chương 4
21	SV45	6,4	PI-1.1, PI-2.3	K1, K2, A1	Chương 1, 3
22	SV47	6,4	PI-1.1	K1, A1	Chương 1
23	SV4	7,0	PI-1.5	K1, A1	Chương 5
25	SV5	7,0	PI-1.3	K1, A1	Chương 3
26	SV16	5,2	PI-1.4, PI-4.1, PI-4.2	K1, S3, A1, A3	Chương 4, 5
27	SV25	6,6	PI-3.1	S1, A2, A3	Chương 3

Căn cứ vào kết quả điểm số của các PI, SV có điểm học phần tương đồng nhưng có khác biệt về mức độ đạt CDRHP hoặc khác biệt về nội dung kiến thức mà SV chưa lĩnh hội được. Chẳng hạn như trường hợp SV4, SV5 có điểm học phần là 7,0 điểm, cùng chưa đạt CDR K1, A1 nhưng nội dung chưa lĩnh hội liên quan đến 2 chương khác nhau. SV4 chưa đạt CDRHP liên quan đến chương 5, còn SV5 chưa đạt CDRHP liên quan đến chương 3. Trường hợp SV14 và SV46 có điểm học phần là 5,0 điểm, cùng chưa đạt CDR là S1, S3, A2, A3, cả 2 SV này đều chưa đạt CDR liên quan đến chương 3 và chương 5.

Bước 5: Lưu hồ sơ chuẩn đầu ra học phần

GV lưu tất cả hồ sơ liên quan đến việc đánh giá KQHT theo CDRHP, bao gồm:

- Chương trình học phần, đề cương học phần Luật thương mại quốc tế.
- Kế hoạch đánh giá KQHT môn Luật thương mại quốc tế.
- Hệ thống bài đánh giá, câu hỏi đánh giá kèm theo đáp án, rubric.
- Bảng điểm quá trình môn Luật thương mại quốc tế.
- Bảng điểm thi kết thúc môn Luật thương mại quốc tế.
- Bảng điểm tổng kết môn Luật thương mại quốc tế.
- Bảng thống kê, phân tích và báo cáo đánh giá mức độ SV đạt CDRHP.

Nhận xét chung sau khi thực hiện các bước của Mô hình đề xuất:

Qua triển khai 5 bước quy trình của Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP Luật thương mại quốc tế, tác giả luận án có những nhận định khái quát như sau:

Một là, điểm học phần của SV chưa đủ cơ sở để đánh giá mức độ SV đạt CDRHP, chưa thể đánh giá được CDRHP nào đạt/chưa đạt.

Hai là, thực hiện đúng các bước quy trình của Mô hình thì việc đánh giá mức độ đạt CĐRHP đối với từng SV và đối với toàn bộ lớp học phần trở nên khoa học, mang tính hệ thống. Tính hệ thống thể hiện quan việc liên kết giữa CĐRHP với nội dung học phần và trình tự các bước quy trình.

Ba là, đối với GV, kết quả điểm số đạt được của các PI thể hiện mức độ SV đạt CĐRHP mà GV đã công bố khi bắt đầu học phần. GV xác nhận được thành tích, năng lực của từng SV trong lớp học; xác định được những kiến thức, kỹ năng, thái độ mà SV còn chưa đạt được trong quá trình dạy học.

Đối với SV, qua những lần thực hiện các bài đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, thi kết thúc học phần, kết quả điểm số đạt được của các PI thể hiện mức độ đạt CĐRHP. SV xác định một cách rõ ràng những kiến thức, kỹ năng, CĐR đạt/chưa đạt.

Bốn là, Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP có tính khả thi thể hiện qua việc triển khai được các bước quy trình đánh giá của Mô hình trong thực tiễn. Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP có tính hiệu quả thể hiện qua việc đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP.

- Giai đoạn 3: Sau quá trình triển khai kiểm nghiệm Mô hình

Để tăng tính khách quan về các nhận định khái quát nêu trên của tác giả, đồng thời nhằm khẳng định tính khả thi, hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐR học phần ngành kinh tế, tác giả luận án tiến hành lấy ý kiến chuyên gia, tổng hợp các ý kiến.

4.3. Kết quả lấy ý kiến của chuyên gia về tính khả thi, hiệu quả của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần ngành kinh tế

4.3.1. Kết quả lấy ý kiến qua phiếu hỏi

Tác giả luận án lấy ý kiến của 30 GV có kinh nghiệm, thâm niên giảng dạy đại học từ 10 năm trở lên trong ngành kinh tế và các GV, CQBL có chuyên môn thuộc lĩnh vực giáo dục, am tường về đánh giá KQHT (Phụ lục 12). Kết quả như sau (Biểu đồ 4.4):

Đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP thì trước tiên cần phát biểu CĐR một cách cụ thể, rõ ràng, tuy nhiên CĐRHP của chương trình đào tạo hiện nay còn phát biểu một cách chung chung. Thiết lập các PI nhằm cụ thể hóa chuẩn đầu ra học phần,

đánh giá được mức độ SV đạt/không đạt chuẩn đầu ra là phù hợp với thực trạng phát biểu CDR hiện nay.

Các PI được xác định rõ ràng sẽ giúp xác định nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức đánh giá một cách cụ thể.

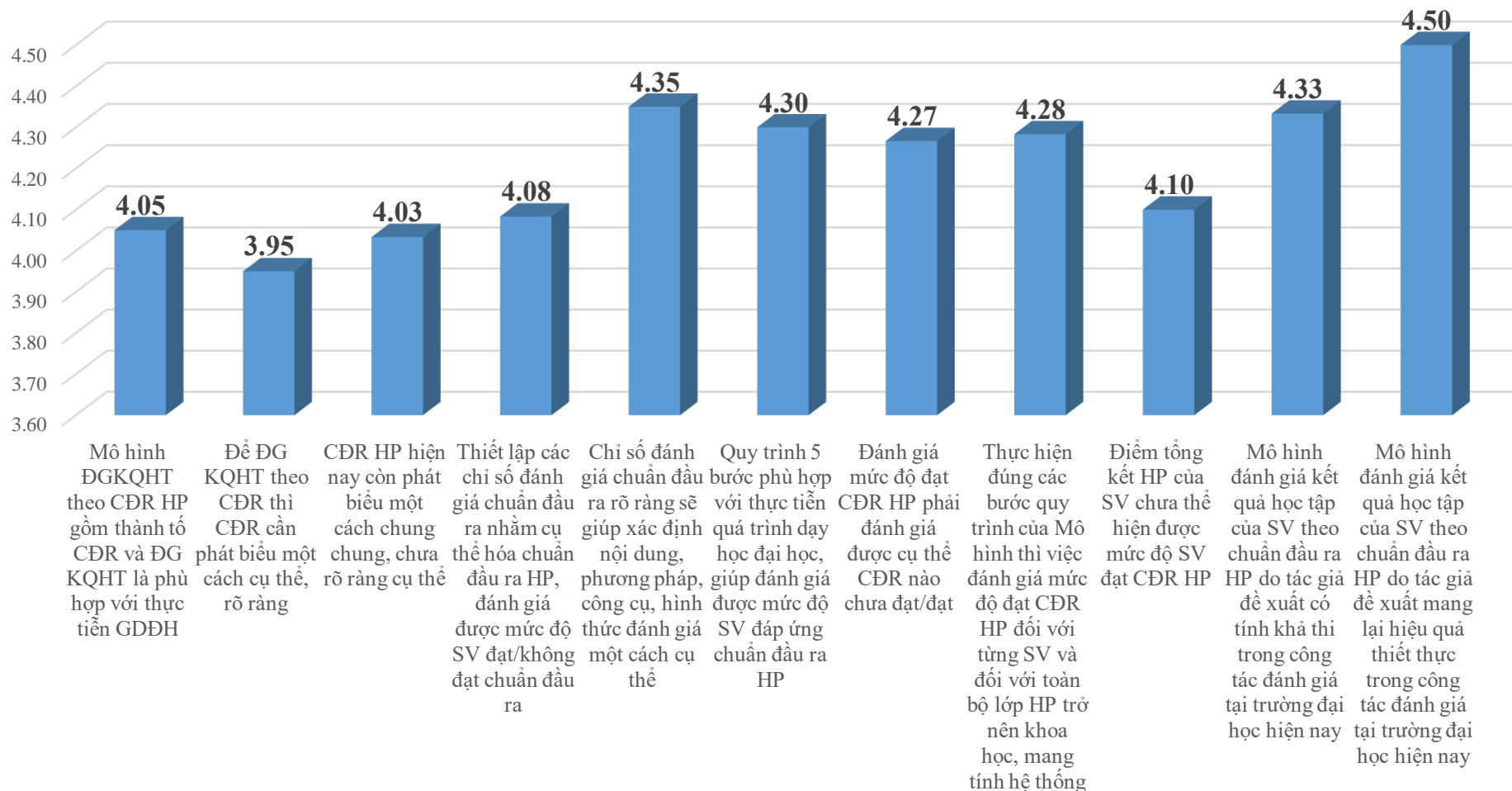
Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP gồm 2 thành tố chính là CDR và đánh giá KQHT là phù hợp với yêu cầu thực tiễn giảng dạy đại học hiện nay. Để triển khai Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP, quy trình thực hiện gồm 5 bước sau đây là hiệu quả:

- Bước 1: Xác định các PI
- Bước 2: Tổ chức đánh giá KQHT
- Bước 3: Thu thập kết quả đánh giá
- Bước 4: Đánh giá mức độ đạt CDRHP
- Bước 5: Lưu hồ sơ CDRHP

Thực hiện đúng các bước quy trình của Mô hình thì việc đánh giá mức độ đạt CDRHP đối với từng SV và đối với toàn bộ lớp học phần có tính hệ thống.

Hiện nay, điểm học phần của SV chưa thể hiện được mức độ SV đạt CDRHP. Trong khi yêu cầu của học phần là phải đánh giá mức độ đạt CDRHP nghĩa là đánh giá được cụ thể CDR nào chưa đạt/đạt. Vì vậy, quy trình của Mô hình trên được ứng dụng vào thực tiễn giúp GV đánh giá được mức độ SV đạt CDRHP. Mô hình rất cần thiết trong thực tiễn, có tính khả thi cao và mang lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động đánh giá KQHT đối với các ngành kinh tế tại trường đại học hiện nay.

Kết quả lấy ý kiến chuyên gia về tính khả thi, hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRH ngành kinh tế



Biểu đồ 4.4. Kết quả lấy ý kiến chuyên gia qua phiếu hỏi về tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình

4.3.2. Kết quả phỏng vấn sâu chuyên gia

Tác giả luận án phỏng vấn sâu 30 chuyên gia theo danh sách Phụ lục 12. Kết quả các ý kiến như sau:

Hiện nay, chương trình đào tạo thể hiện việc đảm bảo đạt CĐR đã tuyên bố cho xã hội là yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT và yêu cầu đổi mới việc đánh giá SV đang là vấn đề được các cơ sở giáo dục chú trọng trong thời gian gần đây. Đáp ứng yêu cầu đổi mới, đánh giá KQHT của SV nhất thiết phải đặt trọng tâm vào đánh giá mức độ đạt CĐR của chương trình đào tạo.

Theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, CĐR chương trình đào tạo có cấu trúc chung gồm 3 thành tố: Kiến thức - kỹ năng - mức tự chủ & trách nhiệm (thái độ) nên khó đo lường, đánh giá trong quá trình dạy học. Do vậy trong quá trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, CĐR chương trình đào tạo được phân nhiệm cho các học phần hay nói cách khác từ CĐR chương trình đào tạo, xác định các CĐRHP. Các học phần có nội dung liên quan đến việc hình thành CĐR chương trình đào tạo sẽ được rà soát, giữ lại trong chương trình, còn các học phần không liên quan được xem xét loại bỏ, thay thế, tích hợp vào học phần khác. Như vậy, đánh giá CĐR chương trình đào tạo bắt đầu từ việc đánh giá CĐR các học phần thuộc chương trình đào tạo; đổi mới đánh giá KQHT của SV cũng bắt đầu từ đổi mới đánh giá KQHT từng học phần.

Mỗi học phần có CĐR liên quan đến kiến thức, kỹ năng, thái độ nên cũng khó đo lường. Các kiến thức, kỹ năng đòi hỏi có sự liên kết tri thức giữa các bài học lẫn nhau trong cùng một học phần. Do vậy việc chuyển đổi các CĐRHP thành các PI cụ thể là cần thiết và phù hợp, các PI này phải thể hiện mối liên hệ kiến thức, kỹ năng với từng nội dung bài học yêu cầu để đáp ứng CĐRHP.

Có nhiều cách để xây dựng PI, song trong lĩnh vực đánh giá KQHT theo CĐRHP, xây dựng hệ thống các PI bằng việc cụ thể hóa thang đo nhận thức và chi tiết nội dung đạt CĐRHP liên quan đến từng bài học là một phương thức có thể vận dụng tốt trong quá trình xây dựng kế hoạch đánh giá một học phần và làm cơ sở để đánh giá mức độ đạt CĐR liên quan đến từng nội dung bài học của học phần.

Khi các PI được thiết lập thì nội dung đánh giá sẽ rất rõ ràng. Nội dung đánh giá KQHT cần phải bám sát các PI là một yêu cầu bắt buộc; Đồng thời việc xác định rõ,

xác định đúng các nội dung đánh giá mà CĐRHP yêu cầu là cần thiết phải thực hiện, để có thể đánh giá được nội dung CĐR nào đạt hoặc chưa đạt.

Phương pháp đánh giá phù hợp với nội dung đánh giá bởi nội dung đánh giá liên quan đến mức nhận thức về nội dung bài học. Với mỗi cấp độ tư duy khác nhau, tùy thuộc vào mức độ thấp hay cao mà phương pháp đánh giá được sử dụng phù hợp. Trong đánh giá KQHT theo CĐRHP thì việc xác định phương pháp đánh giá là cần thiết và quan trọng hơn là phương pháp đánh giá phải thể hiện sự phù hợp với nội dung đánh giá.

Hình thức đánh giá hiện nay các trường đại học thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT chủ yếu hình thức đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Kết quả đánh giá quá trình tổng hợp từ đánh giá thường xuyên và đánh giá giữa kỳ. Kết quả học phần tổng hợp từ kết quả đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ.

GV sử dụng thường xuyên công cụ đánh giá là các bài kiểm tra, bài thi, bài tập nhóm, bài tập cá nhân. Một số ít trường đại học quy định công khai đáp án, thang điểm bài kiểm tra, bài thi, tiêu chí đánh giá nhưng phần lớn là không quy định công khai do số lượng học phần trong một học kỳ quá lớn. Điều này ảnh hưởng đến việc đảm bảo tính khách quan, công bằng cho kết quả đạt được của SV. Việc xác định công cụ đánh giá cho từng CĐRHP cần đánh giá là rất cần thiết. Tùy thuộc vào cấp độ tư duy nội dung học phần hoặc các PI CĐR khác nhau mà công cụ đánh giá cần phải khác nhau.

Đối với CĐR về kỹ năng vận dụng kiến thức để xử lý các tình huống thực tiễn thì nhất thiết phải đánh giá thông qua công cụ là các dự án, các bài tập cá nhân, các bài tập nhóm. Để đánh giá thái độ của SV thì lồng ghép vào đánh giá kiến thức, kỹ năng. Thái độ SV thể hiện ở việc chuyên cần, trách nhiệm và tinh thần tham gia nhóm, tinh thần đóng góp cho buổi học, vậy nên cần có các tiêu chí cụ thể đánh giá thái độ.

Phiếu tiêu chí đánh giá góp phần hỗ trợ cho việc đánh giá được minh bạch rõ ràng. Việc triển khai phiếu tiêu chí đánh giá một cách đầy đủ cho toàn bộ hệ thống bài kiểm tra, bài đánh giá cần phải được quy định bắt buộc đối với GV và là một trong những hồ sơ quan trọng của đánh giá KQHT theo CĐRHP.

Đổi mới việc đánh giá KQHT của SV theo định hướng đánh giá mức độ CĐR chương trình đào tạo nói chung và CĐRHP nói riêng cần chi tiết công việc cụ thể của

các bước quy trình đánh giá KQHT bởi quy trình là công cụ đắc lực để hướng dẫn cho GV thực hiện một cách bài bản công tác đánh giá KQHT và giúp cho công tác quản lý đào tạo và quản lý công tác đánh giá KQHT hiệu quả. Để đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP, quy trình đánh giá cần được chi tiết với từng công việc cụ thể và cần được quy định như một yêu cầu bắt buộc để hoàn thiện hồ sơ giảng dạy của GV khi hoàn thành một học phần.

Xét về quy trình đánh giá KQHT: Quy trình đánh giá KQHT của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP trong đó bao gồm 05 bước như tác giả luận án đề xuất là phù hợp. Quy trình đánh giá KQHT theo Mô hình nêu trên mang tính hệ thống chặt chẽ, được vận dụng trong thực tiễn dạy học sẽ giúp nhà trường nâng cao việc đánh giá KQHT của SV, tăng cường kiểm soát quá trình đánh giá KQHT và chất lượng sản phẩm đào tạo. Theo quy trình triển khai Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP, trước khi triển khai đánh giá mức độ đạt CĐRHP, cụ thể hóa CĐRHP thành các PI và xác định nội dung đánh giá, công cụ đánh giá, phương pháp/hình thức đánh giá phù hợp với CĐRHP là rất cần thiết. Việc thiết lập các PI được thực hiện ở cấp độ học phần để giúp cho việc triển khai đánh giá CĐRHP được hiệu quả hơn.

Hơn nữa, để đánh giá được mức độ đạt CĐRHP thì nội dung đánh giá đảm bảo đánh giá được các PI; Công cụ đánh giá và phương pháp đánh giá phụ thuộc vào nội dung đánh giá CĐR cũng thể hiện mối liên hệ chặt chẽ. Bên cạnh đó, trong quy trình triển khai Mô hình còn có bước thu thập kết quả đánh giá (bước 3) thống kê điểm số học phần để từ đó tiến hành phân tích, so sánh, đánh giá với các PI và thực hiện bước đánh giá mức độ đạt CĐRHP (bước 4) là một công việc thể hiện được kết quả đánh giá SV đạt hay không đạt CĐR, các CĐR cụ thể nào đạt/không đạt đối với từng SV. Việc lập và lưu hồ sơ CĐRHP (bước 5) được GV thực hiện đồng bộ và bài bản trong thực tiễn sẽ là một chứng cứ rõ ràng cho việc giảng dạy, đánh giá của GV. Những điều này thể hiện tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

Ngoài ra về mặt cấu trúc của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP, Mô hình thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa thành tố đánh giá KQHT và thành tố CĐR. Đồng thời thể hiện một mối liên kết có hệ thống giữa các bước công việc triển khai theo Mô hình.

Tuy nhiên, việc đánh giá thái độ (mức tự chủ, trách nhiệm) của SV còn hạn chế, chưa thể hiện rõ trong các bước quy trình của Mô hình. Quá trình xây dựng các PI, các CĐR về thái độ được tích hợp vào các PI về kiến thức và kỹ năng dẫn đến đánh giá CĐR về thái độ chưa được phân tích rõ ràng trong kết quả đạt được.

Tổng kết các ý kiến của chuyên gia qua phỏng vấn sâu về tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng quy trình và Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP Luật thương mại quốc tế cho thấy rằng: Kết quả kiểm chứng đã khẳng định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học của đề tài, có khả năng phát triển và nhân rộng trong việc đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hoạt động dạy học các học phần, các ngành học lĩnh vực kinh tế.

Kết luận chương 4

Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP thuộc ngành kinh tế thể hiện mối liên hệ giữa các thành tố đánh giá KQHT theo tiếp cận CĐR. CĐRHP được cụ thể, rõ ràng hơn qua việc xác lập các chỉ số đánh giá cho các CĐR của học phần đó. Các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐRHP này cụ thể hóa đến từng nội dung cốt lõi của bài học/chủ đề.

Qui trình triển khai đánh giá KQHT theo Mô hình mà tác giả luận án đề xuất gồm các bước được khái quát như sau:

- Bước 1: Xác định các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐRHP.
- Bước 2: Tổ chức đánh giá KQHT.
- Bước 3: Thu thập kết quả đánh giá (điểm số).
- Bước 4: Đánh giá mức độ đạt CĐRHP.
- Bước 5: Lập hồ sơ CĐRHP.

Quá trình kiểm nghiệm Mô hình được trải qua 3 giai đoạn:

- Giai đoạn trước khi triển khai kiểm nghiệm: cung cấp thông tin, hướng dẫn kiểm nghiệm.
- Giai đoạn triển khai kiểm nghiệm: xác định các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐRHP, tổ chức đánh giá (nội dung đánh giá, phương pháp, công cụ, hình thức), thu thập kết quả đánh giá qua điểm số, tiến hành phân tích đánh giá mức độ đạt CĐRHP, lập hồ sơ CĐRHP.
- Giai đoạn sau khi triển khai kiểm nghiệm: lấy ý kiến của chuyên gia về tính khả thi và hiệu quả của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP.

Qua kiểm nghiệm Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP đối với một học phần Luật thương mại quốc tế thuộc lĩnh vực ngành kinh tế cho thấy khi GV thực hiện theo các bước quy trình nêu trên một cách hệ thống, GV thu thập, thống kê và phân tích được điểm số KQHT của SV, từ đó có thể đánh giá mức độ SV đạt hoặc chưa đạt các PI CĐRHP, qua đó có thể đánh giá mức độ SV đạt hoặc chưa đạt CĐRHP; đồng thời xác định rõ nội dung kiến thức nào mà SV chưa lĩnh hội được.

Qua lấy ý kiến chuyên gia cho thấy về mặt cấu trúc Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa thành tố CĐRHP thuộc chương trình

đào tạo ngành kinh tế với thành tố đánh giá KQHT. Đồng thời thể hiện một mối liên kết có hệ thống giữa các bước công việc triển khai theo Mô hình.

Kết quả kiểm nghiệm với học phần Luật thương mại quốc tế và lấy ý kiến chuyên gia để kiểm chứng mô hình cho thấy: Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP hoàn toàn khả thi, hiệu quả với thực tiễn đánh giá KQHT trong giảng dạy đại học hiện nay. Việc vận dụng, nhân rộng Mô hình vào tất cả các học phần của chương trình đào tạo để phân tích, đánh giá mức độ SV đạt CĐRHP là rất cần thiết góp phần nâng cao đánh giá KQHT của SV.

KẾT LUẬN - KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đánh giá SV là một lĩnh vực thuộc khoa học giáo dục. Về mặt lý luận, đánh giá KQHT theo CĐRHP có tầm quan trọng rất lớn, thể hiện ở vai trò định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, xác định nội dung đánh giá, lựa chọn phương pháp và hình thức đánh giá công cụ đánh giá SV một cách phù hợp. Qua đánh giá KQHT, GV xác định mức độ SV đạt CĐRHP. Kết quả đánh giá là cơ sở để trường ra các quyết định cấp chứng chỉ, văn bằng. Bên cạnh đó, kết quả đánh giá theo CĐR còn thể hiện vai trò tự chủ, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo của trường với xã hội.

Các hoạt động đánh giá được diễn ra trong suốt quá trình vận hành một chương trình đào tạo từ đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình/thường xuyên, đánh giá tổng kết/cuối kỳ. Mỗi học phần trong chương trình đào tạo đều có đóng góp nhất định trong việc hình thành CĐR, nhưng thực trạng cho thấy việc đánh giá mức độ đạt CĐRHP thông qua việc KQHT còn chưa triển khai hiệu quả, dẫn đến việc chưa thể đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP. Nguyên nhân khách quan nổi bật nhất là do cơ sở giáo dục chưa quy định quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP một cách rõ ràng, mang tính thực chất; chưa nêu cao vai trò, trách nhiệm của GV trong việc thu thập, thống kê, phân tích điểm số KQHT của SV để đánh giá mức độ SV đạt hoặc chưa đạt CĐRHP. Một nguyên nhân khác nữa là do CĐRHP còn được phát biểu một cách chung chung, chưa cụ thể nên cũng rất khó đo lường và đánh giá. Việc lập kế hoạch đánh giá thể hiện sự liên kết giữa CĐRHP và hoạt động đánh giá còn chưa được tất cả GV chú trọng thực hiện một cách đồng bộ đối với các học phần thuộc chương trình đào tạo. Nội dung đánh giá chưa theo trọng tâm nội dung hình thành CĐRHP. Phương pháp đánh giá và công cụ đánh giá chưa phù hợp với CĐR. Việc thông tin phản hồi cho SV hiện nay cơ bản chỉ là thông tin về điểm số KQHT của học phần, chưa phản hồi cho SV biết đạt hoặc chưa đạt CĐRHP hay đạt/chưa đạt những nội dung nào của học phần. Nói chung thực trạng về quy trình đánh giá KQHT hiện nay còn nhiều hạn chế, chưa đánh giá được mức độ SV đạt CĐR.

Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP được đề xuất nhằm giải quyết khắc phục thực trạng còn nhiều bất cập nêu trên. Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP được cấu trúc từ các thành tố của đánh giá KQHT tiếp cận CĐR. Các thành tố của đánh giá KQHT có mối liên hệ chặt chẽ với nhau tập trung vào CĐRHP.

Theo Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP, quy trình triển khai đánh giá được xem là một quá trình có hệ thống, đồng bộ. Quy trình triển khai thực hiện Mô hình được khái quát thành 5 bước:

- Bước 1: Xác định các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện CĐRHP.
- Bước 2: Tổ chức đánh giá KQHT.
- Bước 3: Thu thập kết quả đánh giá (điểm số).
- Bước 4: Đánh giá mức độ đạt CĐRHP.
- Bước 5: Lập hồ sơ CĐRHP.

Qua kiểm nghiệm đầy đủ các bước triển khai Mô hình đánh giá KQHT theo CĐR ở cấp độ học phần cho thấy Mô hình có tính khả thi và hiệu quả với thực tiễn dạy học đại học ngành kinh tế trong bối cảnh đổi mới toàn diện và căn bản giáo dục, nhất là trong lĩnh vực đánh giá người học.

Tác giả luận án nhận thấy đánh giá KQHT theo CĐR chương trình đào tạo nói chung và CĐRHP thuộc ngành kinh tế nói riêng vẫn còn là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm đánh giá hiệu quả của quá trình dạy học học phần qua KQHT của SV, nhằm cải tiến chất lượng đào tạo và cải tiến hoạt động đánh giá KQHT. Các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu:

1.1. Trong quá trình thực hiện đề tài, nội dung luận án đi sâu nghiên cứu các bước quy trình triển khai Mô hình đánh giá KQHT theo CĐR và mối liên kết giữa các PI CĐR với CĐRHP và nội dung học phần mà chưa nghiên cứu sâu về đa dạng phương pháp đánh giá. Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập của SV trình độ đại học cần được sớm nghiên cứu để góp phần phong phú, đổi mới phương pháp đánh giá KQHT và tăng hiệu quả đánh giá KQHT.

1.2. Trong khuôn khổ luận án chỉ tập trung nghiên cứu Mô hình và quy trình để GV triển khai thực hiện sao cho có thể đánh giá mức độ SV đạt CĐRHP thông qua KQHT của SV, do vậy vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn đó là quy trình SV tự

đánh giá KQHT của chính mình đối với học phần và các bên liên quan đánh giá mức độ đạt CDR của SV.

1.3. Đánh giá CDR về kiến thức, kỹ năng được triển khai tương đối thuận lợi qua các thang đánh giá nhận thức. Trong khuôn khổ nghiên cứu nội dung luận án, đánh giá CDR về thái độ được tích hợp vào quá trình đánh giá CDR về kiến thức hoặc kỹ năng. Việc đánh giá thái độ phần lớn được thực hiện qua phương pháp quan sát, nhận định của GV về một số tiêu chí đánh giá thái độ đã thiết kế sẵn. Do vậy muốn đánh giá riêng biệt theo đúng thành phần cấu trúc của CDRHP bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ thì cần có các nghiên cứu chuyên sâu liên quan đến đánh giá CDR về thái độ.

1.4. Đánh giá KQHT theo CDR cần được triển khai nghiên cứu ở cấp độ CDR chương trình đào tạo đối với tất cả các ngành.

2. Khuyến nghị

Để Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP được vận dụng và nhân rộng vào thực tiễn quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá; đồng thời có đầy đủ cơ sở pháp lý cho các cơ sở giáo dục đại học thực hiện đồng bộ các giải pháp cải tiến đánh giá KQHT của SV tiếp cận định hướng giáo dục theo CDR; làm đòn bẩy thúc đẩy cả tập thể sư phạm từ GV đến các cấp quản lý chuyên môn, cấp quản lý chức năng thực hiện cải tiến việc đánh giá KQHT của SV, đánh giá được mức độ đạt CDR công bố. Qua đó thể hiện vai trò tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình với xã hội về chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học. Tác giả luận án khuyến nghị các nội dung như sau:

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Ban hành các chuẩn ngành nghề làm cơ sở xây dựng CDR chương trình đào tạo và CDRHP phù hợp.
- Hướng dẫn chi tiết hơn về việc xây dựng, công bố CDRHP và đánh giá mức độ đạt CDRHP và CDR chương trình đào tạo.
- Quản lý tối ưu việc đánh giá CDR chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, làm cơ sở để công khai chất lượng sản phẩm đầu ra của giáo dục đại học.

2.2. Đối với các cơ sở giáo dục đại học

- Chủ động nghiên cứu triển khai ban hành Quy định về quy trình đánh giá KQHT theo CDRHP cho tất cả các học phần thuộc chương trình đào tạo, đồng thời

vận dụng Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP trong nhà trường không những cho các ngành kinh tế mà còn có thể vận dụng cho các ngành lĩnh vực khác;

- Tập huấn cho đội ngũ GV về định hướng giáo dục theo CĐR, về quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP mà Mô hình đề xuất.

- Ngoài việc công bố KQHT cho SV qua điểm số, trường cần hướng đến việc công bố cho SV về mức độ đạt CĐRHP và CĐR chương trình đào tạo.

2.3. Đối với giảng viên

- Nâng cao tinh thần hỗ trợ SV, giúp SV đạt CĐRHP qua việc đổi mới cách thức tổ chức hoạt động dạy học học phần, tăng cường đổi mới đánh giá KQHT phù hợp với CĐRHP.

- Xác định mục tiêu dạy học rõ ràng, xác định CĐRHP cụ thể và vận dụng Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP vào quá trình dạy học của mình. Phân tích KQHT của SV để xác định mức độ SV đạt CĐR và cải tiến dạy học.

2.4. Đối với sinh viên

- Xác định mục tiêu học tập rõ ràng, hướng đến mục tiêu đạt CĐRHP và CĐR chương trình đào tạo, tăng cường động cơ và ý thức, thái độ học tập tích cực.

- Thiết lập chiến lược học tập đạt CĐRHP, trong đó xác định nội dung học tập, thời gian học tập và CĐRHP cần đạt được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, L. W., Krathwohl, D. R. & Bloom, B. S. (2001). *A taxonomy for Learning, Teaching and Assessing: A revision of Bloom's taxonomy of Educational objectives*. New York: Longman.
- Bennett R. E (2011). Formative assessment: a critical review, *Assessment in Education: Principles, Policy & Practice*. 18 (1), pp. 5-25,
- Biggs, J. & Tang, C. (2009), *Applying constructive alignment to outcomes-based teaching and learning*. McGraw Hill.
- Biggs, J. (1996). *Enhancing teaching through constructive alignment*. *Higher Education*, 32 (3). Springer, pp. 347-364.
- Biggs, J. and Tang, C. (2011). *Teaching for quality learning at university (Society for research into Higher Education), 4th Edition*. McGraw Hill.
- Biggs, J. B. (1999). What the student does: teaching for enhanced learning. *Higher Education research & development*, 18 (1), pp. 57-75.
- Biggs, J.B. (2003). *Teaching for quality learning at university*. Open University Press/Society for Research into Higher Education (Second edition).
- Bộ GD&ĐT (2010). *Công văn số 2196/BGDĐT-giáo dục đại học về hướng dẫn xây dựng và công bố CDR ngành đào tạo*.
- Bộ GD&ĐT (2016). *Công văn 1074/KTKĐCLGD-KĐDH về hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.
- Bộ GD&ĐT (2016). *Quyết định số 1982/2016/QĐ-TTg về Khung trình độ quốc gia Việt Nam*.
- Bộ GD&ĐT (2021). *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.
- Bộ GD&ĐT (2021). *Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT về quy chế đào tạo trình độ đại học*

- Brookhart, Susan M. (2008). *How to give effective feedback to your students*, ISBN 978-1-4166-0736-6.
- Carless D. (2006). *Pre-emptive formative assessment*. University of HongKong.
- Colwell J., Whittington J., Higley J. (2004). *Tools for using course-embleded assessment to validate program outcomes and course objectives*. Proceeding of the 2004 ASEE annual conference.
- Crystal, B. (2008), *Community College of Philadelphia Learning outcomes Assessment Model. Assessment Task Force of the Academic Master Plan*. Community College of Philadelphia, USA.
- Điều, Đ. V. (2012), Khảo sát tự đánh giá kết quả đào tạo theo mục tiêu của SV Trường ĐHSP Tp. HCM. *Tạp Chí khoa học – Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, số 37 (71), tr. 36-46.
- Đức, T. K. (2011). Chuẩn đầu ra và phát triển chương trình đào tạo theo năng lực ở bậc đại học. *Tạp chí khoa học – Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 27, tr. 59-65.
- Đức, T. K. (2011). *Năng lực và năng lực nghề nghiệp*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Đức, T. K. (2011). *Sự phát triển các quan điểm giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- Đức, T. K. (2014). *Năng lực và tư duy sáng tạo trong giáo dục đại học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Edstrom, K. (2008). Doing course evaluation as if learning matters most. *Higher Education Research & Development*, 27 (2), pp. 95-106.
- Freed & Huba (2000), *Learner-Centered Assessment on College Campuses: shifting the focus from teaching to learning*, ISBN: 0-205-28738-7.
- G. Rogers (2020), *Program Education Objectives and Student outcomes: Same but Different*, ABET.
- Gulikers, J. T. M., Bastiaens, Th. J., & Kirschner, P. A. (2006). Authentic assessment, student and teacher perceptions: the practical value of the five dimensional-framework. *Journal of Vocational Education and Training*, 58, pp. 337-357.

- Hải, B. M. & Hà, V. T. (2014). Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV theo năng lực thực tiễn. *Tạp chí khoa học giáo dục*, số 100, tr. 27-32.
- Hằng, N. T. & Thặng, C. T. (2012). Dạy học và đánh giá theo chuẩn kiến thức kỹ năng hướng tới phát triển một số năng lực cho SV sư phạm. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 79, tr. 14-21.
- Hào, L. V. & cộng sự (2021). Hướng dẫn thiết kế, sử dụng rubric và bộ rubric mẫu dùng cho đánh giá hoạt động học tập.
- Hiền, B. (2013). *Từ điển Giáo dục học*. Nhà xuất bản từ điển Bách Khoa.
- Hoa, V. L. (2015). Đổi mới đánh giá KQHT trong dạy học theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 115, tr. 65-71.
- Huba, Mary E. & Freed, Jann E. (2000). *Learning – Centered Assessment on College Campuses: Shifting the focus from Teaching to Learning*, ISBN: 0-205-28738-7, Allyn and Bacan, Boston.
- Hung, Đ. T. (2010), Nhận diện và đánh giá kỹ năng. *Tạp chí khoa học giáo dục*, số 63, tr. 44-50.
- Hung, L. T. & Phương, P. T. A. (2018). Xây dựng bộ công cụ đánh giá hoạt động đánh giá SV theo tiếp cận AUN. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 148, tr. 29-37.
- Hương, H. T. (2018). Nâng cao chất lượng xây dựng CDR chương trình đào tạo ở một số cơ sở giáo dục đại học nước ta. *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt Kì 2 tháng 5/2018, tr. 86-89.
- Hương, P. T. & Báo, Đ. Q. (2016). Quy trình đánh giá năng lực dạy học của SV ngành Sư phạm ở các cơ sở giáo dục đại học, thông qua việc sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học Vật lí ở trường trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 127, tr. 25-31.
- Irons A. (2007). *Enhancing learning through formative assessment and feedback*, New York: Routledge.
- James H. McMillan (2014). *Classroom Assessment: Principles and Practice for Effective Standards-Based Instruction, 6th Edition*. Pearson.

- Joao Duque (2006), *Learning outcomes – A practical Approach*. Technical University of Lisbon.
- Jon Mueller, *Authentic Assessment Toolbook & Assessing Skill Development*.
- Joughin, G. & Macdonald, R. (2003). “A model of assessment in higher education institution”. The Higher Education Academy.
- Lâm, Đ. B. & Nhân, N. T. (2011). Đánh giá KQHT trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học Việt Nam: Những định hướng nghiên cứu lí luận và thực tiễn. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 66, tr. 12-18.
- Lâm, Đ. B. (2003). *Kiểm tra ĐG trong dạy - học đại học*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- Lan, V. T. N. (2014). Đánh giá kết quả học thực hành trong giáo dục nghề nghiệp. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 110, tr. 34-41.
- Liễu, N. T. (2015). Đánh giá KQHT môn Giáo dục nghề nghiệp theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 118, tr. 45-51.
- Loan, Đ. T. (2017). Quy trình đánh giá kĩ năng làm thí nghiệm của SV sư phạm sinh học trong dạy SV lí thực vật. *Tạp chí khoa học giáo dục*, số 142, tr. 67-73.
- Lộc, N. & Hương, N. T. T. (2015). *Phương pháp, kĩ thuật xây dựng chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực giải quyết vấn đề*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Micheal Mc. (2016). *Constructive alignment in economics teaching: a reflection on effective implementation*.
- Ngọc, L. Đ. & Hoan, T. H. (2010). Chuẩn đầu ra trong giáo dục đại học. *Tạp chí khoa học giáo dục*, số 55, tr. 17-23.
- Nhạ, P. X. & Dũng, V. A. (2011). *Xây dựng và tổ chức chương trình đào tạo đại học và sau đại học theo cách tiếp cận CDIO*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nhân, N. T. (2010). Đánh giá KQHT theo định hướng phát triển năng lực của SV, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 60, tr. 67-73.
- Nhân, N. T. (2014). *Đánh giá KQHT theo hướng tiếp cận năng lực*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nicol, D. (2004). *Rethinking formative assessment formative assessment in HE: A theoretical model and seven principles of good feedback practice*. United Kingdom: University of Strathclyde Debra Macfarlane-Dick, University of Glasgow.
- Oanh, T. T. T. (2014). *Đánh giá kết quả học tập*. NXB Đại học Sư phạm.
- Palom, C. A. & Banta, T. W. (1999), *Assessment Essentials: Planning, Implementing, and Improving Assessment in Higher Education*. Jossey-Bass Publishers, San Francisco, USA.
- Phúc, H. (2012). Đổi mới phương thức đánh giá học phần II “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 82, tr. 33-39.
- Phương, H. T. M. (2015). Đánh giá KQHT trong đào tạo nghề theo tiếp cận năng lực thực hiện. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 113, tr. 26-32.
- Phương, T. T. T. (2012). Phương pháp đánh giá KQHT học phần trong các cơ sở giáo dục đại học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 80, tr. 57-64.
- Steve F. (2007). *Enhancing learning through formative assessment*. Springer.
- Steve, F. (2007). *Enhancing learning and teaching through assessment*. Springer.
- Suskie L., (2009). *Assessing Student learning: A common Sense Guide, 2nd Edition*. Jossey-Bass.
- Thái, Đ. Đ. & Lan L. C. (2017). Nghiên cứu về ngân hàng câu hỏi đánh giá năng lực thí sinh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 141, tr. 28-34.
- Thặng, C.T. & Minh, Đ. T. H. (2013). Thiết kế bộ công cụ đánh giá năng lực độc lập sáng tạo của SV các trường đại học kỹ thuật thông qua dạy học môn Hóa hữu cơ. *Tạp chí khoa học giáo dục*, số 97, tr. 36-41.
- Thanh, N. C. (2012). Đánh giá bài dạy thực hành kỹ thuật theo quan điểm dạy học tương tác tích cực. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 85, tr. 70-76.
- Thọ, Đ. L. (2012). Quản lý hoạt động đánh giá kết quả thực tập sư phạm của SV theo yêu cầu đổi mới giáo dục. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 82, tr. 40-45.

- Thọ, Đ. L. (2012). Thực trạng quản lý hoạt động đánh giá KQHT cao đẳng sư phạm. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 85, tr. 23-29.
- Thủy, Đ. T. T. (2013). Xây dựng bộ câu hỏi đánh giá theo chuẩn kỹ năng cho môn thực tập kỹ thuật may 1 tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật VINATEX TP. Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 88, tr. 60-67.
- Tiến, P. Đ. N. (2015). Đổi mới đánh giá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 123, tr. 52-58.
- Tiến, P. Đ. N. (2016). Bài toán đổi mới đánh giá SV trong giáo dục theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 126, tr. 61-66.
- Trà, N. T. T. (2015). Quy trình đánh giá KQHT môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 123, tr. 15-23.
- Trà, N. T. T. (2015). Tổ chức cho SV đại học sư phạm tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng KQHT môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 120, tr. 23-28.
- Trinh, Đ. T. M. & Nghĩa, N. H. (2013). *Hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trinh, Đ. T. M. (2012). *Thiết kế chương trình đào tạo theo CĐR*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tyler, R. W. (1949). *Basic principles of curriculum and instruction*. The University of Chicago Press.
- Việt, Đ. T. & Vân, T. T. H. (2021). *Phát triển, bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo và đo lường đánh giá chuẩn đầu ra*. NXB Thông tin và truyền thông.
- Việt, N. Q. (2012). Đánh giá KQHT theo định hướng năng lực hành nghề của SV trong các cơ sở dạy nghề. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 80, tr. 14-22.
- Việt, N. Q. (2012). Định hướng năng lực hành nghề trong tổ chức dạy học và đánh giá theo nhóm tại các cơ sở dạy nghề. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 85, tr. 42-49.

- Wiggins, G., & McTighe, J. (1998). *Understanding by Design*. Alexandria, VA: Association for Supervision and Curriculum Development.
- Yorkovich, S. (2007). *Competency-based assesement systems: Encouragement toward a more holistic approach*. Northeast Bussiness & Econimics Association.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phan Long, Lưu Khánh Linh (2018). Đánh giá tính hiệu quả của hoạt động liên kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, số 174 kì 1 - tháng 8-2018, trang 87.
2. Dinh-Thai Do, Van-Loc Vo, Khanh-Linh Luu & et al (2020). Assessment of Aggressive Behavior among Vietnamese High School Students. *International Medical Journal*, 25 (4), 1823-1830.
3. Lưu Khánh Linh (2020). Đánh giá kết quả học tập môn học theo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. *Tạp chí giáo dục*, số đặc biệt tháng 5/2020, trang 67.
4. Lưu Khánh Linh (2020). Nghiên cứu về đánh giá SV và định hướng đánh giá SV theo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học. *Tạp chí giáo dục*, số 483 kì 1-8/2020, trang 6.
5. Lưu Khánh Linh (2020). Thực trạng hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV tại Trường Đại học Tài chính – Marketing. *Tạp chí giáo dục*, số đặc biệt tháng 9/2020, trang 251.
6. Lưu Khánh Linh (2020). Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV Trường Đại học Tài chính – Marketing. *Tạp chí giáo dục*, số đặc biệt kì 2 tháng 11/2020, trang 326.
7. Lưu Khánh Linh, Phan Long (2020). The process of evaluating student based on university program learning outcomes. *VietNam Journal of Education*, 4 (4), 93-99.
8. Lưu Khánh Linh (2021). Đề xuất mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học. *Tạp chí giáo dục*, số 510 kì 2-9/2021, trang 44.
9. Thai Dinh Do, Linh Giang Thi Le, Linh Khanh Luu, Huong Thi Do (2021). Recommendations contributing to the organization of teaching and learning to respond to the covid-19 pandemic at universities in Vietnam, *Journal of Management Information and Decision Science*, 24 (6).

10. Lưu Khánh Linh (2021). Một số mô hình đánh giá trong giáo dục. Tạp chí khoa học quản lý giáo dục, số 04 (32) tháng 12/2021, trang 80.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Phiếu lấy ý kiến giảng viên về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

PHIẾU LẤY Ý KIẾN GIẢNG VIÊN

Về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Kính gửi Quý Thầy/Cô,

Nhằm nghiên cứu một số vấn đề về đánh giá kết quả học tập của sinh viên bậc đại học theo quan điểm đổi mới đó là đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, chúng tôi xin Quý Thầy/Cô dành ít thời gian vui lòng đọc kỹ các nội dung phiếu hỏi, cung cấp thông tin bằng cách đánh dấu vào ô thích hợp hoặc viết vào chỗ trống. Những thông tin thu được từ phiếu hỏi này rất có ý nghĩa về mặt nghiên cứu nên chúng tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ quý báu của Quý Thầy/Cô.

Trân trọng cảm ơn Thầy/Cô!

A. PHẦN NỘI DUNG:

Các mức đánh giá:

(1) Hoàn toàn không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Đồng ý một phần, (4) Đồng ý, (5)

Hoàn toàn đồng ý

Câu hỏi 1: Giảng viên nhận thức tầm quan trọng của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần như sau:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	CĐRHP định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp					
2	Đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CĐRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo					
3	Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ					

4	Đánh giá KQHT theo CDRHP giúp cán bộ quản lý của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của nhà trường					
---	--	--	--	--	--	--

Câu hỏi 2: Đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CDRHP					
2	Đảm bảo tính khách quan					
3	Đảm bảo tính toàn diện					
4	Đảm bảo tính hệ thống					
5	Đảm bảo tính phát triển					

Câu hỏi 3: Nội dung đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần như sau:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Đánh giá CDRHP về kiến thức, kỹ năng					
1.1	Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP					
1.2	Nội dung đánh giá việc lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết liên quan đến CDRHP.					
1.3	Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.					
1.4	Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.					
1.5	Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.					

2	Đánh giá CDRHP về thái độ (mức tự chủ và trách nhiệm)					
2.1	Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.					
2.2	Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.					
2.3	Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.					

Câu hỏi 4: Công cụ và tiêu chí đánh giá kết quả học tập học phần là bài kiểm tra, bài thi theo dạng như sau:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Câu hỏi trắc nghiệm tự luận					
2	Câu hỏi trắc nghiệm khách quan					
3	Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan					
4	Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV					
5	Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV					
6	Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)					

Câu hỏi 5: Đánh giá kết quả học tập học phần được thực hiện theo các hình thức sau đây:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đánh giá chẩn đoán/đánh giá ban đầu					
2	Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên					
3	Đánh giá tổng kết/cuối kỳ					
4	Đánh giá theo mốc chuẩn					

5	Đánh giá theo tiêu chí					
6	Đánh giá định tính					
7	Đánh giá định lượng					

Câu hỏi 6: Đánh giá kết quả học tập học phần được thực hiện theo các phương pháp sau đây:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Phương pháp quan sát:					
1.1	Đánh giá qua sự chuyên cần					
1.2	Đánh giá qua làm việc nhóm					
1.3	Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo					
2	Phương pháp kiểm tra vấn đáp					
3	Phương pháp kiểm tra viết:					
3.1	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận					
3.2	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan					
3.3	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan					
3.4	Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận					

Câu hỏi 7: Giảng viên triển khai đánh giá kết quả học tập theo các bước quy trình chung như sau:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bước 1: Xác định CDR của từng học phần					
2	Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP					
3	Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV					

4	Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học.					
---	---	--	--	--	--	--

Câu 8: Đối với Bước 1 (Xác định CDR của từng học phần), GV thực hiện các công việc cụ thể sau đây:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	CDRHP được trình bày trong đề cương học phần					
2	CDRHP có sự liên kết với CDR chương trình đào tạo					
3	CDRHP được chuyển hóa tương ứng thành các PI CDR cụ thể (gọi là performance indicator – PI)					
4	PI CDRHP tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP theo mức nhận thức thang Bloom					

Câu 9: Trên cơ sở CDRHP đã được cụ thể hóa thành các chỉ số đánh giá tương ứng, đối với Bước 2 (Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP), GV thực hiện các công việc cụ thể sau đây:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CDRHP					
2	Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá phù hợp với từng CDRHP					
3	Xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá					
4	Xác định hình thức đánh giá phù hợp với từng CDRHP					
5	Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CDRHP					

6	Lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP và phương pháp dạy học					
---	---	--	--	--	--	--

Câu 10: Đối với Bước 3 (Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV), GV thực hiện các công việc cụ thể sau đây:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Công bố CĐRHP và các PI CĐR cho SV (nếu có)					
2	Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá					
3	Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV					
4	Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần					
5	Triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra					
6	Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần					
7	Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT					
8	Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)					

Câu 11: Đối với Bước 4 (Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học), GV thực hiện các công việc cụ thể sau đây:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thống kê KQHT của tất cả SV trong lớp học phân theo từng PI CĐRHP					
2	Thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phân chưa đạt PI CĐRHP					
3	Đối sánh giữa chỉ số đánh giá và CĐRHP để xác định mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp học phân					
4	Xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CĐRHP mà SV chưa đáp ứng được					
5	Xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp 100% SV trong lớp học phân đạt CĐR					
6	Lưu hồ sơ minh chứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học					

Câu 12: GV thiết kế bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo quy trình sau:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CĐRHP					
2	Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP					
3	Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá					
4	Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận					

5	Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi					
6	Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra					

Câu 13: Nêu nhận định chung về quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP hiện nay của trường?

.....

Câu 14: Nêu nhận định chung về nội dung đánh giá KQHT theo CĐRHP?

.....

Câu 15: Nhận định chung về công cụ và tiêu chí đánh giá KQHT theo CĐRHP?

.....

Câu 16: Nhận định về hình thức và phương pháp đánh giá KQHT theo CĐRHP?

.....

Câu 17: Hoạt động đánh giá KQHT học phần hiện nay của nhà trường có đảm bảo đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP không?

.....

Câu 18: Theo Thầy Cô, hiện nay KQHT học phần của SV có phản ánh được mức độ SV đáp ứng được CĐRHP và kết quả tích lũy toàn khóa học của SV có đo lường được mức độ SV đáp ứng CĐR chương trình đào tạo không?

.....

Câu 19: Nếu GV/nhà trường chưa đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP thì nguyên nhân và giải pháp khắc phục là gì?

.....

Câu 20: Ý kiến đề xuất của Thầy/Cô để hoạt động đánh giá KQHT theo CĐRHP mang lại hiệu quả cho Trường:

a) Đối với các cấp quản lý giáo dục - đào tạo bậc đại học:

.....

b) Đối với nhà trường:

.....

c) Đối với bộ phận quản lý đào tạo/bộ phận khảo thí:

.....
d) Đối với GV:
.....

đ) Đối với SV:
.....

B. PHẦN THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Giới tính: Nam Nữ

2. Đơn vị công tác:

Khoa/Phòng/Trung tâm/Bộ môn:

Trường/Viện:

3. Các môn giảng dạy thuộc nhóm ngành/chuyên ngành:

4. Học vị/chức danh:

4.1. Học vị:

Cử nhân Thạc sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ khoa học

4.2. Học hàm:

Phó giáo sư Giáo sư Khác

5. Thâm niên giảng dạy đại học:

- Dưới 5 năm
- Từ 5 năm đến dưới 10 năm
- Từ 10 năm đến dưới 15 năm
- Từ 15 năm đến dưới 20 năm
- Từ 20 năm trở lên

6. Công tác khác:

- Quản lý chuyên môn
- Quản lý hành chính

7. Chuyên ngành đào tạo của Thầy/Cô:

Trân trọng cảm ơn Quý Thầy/Cô!

Phụ lục 2: Phiếu lấy ý kiến cán bộ quản lý về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CÁN BỘ QUẢN LÝ

Về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Kính thưa Quý Thầy/Cô,

Nhằm tìm hiểu một số vấn đề có liên quan đến hoạt động đánh giá KQHT của SV theo CDR chương trình đào tạo hiện nay, chúng tôi xin mời Quý Thầy/Cô dành ít thời gian để cung cấp thông tin qua phiếu hỏi này theo các đề mục gợi ý như là những nhận định và đề xuất của Quý Thầy/Cô đối với hoạt động đánh giá KQHT của SV trong dạy học đại học.

Những thông tin thu được từ phiếu hỏi này được bảo mật về nội dung cũng như danh tính của người trả lời. Đây là những thông tin có nhiều ý nghĩa về mặt nghiên cứu nên chúng tôi rất mong nhận được sự phản hồi tích cực của Quý Thầy/Cô.

Trân trọng cảm ơn Quý Thầy/Cô!

A. PHẦN NỘI DUNG:

Các mức đánh giá:

(1) Hoàn toàn không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Đồng ý một phần, (4) Đồng ý, (5) Hoàn toàn đồng ý

Câu hỏi 1: Giảng viên nhận thức tầm quan trọng của đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần như sau:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	CĐRHP định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp					
2	Đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CĐRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo					

3	Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ					
4	Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp cán bộ quản lý của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của nhà trường					

Câu hỏi 2: Đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CĐRHP					
2	Đảm bảo tính khách quan					
3	Đảm bảo tính toàn diện					
4	Đảm bảo tính hệ thống					
5	Đảm bảo tính phát triển					

Câu hỏi 3: Nội dung đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần như sau:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Đánh giá CĐRHP về kiến thức, kỹ năng					
1.1	Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức					
1.2	Vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.					
1.3	Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.					

1.4	Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.					
1.5	Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.					
2	Đánh giá CĐRHP về thái độ					
2.1	Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.					
2.2	Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.					
2.3	Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.					

Câu hỏi 4: Công cụ và tiêu chí đánh giá kết quả học tập học phần là bài kiểm tra, bài thi theo dạng như sau:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Câu hỏi trắc nghiệm tự luận					
2	Câu hỏi trắc nghiệm khách quan					
3	Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan					
4	Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV					
5	Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV					
6	Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)					

Câu hỏi 5: Đánh giá kết quả học tập học phần được thực hiện theo các hình thức sau đây:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đánh giá chẩn đoán/đánh giá ban đầu					

2	Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên					
3	Đánh giá tổng kết/cuối kỳ					
4	Đánh giá theo mốc chuẩn					
5	Đánh giá theo tiêu chí					
6	Đánh giá định tính					
7	Đánh giá định lượng					

Câu hỏi 6: Đánh giá kết quả học tập học phần được thực hiện theo các phương pháp sau đây:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Phương pháp quan sát:					
1.1	Đánh giá qua sự chuyên cần					
1.2	Đánh giá qua làm việc nhóm					
1.3	Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo					
2	Phương pháp kiểm tra vấn đáp					
3	Phương pháp kiểm tra viết:					
3.1	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận					
3.2	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan					
3.3	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan					
3.4	Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận					

Câu hỏi 7: Giảng viên triển khai đánh giá kết quả học tập theo các bước quy trình chung như sau:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bước 1: Xác định CDR của từng học phần					

2	Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP					
3	Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV					
4	Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học.					

Câu 8: Đối với Bước 1 (Xác định CDR của từng học phần), GV thực hiện các công việc cụ thể sau đây:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	CDRHP được trình bày trong đề cương học phần					
2	CDRHP có sự liên kết với CDR chương trình đào tạo					
3	CDRHP được chuyên hóa tương ứng thành các PI CDR cụ thể (gọi là performance indicator – PI)					
4	PI CDRHP tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP theo mức nhận thức thang Bloom					

Câu 9: Trên cơ sở CDRHP đã được cụ thể hóa thành các chỉ số đánh giá tương ứng, đối với Bước 2 (Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP), GV thực hiện các công việc cụ thể sau đây:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CDRHP					
2	Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá phù hợp với từng CDRHP					
3	Xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá					

4	Xác định hình thức đánh giá phù hợp với từng CDRHP					
5	Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CDRHP					
6	Lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP và phương pháp dạy học					

Câu 10: Đối với Bước 3 (Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV), GV thực hiện các công việc cụ thể sau đây:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Công bố CDRHP và các PI CDR cho SV (nếu có)					
2	Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá					
3	Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV					
4	Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần					
5	Triển khai đánh giá KQHT theo CDRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra					
6	Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần					
7	Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT					

8	Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)					
---	--	--	--	--	--	--

Câu 11: Đối với Bước 4 (Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học), GV thực hiện các công việc cụ thể sau đây:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thống kê KQHT của tất cả SV trong lớp học phần theo từng PI CĐRHP					
2	Thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phần chưa đạt PI CĐRHP					
3	Đối sánh giữa chỉ số đánh giá và CĐRHP để xác định mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp học phần					
4	Xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CĐRHP mà SV chưa đáp ứng được					
5	Xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp 100% SV trong lớp học phần đạt CĐR					
6	Lưu hồ sơ minh chứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học					

Câu 12: GV thiết kế bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo quy trình sau:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CĐRHP					

2	Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP					
3	Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá					
4	Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận					
5	Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi					
6	Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra					

Câu 13: Nêu nhận định chung về quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP hiện nay của trường?

.....

Câu 14: Nêu nhận định chung về nội dung đánh giá KQHT theo CĐRHP?

.....

Câu 15: Nhận định chung về công cụ và tiêu chí đánh giá KQHT theo CĐRHP?

.....

Câu 16: Nhận định về hình thức và phương pháp đánh giá KQHT theo CĐRHP?

.....

Câu 17: Hoạt động đánh giá KQHT học phần hiện nay của nhà trường có đảm bảo đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP không?

.....

Câu 18: Theo Thầy Cô, hiện nay KQHT học phần của SV có phản ánh được mức độ SV đáp ứng được CĐRHP và kết quả tích lũy toàn khóa học của SV có đo lường được mức độ SV đáp ứng CĐR chương trình đào tạo không?

.....

Câu 19: Nếu GV/nhà trường chưa đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP thì nguyên nhân và giải pháp khắc phục là gì?

.....

Câu 20: Ý kiến đề xuất của Thầy/Cô để hoạt động đánh giá KQHT theo CĐRHP mang lại hiệu quả cho Trường:

a) Đối với các cấp quản lý giáo dục - đào tạo bậc đại học:

.....

b) Đối với nhà trường:

.....

c) Đối với bộ phận quản lý đào tạo/bộ phận khảo thí:

.....

d) Đối với GV:

.....

đ) Đối với SV:

.....

A. PHẦN THÔNG TIN CÁ NHÂN:

1. Họ và tên:

2. Học hàm học vị:

3. Chức danh/Chức vụ:

4. Đơn vị công tác:

Trân trọng cảm ơn Quý Thầy/Cô!

Phụ lục 3: Phiếu lấy ý kiến sinh viên về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

PHIẾU LẤY Ý KIẾN SINH VIÊN

Về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

Chào Anh/Chị SV!

Nhằm nghiên cứu một số vấn đề về đánh giá KQHT của SV bậc đại học theo quan điểm đổi mới đó là đánh giá CDR chương trình đào tạo, nay chúng tôi xin mời Anh/Chị vui lòng đọc kỹ và trả lời phiếu hỏi này bằng cách đánh dấu vào ô thích hợp hoặc viết vào chỗ trống những thông tin cần thiết. Những thông tin thu được từ phiếu hỏi này rất có ý nghĩa về mặt nghiên cứu nên chúng tôi rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình và chân thành của Anh/Chị.

Cảm ơn Anh/Chị!

B. PHẦN NỘI DUNG:

Các mức đánh giá:

(1) Hoàn toàn không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Đồng ý một phần, (4) Đồng ý, (5)

Hoàn toàn đồng ý

Câu hỏi 1: Trong quá trình dạy học, GV lựa chọn nội dung đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần như sau:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Đánh giá CDRHP về kiến thức, kỹ năng					
1.1	Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức					
1.2	Vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp mà GV đưa ra					
1.3	Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp mà GV đưa ra					
1.4	Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp mà GV đưa ra					

1.5	Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp mà GV đưa ra					
2	Đánh giá CDRHP về thái độ					
2.1	Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.					
2.2	Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.					
2.3	Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.					

Câu hỏi 2: Trong quá trình dạy học, GV sử dụng công cụ và tiêu chí đánh giá kết quả học tập học phần là bài kiểm tra, bài thi theo dạng như sau:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Câu hỏi trắc nghiệm tự luận					
2	Câu hỏi trắc nghiệm khách quan					
3	Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan					
4	Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV					
5	Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV					
6	Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)					

Câu hỏi 3: Trong quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập học phần được GV thực hiện theo các hình thức sau đây:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đánh giá chẩn đoán/đánh giá ban đầu					
2	Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên					
3	Đánh giá tổng kết/cuối kỳ					

4	Đánh giá theo mốc chuẩn					
5	Đánh giá theo tiêu chí					
6	Đánh giá định tính					
7	Đánh giá định lượng					

Câu hỏi 4: Trong quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập học phần được GV thực hiện theo các phương pháp sau đây:

TT	Nội dung câu hỏi	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Phương pháp quan sát:					
1.1	Đánh giá qua sự chuyên cần					
1.2	Đánh giá qua làm việc nhóm					
1.3	Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo					
2	Phương pháp kiểm tra vấn đáp					
3	Phương pháp kiểm tra viết:					
3.1	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận					
3.2	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan					
3.3	Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan					
3.4	Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận					

Câu 5: Trong quá trình học tập, Anh/Chị được GV thông tin các nội dung sau đây:

TT	Nội dung vấn đề	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Công bố CDRHP và các PI CDR cho SV (nếu có)					
2	Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá					

3	Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV					
4	Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần					
5	Triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra					
6	Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần					
7	Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT					
8	Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)					

Câu 6: Theo Anh/Chị, sau khi học xong học phần, Anh/Chị có biết mình đạt/không đạt CĐR nào của học phần không? Hay nói cách khác hoạt động đánh giá KQHT học phần hiện nay có đảm bảo đánh giá được mức độ đạt CĐRHP không?

.....

Câu 7: Theo Anh/Chị, hiện nay KQHT học phần có phản ánh được mức độ đáp ứng được CĐRHP và kết quả tích lũy toàn khóa học của SV có thể hiện được mức độ đáp ứng CĐR chương trình đào tạo không?

Câu 8: Ý kiến khác nếu có:

B. PHẦN THÔNG TIN CÁ NHÂN:

1. Anh/Chị là SV năm thứ:
2. Chuyên ngành đào tạo:
3. Thuộc Khoa/bộ môn:

Trân trọng cảm ơn Anh/Chị!

Phụ lục 4: Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric) bài tập cá nhân, học phần Luật thương mại quốc tế

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số điểm
	Mức 0-3,9	Mức 4,0-5,4	Mức 5,5-6,9	Mức 7,0-8,4	Mức 8,5-10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Tất cả bài tập nộp đúng thời gian quy định	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về hình thức trình bày (bìa, mục lục, phong chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp	Bài tập trình bày đúng yêu cầu về hình thức trình bày (bìa, mục lục, phong chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, nhầm lẫn ghi chú...)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu về hình thức trình bày (bìa, mục lục, phong chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu về hình thức trình bày (bìa, mục lục, phong chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%

Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn nhiều sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số ít có sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng với yêu cầu nhiệm vụ. Hoàn toàn không có sai sót.	50%
------------------	------------------	--	--	---	---	-----

Phụ lục 5: Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric) bài tập nhóm học phần Luật thương mại quốc tế

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số điểm
	Mức 0-3,9	Mức 4,0-5,4	Mức 5,5-6,9	Mức 7,0-8,4	Mức 8,5-10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không rõ ràng, không phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	Không đi học (30%)	Đi học, không chuyên cần (<50%)	Đi học, khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	10%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia thảo luận nhóm	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến cho thảo luận giữa các nhóm	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm	10%

Kế hoạch tiến độ thực hiện	Không có tiến độ thực hiện. Thực hiện nội dung không đảm bảo tiến độ.	Tiến độ thực hiện không rõ ràng. Thực hiện nội dung không đảm bảo tiến độ.	Tiến độ thực hiện tương đối rõ ràng và hợp lý. Thực hiện nội dung không đảm bảo tiến độ.	Tiến độ thực hiện rõ ràng và hợp lý. Thực hiện nội dung tương đối đúng tiến độ.	Tiến độ thực hiện rõ ràng và hợp lý. Thực hiện nội dung đúng tiến độ.	10%
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Giải thích cụ thể hiểu biết trên hình ảnh	15%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (giới thiệu, nội dung, kết luận)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (giới thiệu, nội dung, kết luận), thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	15%

Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	20%
--------------	--	---	---	--	---	-----

Phụ lục 6: Bộ câu hỏi kiểm tra, thi học phần Luật thương mại quốc tế

Chương 1: Tổng quan về Luật thương mại quốc tế

Câu 1: Cho biết nhận định sau đây đúng hay sai và giải thích (ngắn gọn) tại sao (2 điểm)

1. Thương mại; TMQT được hiểu theo nhiều cách khác nhau.
2. TMQT là hoạt động thương mại có yếu tố nước ngoài. Trong đó, yếu tố nước ngoài được xác định trong các văn bản luật là không giống nhau.
3. Quốc gia là chủ thể đặc biệt của Luật TMQT.
4. Thứ tự ưu tiên áp dụng các nguồn của Luật TMQT là: a) Sự thỏa thuận của các bên, Điều ước quốc tế; Luật quốc gia; Tập quán TMQT. b) Sự thỏa thuận của các bên, Điều ước quốc tế; Tập quán TMQT; Luật quốc gia. c) Luật quốc gia; Điều ước quốc tế; Tập quán TMQT; Sự thỏa thuận của các bên.
5. Điều ước quốc tế chỉ trở thành nguồn của Luật TMQT khi các bên chủ thể mang quốc tịch hoặc có nơi cư trú ở các nước là thành viên của điều ước.
6. Pháp luật quốc gia chỉ trở thành nguồn của Luật TMQT khi không có điều ước quốc tế điều chỉnh; hoặc có nhưng không quy định hoặc quy định không đầy đủ.
7. Tập quán TMQT chỉ trở thành nguồn của Luật TMQT khi các bên thỏa thuận áp dụng trước hoặc sau khi xác lập quan hệ hợp đồng.
8. Mọi sự ưu đãi trong thương mại của một quốc gia dành riêng cho một, một số quốc gia khác đều bị coi là vi phạm chế độ tối huệ quốc (MFN).
9. Mọi sự bảo hộ của nhà nước đối với một loại sản phẩm được sản xuất trong nước đều bị coi là vi phạm chế độ đã ngộ quốc gia (NT).
10. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là một sự thay thế GATT (Hiệp định chung thuế quan và thương mại) và có sự khác biệt với GATT.

Câu 2. Phân biệt các phạm trù sau đây (2 điểm)

1. Chế độ tối huệ quốc (MFN) và chế độ đãi ngộ quốc gia (NT). Cho ví dụ minh họa.
2. Khu vực mậu dịch tự do và Liên minh thuế quan. Cho ví dụ minh họa.

Câu 3. Các bài tập tình huống (3 điểm)

Bài tập tình huống 1:

A là công dân Việt Nam có trụ sở thương mại tại Pháp; B là công dân Pháp có trụ sở thương mại tại Việt Nam ký kết một hợp đồng mua bán hàng hóa theo Công ước Viên 1980. Theo đó A sẽ cung cấp cho B lô hàng thủ công mỹ nghệ theo điều kiện CIF, Tân Cảng, Tp. HCM, Incoterms 2010. Tuy nhiên khi nhận hàng, vì phát hiện hàng không đảm bảo chất lượng nên B từ chối nhận và khởi kiện A đến Tòa Kinh tế - Tòa án Tp. HCM. Vậy:

- a. Tòa sẽ áp dụng những nguồn luật nào để giải quyết vụ việc tranh chấp trên đây?
- b. Cũng hỏi như trên, nhưng trong trường hợp B là công dân Mỹ, nhưng cư trú và có trụ sở thương mại tại Việt Nam?

Bài tập tình huống 2:

Giả sử E là một doanh nghiệp của quốc gia A chuyên sản xuất xe gắn máy 2 bánh và thuế nhập khẩu loại xe này vào quốc gia A áp dụng là 15%, trong khi đó mức thuế nhập khẩu của các quốc gia WTO là 5%.

- a. Giả sử nước A chưa gia nhập WTO và doanh nghiệp trên xuất khẩu xe máy của mình sản xuất vào quốc gia B là thành viên của WTO, thì B sẽ áp dụng thuế suất nhập khẩu sẽ là bao nhiêu? Mức thuế này có ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất xe gắn máy 2 bánh của các quốc gia thành viên của WTO không?
- b. Giả sử quốc gia A là thành viên của WTO và A đánh thuế nhập khẩu đối với các bộ phận linh kiện của xe gắn máy 2 bánh, đồng thời cũng đánh thuế đối với sản phẩm xe gắn máy được lắp ráp bằng những bộ phận linh kiện này bởi các công ty con của các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại quốc gia A. Theo bạn, hành động trên của quốc gia A có vi phạm nguyên tắc của TMQT không? Giải thích tại sao?

Chương 2: Pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực chủ yếu của Thương mại quốc tế

Câu 1: Giải quyết các yêu cầu sau đây và giải thích vì sao (2 điểm)

1. Vì sao biện pháp thuế quan được đánh giá là tốt hơn biện pháp phi thuế quan (NTBs)?
2. Phân biệt các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS) với các biện pháp hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)? Một sản phẩm liệu có thể vừa là đối tượng điều chỉnh của của TBT và SPS không? Vì sao?

3. Theo các quy định của WTO, việc trợ cấp có hoàn toàn bị cấm không? Vì sao?
4. Sự cần thiết phải có các biện pháp chống bán phá giá, biện pháp đối kháng, biện pháp tự vệ? Các biện pháp này có trái với các nguyên tắc chung của WTO về tự do hóa thương mại hay không? Vì sao?
5. Trình bày và cho ví dụ minh họa cụ thể về các phương thức cung cấp dịch vụ trong thương mại dịch quốc tế sau đây:
 - a. Cung cấp qua biên giới
 - b. Tiêu dùng ở nước ngoài
 - c. Hiện diện thương mại
 - d. Hiện diện của thể nhân
6. So sánh các hàng rào trong thương mại hàng hóa với hàng rào trong thương mại dịch vụ và giải thích sự khác biệt này?
7. Hiện nay đối với dịch vụ bán lẻ do nhà cung cấp nước ngoài đề nghị, việc xin phép thành lập nhiều hơn một cơ sở bán lẻ tại Việt Nam phải tuân thủ quy trình đã có, được công bố công khai và việc cấp phép phải dựa trên các tiêu chí khách quan. Hãy nêu và phân tích các tiêu chí chủ yếu trên.
8. Nguyên tắc không phân biệt đối xử trong TMQT để thể hiện như thế nào trong pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ?

Câu 2. Giải quyết tình huống sau đây (3 điểm)

Bài tập tình huống 1:

Gần đây, quốc gia A quan ngại các công dân nước mình đang bị đầu độc bởi chất kích thích tăng trưởng hóa học E được dùng làm thức ăn cho gia súc. Vì thế, quốc gia A đã ban hành lệnh cấm sử dụng E ở trong nước, đồng thời ngăn cấm việc nhập khẩu thịt gia súc có sử dụng chất kích thích E. Trong khi đó, các nhà chăn nuôi ở quốc gia B đã sử dụng E trong nhiều năm cho rằng rủi ro nếu có cho sức khỏe của người tiêu dùng là không đáng kể. Bộ trưởng Y tế của quốc gia E cũng cho rằng E có chăng gây ra rủi ro cho người tiêu dùng là rất thấp, vì thế khuyến khích người chăn nuôi nước này sử dụng chúng. Lệnh cấm của quốc gia A đã ảnh hưởng trực tiếp đến quốc gia B, vì A là thị trường xuất khẩu thịt gia súc chủ lực của B. Vì thế, sau khi thương lượng không đạt kết quả, B đã khởi kiện A lên WTO.

Yêu cầu: Hãy cho biết quan điểm của bạn về tranh chấp trên? Ban hội thẩm (cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO) sẽ giải quyết tranh chấp trên như thế nào ?

Bài tập tình huống 2:

Trong một nỗ lực tăng trưởng kinh tế và thực hiện cam kết gia nhập WTO, Chính phủ Ấn độ đã cho phép các công ty nước ngoài đầu tư nhiều hơn vào các ngành công nghiệp và dịch vụ. Trong lĩnh vực bán lẻ, các tập đoàn phân phối hàng đầu thế giới như: Wal-Mart, Carrefour, Lotte, vv. được phép liên kết với một số đối tác địa phương để thành lập chuỗi cửa hàng bán lẻ trực tiếp cho người tiêu dùng Ấn Độ. Nhờ chính sách mở cửa này đã làm thay đổi nhanh chóng thị trường bán lẻ tiềm năng 450 tỷ USD và góp phần kiềm chế lạm phát tại quốc gia này.

Yêu cầu: Hãy liên hệ với các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ bán lẻ theo Hiệp định gia nhập WTO của Việt Nam và đánh giá những tác động có thể có của việc thực hiện những cam kết này.

Bài tập tình huống 3:

E là công dân quốc gia A (thành viên WTO) được cấp văn bằng sở hữu công nghệ sản xuất con chip. Loại con chip này có thể sử dụng để lắp ráp trò chơi Video có tên là Porn-man, một loại công nghệ máy tính tiên tiến cho phép hiển thị hình ảnh như thật các hành động phản văn hóa và các giá trị đạo đức truyền thống. Vì thế, chính phủ A, đã ban hành lệnh cấm E:

- (1) Xuất khẩu con chip máy tính sang quốc gia B, nơi mà trò chơi video sẽ được lắp ráp tại đó.
- (2) Tái nhập khẩu một phần các sản phẩm trò chơi được lắp ráp ở quốc gia B. E đã khởi kiện lên tòa án tại quốc gia A về yêu cầu quốc gia A dỡ bỏ lệnh cấm và bồi thường thiệt hại cho E trong thời gian lệnh cấm này có hiệu lực.

Yêu cầu: Hãy phân tích và bình luận vụ việc trên đây và dự kiến cách giải quyết của Tòa án.

Chương 3: Pháp luật về mua bán hàng hóa quốc tế

Câu 1: Hãy cho biết các nhận định sau đây đúng hay sai và giải thích (2 điểm)

1. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hợp đồng mua bán trong đó các bên chủ thể có trụ sở thương mại tại các quốc gia khác nhau.

2. Hợp đồng mua bán hàng hóa chỉ áp dụng Công ước Viên 1980 khi các bên mua bán có trụ sở thương mại ở các quốc gia khác nhau là thành viên của Công ước.
3. Theo pháp luật Việt Nam hiện hành, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế gọi là hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu.
4. Theo Công ước Viên (1980), chào hàng là một lời đề nghị ký kết hợp đồng được gửi cho một, hoặc một số bên xác định.
5. Theo Công ước Viên (1980), hợp đồng có hiệu lực tại nơi và thời điểm chấp nhận chào hàng vô điều kiện các nội dung của chào hàng được gửi đi.
6. Các hình thức trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán được quy định trong Luật Thương mại Việt Nam (2005) giống như được quy định trong Công ước Viên (1980).
7. Nguyên tắc áp dụng Incoterms là nhất thiết phải áp dụng đầy đủ các nghĩa vụ theo điều kiện Incoterms mà các bên đã lựa chọn áp dụng.

Câu 2: Trả lời các câu hỏi sau đây và giải thích (2 điểm)

1. Ai sẽ là người mua bảo hiểm hàng hóa trong các điều kiện giao hàng Incoterms không quy định nghĩa vụ mua bảo hiểm cho hàng hóa trong quá trình vận tải?
2. Trách nhiệm thuộc về người bán hay người mua trong trường hợp rủi ro xảy ra khi hàng được cẩu lên tàu; khi hàng cẩu xuống tàu?

Câu 3: Giải quyết tình huống sau đây (3 điểm)

Bài tập tình huống 1:

Ngày 15/09/2017, công ty TNHH A (Trung Quốc) gửi đề nghị giao kết hợp đồng đến công ty cổ phần B (Nhật Bản) để chào bán 1000 màn hình LCD Samsung với giá X, thời hạn trả lời cuối cùng là ngày 30/09/2017 (đến hết 5h chiều giờ Trung Quốc). Theo đề nghị, nếu B đồng ý, A sẽ giao hàng cho B trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được chấp nhận đề nghị của B. Ngày 28/09/2017, công ty B đã fax trả lời A với nội dung đồng ý mua 1000 màn hình LCD nói trên với điều khoản bổ sung là A giao hàng cho B theo điều kiện CIF Yokohama Incoterms 2000, thời hạn trả lời là 01/10/2017.

Nhận được fax của B, A không trả lời. Đến 3h chiều ngày 30/9/2017 (giờ Trung Quốc), B quyết định không mua hàng nữa do giá LCD trên thị trường giảm xuống đột ngột, liền fax sang cho A.

Đến ngày 01/10/2017, B nhận được thông báo của A, theo đó A sẽ giao hàng cho bên chuyên chở vào ngày 15/10, và hàng sẽ đến cảng Yokohama vào ngày 25/10. Sau khi nhận được thông báo của A, B đã fax lại và khẳng định rằng B từ chối mua hàng của A. A vẫn cứ tiến hành giao hàng cho B và đề nghị B thanh toán. B không nhận hàng và từ chối thanh toán.

Yêu cầu:

- a) *Hãy phân tích các dữ kiện của vụ việc trên và cho biết A và/hoặc B có vi phạm hợp đồng không theo CISG 1980?*
- b) *Cũng hỏi như trên. Tuy nhiên, đúng vào ngày 01/10/2017, B nhận được thông báo của A về việc A sẽ giao hàng cho bên chuyên chở vào ngày 15/10, và hàng sẽ đến cảng Yokohama vào ngày 25/10.*

Bài tập tình huống 2:

➤ Bên mua Việt Nam (NM) và Bên bán Trung Quốc (NB) kí kết hợp đồng mua bán:

- Tên hàng: Kem trộn

- Số lượng: 100 tấn

- Giá FOB: 350\$/tấn

- Thời gian giao hàng: từ ngày 15/6/2016 đến 15/12/2016

- Quyền mua đặc biệt: Bên mua có quyền mua thêm 50 tấn với giá như trong hợp đồng nhưng phải thông báo cho bên bán trước ngày 15/10/2016.

➤ Diễn biến sự việc:

- Ngày 14/10/2016, bên mua thông báo cho người bán thực hiện quyền mua đặc biệt, nâng số hàng muốn mua thêm 50 tấn. Vào thời điểm này giá sản phẩm trên thế giới tăng đáng kể nên bên bán đã yêu cầu bên mua thương lượng về giá cả của số sản phẩm mua thêm so với hợp đồng.

Bên mua đã kiên quyết từ chối yêu cầu tăng giá của bên bán và đề nghị bên bán thực hiện giao hàng đúng như giá thỏa thuận trong hợp đồng.

- Ngày 5/11/2017, bên mua không thấy bên bán giao hàng nên đã mua sản phẩm từ công ty khác với giá CFR 380\$/tấn (F = 5\$/tấn) và yêu cầu bên bán thanh toán số tiền chênh lệch 1.500\$.

- Khi nhận được yêu cầu của bên mua, bên bán không đồng ý và đưa ra các lý do:

+ Hành động mua sản phẩm công ty khác của bên mua không được coi là hành động mua hàng thay thế do bên mua đã không thông báo ý định cho bên bán.

+ Khi bên mua đàm phán về việc tăng giá bán thêm, bên bán đã đưa ra mức giá 376\$/tấn, thấp hơn giá bên mua đã mua hàng thay thế. Việc bên mua không mua sản phẩm của bên bán là một điều vô lý.

Yêu cầu: Theo bạn, trong trường hợp này, người bán có phải bồi thường cho người mua hay không? Nếu có thì số tiền ấy là bao nhiêu?

Bài tập tình huống 3:

Ngày 15/04/2017 đại diện Công ty JSB tại Việt Nam gửi thư chào hàng đến Công ty DAICHI có trụ sở tại Singapore để bán 1 lô hàng như sau:

- Tên hàng: quặng Niken

- Số lượng: 3.000 tấn

- Giá: 10.795 USD/tấn

- Thời gian giao hàng: từ ngày 15/6/2017 đến 15/12/2017

- Giao hàng theo điều kiện FOB tại cảng Đà Nẵng (INCOTERMS 2010).

Ngày 25/04/2017, phía Công ty tại Singapore chấp nhận chào hàng nhưng bổ sung thêm điều kiện: “không chấp nhận thuê tàu hơn 20 tuổi” và sửa điều khoản “cước phí trả trước” thành “cước phí sẽ được trả theo hợp đồng thuê tàu” trong bản hợp đồng gốc. Trước đó, vào ngày 1/1/2017, Chính phủ Singapore đưa ra dự thảo danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu trong đó có quặng Niken.

Diễn biến sự việc:

- Ngày 1/8/2017, chính phủ nước NM ra lệnh cấm nhập khẩu quặng Niken.

- Ngày 12/12/2017, tàu cập cảng, Công ty JSB thông báo cho Công ty DAICHI chuẩn bị điều kiện nhận hàng.

- Công ty DAICHI đã từ chối nhận hàng với lý do: họ không thể nhận hàng là bất khả kháng do lệnh cấm nhập khẩu của Chính phủ đưa ra sau khi kí kết hợp đồng và yêu cầu được miễn trách trong trường hợp này.

- Việc Công ty DAICHI từ chối nhận hàng, khiến Công ty JSB phải lưu kho hàng hóa đến ngày 25/12/2017 và sau đó phải bán lại lô hàng trên cho Công ty STC có trụ sở tại Malaysia với giá thấp hơn 10.000 USD/tấn.

➤ Sau đó, Công ty JSB đã kiện NM ra tòa và yêu cầu Công ty DAICHI bồi thường thiệt hại bao gồm:

- Chi phí lưu kho 13 ngày

- Chi phí chuyển tải và vận tải hàng hóa đến cảng của Malaysia nơi Công ty STC có trụ sở.

- Chênh lệch giá bán giữa hợp đồng với giá bán cho Công ty STC.

Yêu cầu:

a) Theo bạn, trong trường hợp trên chấp nhận chào hàng có hiệu lực không? Nếu có thì hợp đồng được ký kết ngày nào?

b) Người bán có phải bồi thường không? Tại sao? Và phải bồi thường những khoản nào?

Bài tập tình huống 4:

Công ty A có trụ sở tại Hải Phòng bán một lô hàng gang tay chuyên dụng cho công ty B (quốc tịch Ấn Độ) theo điều CIF cảng Bombay (Inco- terms 2000) bằng phương thức thanh toán L/C.

Đến hạn theo thỏa thuận hợp đồng mua bán, theo yêu cầu của B, ngân hàng M tại Ấn Độ mở L/C cho B và A cũng đã thực hiện giao hàng cho người vận tải. Nhưng khi nhận hàng vì phát hiện hàng hóa không đảm bảo chất lượng như thỏa thuận trong hợp đồng nên B đề nghị ngân hàng M không thanh toán cho A.

Yêu cầu:

a. Hãy liệt kê các quan hệ pháp lý (hợp đồng) đã phát sinh trong tình huống trên.

b. Theo bạn, dưới góc độ pháp lý đề nghị của B có được ngân hàng M chấp nhận không? Vì sao? Nếu không được chấp nhận, B sẽ bảo vệ quyền lợi của mình bằng cách nào?

Chương 4: Pháp luật vận tải hàng hóa quốc tế

Câu 1: Cho biết các nhận định sau đây đúng hay sai và giải thích (2 điểm)

1. Vận đơn không chỉ thực hiện chức năng là biên lai nhận hàng của người vận tải và chứng từ để họ giao hàng cho người nhận.
2. Vận đơn gồm nhiều loại và giá trị pháp lý của chúng là không giống nhau.
3. Vận đơn thực hiện chức năng của hợp đồng vận tải hàng hóa, vì thế vận đơn có giá trị như một hợp đồng vận tải hàng hóa.
4. Người vận tải không phải chịu trách nhiệm đối với những mất mát, hư hỏng hàng hóa trong vận tải biển.
5. Trách nhiệm của người vận tải đối với những mất mát, hư hỏng hàng hóa trong vận tải biển là rất hạn chế.
6. Trách nhiệm của người vận tải đối với những mất mát, hư hỏng hàng hóa trong vận tải hàng hóa bằng đường biển được xác định kể từ khi hàng được móc vào cần cầu ở cảng bốc cho đến khi hàng được tháo ra khỏi móc cần cầu ở cảng dỡ (từ móc cần cầu đến móc cần cầu).
7. Người vận tải thoát khỏi trách nhiệm bồi thường đối với những hàng hóa bị mất mát, hư hỏng xảy ra trong quá trình vận tải biển nếu chúng đã được chủ hàng mua bảo hiểm.

Câu 2: Trả lời các câu hỏi sau đây và giải thích (2 điểm)

1. Trách nhiệm thuộc về ai (người bán, người mua, người vận tải, người bảo hiểm) nếu hàng hóa bị tổn thất (mất mát, hư hỏng ...) xảy ra trong quá trình vận tải?
2. Trách nhiệm xếp, dỡ (bốc hàng lên tàu và dỡ hàng xuống tàu) thuộc về ai (người bán, người mua, người gửi hàng, người nhận hàng, người vận tải)?

Câu 3: Các bài tập tình huống (3 điểm)

Bài tập tình huống 1:

Công ty A (Nhật Bản) ký hợp đồng bán 15.000 máy tính theo điều kiện CFR (Incoterms 2000) cảng Hải phòng cho Công ty B (Việt Nam). Công ty A đã giao hàng cho công ty vận tải M do công ty B chỉ định. Tuy nhiên, do sơ suất khi xếp hàng xuống tàu nên chỉ có 12.000 máy tính được xếp xuống tàu. Nhưng trên vận đơn lại ghi nhận đủ 15.000 máy tính nên A đã được thanh toán đủ tiền hàng. Khi tàu cập cảng Hải

Phòng, B phát hiện số hàng bị thiếu và hư hỏng 500 máy tính do xếp hàng không hợp lý. B đã kiện công ty A số hàng còn thiếu và yêu cầu công ty bảo hiểm K (mà B đã mua bảo hiểm) bồi thường thiệt hại đối với số máy tính bị hư hỏng.

Với tư cách là người thụ lý vụ kiện bạn có chấp nhận yêu cầu của B hay không? Vì sao? Quan điểm của bạn trong việc xác định trách nhiệm của các bên liên quan và cách giải quyết vụ việc tranh chấp trên?

Bài tập tình huống 2:

Công ty A (quốc tịch Việt Nam) ký hợp đồng với công ty vận tải B vận tải 30 thùng phim chụp ảnh âm bản từ cảng Osaka - Nhật Bản đến Hải Phòng. Công ty A đã thông báo với B về tính chất dễ vỡ của hàng nên cần được bảo quản êm. Tuy nhiên, A không ghi ký mã hiệu bên ngoài thùng hàng hóa để người vận tải thực hiện quy cách xếp hàng phù hợp với tính chất của hàng hóa. Vì vậy, khi hàng về đến Hải Phòng nhiều tấm phim bị hỏng, giá trị thiệt hại được xác định là 20.000 USD.

Yêu cầu: Hãy cho biết

- a. Công ty A, hay Công ty B phải chịu trách nhiệm về thiệt hại nói trên?
- b. Công ty A và B thoát khỏi trách nhiệm đối với thiệt hại nói trên trong điều kiện bảo hiểm như thế nào?

Bài tập tình huống 3:

Công ty A (quốc tịch Việt Nam) ký hợp đồng xuất khẩu 10.000 tấn gạo thương phẩm cho công ty B (quốc tịch Nhật Bản) theo điều kiện CIF - Cảng Osaka - Nhật Bản (Incoterms 2000). Theo sự chỉ định của công ty B, công ty A đã ký kết hợp đồng vận tải với công ty M và mua bảo hiểm cho lô hàng ở công ty bảo hiểm K. Trong quá trình bốc hàng lên tàu, một con lốc kèm theo mưa lớn đột đột ập xuống, trong khi một cửa hầm tàu chưa kịp đóng cửa làm 500 tấn gạo đã bị ướt.

Yêu cầu:

- a. Theo bạn trách nhiệm đối với số gạo bị ướt trên thuộc về ai: người bán, người mua, người vận tải? Công ty bảo hiểm K có phải thực hiện trách nhiệm bồi thường không?
- b. Cũng hỏi như trên nhưng số gạo bị hư hỏng là xảy ra trên đường vận tải và nguyên nhân là do hàng xếp không đúng qui cách dẫn đến bị thấm thấu khi nước rò rỉ vào khoang tàu?

c. Cũng hỏi như trên nhưng tổn thất xảy ra là chi phí vận tải tăng lên 30%, do trong quá trình vận tải tàu gặp bão lớn phải ghé vào cảng của Hồng Kông để tránh bão?

Chương 5: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong Thương mại quốc tế

Câu 1: Phân tích các ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng của các hình thức giải quyết tranh chấp trong TMQT (thương lượng, hòa giải, trọng tài, toà án) (2 điểm).

Câu 2: Trình bày các nguyên tắc xác định tòa án có thẩm quyền xét xử và luật áp dụng để giải quyết tranh chấp phát sinh trong TMQT (2 điểm).

Câu 3: Phân tích ý nghĩa của các nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong TMQT tại WTO (2 điểm).

Câu 4: Phân tích ý nghĩa của việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (2 điểm).

Câu 5: Các bài tập tình huống (3 điểm).

Bài tập tình huống 1:

Bên mua Hoa Kỳ và bên bán Đức ký kết hợp đồng mua bán máy hình ảnh cộng hưởng từ (MRI). Máy MRI đã được bên bán chuyển giao cho bên vận tải với tình trạng hoạt động tốt nhưng khi đến Hoa Kỳ thì xuất hiện dấu hiệu hư hỏng và cần được sửa chữa. Trong điều khoản về chuyển giao hàng hóa của hợp đồng quy định thiết bị phải được vận tải đến cảng New York theo điều kiện CIF. Theo Incoterms (Điều khoản giao hàng quốc tế) thì bên bán có trách nhiệm cho việc thanh toán các chi phí, cước phí vận tải và chi phí bảo hiểm cần thiết để vận tải hàng hóa đến cảng đã thỏa thuận và bên mua sẽ chịu những rủi ro kể từ thời điểm hàng hóa được chuyển giao tại cảng vận tải.

Bên mua đã khởi kiện vụ việc lên tòa án tại Hoa Kỳ để yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với sự hư hỏng của máy MRI, yêu cầu bên bán phải chịu những rủi ro cho đến khi hàng hóa cập cảng tại Hoa Kỳ, bởi vì, không kể những trường hợp khác, quyền sở hữu hàng hóa vẫn chưa được chuyển giao cho bên mua tại thời điểm chuyển giao cho người vận tải. Bị đơn đã viện dẫn định nghĩa về điều kiện giao hàng CIF của Incoterms thì theo đó bên mua sẽ chịu mọi rủi ro xảy ra đối với hàng hóa kể từ thời điểm bên bán chuyển giao hàng tại cảng vận tải. Nguyên đơn phản đối và cho rằng định nghĩa của Incoterms không được áp dụng vì không được thể hiện rõ ràng trong hợp đồng.

Yêu cầu: Theo bạn, Tòa án sẽ giải quyết vụ việc tranh chấp trên đây như thế nào?
Tại sao?

Bài tập tình huống 2:

Công ty A (quốc tịch Việt Nam) ký hợp đồng mua 01 dây chuyền công nghệ chung cất nước tinh khiết (đã qua sử dụng với chất lượng còn lại 80%) để sản xuất nước khoáng đóng chai của Công ty B (Quốc tịch Hàn Quốc) theo điều kiện CFR Hải Phòng, Incoterms 2010.

Đúng hạn, người vận tải đã giao hàng cho Công ty A, nhưng qua kết quả giám định của Vinacontrol chất lượng còn lại của dây chuyền công nghệ chỉ đạt 50% do hàng được sản xuất từ 1980 chứ không phải năm 2000 như thỏa thuận trong hợp đồng.

Sau khi thương lượng không đạt kết quả, Công ty A sau đó đã khởi kiện đến Tòa án mà các bên thỏa thuận khi ký kết hợp đồng và yêu cầu Công ty B bồi thường thiệt hại.

Yêu cầu:

- a. Hãy cho biết trách nhiệm pháp lý mà Công ty B có thể phải gánh chịu theo quy định của Công ước Viên.
- b. Tòa án sẽ giải quyết vụ kiện trên đây như thế nào theo quy định của Luật Thương mại Việt Nam 2005.

Bài tập tình huống 3:

Ngày 02 tháng 11 năm 2016, Công ty xuất nhập khẩu S (Việt Nam) đã ký hợp đồng mua 1.500 tấn bột ngũ cốc để chế biến thức ăn gia súc trị giá 300.000 đô la Mỹ của Công ty M (Ấn Độ) thanh toán bằng tín dụng thư (L/C) không hủy ngang, trả ngay. Theo hợp đồng, hai bên chọn Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore để giải quyết các tranh chấp phát sinh.

Đến hạn, M vận tải đến cảng Hải Phòng và bộ chứng từ được chuyển cho ngân hàng đại diện của S. Ngân hàng này đã từ chối thanh toán vì bộ chứng từ không hợp lệ. Theo S, bộ chứng từ đã ghi “Bột ngũ cốc ướt” thay vì “Bột ngũ cốc” như đã thỏa thuận trong thư tín dụng L/C. Theo S, chữ “ướt” có ý nghĩa rất lớn vì nó thể hiện chất lượng của lô hàng vì vậy S từ chối nhận hàng và thông báo bằng văn bản cho bên bán về sự sai khác giữa L/C và bộ chứng từ của lô hàng. Bên bán đã sửa đổi bộ chứng từ

theo như thỏa thuận trước đó. Tuy nhiên, S vẫn từ chối nhận hàng với lý do thời gian chỉnh sửa kéo dài làm quá hạn hợp đồng.

Công ty M đã phải bán lại lô hàng trên thị trường tại Việt Nam với giá thấp hơn giá bán cho S và ngay sau đó làm thủ tục kiện S tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore, cho rằng S đã vi phạm hợp đồng kinh tế, yêu cầu S phải bồi thường phần thiệt hại do phải hạ giá bán và những chi phí phát sinh khác do lỗi của S. Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết chấp thuận yêu cầu của công ty M.

Yêu cầu:

- a. Hãy kể tên và xác định bản chất của các mối quan hệ pháp lý phát sinh từ hợp đồng trên?
- b. Là người đại diện cho bên mua, anh (chị) có chấp thuận phán quyết trên của Trọng tài không? Vì sao?
- c. Trong trường hợp nào Tòa Kinh tế, thuộc Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội sẽ có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp nói trên?

Bài tập tình huống 4:

Công ty A (Việt Nam) ký hợp đồng bán cho công ty B (Nhật Bản) một lô hàng tôm đông lạnh trị giá 100.000 USD theo thỏa thuận giao hàng tại cảng Hải Phòng trước ngày 15/03/2016, thanh toán bằng thư tín dụng không thể hủy ngang, L/C mở trước ngày 28/02/2016. Bên vi phạm sẽ chịu phạt 10% giá trị hợp đồng, tranh chấp được giải quyết tại Trung tâm trọng tài TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 02/03/2016, công ty B mở L/C với số tiền 100.000 USD và thông báo cho A giao hàng trước 15/03/2016. Ngày 15/03/2016, A gửi fax cho B thông báo hủy bỏ hợp đồng vì các lý do:

Một là, B mở L/C chậm 2 ngày theo thỏa thuận.

Hai là, A ký hợp đồng mua tôm nguyên liệu với công ty C để giao cho B, nhưng C đã vi phạm hợp đồng (không giao tôm cho A).

Ba là, A không thuộc diện được phép trực tiếp xuất khẩu thủy sản sang Nhật.

Công ty B đã khởi kiện A đến Tòa kinh tế TP. Hồ Chí Minh buộc A phải nộp phạt 10% giá trị hợp đồng.

Yêu cầu:

- a. Xác định các quan hệ pháp lý (hợp đồng) đã giao kết trong tình huống trên.
- b. Giả sử bạn là người thụ lý vụ kiện, bạn sẽ giải quyết tranh chấp trên như thế nào theo từng lý do mà A đưa ra.

Phụ lục 7: Kết quả đánh giá học phần Luật thương mại quốc tế

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV1	5	8	6	7	9	8	6	6	10	5	7	9	8	7	7.6
SV2	7	6	8	8	8	6	7	8	7	5	5	5	5	7	5.8
SV3	8	9	5	6	6	7	4	7	5	6	6	7	6	6	6.0
SV4	5	7	4	7	7	8	7	9	5	8	5	8	7	7	7.0
SV5	6	8	6	9	8	5	6	7	2	9	8	6	7	7	7.0
SV6	9	7	8	8	7	6	4	5	3	9	5	4	5	6	5.4
SV7	7	6	9	7	6	8	7	7	8	5	7	5	6	7	6.4
SV8	8	7	6	6	8	5	6	9	7	6	8	7	7	7	7.0

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV9	5	8	6	7	9	7	7	7	7	5	5	9	7	7	7.0
SV10	7	8	7	8	5	9	4	8	7	8	6	5	6	6	6.0
SV11	8	6	8	7	6	6	6	9	8	8	2	6	6	7	6.4
SV12	7	9	9	8	7	8	4	6	10	6	5	9	7	6	6.6
SV13	7	6	6	5	8	9	7	7	7	5	8	5	6	7	6.4
SV14	8	9	5	6	8	5	3	5	8	5	6	4	5	5	5.0
SV15	6	7	9	6	6	6	7	4	5	4	7	3	5	7	5.8
SV16	9	6	7	7	8	7	5	8	5	8	7	6	7	6	6.6
SV17	7	7	6	8	7	6	6	6	7	6	7	9	7	6	6.6

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV18	8	6	8	6	8	7	7	5	5	3	3	4	4	7	5.2
SV19	7	7	6	6	6	8	3	9	8	5	5	5	6	5	5.6
SV20	7	6	9	7	6	5	6	5	7	4	7	7	6	6	6.0
SV21	7	7	6	6	6	4	5	7	8	5	6	5	6	6	6.0
SV22	8	8	7	7	4	6	4	9	8	6	3	3	5	6	5.4
SV23	6	9	8	5	9	4	6	5	7	5	5	4	5	6	5.4
SV24	7	6	9	6	6	5	8	6	5	6	4	7	6	7	6.4
SV25	8	9	6	8	5	7	4	7	8	8	7	7	7	6	6.6
SV26	8	6	7	8	7	8	6	8	7	5	9	6	7	7	7.0

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV27	6	6	8	7	5	9	8	6	7	6	6	8	7	7	7.0
SV28	9	7	7	6	6	8	7	5	7	9	5	6	7	7	7.0
SV29	7	6	8	9	7	5	6	7	10	6	8	5	7	7	7.0
SV30	6	7	9	7	6	7	8	8	8	8	7	7	7	8	7.4
SV31	7	6	8	6	9	6	7	6	7	6	6	9	7	7	7.0
SV32	6	7	7	9	7	6	6	9	7	5	5	3	5	7	5.8
SV33	8	8	6	6	8	8	6	5	5	6	9	5	7	7	7.0
SV34	5	8	6	7	7	6	6	7	7	5	7	8	7	6	6.6
SV35	6	9	8	9	5	5	4	8	8	9	6	4	6	6	6.0

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV36	7	7	7	8	8	6	6	7	7	8	6	5	6	7	6.4
SV37	6	7	9	7	6	9	8	6	7	6	5	7	6	8	6.8
SV38	8	7	8	8	6	9	7	8	8	5	7	6	7	7	7.0
SV39	9	7	7	8	8	8	8	6	7	9	5	6	7	8	7.4
SV40	6	9	7	6	6	7	7	9	5	9	6	9	7	7	7.0
SV41	6	8	6	8	4	7	6	7	5	5	5	6	6	6	6.0
SV42	5	5	6	9	6	7	8	7	7	6	5	4	5	7	5.8
SV43	5	5	5	5	8	6	5	7	8	9	7	7	8	6	7.2
SV44	8	7	6	8	6	6	7	8	8	5	5	6	6	7	6.4

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV45	3	8	7	6	7	4	7	9	5	8	5	5	6	7	6.4
SV46	6	6	9	6	8	7	3	6	8	5	6	4	5	5	5.0
SV47	4	5	6	5	5	6	8	6	5	5	7	6	6	7	6.4
SV48	7	5	4	4	6	5	4	7	7	6	5	3	5	5	5.0
SV49	6	6	6	8	4	3	4	4	7	6	4	4	5	5	5.0
SV50	7	5	4	6	7	5	4	5	5	5	6	8	6	5	5.6
Tổng SV đạt yêu cầu	48	50	47	49	47	46	37	48	48	47	45	38			50

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
Tỉ lệ % SV đạt yêu cầu	96%	100%	94%	98%	94%	92%	74%	96%	96%	94%	90%	76%			100%
Tổng SV chưa đạt yêu cầu	2	0	3	1	3	4	13	2	2	3	5	12			0
Tỉ lệ % SV chưa	4%	0%	6%	2%	6%	8%	26%	4%	4%	6%	10%	24%			100%

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
đạt yêu cầu															

Phụ lục 8: Thống kê số lượng sinh viên đạt yêu cầu đối với tất cả các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần Luật thương mại quốc tế

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV1	5	8	6	7	9	8	6	6	10	5	7	9	8	7	7.6
SV2	7	6	8	8	8	6	7	8	7	5	5	5	5	7	5.8
SV7	7	6	9	7	6	8	7	7	8	5	7	5	6	7	6.4
SV8	8	7	6	6	8	5	6	9	7	6	8	7	7	7	7.0
SV9	5	8	6	7	9	7	7	7	7	5	5	9	7	7	7.0
SV13	7	6	6	5	8	9	7	7	7	5	8	5	6	7	6.4
SV16	9	6	7	7	8	7	5	8	5	8	7	6	7	6	6.6

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV17	7	7	6	8	7	6	6	6	7	6	7	9	7	6	6.6
SV26	8	6	7	8	7	8	6	8	7	5	9	6	7	7	7.0
SV27	6	6	8	7	5	9	8	6	7	6	6	8	7	7	7.0
SV28	9	7	7	6	6	8	7	5	7	9	5	6	7	7	7.0
SV29	7	6	8	9	7	5	6	7	10	6	8	5	7	7	7.0
SV30	6	7	9	7	6	7	8	8	8	8	7	7	7	8	7.4
SV31	7	6	8	6	9	6	7	6	7	6	6	9	7	7	7.0
SV33	8	8	6	6	8	8	6	5	5	6	9	5	7	7	7.0
SV34	5	8	6	7	7	6	6	7	7	5	7	8	7	6	6.6

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.2	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV36	7	7	7	8	8	6	6	7	7	8	6	5	6	7	6.4
SV37	6	7	9	7	6	9	8	6	7	6	5	7	6	8	6.8
SV38	8	7	8	8	6	9	7	8	8	5	7	6	7	7	7.0
SV39	9	7	7	8	8	8	8	6	7	9	5	6	7	8	7.4
SV40	6	9	7	6	6	7	7	9	5	9	6	9	7	7	7.0
SV43	5	5	5	5	8	6	5	7	8	9	7	7	8	6	7.2
SV44	8	7	6	8	6	6	7	8	8	5	5	6	6	7	6.4

Phụ lục 9: Thống kê các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần có sinh viên chưa đạt yêu cầu

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV3	8	5	6	6	7	4	7	5	6	6	7	6	6	6.0
SV4	5	4	7	7	8	7	9	5	8	5	8	7	7	7.0
SV5	6	6	9	8	5	6	7	2	9	8	6	7	7	7.0
SV6	9	8	8	7	6	4	5	3	9	5	4	5	6	5.4
SV10	7	7	8	5	9	4	8	7	8	6	5	6	6	6.0
SV11	8	8	7	6	6	6	9	8	8	2	6	6	7	6.4
SV12	7	9	8	7	8	4	6	10	6	5	9	7	6	6.6
SV14	8	5	6	8	5	3	5	8	5	6	4	5	5	5.0

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV15	6	9	6	6	6	7	4	5	4	7	3	5	7	5.8
SV18	8	8	6	8	7	7	5	5	3	3	4	4	7	5.2
SV19	7	6	6	6	8	3	9	8	5	5	5	6	5	5.6
SV20	7	9	7	6	5	6	5	7	4	7	7	6	6	6.0
SV21	7	6	6	6	4	5	7	8	5	6	5	6	6	6.0
SV22	8	7	7	4	6	4	9	8	6	3	3	5	6	5.4
SV23	6	8	5	9	4	6	5	7	5	5	4	5	6	5.4
SV24	7	9	6	6	5	8	6	5	6	4	7	6	7	6.4
SV25	8	6	8	5	7	4	7	8	8	7	7	7	6	6.6

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV32	6	7	9	7	6	6	9	7	5	5	3	5	7	5.8
SV35	6	8	9	5	5	4	8	8	9	6	4	6	6	6.0
SV41	6	6	8	4	7	6	7	5	5	5	6	6	6	6.0
SV42	5	6	9	6	7	8	7	7	6	5	4	5	7	5.8
SV45	3	7	6	7	4	7	9	5	8	5	5	6	7	6.4
SV46	6	9	6	8	7	3	6	8	5	6	4	5	5	5.0
SV47	4	6	5	5	6	8	6	5	5	7	6	6	7	6.4
SV48	7	4	4	6	5	4	7	7	6	5	3	5	5	5.0
SV49	6	6	8	4	3	4	4	7	6	4	4	5	5	5.0

Sinh viên	PI-1.1	PI-1.5	PI-2.1	PI-2.2	PI-2.3	PI-3.1	PI-3.2	PI-1.3	PI-1.4	PI-4.1	PI-4.2	PI-1.3, 1.4, 4.1, 4.2	Điểm quá trình làm tròn theo thang điểm 10 (40%)	Điểm học phần
	Số 1	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 8	Số 7	Số 9-câu 1	Số 9-câu 2	Số 9-câu 3	Số 9-câu 4	Số 9		
	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá quá trình	Điểm đánh giá giữa kỳ	Điểm đánh giá quá trình	Điểm thi KTHP Câu 1 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 2 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 3 quy đổi	Điểm thi KTHP Câu 4 quy đổi	Điểm thi KTHP (60%)		
SV50	7	4	6	7	5	4	5	5	5	6	8	6	5	5.6

Mô hình và quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần đã được kiểm nghiệm tại Trường Đại học Tài chính – Marketing. Sau đây chúng tôi xin mời Quý Thầy/Cô dành ít thời gian để cung cấp thông tin qua phiếu hỏi này theo các đề mục gợi ý như là những nhận định của Quý Thầy/Cô về tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình. Những ý kiến đóng góp của Quý Thầy/Cô có nhiều ý nghĩa về mặt nghiên cứu và thực tiễn nên chúng tôi rất mong nhận được sự phản hồi tích cực của Quý Thầy/Cô.

A. PHẦN NỘI DUNG:

Các mức đánh giá: 1) Hoàn toàn không đồng ý, 2) Không đồng ý, 3) Đồng ý một phần, 4) Đồng ý, (5) Hoàn toàn đồng ý

TT	Nội dung lấy ý kiến	Các mức đánh giá				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần gồm 2 thành tố chính, phù hợp với thực tiễn giảng dạy đại học là chuẩn đầu ra, đánh giá kết quả học tập					
2	Để đánh giá kết quả học tập sao cho có thể đánh giá được mức độ SV đạt chuẩn đầu ra học phần thì trước tiên cần phát biểu chuẩn đầu ra một cách cụ thể, rõ ràng					
3	Chuẩn đầu ra học phần hiện nay còn phát biểu một cách chung chung, chưa rõ ràng, cụ thể					
4	Thiết lập các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra nhằm cụ thể hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá được mức độ SV đạt/không đạt chuẩn đầu ra					
5	Chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra rõ ràng sẽ giúp xác định nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức đánh giá một cách cụ thể					
6	Bước 1: Xác định PI CDRHP					

	<p>Bước 2: Tổ chức đánh giá KQHT</p> <p>Bước 3: Thu thập kết quả đánh giá</p> <p>Bước 4: Đánh giá mức độ đạt CDRHP</p> <p>Bước 5: Lưu hồ sơ CDRHP</p> <p>Quy trình trên phù hợp với thực tiễn quá trình dạy học đại học, giúp đánh giá được mức độ SV đáp ứng chuẩn đầu ra học phần</p>					
7	Đánh giá mức độ đạt CDRHP phải đánh giá được cụ thể CDR nào chưa đạt/đạt					
8	<p>Thầy cô cho ý kiến về nhận định sau:</p> <p>Thực hiện đúng các bước quy trình của Mô hình thì việc đánh giá mức độ đạt CDRHP đối với từng SV và đối với toàn bộ lớp học phần trở nên khoa học, mang tính hệ thống</p>					
9	<p>Thầy cô cho ý kiến về nhận định sau:</p> <p>Điểm học phần của SV chưa thể hiện được mức độ SV đạt CDRHP</p>					
10	Mô hình đánh giá kết quả học tập của SV theo chuẩn đầu ra học phần do tác giả đề xuất có tính <i>khả thi</i> trong công tác đánh giá tại trường đại học hiện nay					
11	Mô hình đánh giá kết quả học tập của SV theo chuẩn đầu ra học phần do tác giả đề xuất mang lại <i>hiệu quả</i> thiết thực trong công tác đánh giá tại trường đại học hiện nay					

12. Các ý kiến đóng góp về Mô hình đánh giá kết quả học tập của SV theo chuẩn đầu ra học phần ngành kinh tế?

a) Về cấu trúc mô hình:

b) Về sự liên kết giữa các thành tố cấu trúc mô hình:

13. Các ý kiến đóng góp về Mô hình và quy trình đánh giá giá kết quả học tập của SV theo chuẩn đầu ra học phần:

B. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Học hàm học vị:

Chức danh/Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Trân trọng cảm ơn Quý Thầy Cô!

Phụ lục 11: Phiếu phỏng vấn chuyên gia về tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc chương trình đào tạo ngành kinh tế

PHIẾU PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA

Về sự cần thiết, tính khả thi của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học

A. NỘI DUNG:

1. Hiện nay, chương trình đào tạo đảm bảo đạt chuẩn đầu ra là yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và yêu cầu đổi mới đánh giá đang là vấn đề được các cơ sở giáo dục chú trọng. Vậy theo Thầy/Cô, đánh giá kết quả học tập của SV cần nhất thiết phải đặt trọng tâm vào đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo hay đánh giá theo kiểu truyền thống (đánh giá không bám theo chuẩn đầu ra)?

.....

2. Để đánh giá kết quả học tập sao cho có thể đánh giá được mức độ SV đạt chuẩn đầu ra học phần thì trước tiên cần phát biểu chuẩn đầu ra một cách cụ thể, rõ ràng đối với kiến thức, kỹ năng, thái độ

.....

3. Chuẩn đầu ra học phần hiện nay có được phát biểu một cách rõ ràng.

.....

4. Nhận định “cần thiết lập các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra cho từng học phần để việc triển khai đánh giá chuẩn đầu ra được thuận lợi”. Các chỉ số này được cụ thể hóa từ chuẩn đầu ra học phần. Thầy Cô có ý kiến về nhận định như thế nào?

.....

5. Chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra rõ ràng sẽ giúp xác định nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức đánh giá một cách cụ thể.

.....

6. Quy trình sau đây “phù hợp với thực tiễn quá trình dạy học đại học, giúp đánh giá được mức độ SV đáp ứng chuẩn đầu ra học phần”. Thầy Cô có ý kiến nhận định như thế nào?

Bước 1: Xác định chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuẩn đầu ra học phần

Bước 2: Tổ chức đánh giá KQHT

Bước 3: Thu thập kết quả đánh giá

Bước 4: Đánh giá mức độ đạt CDRHP

Bước 5: Lưu hồ sơ CDRHP

7. Đánh giá mức độ đạt CDRHP phải đánh giá được cụ thể CDR nào đạt/không đạt, không chỉ đánh giá học phần đạt/không đạt?

.....

8. Thầy cô cho ý kiến về nhận định sau “Thực hiện đúng các bước quy trình của Mô hình thì việc đánh giá mức độ đạt CDRHP đối với từng SV và đối với toàn bộ lớp học phần trở nên khoa học, mang tính hệ thống”

.....

9. Thầy cô cho ý kiến về nhận định sau “Điểm học phần của SV chưa thể hiện được mức độ SV đạt CDRHP”

.....

10. Theo Thầy Cô, cách thức xây dựng các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra học phần như thế nào là phù hợp?

.....

11. Theo Thầy Cô, một Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần có 2 thành tố: chuẩn đầu ra, đánh giá kết quả học tập là phù hợp? Trong đó, chuẩn đầu ra học phần được chuyển hóa thành các chỉ số đánh giá cụ thể; các thành tố của đánh giá kết quả học tập (nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức) đều hướng đến phù hợp với chuẩn đầu ra học phần. Quy trình đánh giá mức độ SV đạt CDR được lồng ghép vào Mô hình, thể hiện sự liên kết đồng bộ.

.....

12. Theo Thầy Cô, Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP có thể vận dụng tốt trong thực tiễn đánh giá KQHT hiện nay tại các trường đại học không? (tính khả thi)

.....

13. Theo Thầy Cô, nếu Mô hình đánh giá KQHT theo CDRHP được vận dụng tốt trong thực tiễn đánh giá KQHT thì hiệu quả mang lại là gì? (tính hiệu quả)

.....

B. PHẦN THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC PHÒNG VẤN

Họ và tên:

Học hàm học vị:

Chức danh/Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Trân trọng cảm ơn Quý Thầy Cô!

Phụ lục 12: Biên bản phỏng vấn sâu chuyên gia về tính khả thi và tính hiệu quả của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

BIÊN BẢN

Phỏng vấn sâu chuyên gia về tính khả thi và tính hiệu quả của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

1. Danh sách chuyên gia tham gia phỏng vấn sâu

TT	Chuyên gia	Học hàm, học vị	Chức vụ	Cơ quan công tác
1	Chuyên gia 1	Tiến sĩ kinh tế	Giảng viên, kiêm Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Trường Đại học Kinh tế - Luật (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)
2	Chuyên gia 2	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Giảng viên	Trường Đại học Kinh tế - Luật
3	Chuyên gia 3	Phó Giáo sư, Tiến sĩ Giáo dục	Giảng viên, Nguyên Trưởng phòng Khảo thí	Trường Đại học Sài Gòn
4	Chuyên gia 4	Tiến sĩ Giáo dục	Giảng viên, Nguyên Phó Trưởng phòng Khảo thí	Trường Đại học Sài Gòn
5	Chuyên gia 5	Thạc sĩ Kinh tế	Giảng viên, kiêm Phụ trách Phòng Đảm bảo chất lượng	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
6	Chuyên gia 6	Tiến sĩ Kinh tế	Giảng viên	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
7	Chuyên gia 7	Tiến sĩ Kinh tế	Kiểm định viên của Bộ GD&ĐT	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
8	Chuyên gia 8	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Kiểm định viên của Bộ GD&ĐT	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

9	Chuyên gia 9	PGS, TS, Tiến sĩ kinh tế	Giảng viên, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Tài chính - Marketing
11	Chuyên gia 11	Tiến sĩ kinh tế	Giảng viên, Trưởng khoa Thương mại	Trường Đại học Tài chính - Marketing
12	Chuyên gia 12	Thạc sĩ Kinh tế	Giảng viên, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Trường Đại học Tài chính - Marketing
13	Chuyên gia 13	Thạc sĩ Luật kinh tế	Giảng viên, Phó Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Trường Đại học Tài chính - Marketing
14	Chuyên gia 14	Tiến sĩ Kinh tế	Giảng viên, Trưởng khoa Du lịch	Trường Đại học Tài chính - Marketing
15	Chuyên gia 15	Phó giáo sư, Tiến sĩ Kinh tế	Giảng viên, Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng	Trường Đại học Tài chính - Marketing
16	Chuyên gia 16	Thạc sĩ giáo dục	Giảng viên, Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và đánh giá chất lượng giáo dục	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
17	Chuyên gia 17	Thạc sĩ giáo dục	Giảng viên, Phó giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục. Kiểm định viên của Bộ GD&ĐT	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
18	Chuyên gia 18	Tiến sĩ giáo dục	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và đánh giá chất lượng giáo dục.	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

			Kiểm định viên của AUN, Bộ GD&ĐT	
19	Chuyên gia 19	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục. Kiểm định viên của AUN, Bộ GD&ĐT	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
20	Chuyên gia 20	Tiến sĩ kinh tế	Giảng viên, Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng	Trường Đại học Trà Vinh
21	Chuyên gia 21	Thạc sĩ kinh tế	Giảng viên, Phó trưởng khoa kinh tế	Trường Đại học Trà Vinh
22	Chuyên gia 22	Tiến sĩ kinh tế	Giảng viên, Trưởng Bộ môn	Trường Đại học Trà Vinh
23	Chuyên gia 23	Thạc sĩ kinh tế	Giảng viên khoa Kinh tế	Trường Đại học Cần Thơ
24	Chuyên gia 24	Tiến sĩ kinh tế	Giảng viên khoa Kinh tế	Trường Đại học Cần Thơ
25	Chuyên gia 25	Tiến sĩ kinh tế	Giảng viên khoa Kinh tế	Trường Đại học Cần Thơ
26	Chuyên gia 26	Phó Giáo sư, Tiến sĩ,	Giảng viên, kiêm Trưởng ban đảm bảo chất lượng. Kiểm định viên AUN và Bộ GD&ĐT	Đại học Đà Nẵng
27	Chuyên gia 27	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Kiểm định viên của AUN và Bộ GD&ĐT	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

28	Chuyên gia 28	Thạc sĩ giáo dục	Giảng viên, Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng – Thanh tra pháp chế	Trường Đại học Công nghệ thông tin – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
29	Chuyên gia 29	Tiến sĩ kinh tế	Giảng viên, Trưởng bộ môn, khoa Kế toán – Kiểm toán	Trường Đại học Tài chính - Marketing
30	Chuyên gia 30	Tiến sĩ kinh tế	Giảng viên, Trưởng khoa Thẩm định giá	Trường Đại học Tài chính - Marketing

2. Tổng hợp các nội dung trao đổi của tất cả chuyên gia

- Đáp ứng yêu cầu đổi mới, đánh giá kết quả học tập của SV cần nhất thiết phải đặt trọng tâm vào đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Bộ GD&ĐT, hướng dẫn CDR chương trình đào tạo có cấu trúc chung gồm 3 thành tố: Kiến thức - kỹ năng - mức tự chủ & trách nhiệm (thái độ) nên khó đo lường, đánh giá trong quá trình dạy học. Điều này làm cho GV có phần lúng túng. chương trình đào tạo có nhiều học phần, cách thức đánh học phần như thế nào để đảm bảo đánh giá được CDR là vấn đề GV quan tâm hiện nay.

- Để kết quả học tập của SV thể hiện mức độ SV đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, GV cần thay đổi cách thức đánh giá SV. Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP. trong quá trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, CDR chương trình đào tạo được phân nhiệm cho các học phần hay nói cách khác từ CDR chương trình đào tạo, xác định các CDRHP. Các học phần có nội dung liên quan đến việc hình thành CDR chương trình đào tạo sẽ được rà soát, giữ lại trong chương trình, còn các học phần không liên quan được xem xét loại bỏ, thay thế, tích hợp vào học phần khác. Đánh giá CDR chương trình đào tạo bắt đầu từ việc đánh giá CDR các học phần thuộc chương trình đào tạo; đổi mới đánh giá KQHT của SV cũng bắt đầu từ đổi mới đánh giá KQHT từng học phần.

- Việc thiết lập hệ thống các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra cho từng học phần là hợp lý. Chỉ khi nào chỉ số đánh giá bám sát theo thang nhận thức và kết nối với nội

dung bài học thì tạo điều kiện thuận lợi cho đánh giá. Khi các chỉ số đánh giá KQHT theo CĐRHP được thiết lập thì nội dung đánh giá sẽ rất rõ ràng. Nội dung đánh giá KQHT cần phải bám sát các PI CĐR; việc xác định rõ, xác định đúng các nội dung đánh giá mà CĐRHP yêu cầu cần phải thực hiện bài bản để có thể đánh giá được nội dung CĐR nào đạt hoặc chưa đạt.

- Để kết quả học tập thể hiện mức độ SV đạt chuẩn đầu ra học phần thì nội dung đánh giá kết quả học tập cần phải bám sát yêu cầu chuẩn đầu ra học phần và đánh giá được các PI CĐR chuẩn đầu ra học phần (nếu có hình thành các chỉ số đánh giá). Mỗi học phần có CĐR liên quan đến kiến thức, kỹ năng, thái độ nên cũng khó đo lường. Các kiến thức, kỹ năng đòi hỏi có sự liên kết tri thức giữa các bài học lẫn nhau trong cùng một học phần. Việc chuyển đổi các CĐRHP thành các chỉ số đánh giá là cần thiết và phù hợp, tuy nhiên các chỉ số đánh giá này phải thể hiện mối liên hệ kiến thức, kỹ năng với từng nội dung bài học yêu cầu để đáp ứng CĐRHP. Có nhiều cách để xây dựng các chỉ số đánh giá ví dụ như: xây dựng hệ thống các PI CĐRHP bằng việc cụ thể hóa thang đo nhận thức và chi tiết nội dung đạt CĐRHP liên quan đến từng bài học là một phương thức có thể vận dụng tốt trong quá trình xây dựng kế hoạch đánh giá một học phần và làm cơ sở để đánh giá mức độ đạt CĐR liên quan đến từng nội dung bài học của học phần.

- Việc xác định mục tiêu/tiêu chí đánh giá cần thiết khi giảng viên muốn đánh giá mức độ SV đạt chuẩn đầu ra học phần. Để việc phân tích, đánh giá mức độ SV đạt CĐRHP trong một lớp dạy, đồng thời làm mốc chuẩn cho chính mình trong việc giảng dạy và nâng cao hoạt động dạy học theo từng học kỳ hoặc từng năm học, GV nhất thiết phải đặt mục tiêu về số lượng, tỉ lệ phần trăm SV đạt CĐRHP. Mục tiêu này có thể tăng lên theo từng năm phụ thuộc vào từng GV và việc ý chí của GV trong nâng cao chất lượng dạy học. Việc xác định tiêu chí đánh giá theo hướng định lượng số điểm đạt cũng là một cách phù hợp để có thể vận dụng vào việc lập kế hoạch và triển khai, đánh giá KQHT.

Hình thức đánh giá hiện nay các trường đại học thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT bao gồm hình thức đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Kết quả đánh giá quá trình tổng hợp từ đánh giá thường xuyên và đánh giá giữa kỳ. Kết quả học phần

tổng hợp từ kết quả đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá chẩn đoán ban đầu khi bắt đầu một học phần do GV chủ động thực hiện nhằm mục đích hỗ trợ cho quá trình tổ chức các hoạt động dạy học của GV là chính. Đánh giá chẩn đoán không quy định thực hiện nhưng GV cũng cần phải nghiên cứu vận dụng trong những trường hợp cụ thể của học phần hoặc tình hình lớp học.

Việc xác định phương pháp đánh giá trước khi tiến hành đánh giá là cần thiết, Phương pháp đánh giá đa dạng và phù hợp cho từng cấp độ tư duy của CĐR. Phương pháp đánh giá phù hợp với nội dung đánh giá bởi nội dung đánh giá liên quan đến mức nhận thức về nội dung bài học. Với mỗi mức nhận thức khác nhau, tùy thuộc vào mức nhận thức thấp hay cao mà phương pháp đánh giá được sử dụng phù hợp. Trong đánh giá KQHT theo CĐRHP thì việc xác định phương pháp đánh giá là cần thiết và quan trọng hơn cả là phương pháp đánh giá phải thể hiện sự phù hợp với nội dung đánh giá; và nếu có thiết kế các PI CĐRHP thì phương pháp đánh giá phải phù hợp với các chỉ số đánh giá đó.

Việc xây dựng công cụ đánh giá mang tính hệ thống như hệ thống các bài tập tình huống, hệ thống bài kiểm tra, ngân hàng câu hỏi kiểm tra và thi... giúp giảng viên đánh giá được mức độ SV đạt chuẩn đầu ra. GV sử dụng thường xuyên công cụ đánh giá là các bài kiểm tra, bài thi, bài tập nhóm, bài tập cá nhân. Một số trường đại học quy định công khai đáp án, thang điểm bài kiểm tra, bài thi nhưng phần lớn các trường là không quy định công khai do số lượng học phần trong một học kỳ quá lớn. Điều này ảnh hưởng đến việc đảm bảo tính khách quan, công bằng cho kết quả đạt được của SV. Việc xác định công cụ đánh giá cho từng CĐRHP cần đánh giá là rất cần thiết. Tùy thuộc vào cấp độ tư duy nội dung học phần hoặc các PI CĐR khác nhau mà công cụ đánh giá cần phải khác nhau. Đối với CĐR về kỹ năng vận dụng kiến thức để xử lý các tình hình thực tiễn thì nhất thiết phải đánh giá thông qua công cụ là các dự án, các bài tập cá nhân, các bài tập nhóm. Để đánh giá thái độ của SV thì lồng ghép vào đánh giá kiến thức, kỹ năng. Thái độ SV thể hiện ở việc chuyên cần, trách nhiệm và tinh thần tham gia nhóm, tinh thần đóng góp cho buổi học, vậy nên cần có các tiêu chí cụ thể đánh giá thái độ. Phiếu tiêu chí đánh giá góp phần hỗ trợ cho việc đánh giá được minh bạch rõ ràng. Việc triển khai phiếu tiêu chí đánh giá một cách đầy đủ cho toàn bộ hệ

thống bài kiểm tra, bài đánh giá cần phải được quy định bắt buộc đối với GV và là một trong những hồ sơ quan trọng của đánh giá KQHT theo CĐRHP.

Xác định Quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần là rất cần thiết. Đổi mới việc đánh giá KQHT của SV theo định hướng đánh giá mức độ CĐR chương trình đào tạo nói chung và CĐRHP nói riêng thì cần chi tiết công việc cụ thể của các bước quy trình đánh giá KQHT bởi quy trình là công cụ đặc lực để hướng dẫn cho GV thực hiện một cách bài bản công tác đánh giá kết quả học tập của SV và giúp cho công tác quản lý đào tạo và quản lý công tác đánh giá KQHT được hiệu quả. Để đánh giá được mức độ SV đạt CĐRHP, quy trình đánh giá cần được chi tiết với từng công việc cụ thể và cần được quy định như một yêu cầu bắt buộc để hoàn thiện hồ sơ giảng dạy của GV khi hoàn thành một học phần. Việc khái quát các bước đánh giá thành Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần là cần thiết. Quy trình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần cơ bản phải xác định mục tiêu đánh giá, tiêu chí đánh giá, nội dung đánh giá, xây dựng công cụ đánh giá, phương pháp đánh giá. Tất cả các hoạt động này cần được lập kế hoạch trước khi giảng dạy học phần và cần bám sát các yêu cầu CĐR đã tuyên bố. Các nội dung này cơ bản phải cung cấp thông tin cho SV biết.

Việc đánh giá bắt đầu từ xác định các PI CĐRHP, lập kế hoạch và triển khai đánh giá theo kế hoạch, thu thập dữ liệu về KQHT theo CĐRHP, đánh giá mức độ đạt CĐR và lưu hồ sơ chứng cứ về KQHT theo CĐRHP cho đến việc lập hồ sơ CĐRHP thể hiện tính hệ thống của đánh giá KQHT. Xét về quy trình đánh giá KQHT gồm 05 bước như tác giả luận án đề xuất là phù hợp. Quy trình đánh giá KQHT theo Mô hình nêu trên mang tính hệ thống chặt chẽ, được vận dụng trong thực tiễn dạy học sẽ giúp nhà trường nâng cao việc đánh giá KQHT của SV, tăng cường kiểm soát quá trình đánh giá KQHT và chất lượng sản phẩm đào tạo. Theo quy trình triển khai Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP, trước khi triển khai đánh giá mức độ đạt CĐRHP, việc xác định mục tiêu/tiêu chí đánh giá, nội dung đánh giá, công cụ đánh giá, phương pháp/hình thức đánh giá phù hợp với CĐRHP là rất cần thiết. Việc thiết lập hệ thống các PI CĐR được thực hiện ở cấp độ học phần để giúp cho việc triển khai đánh giá CĐRHP được hiệu quả hơn

Các bước quy trình đánh giá KQHT theo CĐRHP này nếu được triển khai trong thực tiễn quá trình dạy học sẽ giúp nhà trường nâng cao việc đánh giá KQHT của SV. Việc khái quát quy trình thành Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP là hoàn toàn có thể thực hiện được và hợp lý trong tình hình thực tế đánh giá KQHT hiện nay. Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP được vận dụng tốt trong thực tiễn đánh giá KQHT thì sẽ giúp GV đánh giá được CĐR mà SV cần phải đạt được, giúp GV nghiên cứu áp dụng các phương pháp dạy học, công cụ đánh giá đa dạng và vì thế năng lực sự phạm của GV cũng được nâng cao.

Về cấu trúc của Mô hình đánh giá KQHT theo CĐRHP, Mô hình thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa thành tố đánh giá KQHT tiếp cận CĐR. Đồng thời thể hiện một mối liên kết có hệ thống giữa các bước công việc triển khai theo Mô hình.

Việc đánh giá thái độ (mức tự chủ, trách nhiệm) của SV còn hạn chế, chưa thể hiện rõ trong các bước quy trình của Mô hình. Quá trình xây dựng các PI CĐRHP, các CĐR về thái độ được tích hợp vào các PI CĐR về kiến thức và kỹ năng dẫn đến đánh giá CĐR về thái độ chưa được phân tích rõ ràng trong kết quả đạt được.

Phụ lục 13: Kết quả xử lý SPSS dữ liệu khảo sát cán bộ quản lý về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

One-Sample Statistics

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
CĐRHP định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp	30	3.8333	.94989	.17343
Đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CĐRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo	30	3.9000	.40258	.07350
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CDR về kiến thức, kĩ năng, thái độ	30	3.6667	.92227	.16838
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp CBQL của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của trường	30	4.1000	.30513	.05571
Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CĐRHP	30	2.6000	.93218	.17019

Đảm bảo tính khách quan	30	2.3333	.47946	.08754
Đảm bảo tính toàn diện	30	2.8000	.61026	.11142
Đảm bảo tính hệ thống	30	2.5333	.77608	.14169
Đảm bảo tính phát triển	30	2.6667	.84418	.15413
Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP	30	2.5000	.57235	.10450
Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức	30	4.0000	.17444	.21442
Vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	30	3.7333	.73968	.13505
Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.	30	4.0667	.04826	.19139
Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	30	2.7000	.46609	.08510
Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	30	3.5333	.62881	.11480
Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.	30	3.8000	.03057	.18815
Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.	30	4.1000	.54772	.10000

Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.	30	3.8333	.59209	.10810
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận	30	3.7333	.73968	.13505
Câu hỏi trắc nghiệm khách quan	30	3.7667	.00630	.18372
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	30	3.5000	.04221	.19028
Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV	30	3.6000	.00344	.18320
Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV	30	4.1000	.60743	.11090
Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)	30	3.3000	.53498	.09767
Đánh giá chuẩn đoán/đánh giá ban đầu	30	2.8333	.37905	.06920
Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên	30	3.9000	.71197	.12999
Đánh giá tổng kết/cuối kỳ	30	3.9667	.18257	.03333
Đánh giá theo mốc chuẩn	30	2.9667	.18257	.03333
Đánh giá theo tiêu chí	30	2.9667	.18257	.03333
Đánh giá định tính	30	2.9667	.18257	.03333
Đánh giá định lượng	30	3.0667	.36515	.06667
Đánh giá qua sự chuyên cần	30	4.1000	.60743	.11090
Đánh giá qua làm việc nhóm	30	3.7000	.74971	.13688

Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo	30	3.7000	.74971	.13688
Phương pháp kiểm tra vấn đáp	30	2.6667	.47946	.08754
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận	30	4.0667	.58329	.10649
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan	30	4.0667	.44978	.08212
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	30	4.0667	.63968	.11679
Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận	30	3.9000	.54772	.10000
Bước 1: Xác định CDR của từng học phần	30	4.0667	.69149	.12625
Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP	30	2.8000	.66436	.12130
Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV	30	3.7000	.59596	.10881
Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học.	30	2.6333	.61495	.11227
CDRHP được trình bày trong đề cương học phần	30	3.9000	.60743	.11090
CDRHP có sự liên kết với CDR chương trình đào tạo	30	3.7000	.59596	.10881

CĐRHP được chuyển hóa tương ứng thành các PI CĐR cụ thể (gọi là performance indicator – PI)	30	2.7333	.73968	.13505
PI CĐRHP tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP theo mức nhận thức thang Bloom	30	3.0667	.58329	.10649
Xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CĐRHP	30	3.0000	.69481	.12685
Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	30	2.5667	.67891	.12395
Xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá	30	2.7667	.77385	.14129
Xác định hình thức đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	30	2.8667	.81931	.14958
Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	30	2.9667	.71840	.13116
Lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP và phương pháp dạy học	30	3.3333	.88409	.16141
Công bố CĐRHP và các PI CĐR cho SV (nếu có)	30	3.7667	.43018	.07854

Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá	30	2.9000	.75886	.13855
Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV	30	2.5667	.56832	.10376
Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần	30	2.8333	.74664	.13632
Triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra	30	3.5333	.50742	.09264
Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần	30	3.6000	.49827	.09097
Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT	30	3.6333	.49013	.08949

Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)	30	4.1667	.79148	.14450
Thống kê KQHT của tất cả SV trong lớp học phần theo từng PI CĐRHP	30	2.5667	.77385	.14129
Thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phần chưa đạt PI CĐRHP	30	2.9333	.82768	.15111
Đối sánh giữa chỉ số đánh giá và CĐRHP để xác định mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp học phần	30	3.5000	.62972	.11497
Xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CĐRHP mà SV chưa đáp ứng được	30	3.4333	.62606	.11430
Xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp 100% SV trong lớp học phần đạt CĐR	30	3.1667	.69893	.12761
Lưu hồ sơ minh chứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học	30	2.9000	.75886	.13855

Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CDRHP	30	3.6000	.49827	.09097
Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CDRHP	30	3.6333	.49013	.08949
Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá	30	3.0333	.88992	.16248
Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận	30	3.2667	.63968	.11679
Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi	30	2.7333	.73968	.13505
Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra	30	2.9000	.66176	.12082

One-Sample Test

	Test Value = 1					
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
CDRHP định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp	16.337	29	.000	2.83333	2.4786	3.1880

Đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CĐRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo	39.456	29	.000	2.90000	2.7497	3.0503
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CĐR về kiến thức, kĩ năng, thái độ	15.837	29	.000	2.66667	2.3223	3.0110
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp CBQL của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của trường	55.647	29	.000	3.10000	2.9861	3.2139
Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CĐRHP	9.401	29	.000	1.60000	1.2519	1.9481
Đảm bảo tính khách quan	15.232	29	.000	1.33333	1.1543	1.5124
Đảm bảo tính toàn diện	16.155	29	.000	1.80000	1.5721	2.0279
Đảm bảo tính hệ thống	10.822	29	.000	1.53333	1.2435	1.8231
Đảm bảo tính phát triển	10.814	29	.000	1.66667	1.3514	1.9819

Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP	14.355	29	.000	1.50000	1.2863	1.7137
Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức	13.991	29	.000	3.00000	2.5615	3.4385
Vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	20.240	29	.000	2.73333	2.4571	3.0095
Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.	16.024	29	.000	3.06667	2.6752	3.4581
Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	19.977	29	.000	1.70000	1.5260	1.8740
Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	22.066	29	.000	2.53333	2.2985	2.7681
Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.	14.881	29	.000	2.80000	2.4152	3.1848
Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.	31.000	29	.000	3.10000	2.8955	3.3045
Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.	26.210	29	.000	2.83333	2.6122	3.0544

Câu hỏi trắc nghiệm tự luận	20.240	29	.000	2.73333	2.4571	3.0095
Câu hỏi trắc nghiệm khách quan	15.059	29	.000	2.76667	2.3909	3.1424
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	13.138	29	.000	2.50000	2.1108	2.8892
Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV	14.192	29	.000	2.60000	2.2253	2.9747
Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV	27.953	29	.000	3.10000	2.8732	3.3268
Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)	23.548	29	.000	2.30000	2.1002	2.4998
Đánh giá chuẩn đoán/đánh giá ban đầu	26.492	29	.000	1.83333	1.6918	1.9749
Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên	22.310	29	.000	2.90000	2.6341	3.1659
Đánh giá tổng kết/cuối kỳ	89.000	29	.000	2.96667	2.8985	3.0348
Đánh giá theo mốc chuẩn	59.000	29	.000	1.96667	1.8985	2.0348
Đánh giá theo tiêu chí	59.000	29	.000	1.96667	1.8985	2.0348
Đánh giá định tính	59.000	29	.000	1.96667	1.8985	2.0348
Đánh giá định lượng	31.000	29	.000	2.06667	1.9303	2.2030
Đánh giá qua sự chuyên cần	27.953	29	.000	3.10000	2.8732	3.3268

Đánh giá qua làm việc nhóm	19.726	29	.000	2.70000	2.4201	2.9799
Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo	19.726	29	.000	2.70000	2.4201	2.9799
Phương pháp kiểm tra vấn đáp	19.039	29	.000	1.66667	1.4876	1.8457
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận	28.797	29	.000	3.06667	2.8489	3.2845
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan	37.345	29	.000	3.06667	2.8987	3.2346
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	26.258	29	.000	3.06667	2.8278	3.3055
Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận	29.000	29	.000	2.90000	2.6955	3.1045
Bước 1: Xác định CDR của từng học phần	24.291	29	.000	3.06667	2.8085	3.3249
Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP	14.840	29	.000	1.80000	1.5519	2.0481
Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV	24.814	29	.000	2.70000	2.4775	2.9225
Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học.	14.548	29	.000	1.63333	1.4037	1.8630

CĐRHP được trình bày trong đề cương học phần	26.150	29	.000	2.90000	2.6732	3.1268
CĐRHP có sự liên kết với CĐR chương trình đào tạo	24.814	29	.000	2.70000	2.4775	2.9225
CĐRHP được chuyển hóa tương ứng thành các PI CĐR cụ thể (gọi là performance indicator – PI)	12.835	29	.000	1.73333	1.4571	2.0095
PI CĐRHP tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP theo mức nhận thức thang Bloom	19.406	29	.000	2.06667	1.8489	2.2845
Xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CĐRHP	15.766	29	.000	2.00000	1.7406	2.2594
Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	12.639	29	.000	1.56667	1.3132	1.8202
Xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá	12.504	29	.000	1.76667	1.4777	2.0556
Xác định hình thức đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	12.479	29	.000	1.86667	1.5607	2.1726
Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	14.994	29	.000	1.96667	1.6984	2.2349

Lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP và phương pháp dạy học	14.456	29	.000	2.33333	2.0032	2.6635
Công bố CĐRHP và các PI CĐR cho SV (nếu có)	35.226	29	.000	2.76667	2.6060	2.9273
Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá	13.714	29	.000	1.90000	1.6166	2.1834
Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV	15.099	29	.000	1.56667	1.3545	1.7789
Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần	13.449	29	.000	1.83333	1.5545	2.1121
Triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra	27.346	29	.000	2.53333	2.3439	2.7228

Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần	28.580	29	.000	2.60000	2.4139	2.7861
Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT	29.427	29	.000	2.63333	2.4503	2.8164
Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)	21.914	29	.000	3.16667	2.8711	3.4622
Thống kê KQHT của tất cả SV trong lớp học phần theo từng PI CĐRHP	11.089	29	.000	1.56667	1.2777	1.8556
Thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phần chưa đạt PI CĐRHP	12.794	29	.000	1.93333	1.6243	2.2424
Đối sánh giữa chỉ số đánh giá và CĐRHP để xác định mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp học phần	21.745	29	.000	2.50000	2.2649	2.7351

Xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CĐRHP mà SV chưa đáp ứng được	21.288	29	.000	2.43333	2.1996	2.6671
Xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp 100% SV trong lớp học phần đạt CĐR	16.979	29	.000	2.16667	1.9057	2.4277
Lưu hồ sơ minh chứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học	13.714	29	.000	1.90000	1.6166	2.1834
Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CĐRHP	28.580	29	.000	2.60000	2.4139	2.7861
Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP	29.427	29	.000	2.63333	2.4503	2.8164
Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá	12.515	29	.000	2.03333	1.7010	2.3656
Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận	19.408	29	.000	2.26667	2.0278	2.5055
Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi	12.835	29	.000	1.73333	1.4571	2.0095

Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra	15.726	29	.000	1.90000	1.6529	2.1471
--	--------	----	------	---------	--------	--------

Phụ lục 14: Kết quả xử lý SPSS dữ liệu khảo sát giảng viên về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

One-Sample Statistics

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
CĐRHP định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp	228	3.7412	.99278	.06575
Đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CĐRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo	228	3.4825	.78793	.05218
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CDR về kiến thức, kĩ năng, thái độ	228	3.5000	.71176	.04714
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp CBQL của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của trường	228	4.0439	.44801	.02967
Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CĐRHP	228	2.5088	.69922	.04631
Đảm bảo tính khách quan	228	2.1842	.43149	.02858
Đảm bảo tính toàn diện	228	2.6623	.69293	.04589
Đảm bảo tính hệ thống	228	2.4561	.91141	.06036
Đảm bảo tính phát triển	228	2.3772	.70104	.04643
Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP	228	2.1930	.41719	.02763
Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức	228	3.9211	.80903	.05358
Vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	228	3.6140	.89057	.05898

Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.	228	3.8947	.70077	.04641
Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	228	2.9035	.66332	.04393
Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	228	3.0044	.58240	.03857
Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.	228	3.7851	.72849	.04825
Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.	228	3.7588	.76179	.05045
Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.	228	3.7500	.77616	.05140
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận	228	3.7939	.87880	.05820
Câu hỏi trắc nghiệm khách quan	228	3.6711	.70968	.04700
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	228	3.8070	.79511	.05266
Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV	228	3.7412	.84408	.05590
Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV	228	3.7982	.75885	.05026
Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)	228	3.1623	.17616	.04412
Đánh giá chẩn đoán/đánh giá ban đầu	228	2.6316	.57500	.03808
Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên	228	3.9342	.87050	.05765
Đánh giá tổng kết/cuối kỳ	228	3.7588	.66945	.04434
Đánh giá theo mốc chuẩn	228	2.9167	.30716	.02034
Đánh giá theo tiêu chí	228	2.9298	.52630	.03486
Đánh giá định tính	228	3.0088	.62960	.04170
Đánh giá định lượng	228	3.7018	.93799	.06212

Đánh giá qua sự chuyên cần	228	3.9781	.80988	.05364
Đánh giá qua làm việc nhóm	228	3.9342	.86542	.05731
Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo	228	4.0044	.79922	.05293
Phương pháp kiểm tra vấn đáp	228	2.5921	.52709	.03491
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận	228	3.7851	.63824	.04227
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan	228	3.9211	.67875	.04495
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	228	4.0658	.77407	.05126
Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận	228	3.9211	.69795	.04622
Bước 1: Xác định CDR của từng học phần	228	3.8816	.70805	.04689
Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP	228	2.9123	.72174	.04780
Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV	228	3.5219	.86256	.05712
Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học.	228	2.6404	.62442	.04135
CDRHP được trình bày trong đề cương học phần	228	3.7895	.60064	.03978
CDRHP có sự liên kết với CDR chương trình đào tạo	228	3.4561	.79248	.05248
CDRHP được chuyển hóa tương ứng thành các PI CDR cụ thể (gọi là performance indicator – PI)	228	3.0833	.76087	.05039
PI CDRHP tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP theo mức nhận thức thang Bloom	228	2.8377	.58991	.03907
Xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CDRHP	228	2.8465	.66248	.04387

Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	228	2.7895	.61513	.04074
Xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá	228	2.8947	.69445	.04599
Xác định hình thức đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	228	2.7500	.71716	.04750
Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	228	3.0658	.84482	.05595
Lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP và phương pháp dạy học	228	3.2939	.87880	.05820
Công bố CĐRHP và các PI CĐR cho SV (nếu có)	228	3.6623	.81017	.05365
Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá	228	3.0833	.76087	.05039
Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV	228	2.8421	.72803	.04821
Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần	228	2.8465	.72594	.04808
Triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra	228	3.4342	.49674	.03290
Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần	228	3.6711	.57987	.03840
Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT	228	3.5658	.49674	.03290
Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)	228	4.1667	.73210	.04848

Thống kê KQHT của tất cả SV trong lớp học phần theo từng PI CĐRHP	228	2.9167	.80586	.05337
Thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phần chưa đạt PI CĐRHP	228	2.9649	.73825	.04889
Đối sánh giữa chỉ số đánh giá và CĐRHP để xác định mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp học phần	228	3.1974	.76290	.05052
Xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CĐRHP mà SV chưa đáp ứng được	228	3.3728	.67462	.04468
Xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp 100% SV trong lớp học phần đạt CĐR	228	3.2719	.71220	.04717
Lưu hồ sơ minh chứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học	228	3.0439	.76706	.05080
Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CĐRHP	228	3.6228	.48575	.03217
Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP	228	3.7105	.51794	.03430
Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá	228	2.9211	.75261	.04984
Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận	228	3.2061	.64798	.04291
Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi	228	3.0877	.70943	.04698
Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra	228	2.8684	.57116	.03783

One-Sample Test

	Test Value = 1
--	----------------

	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
CĐRHP định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp	41.693	227	.000	2.74123	2.6117	2.8708
Đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CĐRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo	47.573	227	.000	2.48246	2.3796	2.5853
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CĐR về kiến thức, kĩ năng, thái độ	53.036	227	.000	2.50000	2.4071	2.5929
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp CBQL của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của trường	102.590	227	.000	3.04386	2.9854	3.1023
Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CĐRHP	32.582	227	.000	1.50877	1.4175	1.6000

Đảm bảo tính khách quan	41.441	227	.000	1.18421	1.1279	1.2405
Đảm bảo tính toàn diện	36.223	227	.000	1.66228	1.5719	1.7527
Đảm bảo tính hệ thống	24.124	227	.000	1.45614	1.3372	1.5751
Đảm bảo tính phát triển	29.663	227	.000	1.37719	1.2857	1.4687
Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP	43.179	227	.000	1.19298	1.1385	1.2474
Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức	54.518	227	.000	2.92105	2.8155	3.0266
Vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	44.321	227	.000	2.61404	2.4978	2.7303
Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.	62.374	227	.000	2.89474	2.8033	2.9862
Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	43.331	227	.000	1.90351	1.8169	1.9901
Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	51.967	227	.000	2.00439	1.9284	2.0804

Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.	57.727	227	.000	2.78509	2.6900	2.8802
Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.	54.683	227	.000	2.75877	2.6594	2.8582
Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.	53.499	227	.000	2.75000	2.6487	2.8513
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận	48.004	227	.000	2.79386	2.6792	2.9085
Câu hỏi trắc nghiệm khách quan	56.831	227	.000	2.67105	2.5784	2.7637
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	53.307	227	.000	2.80702	2.7033	2.9108
Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV	49.037	227	.000	2.74123	2.6311	2.8514
Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV	55.680	227	.000	2.79825	2.6992	2.8973
Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)	15.003	227	.000	2.16228	1.8783	2.4463
Đánh giá chuẩn đoán/đánh giá ban đầu	42.846	227	.000	1.63158	1.5565	1.7066
Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên	50.897	227	.000	2.93421	2.8206	3.0478

Đánh giá tổng kết/cuối kỳ	62.225	227	.000	2.75877	2.6714	2.8461
Đánh giá theo mốc chuẩn	94.222	227	.000	1.91667	1.8766	1.9568
Đánh giá theo tiêu chí	55.367	227	.000	1.92982	1.8611	1.9985
Đánh giá định tính	48.176	227	.000	2.00877	1.9266	2.0909
Đánh giá định lượng	43.493	227	.000	2.70175	2.5793	2.8242
Đánh giá qua sự chuyên cần	55.524	227	.000	2.97807	2.8724	3.0838
Đánh giá qua làm việc nhóm	51.195	227	.000	2.93421	2.8213	3.0471
Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo	56.762	227	.000	3.00439	2.9001	3.1087
Phương pháp kiểm tra vấn đáp	45.609	227	.000	1.59211	1.5233	1.6609
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận	65.890	227	.000	2.78509	2.7018	2.8684
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan	64.983	227	.000	2.92105	2.8325	3.0096
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	59.804	227	.000	3.06579	2.9648	3.1668
Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận	63.195	227	.000	2.92105	2.8300	3.0121
Bước 1: Xác định CDR của từng học phần	61.452	227	.000	2.88158	2.7892	2.9740

Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP	40.007	227	.000	1.91228	1.8181	2.0065
Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV	44.148	227	.000	2.52193	2.4094	2.6345
Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học.	39.667	227	.000	1.64035	1.5589	1.7218
CĐRHP được trình bày trong đề cương học phần	70.125	227	.000	2.78947	2.7111	2.8679
CĐRHP có sự liên kết với CĐR chương trình đào tạo	46.799	227	.000	2.45614	2.3527	2.5596
CĐRHP được chuyển hóa tương ứng thành các PI CĐR cụ thể (gọi là performance indicator – PI)	41.344	227	.000	2.08333	1.9840	2.1826
PI CĐRHP tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP theo mức nhận thức thang Bloom	47.039	227	.000	1.83772	1.7607	1.9147
Xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CĐRHP	42.086	227	.000	1.84649	1.7600	1.9329

Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá phù hợp với từng CDRHP	43.926	227	.000	1.78947	1.7092	1.8697
Xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá	41.198	227	.000	1.89474	1.8041	1.9854
Xác định hình thức đánh giá phù hợp với từng CDRHP	36.846	227	.000	1.75000	1.6564	1.8436
Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CDRHP	36.923	227	.000	2.06579	1.9555	2.1760
Lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP và phương pháp dạy học	39.413	227	.000	2.29386	2.1792	2.4085
Công bố CDRHP và các PI CDR cho SV (nếu có)	49.619	227	.000	2.66228	2.5566	2.7680
Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá	41.344	227	.000	2.08333	1.9840	2.1826
Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV	38.206	227	.000	1.84211	1.7471	1.9371

Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần	38.407	227	.000	1.84649	1.7518	1.9412
Triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra	73.993	227	.000	2.43421	2.3694	2.4990
Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần	69.553	227	.000	2.67105	2.5954	2.7467
Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT	77.993	227	.000	2.56579	2.5010	2.6306
Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)	65.313	227	.000	3.16667	3.0711	3.2622
Thống kê KQHT của tất cả SV trong lớp học phần theo từng PI CĐRHP	35.913	227	.000	1.91667	1.8115	2.0218
Thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phần chưa đạt PI CĐRHP	40.189	227	.000	1.96491	1.8686	2.0613

Đối sánh giữa chỉ số đánh giá và CĐRHP để xác định mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp học phần	43.491	227	.000	2.19737	2.0978	2.2969
Xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CĐRHP mà SV chưa đáp ứng được	53.109	227	.000	2.37281	2.2848	2.4608
Xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp 100% SV trong lớp học phần đạt CĐR	48.168	227	.000	2.27193	2.1790	2.3649
Lưu hồ sơ minh chứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học	40.234	227	.000	2.04386	1.9438	2.1440
Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CĐRHP	81.531	227	.000	2.62281	2.5594	2.6862
Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP	79.021	227	.000	2.71053	2.6429	2.7781
Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá	38.542	227	.000	1.92105	1.8228	2.0193

Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận	51.409	227	.000	2.20614	2.1216	2.2907
Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi	44.436	227	.000	2.08772	1.9951	2.1803
Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra	49.395	227	.000	1.86842	1.7939	1.9430

Phụ lục 15: Kết quả xử lý SPSS dữ liệu khảo sát sinh viên về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

One-Sample Statistics

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP	773	2.3454	.71147	.02559
Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức	773	3.9133	.81374	.02927
Vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	773	3.6248	.88687	.03190
Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.	773	3.8887	.72200	.02597
Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	773	2.8926	.67916	.02443
Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	773	3.0285	.57740	.02077
Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.	773	3.7982	.74329	.02673
Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.	773	3.7762	.74309	.02673
Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.	773	3.7529	.75478	.02715
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận	773	3.7840	.87637	.03152
Câu hỏi trắc nghiệm khách quan	773	3.6805	.69981	.02517
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	773	3.7878	.81851	.02944
Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV	773	3.7296	.86114	.03097

Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV	773	3.8072	.76032	.02735
Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)	773	3.2160	.55380	.09185
Đánh giá chẩn đoán/đánh giá ban đầu	773	2.6223	.56644	.02037
Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên	773	3.8926	.89043	.03203
Đánh giá tổng kết/cuối kỳ	773	3.7865	.63346	.02278
Đánh giá theo mốc chuẩn	773	2.9172	.30262	.01088
Đánh giá theo tiêu chí	773	2.9495	.51786	.01863
Đánh giá định tính	773	3.0401	.63343	.02278
Đánh giá định lượng	773	2.9754	.60923	.02191
Đánh giá qua sự chuyên cần	773	3.9664	.80568	.02898
Đánh giá qua làm việc nhóm	773	3.9172	.85678	.03082
Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo	773	3.9793	.79967	.02876
Phương pháp kiểm tra vấn đáp	773	2.5770	.52977	.01905
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận	773	3.7956	.65549	.02358
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan	773	3.9353	.67021	.02411
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	773	4.0168	.77925	.02803
Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận	773	3.9224	.68793	.02474
Công bố CĐRHP và các PI CĐR cho SV (nếu có)	773	3.6792	.77396	.02784
Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá	773	3.0272	.76384	.02747
Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV	773	2.7995	.71432	.02569

Phổ biến hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần cho SV	773	2.8435	.73059	.02628
Triển khai đánh giá KQHT theo CDRHP theo đúng hệ thống các bài thi, bài kiểm tra đã công bố	773	2.6636	.75713	.02723
Công bố điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần	773	3.6662	.56894	.02046
Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT	773	3.5679	.49569	.01783
Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)	773	4.1902	.72255	.02599

One-Sample Test

	Test Value = 1					
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP	52.576	772	.000	1.34541	1.2952	1.3956
Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức	99.539	772	.000	2.91332	2.8559	2.9708

Vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	82.288	772	.000	2.62484	2.5622	2.6875
Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.	111.240	772	.000	2.88875	2.8378	2.9397
Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	77.479	772	.000	1.89263	1.8447	1.9406
Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	97.675	772	.000	2.02846	1.9877	2.0692
Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.	104.666	772	.000	2.79819	2.7457	2.8507
Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.	103.872	772	.000	2.77620	2.7237	2.8287
Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.	101.405	772	.000	2.75291	2.6996	2.8062
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận	88.321	772	.000	2.78396	2.7221	2.8458
Câu hỏi trắc nghiệm khách quan	106.493	772	.000	2.68047	2.6311	2.7299

Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	94.697	772	.000	2.78784	2.7300	2.8456
Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV	88.129	772	.000	2.72962	2.6688	2.7904
Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV	102.654	772	.000	2.80724	2.7536	2.8609
Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)	24.126	772	.000	2.21604	2.0357	2.3964
Đánh giá chuẩn đoán/đánh giá ban đầu	79.626	772	.000	1.62225	1.5823	1.6622
Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên	90.320	772	.000	2.89263	2.8298	2.9555
Đánh giá tổng kết/cuối kỳ	122.303	772	.000	2.78655	2.7418	2.8313
Đánh giá theo mốc chuẩn	176.138	772	.000	1.91721	1.8958	1.9386
Đánh giá theo tiêu chí	104.668	772	.000	1.94955	1.9130	1.9861
Đánh giá định tính	89.545	772	.000	2.04010	1.9954	2.0848
Đánh giá định lượng	90.151	772	.000	1.97542	1.9324	2.0184
Đánh giá qua sự chuyên cần	102.365	772	.000	2.96636	2.9095	3.0233
Đánh giá qua làm việc nhóm	94.665	772	.000	2.91721	2.8567	2.9777
Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo	103.585	772	.000	2.97930	2.9228	3.0358

Phương pháp kiểm tra vấn đáp	82.760	772	.000	1.57697	1.5396	1.6144
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận	118.576	772	.000	2.79560	2.7493	2.8419
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan	121.769	772	.000	2.93532	2.8880	2.9826
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	107.637	772	.000	3.01682	2.9618	3.0718
Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận	118.110	772	.000	2.92238	2.8738	2.9710
Công bố CĐRHP và các PI CĐR cho SV (nếu có)	96.244	772	.000	2.67917	2.6245	2.7338
Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá	73.786	772	.000	2.02717	1.9732	2.0811
Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV	70.039	772	.000	1.79948	1.7490	1.8499
Phổ biến hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần cho SV	70.154	772	.000	1.84347	1.7919	1.8951

Triển khai đánh giá KQHT theo CDRHP theo đúng hệ thống các bài thi, bài kiểm tra đã công bố	61.091	772	.000	1.66365	1.6102	1.7171
Công bố điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần	130.294	772	.000	2.66624	2.6261	2.7064
Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT	144.034	772	.000	2.56792	2.5329	2.6029
Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)	122.754	772	.000	3.19017	3.1392	3.2412

Phụ lục 16: Kết quả xử lý SPSS dữ liệu khảo sát tổng hợp (CBQL-GV-SV) về thực trạng đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

One-Sample Statistics

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
CĐRHP định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp	258	3.7519	.98653	.06142
Đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CĐRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo	258	3.5310	.76462	.04760
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CDR về kiến thức, kĩ năng, thái độ	258	3.5194	.73913	.04602
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp CBQL của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của trường	258	4.0504	.43372	.02700
Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CĐRHP	258	3.6357	.76334	.04752
Đảm bảo tính khách quan	258	3.7597	.70876	.04413
Đảm bảo tính toàn diện	258	3.7791	.90482	.05633
Đảm bảo tính hệ thống	258	3.6628	.89020	.05542
Đảm bảo tính phát triển	258	3.6357	.73212	.04558
Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CĐRHP	1031	2.7420	.01703	.03167
Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức	1031	3.9176	.82438	.02567
Vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	1031	3.6256	.88322	.02751

Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.	1031	3.8952	.72854	.02269
Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	1031	2.8894	.67074	.02089
Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	1031	3.0378	.58586	.01825
Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.	1031	3.7953	.74899	.02333
Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.	1031	3.7818	.74384	.02317
Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.	1031	3.7546	.75486	.02351
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận	1031	3.7847	.87256	.02717
Câu hỏi trắc nghiệm khách quan	1031	3.6809	.71191	.02217
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	1031	3.7837	.82130	.02558
Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV	1031	3.7284	.86122	.02682
Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV	1031	3.8138	.75700	.02358
Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)	1031	3.2066	.43737	.07591
Đánh giá chẩn đoán/đánh giá ban đầu	1031	2.6305	.56449	.01758
Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên	1031	3.9020	.88081	.02743
Đánh giá tổng kết/cuối kỳ	1031	3.7856	.63370	.01974
Đánh giá theo mốc chuẩn	1031	2.9185	.30074	.00937
Đánh giá theo tiêu chí	1031	2.9457	.51290	.01597
Đánh giá định tính	1031	3.0310	.62396	.01943
Đánh giá định lượng	1031	3.1387	.75245	.02343

Đánh giá qua sự chuyên cần	1031	3.9728	.80124	.02495
Đánh giá qua làm việc nhóm	1031	3.9146	.85587	.02665
Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo	1031	3.9767	.79893	.02488
Phương pháp kiểm tra vấn đáp	1031	2.5829	.52755	.01643
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận	1031	3.8012	.65079	.02027
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan	1031	3.9360	.66666	.02076
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	1031	4.0291	.77405	.02411
Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận	1031	3.9214	.68595	.02136
Bước 1: Xác định CDR của từng học phần	258	3.9031	.70732	.04404
Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP	258	2.8992	.71499	.04451
Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV	258	3.5426	.83696	.05211
Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học.	258	2.6395	.62215	.03873
CDRHP được trình bày trong đề cương học phần	258	3.8023	.60129	.03743
CDRHP có sự liên kết với CDR chương trình đào tạo	258	3.4845	.77519	.04826
CDRHP được chuyển hóa tương ứng thành các PI CDR cụ thể (gọi là performance indicator – PI)	258	3.0426	.76533	.04765
PI CDRHP tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP theo mức nhận thức thang Bloom	258	2.8643	.59260	.03689
Xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CDRHP	258	2.8643	.66675	.04151

Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	258	2.7636	.62558	.03895
Xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá	258	2.8798	.70373	.04381
Xác định hình thức đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	258	2.7636	.72899	.04539
Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	258	3.0543	.83045	.05170
Lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP và phương pháp dạy học	258	3.2984	.87778	.05465
Công bố CĐRHP và các PI CĐR cho SV (nếu có)	1031	3.6780	.77403	.02411
Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá	1031	3.0359	.76302	.02376
Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV	1031	2.8021	.71437	.02225
Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần	1031	2.8438	.72932	.02271
Triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra	1031	2.8594	.77873	.02425
Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần	1031	3.6654	.56907	.01772
Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT	1031	3.5694	.49541	.01543
Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)	1031	4.1843	.72606	.02261

Thống kê KQHT của tất cả SV trong lớp học phần theo từng PI CĐRHP	258	2.8760	.80859	.05034
Thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phần chưa đạt PI CĐRHP	258	2.9612	.74753	.04654
Đối sánh giữa chỉ số đánh giá và CĐRHP để xác định mức độ đạt CĐRHP của từng SV trong lớp học phần	258	3.2326	.75384	.04693
Xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CĐRHP mà SV chưa đáp ứng được	258	3.3798	.66828	.04161
Xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp 100% SV trong lớp học phần đạt CĐR	258	3.2597	.71013	.04421
Lưu hồ sơ minh chứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học	258	3.0271	.76604	.04769
Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CĐRHP	258	3.6202	.48629	.03028
Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CĐRHP	258	3.7016	.51446	.03203
Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá	258	2.9341	.76875	.04786
Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận	258	3.2132	.64608	.04022
Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi	258	3.0465	.72058	.04486
Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra	258	2.8721	.58109	.03618

One-Sample Test

	Test Value = 1
--	----------------

	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
CĐRHP định hướng cho GV triển khai hoạt động đánh giá, lựa chọn hình thức và phương pháp, công cụ đánh giá SV một cách phù hợp	44.806	257	.000	2.75194	2.6310	2.8729
Đánh giá KQHT theo CĐRHP nhằm xác định mức độ SV đạt CĐRHP và mức độ đạt mục tiêu học tập của SV đối với cả chương trình đào tạo	53.169	257	.000	2.53101	2.4373	2.6247
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp SV tự đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức, mức đạt/chưa đạt CĐR về kiến thức, kĩ năng, thái độ	54.750	257	.000	2.51938	2.4288	2.6100
Đánh giá KQHT theo CĐRHP giúp CBQL của cơ sở giáo dục đại học nhìn nhận đúng thực chất hoạt động dạy - học của GV và SV, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của trường	112.968	257	.000	3.05039	2.9972	3.1036
Đảm bảo đánh giá mức độ đạt CĐRHP	55.460	257	.000	2.63566	2.5421	2.7292

Đảm bảo tính khách quan	62.542	257	.000	2.75969	2.6728	2.8466
Đảm bảo tính toàn diện	49.334	257	.000	2.77907	2.6681	2.8900
Đảm bảo tính hệ thống	48.046	257	.000	2.66279	2.5537	2.7719
Đảm bảo tính phát triển	57.825	257	.000	2.63566	2.5459	2.7254
Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP	54.998	1030	.000	1.74200	1.6798	1.8042
Khả năng lĩnh hội, tái hiện kiến thức lý thuyết, giải thích làm sáng tỏ kiến thức	113.637	1030	.000	2.91756	2.8672	2.9679
Vận dụng kiến thức lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	95.453	1030	.000	2.62561	2.5716	2.6796
Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích tình huống thực tiễn nghề nghiệp.	127.604	1030	.000	2.89525	2.8507	2.9398
Vận dụng kiến thức lý thuyết để tổng hợp các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	90.449	1030	.000	1.88943	1.8484	1.9304
Vận dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá các giá trị của vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.	111.688	1030	.000	2.03783	2.0020	2.0736

Tính chuyên cần, nhiệt tình tham gia đầy đủ các buổi học của học phần.	119.836	1030	.000	2.79534	2.7496	2.8411
Có phối hợp tốt với các SV khác trong lớp.	120.080	1030	.000	2.78177	2.7363	2.8272
Có tinh thần trách nhiệm với việc học để đạt mục tiêu học tập của SV.	117.171	1030	.000	2.75461	2.7085	2.8007
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận	102.473	1030	.000	2.78468	2.7314	2.8380
Câu hỏi trắc nghiệm khách quan	120.917	1030	.000	2.68089	2.6374	2.7244
Câu hỏi trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	108.831	1030	.000	2.78371	2.7335	2.8339
Bài tập lớn giao cho cá nhân hoặc nhóm SV	101.724	1030	.000	2.72842	2.6758	2.7811
Đề tài tiểu luận giao cá nhân hoặc nhóm SV	119.350	1030	.000	2.81377	2.7675	2.8600
Phiếu tiêu chí đánh giá (rubric)	29.069	1030	.000	2.20660	2.0576	2.3555
Đánh giá chuẩn đoán/đánh giá ban đầu	92.744	1030	.000	1.63046	1.5960	1.6650
Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên	105.791	1030	.000	2.90204	2.8482	2.9559

Đánh giá tổng kết/cuối kỳ	141.146	1030	.000	2.78565	2.7469	2.8244
Đánh giá theo mốc chuẩn	204.838	1030	.000	1.91853	1.9001	1.9369
Đánh giá theo tiêu chí	121.806	1030	.000	1.94568	1.9143	1.9770
Đánh giá định tính	104.518	1030	.000	2.03104	1.9929	2.0692
Đánh giá định lượng	91.264	1030	.000	2.13870	2.0927	2.1847
Đánh giá qua sự chuyên cần	119.135	1030	.000	2.97284	2.9239	3.0218
Đánh giá qua làm việc nhóm	109.347	1030	.000	2.91465	2.8623	2.9670
Đánh giá qua thuyết trình, báo cáo	119.635	1030	.000	2.97672	2.9279	3.0255
Phương pháp kiểm tra vấn đáp	96.344	1030	.000	1.58293	1.5507	1.6152
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận	138.205	1030	.000	2.80116	2.7614	2.8409
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm khách quan	141.409	1030	.000	2.93598	2.8952	2.9767
Đánh giá qua kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan	125.653	1030	.000	3.02910	2.9818	3.0764
Đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận	136.753	1030	.000	2.92144	2.8795	2.9634
Bước 1: Xác định CDR của từng học phần	65.926	257	.000	2.90310	2.8164	2.9898

Bước 2: Xác định cách thức và kế hoạch đánh giá KQHT phù hợp với từng CDRHP	42.667	257	.000	1.89922	1.8116	1.9869
Bước 3: Triển khai các hình thức và phương pháp đánh giá để đánh giá KQHT của SV	48.796	257	.000	2.54264	2.4400	2.6452
Bước 4: Sử dụng các kết quả đánh giá SV để đổi mới phương pháp dạy – học.	42.329	257	.000	1.63953	1.5633	1.7158
CDRHP được trình bày trong đề cương học phần	74.859	257	.000	2.80233	2.7286	2.8760
CDRHP có sự liên kết với CDR chương trình đào tạo	51.480	257	.000	2.48450	2.3895	2.5795
CDRHP được chuyển hóa tương ứng thành các PI CDR cụ thể (gọi là performance indicator – PI)	42.870	257	.000	2.04264	1.9488	2.1365
PI CDRHP tập trung vào nội dung cốt lõi hình thành CDRHP theo mức nhận thức thang Bloom	50.533	257	.000	1.86434	1.7917	1.9370
Xác định các nội dung cốt lõi phù hợp với từng CDRHP	44.913	257	.000	1.86434	1.7826	1.9461

Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	45.281	257	.000	1.76357	1.6869	1.8403
Xây dựng Phiếu tiêu chí đánh giá	42.907	257	.000	1.87984	1.7936	1.9661
Xác định hình thức đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	38.858	257	.000	1.76357	1.6742	1.8529
Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với từng CĐRHP	39.733	257	.000	2.05426	1.9525	2.1561
Lập kế hoạch tổng thể cho học phần về đánh giá KQHT phù hợp với từng CĐRHP và phương pháp dạy học	42.059	257	.000	2.29845	2.1908	2.4061
Công bố CĐRHP và các PI CĐR cho SV (nếu có)	111.092	1030	.000	2.67798	2.6307	2.7253
Phổ biến về kế hoạch đánh giá KQHT học phần cho SV, theo đó thông tin rõ về hình thức, phương pháp, nội dung, công cụ và tiêu chí đánh giá	85.673	1030	.000	2.03589	1.9893	2.0825
Công khai tiêu chí đánh giá (hoặc Phiếu tiêu chí đánh giá) và đáp án, thang điểm của từng bài kiểm tra, bài thi cho SV	81.001	1030	.000	1.80213	1.7585	1.8458

Xác định hệ thống các bài kiểm tra, bài thi đánh giá KQHT học phần	81.178	1030	.000	1.84384	1.7993	1.8884
Triển khai đánh giá KQHT theo CĐRHP qua hệ thống các bài thi, bài kiểm tra	76.667	1030	.000	1.85936	1.8118	1.9069
Thu thập điểm số thể hiện KQHT học phần của SV, bao gồm bảng điểm quá trình, bảng điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần	150.391	1030	.000	2.66537	2.6306	2.7002
Công bố điểm kịp thời cho SV khi đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết học phần, tạo điều kiện cho SV phúc khảo và được phản hồi KQHT	166.529	1030	.000	2.56935	2.5391	2.5996
Sử dụng KQHT học phần của SV để xếp hạng, ra các quyết định học vụ cho SV (học lại, đăng ký học phần, xét tốt nghiệp, xét học bổng...)	140.821	1030	.000	3.18429	3.1399	3.2287
Thống kê KQHT của tất cả SV trong lớp học phần theo từng PI CĐRHP	37.266	257	.000	1.87597	1.7768	1.9751
Thống kê số lượng và tỉ lệ phần trăm SV trong lớp học phần chưa đạt PI CĐRHP	42.142	257	.000	1.96124	1.8696	2.0529

Đối sánh giữa chỉ số đánh giá và CDRHP để xác định mức độ đạt CDRHP của từng SV trong lớp học phần	47.570	257	.000	2.23256	2.1401	2.3250
Xác định nội dung cốt lõi liên quan đến CDRHP mà SV chưa đáp ứng được	57.201	257	.000	2.37984	2.2979	2.4618
Xác định các vấn đề cần cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp 100% SV trong lớp học phần đạt CDR	51.112	257	.000	2.25969	2.1726	2.3468
Lưu hồ sơ minh chứng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học	42.505	257	.000	2.02713	1.9332	2.1210
Bước 1: Xác định được mục đích và yêu cầu của đề kiểm tra đánh giá theo CDRHP	86.545	257	.000	2.62016	2.5605	2.6798
Bước 2: Xác định hình thức của đề thi kiểm tra đánh giá theo CDRHP	84.348	257	.000	2.70155	2.6385	2.7646
Bước 3: Thiết lập ma trận đề thi kiểm tra – bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra đánh giá	40.412	257	.000	1.93411	1.8399	2.0284

Bước 4. Biên soạn câu hỏi kiểm tra theo ma trận	55.023	257	.000	2.21318	2.1340	2.2924
Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm và thang điểm cho bài kiểm tra, bài thi	45.619	257	.000	2.04651	1.9582	2.1349
Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra	51.748	257	.000	1.87209	1.8009	1.9433

Phụ lục 17: Kết quả xử lý SPSS dữ liệu lấy ý kiến chuyên gia về tính khả thi, tính hiệu quả của Mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra học phần

One-Sample Statistics

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Mô hình ĐGKQHT theo CĐRHP gồm thành tố CĐR và ĐG KQHT là phù hợp với thực tiễn giáo dục đại học	30	4.0500	.53441	.06899
Để ĐG KQHT theo CĐR thì CĐR cần phát biểu một cách cụ thể, rõ ràng	30	3.9500	.46669	.06025
CĐRHP hiện nay còn phát biểu một cách chung chung, chưa rõ ràng cụ thể	30	4.0333	.36669	.04734
Thiết lập các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra nhằm cụ thể hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá được mức độ SV đạt/không đạt chuẩn đầu ra	30	4.0833	.42353	.05468
Chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra rõ ràng sẽ giúp xác định nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức đánh giá một cách cụ thể	30	4.3500	.93564	.12079
Quy trình 5 bước phù hợp với thực tiễn quá trình dạy học đại học, giúp đánh giá được mức độ SV đáp ứng chuẩn đầu ra học phần	30	4.3000	.56148	.07249
Đánh giá mức độ đạt CĐRHP phải đánh giá được cụ thể CĐR nào chưa đạt/đạt	30	4.2667	.57833	.07466
Thực hiện đúng các bước quy trình của Mô hình thì việc đánh giá mức độ đạt CĐRHP đối với từng SV và đối với toàn bộ lớp học phần trở nên khoa học, mang tính hệ thống	30	4.2833	.58488	.07551
Điểm học phần của SV chưa thể hiện được mức độ SV đạt CĐRHP	30	4.1000	.70591	.09113

Mô hình đánh giá kết quả học tập của SV theo chuẩn đầu ra học phần do tác giả đề xuất có tính khả thi trong công tác đánh giá tại trường đại học hiện nay	30	4.3333	.47538	.06137
Mô hình đánh giá kết quả học tập của SV theo chuẩn đầu ra học phần do tác giả đề xuất mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác đánh giá tại trường đại học hiện nay	30	4.5000	.50422	.06509

One-Sample Test

	Test Value = 1					
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
Mô hình ĐGKQHT theo CĐRHP gồm thành tố CĐR và ĐG KQHT là phù hợp với thực tiễn giáo dục đại học	44.208	29	.000	3.05000	2.9119	3.1881
Để ĐG KQHT theo CĐR thì CĐR cần phát biểu một cách cụ thể, rõ ràng	48.963	29	.000	2.95000	2.8294	3.0706
CĐRHP hiện nay còn phát biểu một cách chung chung, chưa rõ ràng cụ thể	64.076	29	.000	3.03333	2.9386	3.1281

Thiết lập các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra nhằm cụ thể hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá được mức độ SV đạt/không đạt chuẩn đầu ra	56.391	29	.000	3.08333	2.9739	3.1927
Chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra rõ ràng sẽ giúp xác định nội dung, phương pháp, công cụ, hình thức đánh giá một cách cụ thể	27.734	29	.000	3.35000	3.1083	3.5917
Quy trình 5 bước phù hợp với thực tiễn quá trình dạy học đại học, giúp đánh giá được mức độ SV đáp ứng chuẩn đầu ra học phần	45.526	29	.000	3.30000	3.1550	3.4450
Đánh giá mức độ đạt CDRHP phải đánh giá được cụ thể CDR nào chưa đạt/đạt	43.753	29	.000	3.26667	3.1173	3.4161
Thực hiện đúng các bước quy trình của Mô hình thi việc đánh giá mức độ đạt CDRHP đối với từng SV và đối với toàn bộ lớp học phần trở nên khoa học, mang tính hệ thống	43.483	29	.000	3.28333	3.1322	3.4344

Điểm học phần của SV chưa thể hiện được mức độ SV đạt CDRHP	34.017	29	.000	3.10000	2.9176	3.2824
Mô hình đánh giá kết quả học tập của SV theo chuẩn đầu ra học phần do tác giả đề xuất có tính khả thi trong công tác đánh giá tại trường đại học hiện nay	54.314	29	.000	3.33333	3.2105	3.4561
Mô hình đánh giá kết quả học tập của SV theo chuẩn đầu ra học phần do tác giả đề xuất mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác đánh giá tại trường đại học hiện nay	53.768	29	.000	3.50000	3.3697	3.6303